VIỆN BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM

NHỮNG TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN ĐÃ PHÁT HIỆN Ở VIỆT NAM

XUẤT BẢN
1975



ĐÍNH CHÍNH
Những trống đồng Đông Sơn

Trang	Dòng	In là	Xin đọc là
10	15	của những nhà...	của nhà...
10	25	chứng nhận	chứng nhân
10	34	thu tịch	thư tịch
11	1	phong sắc	phong sắc
15	35	Hình thuyền và vũ khí	Hình thuyền và vũ sĩ
23	3	Năm 1903	Năm 1902
26	33	xnống mặt trống	xuống mặt trống
32	32	truyền trưởng	thuyền trưởng
91	3	chấm dài	chấm dải
101	19	lộng nhau	lồng nhau
142	34	Bezacier L'art...	Bezacier L. L'art...
152	2	Đườn kính	Đường kính
155	7	một số hình sao...	mặt có hình sao...
157	13	tiếp tuyết	tiếp tuyến
163	18	Sông Đà, Đồi Ro	Sông Đà (Đà Bắc), Đồi Ro
164	thêm vào dòng cuối		7. Pha long II (?)
175	1	2. Cảnh giã gạo	1. Cảnh giã gạo
238	1	Trống Việt-khe	Trống Việt-khê
248	1	Hình tậm trống	Hình mặt trống
249	1	Trống Pác-tà	Trống Pắc-tà
280	1	Trong Chợ Bờ	Trống Chợ Bờ
289	2	tìm được khu mộ...	tìm được tại khu mộ...
292	35	et desstns	et dessins
292	36	dcs tambours	des tambours

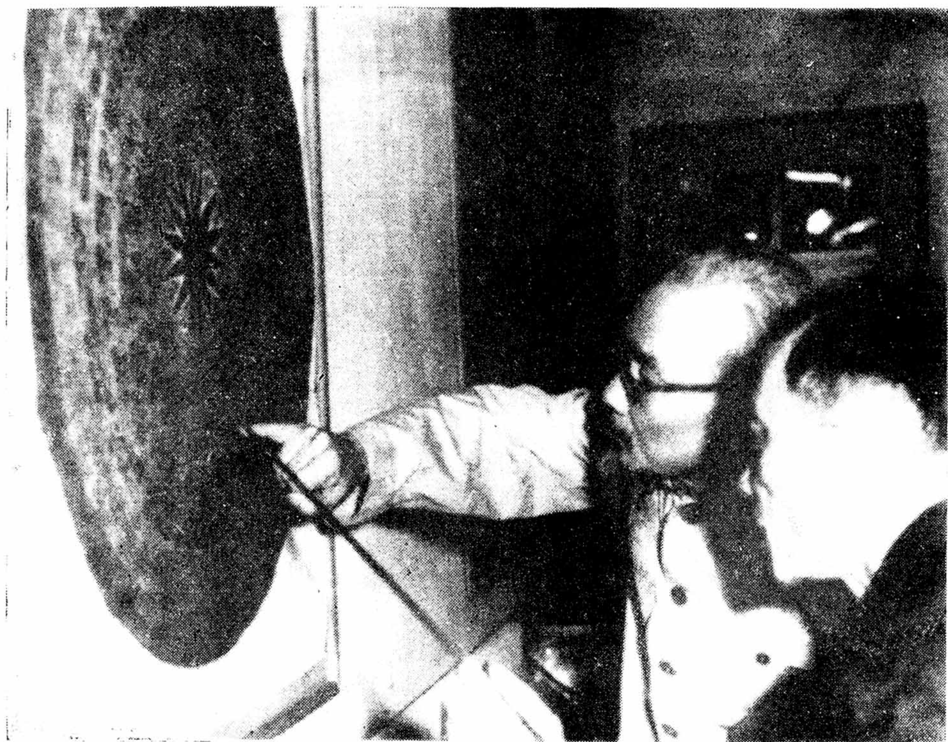
VIỆN BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM

NHỮNG TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN ĐÃ PHÁT HIỆN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN HUYÊN — HOÀNG VINH

XUẤT BẢN 1975

HỒ CHỦ TỊCH xem trống đồng Ngọc Lũ



Cảm ơn Người Hồ Chí Minh vĩ đại
Bốn nghìn năm ta lại là ta

TỐ HỮU

LỜI GIỚI THIỆU

Trống đồng cổ từ lâu vẫn là đề tài hấp dẫn nhiều nhà nghiên cứu. Đặc biệt trống đồng loại I (theo phân loại của Hê-gơ) với hình dáng cân đối hài hòa, với hoa văn phong phú tuyệt mỹ, đã được nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến Nhiều giả thiết về nguồn gốc của loại hình hiện vật được coi như tiêu biểu và đặc trưng cho nền văn hóa thời đại đồng thau ở Việt nam đã được các nhà học giả phương Đông cũng như phương Tây khảo cứu.

Ở Việt nam, trống đồng loại I, một loại hiện vật có giá trị đặc biệt của thời đại đồ đồng, đã được phát hiện ngày càng nhiều. Trước kia, nhiều nhà học giả nước ngoài không thừa nhận người Việt xưa đã sáng tạo ra nền văn minh trống đồng. Ngày nay, những công trình nghiên cứu sâu sắc về nền văn hóa đồng thau Đông sơn, đã cho phép chúng ta có những luận cứ chắc chắn để khẳng định tính chất bản địa của trống đồng loại I.

Nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam đã thay thế thuật ngữ trống đồng loại I bằng thuật ngữ «trống đồng Đông Sơn» với ý nghĩa là trống đồng này tiêu biểu cho nền văn hóa Đông Sơn của người Việt cổ.

«Trống đồng Đông Sơn», có nhiều chiếc với qui mô đồ sộ, hình dáng cân đối, đã thể hiện một trình độ rất cao về kỹ năng và nghệ thuật, đặc biệt những đồ án hoa văn phong phú được khắc họa, không chỉ là nghệ thuật trang trí, mà còn là bức tranh miêu tả chân thật con người và sinh hoạt của thời dựng nước mà trước đây người ta cho là chìm trong đám mây mù của những truyền thuyết.

Căn cứ vào trống đồng Đông Sơn, các nhà khoa học có thể nghiên cứu được nhiều mặt cụ thể của lịch sử thời các vua Hùng và nước Văn Lang.

Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam hiện tàng trữ một số lớn trống đồng Đông Sơn, trong đó có nhiều chiếc có giá trị mới sưu tầm được, các cơ quan Bảo tồn Bảo tàng thuộc các Ty Văn hóa cũng đã sưu tầm được khá nhiều trống đồng và cho đến nay, theo số liệu được biết thì bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn ở nước ta là giàu nhất. Đó là cơ sở vật chất để biên soạn tập sách này.

Hai đồng chí Nguyễn văn Huyên và Hoàng Vinh đã để nhiều năm nghiên cứu toàn bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn tàng trữ tại Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam và các Ty Văn hóa trên miền Bắc Việt Nam, đến nay đã có thể trình bày những kết quả nghiên cứu của mình.



Tập sách «Trống đồng Đông Sơn» được xuất bản nhằm mục đích cung cấp tư liệu một cách đầy đủ cho các nhà nghiên cứu trong nước và ngoài nước.

Ngoài ra, các tác giả cũng phát biểu những điều mình nghiên cứu bước đầu về sưu tập trống đồng này, mong cung cấp cho đông đảo bạn đọc một số vấn đề tham khảo.

Rất tiếc là do hoàn cảnh khó khăn của những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, cũng như do điều kiện hạn chế của thời kỳ khắc phục hậu quả của chiến tranh, nên tập tài liệu này cho đến nay mới ra mắt đông đảo bạn đọc, kể cũng là chậm. Nội dung và hình thức tập sách này chắc còn nhiều sơ xuất, mong được sự góp ý chân tình của bạn đọc.

Hà nội ngày 1 tháng 1 năm 1975

Viện trưởng
Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
TRẦN VĂN TÁM

PHẦN THỨ NHẤT

MỞ ĐẦU

Trống đồng, như mọi người đều biết là hiện vật tiêu biểu của các nền văn hóa phát triển từ thời đại đồng thau sang thời đại đồ sắt ở một số nước thuộc vùng Đông Nam Á. Theo các tài liệu công bố về kết quả phát hiện cho đến nay, thì những khu vực tồn tại chủ yếu xếp theo thứ tự số lượng trống đã tìm được là: Việt Nam, Hoa nam, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cam-pu-chia và Mã Lai. Về phía đông, dấu vết trống cũng thấy xuất hiện ở Phi-líp-pin và Nhật Bản.

Về mặt công dụng, trống đồng giữ một vai trò quan trọng trong sinh hoạt đa dạng của xã hội. Dựa vào các tài liệu chữ viết, dân tộc học và khảo cổ học, chúng ta biết trống đồng đã được sử dụng trong các trường hợp sau đây:

1. Trong lễ mai táng các quan lang Mường, và hầu khắp các ngày hội hè, lễ tiết lớn của đồng bào Mường tỉnh Hòa Bình.

2. Trong cuộc tế « thần sấm » của người Lê ở đảo Hải Nam (Trung Quốc)(1).

3. Theo bài dân ca Mèo « Hồng thủy hoành lưu » thì trống đồng đã cứu sống tổ tiên người Mèo trong thời kỳ có nạn lụt lớn(2).

4. Việc sử dụng trống đồng trong quân đội đời Trần (Thế kỷ 13 — 14) thấy được ghi lại trong một bài thơ của Trần Phu, sứ thần nhà Nguyên tại nước Đại Việt thuở ấy. Bài thơ có đoạn viết:

« Kim qua ảnh lý, đan tâm khổ,
« Đồng cổ thanh trung, bạch phát sinh »(3)

Dịch:

Trong bóng giáo mác, tấm lòng đau khổ,
Nghe tiếng trống đồng, tóc bạc phơ,

---

(1) (2) Từ Tùng Thạch. Việt giang lưu vực nhân dân sử. Thượng Hải. 1941. Dẫn theo sách: Đào Duy Anh « Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt ». Hà Nội. 1957. Tr. 90 — 91.

(3) Xem: Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13. Hà Nội. 1968. Tr. 323.

5. Trống đồng được diễn tấu với giàn « đại nhạc » trong vương triều phong kiến đời Lê (Thế kỷ 15 — 16), thấy được ghi ở sách Cương mục, như sau: « Nhà vua (Lê Nhân Tông) đến Lam Kinh. Nhằm ngày rằm, nhà vua đem các quan đi bái yết sơn lăng, sắm đủ lễ vật đề cáo miếu, đánh trống đồng, tấu đại nhạc »[1].

6. Trống dùng đựng tiền vỏ ốc như ở khu mộ táng núi Thạch-Trại, huyện Tấn Ninh, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

7. Trống biến thành « vật chôn theo người chết», như ở khu mộ táng Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nhìn chung, chức năng cơ bản của trống đồng, chủ yếu vẫn là chức năng của một nhạc khí[2] dùng trong các cuộc hội hè, tế lễ.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng: trống đồng nói đây là những trống có một mặt, chế tác bằng đồng thau nói chung, chúng tồn tại từ giai đoạn cực thịnh của thời đại đồng thau, rồi chuyền qua thời kỳ đồ sắt, thậm chí vài trăm năm cách đây có nơi còn chế tác; chúng bao gồm nhiều hình loại khác nhau, trong đó chỉ những trống loại I, theo cách phân loại của những nhà học giả người Áo Fờ-ran Hê-gơ[3], mà chúng tôi sẽ miêu tả trong sưu tập này, mới là những trống đầu tiên, có niên đại cổ nhất.

Là hiện vật độc đáo, trên đó tập trung thể hiện một hệ thống vô cùng phong phú những hình khắc và hoa văn, phản ánh nhiều trạng huống khác nhau của sinh hoạt xã hội, trống đồng loại I Hê-gơ có thể xem là nguồn sử liệu hiện vật quý giá nhất đối với việc nghiên cứu văn hóa cổ Việt Nam, đặc biệt là vào thời kỳ chưa có chữ viết. Nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống những hiện vật ấy, chúng ta có thể hiểu biết một phần nào về đời sống vật chất, sinh hoạt tinh thần và tổ chức xã hội của cư dân thời đại đồng thau và sơ kỳ đồ sắt ở nước ta. Về mặt nghệ thuật, trống đồng là một chứng nhận lịch sử nói lên tài năng sáng tạo tuyệt vời của những chủ nhân đã khai sinh ra nó. Chính vì có tầm quan trọng như thế, cho nên từ rất xưa, trống đã thu hút được sự chú ý của các nhà biên niên sử, và những năm gần đây, trống đồng đã trở thành đề tài quen thuộc, hấp dẫn đối với nhiều giới nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước.

Ở nước ta, tình hình tài liệu hiện nay chưa cho chúng ta biết dưới thời phong kiến, đã có những tổ chức đứng ra sưu tầm cổ vật nói chung, và trống đồng nói riêng hay chưa chỉ biết rằng từ khá lâu, các vua chúa, quan lại đã chú ý thu thập đồ cổ, trong đó có trống đồng. Những việc làm này còn được ghi chép lác đác trong các thư tịch cũ.

Theo thần tích làng Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà-đông (nay là Hà Tây) thì vào thế kỷ thứ 10, trong thời kỳ giao tranh với các sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh đã tặng cho dân làng Thượng Lâm một chiếc trống đồng đề làm đồ thờ.

---

(1) Việt sử thông giám cương mục. Tập X. quyền 18 — 19. Nhà xuất bản Văn Sử Địa Hà Nội, 1959. Tr. 28.

(2) Nếu đánh trống Ngọc lũ I, ta thấy đánh ở giữa mặt trống thì tiếng trầm và ấm; ở ngoài, tiếng thanh hơn, nhưng không êm tai bằng.

Đánh vào vành 1 — 3, được nốt Si giáng (Si b); ở vành 4 — 5, được nốt Mi-Fa; ở vành 7 cũng được nốt Si giáng (Si b). Từ vành 9 trở ra, lại trở lại nốt Mi (theo kết quả ghi âm của nhạc sĩ Cao Xuân Hạo. Xem: Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn. Lịch sử chế độ Cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam. Hà Nội. 1960. Tr. 141).

(3) F. Heger. Alte Metalltrommeln aus südost Asien. Leipzig 1902. Bản dịch của Viện Mỹ thuật Mỹ nghệ.

Về sau này, khi Lê Tương Dực lên ngôi, lại phong sắc cho thần làng thờ trống Thượng Lâm, tức là trống Miếu Môn ngày nay.

Trong miếu thần núi Đồng cổ tỉnh Thanh Hóa có một tấm bia gỗ, dựng năm Bảo Hưng thứ hai đời Tây Sơn (1802). Trên bia gỗ này Tuyên công Nguyễn Quang Bàn (em Nguyễn Quang Toản, con Nguyễn Huệ), trong thời gian làm Đặc sai Đốc trấn Thanh Hoa (tức là tỉnh Thanh Hóa ngày nay) đã miêu tả tỷ mỉ về trường hợp phát hiện chiếc trống đồng, Tuyên công lại sai đem trống cúng vào miếu thần làm nhạc khí khi cúng lễ. Sự tích về thần núi Đồng cổ có liên quan đến trống đồng còn được ghi chép trong sách Đại Nam Nhất Thống Chí, mục « Thanh Hóa tỉnh »(1).

Ngày nay, chúng ta còn thấy khá nhiều trống đồng để thờ ở các đền, chùa. Điều này chứng tỏ rằng từ lâu, nhân dân ta đã quý trọng trống đồng, coi trống đồng là bảo vật, nên cất giữ rất chu đáo.

Ở Trung Quốc, thư tịch cổ nhất, trong đó có dẫn những đoạn ghi chép các sự việc liên quan đến trống đồng, là các sách Hậu Hán thư và Thủy Kinh chú.

Tiếp đó, giở biên niên sử các đời Đường, Tống, Minh, Thanh, phần ghi chép về cư dân ngoại vực, chúng ta sẽ bắt gặp những đoạn miêu tả trống đồng và phong tục sử dụng trống đồng của một số dân tộc miền Nam Trung Quốc(2).

Tuy vậy, công việc thu thập của vua quan phong kiến trước kia, nếu có, cũng chỉ nhằm thỏa mãn tính hiếu kỳ của những người sùng bái đồ cổ, lúc này chưa thể nói đến bất cứ một cuộc sưu tầm nào có hệ thống.

Nửa sau thế kỷ thứ 19, chủ nghĩa tư bản bành trướng sang khu vực Đông Nam Á, theo chân bọn tư bản là những tên lái buôn đồ cổ, những tên gián điệp khoác áo học giả. Họ đến xứ ta, sục sạo khắp vùng, vơ vét và cướp đoạt của cải văn hóa của nước ta mang về nước. Vào cuối thế kỷ 19, một chiếc trống đồng nổi tiếng đã được phát hiện ở vùng sông Đà tỉnh Hòa Bình. Năm 1889, trống đó được mang sang trưng bày tại cuộc đấu xảo quốc tế ở Pa-ri, sau đó thì trống vĩnh viễn không trở về quê hương nữa. Những trống đồng của nước ta hiện nay đang còn lưu lạc ở một số nhà bảo tàng các nước Âu, Mỹ, chính cũng là do có nguồn gốc gần như thế.

Suốt trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị, công việc nghiên cứu thời đại đồng thau ở nước ta là thuộc độc quyền các học giả thực dân châu Âu, trong đó họ thường đặt trống đồng trong mối quan hệ với văn hóa đồ đồng để nghiên cứu. Gần đây, trên một số tác phẩm viết về thời đại đồng thau ở Việt Nam, đã đề cập đến tình hình nghiên cứu của họ, chúng tôi xin miễn nhắc lại(3).

(1) Trần Văn Giáp và Nguyễn Duy Hinh. « Một bài văn đời Tây Sơn khắc trên biển gỗ ở miếu thần núi Đồng Cổ (Thanh-hóa) nói về trống đồng. « Khảo cổ học ». số 5 — 6 Hà Nội 1970, Tr. 168 — 175.

(2) Trịnh sư Hứa. « Đồng cổ khảo lược ». Thượng Hải. 1937.

(3) Đào Duy Anh, Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt Hà Nội, 1957. Tr. 9 — 31.

— Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn, Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam Hà Nội 1960. Tr. 9 — 11.

— Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích đầu tiên của thời đại đồng thau ở Việt Nam. Hà Nội 1963. Tr. 14-22.

Ở đây, chúng tôi thấy cần giới thiệu một số công trình sưu tập trống đồng của các tác giả trước kia, qua đó mà đề cập đến một số ý kiến về cách phân loại của họ.

Những người đầu tiên tiến hành phân chia trống đồng thành ra nhiều loại hình khác nhau, là các bác sỹ người Đức A.B. May-e và W. Phôi. Trong tác phẩm «Những trống đồng ở Đông Nam Á» xuất bản tại Đờ-rét-đen năm 1897, A.B. May-e và W. Phôi đã miêu tả 52 chiếc trống và chia làm 6 loại. Các tác giả còn căn cứ vào những hình voi và chim công trên thân trống Xa-lây-ê ở In-đô-nê-xi-a mà đoán rằng xuất xứ của những trống đồng cổ nhất là ở miền ven biển nước Cam-pu-chia(1).

Tiếp theo đó, năm 1902, nhà nghiên cứu người Áo F. Hê-gơ đã xuất bản tập sách «Những trống kim khí ở Đông Nam Á». Trong công trình sưu tập này, F. Hê-gơ căn cứ vào kết quả nghiên cứu và so sánh hình loại của 165 chiếc trống đồng để ở bảo tàng nhiều nước trên thế giới hồi ấy, tác giả đã không đồng ý với cách phân loại của A.B. May-e và W. Phôi; ông chủ trương chia trống đồng ra làm 4 loại chính, gọi tắt là: H_I — H_{II} — H_{III} và H_{IV}.

Dưới đây, chúng tôi xin tóm tắt giới thiệu một số điểm chính trong hệ thống phân loại của F. Hê-gơ(2):

Loại H_I là loại cơ bản, từ đó mà phát triển sang các loại khác. Mặt trống phần nhiều không chờm quá tang trống. Ngôi sao giữa mặt trống thường có 12 cánh. Ven rìa mặt trống hậu kỳ của loại này thường xuất hiện 4 khối tượng cóc. Thân trống chia làm ba phần rõ rệt: phần trên phình ra là tang trống; phần giữa thắt lại hình trụ tròn; phần dưới cùng choãi ra hình nón cụt là chân trống, gắn vào hông trống là hai đôi quai, trang trí văn thừng tết. Hoa văn trang trí phủ kín mặt và thân trống, chúng được bố trí thành những vành hoặc những ô có khoảng cách đều đặn. Nói chung, trống H_I đều thuộc loại cỡ lớn hoặc rất lớn.

Loại H_{II}, phần nhiều là những trống lớn. Mặt trống chờm ra ngoài thành tang một ít. Chính giữa mặt trống thường là sao 8 cánh, khoảng giữa các cánh tách rời nhau, cánh thường rất nhỏ. Ven rìa mặt trống bao giờ cũng có những tượng cóc, phần nhiều là 6 con. Có trống còn thấy cóc nhỏ ngồi trên lưng cóc lớn. Chi tiết này thường gặp trên mặt trống H_{III}. Thân trống có hình dáng đơn giản, ít phân chia, tuy vậy vẫn còn dấu vết đủ phân biệt được 3 phần. Trống có 2 đôi quai kép gắn vào 2 phía tang trống. Hoa văn trang trí tỷ mỷ, thường là những họa tiết hình học đơn giản, lắp đi lắp lại.

Loại H_{III} gồm những trống cỡ vừa và nhỏ, được trang trí rất tỷ mỷ. Mặt trống chờm vượt ra ngoài thành tang khá nhiều. Ngôi sao giữa mặt trống hoặc 12 cánh, hoặc chỉ có 8 cánh. Rìa mặt trống bao giờ cũng thấy những khối tượng cóc chiếm 4 chỗ; cóc nhỏ ngồi trên lưng cóc lớn, phần nhiều là 2, 3, có khi đến 4 con chồng lên nhau. Thân trống gồm 3 phần: phần trên là một đoạn ngắn

(1) A. B. Meyer und W. Foy. Bronzepauken aus Südostasien. Dresden 1897. Dẫn trong sách: F. Heger. Alte Metalltrommeln aus südost Asien. Leipzig. 1902, Bản dịch của Viện Mỹ thuật. Mỹ nghệ.

(2) F. Heger. Sách đã dẫn. Bản dịch của Viện Mỹ thuật, Mỹ nghệ Tr. 12.

hình viên trụ, phần giữa đột nhiên thon lại, và xuống đến mép dưới chân trống lại có hình viên trụ. Trên mặt và thân trống, thấy nhiều loại hoa văn va hình khắc nổi, trong đó có hình hoa, cá, chim bay, chim đứng, một số động vật và cây cỏ khác. Trống có 2 đôi quai nhỏ, trang trí hình tết giải. Hê-gơ gọi trống H_{III} là loại trống « San » (Shan), vì ông thấy nhiều trống đồng loại này được phát hiện trong vùng San, có người Ka-ren trắng và Ka-ren đỏ ở. Hê-gơ nói rằng trống H_{III} là do người Ka-ren chế tác ở vùng San, phía đông nước Miến Điện.

Loại H_{IV} gồm những trống cỡ trung bình. Mặt trống phần nhiều phủ vừa sát đến thành tang trống. Ngôi sao giữa mặt trống luôn luôn có 12 cánh, rìa mặt trống nói chung vắng tượng hình cóc, trừ một vài trường hợp cá biệt. Thân trống chỉ chia làm hai phần, gắn vào thân trống là hai đôi quai, trang trí hình nẹp đan hay tết giải. Hoa văn trên mặt và thân trống là những mô-tip động vật kiểu Trung Quốc như rồng và cá, đặc biệt trên một số trống có cả chữ Trung Quốc. Hê-gơ gọi trống H_{IV} là loại trống Trung Quốc.

Ngoài 4 loại chính trên đây, Hê-gơ còn nêu ra ba dạng trống trung gian: dạng trung gian giữa $H_I - H_{II}$, $H_I - H_{IV}$ và $H_{II} - H_{IV}$. Theo ông đó là những trống đang ở vào thời kỳ quá độ trong sự chuyển biến từ loại này sang loại khác.

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc cũng rất quan tâm đến việc sưu tập và phân loại trống đồng. Ông Văn Hựu trong tác phẩm « Cổ đồng cổ đồ lục »[1], đã chọn giới thiệu 34 chiếc trống đồng và chia làm 3 loại; giáp thức, ất thức và bính thức. Tuy phân làm ba loại, nhưng ở cuối sách trong phần phụ lục, ông Văn Hựu giới thiệu thêm ảnh một chiếc trống loại III theo cách phân loại của Hê-gơ. Đây là ảnh chiếc trống hiện để ở lâu đài Uyn-so (Windsor) nước Anh mà ông in lại từ tác phẩm Hê-gơ. Văn Hựu không đặt loại trống H_{III} vào hệ thống phân loại của mình, có lẽ vì ông chủ trương chỉ phân loại những trống đồng có nguồn gốc Trung Quốc cùng với những trống bà con thân thuộc với chúng, mà trống H_{III} theo ông là do người Ka-ren ở nước Thái chế tác. Trong phần giải thích, ông viết: « cách chế tác loại trống này rõ ràng là có quan hệ không ít đến trống giáp thức ở nước ta (chỉ Trung Quốc), cho nên giới thiệu một chiếc ở đây làm tham khảo »[2]. Như vậy là nếu tính cả loại trống H_{III} thì hệ thống phân loại của ông Văn Hựu vẫn gồm 4 loại.

Điều khác nhau cơ bản giữa Văn Hựu và Hê-gơ là ở chỗ, Văn Hựu đã nâng những trống loại H_{II} lên thành giáp thức và hạ loại H_I xuống làm ất thức, còn trống bính thức thì tương đương với trống H_{IV}. Thực ra, nếu dựa theo tiêu chuẩn phân loại của Hê-gơ thì trong số 11 trống ất thức của Văn Hựu chỉ có những trống từ số 7 đến số 14 là phù hợp với loại H_I, còn lại các trống số 15, 16, 17 có thể xếp vào một dạng trung gian khác. Tuy nhiên cũng cần lưu ý là trong tác phẩm của mình, ông Văn Hựu không đả động gì đến vấn đề nguồn gốc và niên đại của các loại trống.

---

(1) Văn Hựu. Cổ đồng cổ đồ lục. Bắc Kinh, 1957.

(2) Văn Hựu. Sách đã dẫn. Sách không đánh số trang. Xem trống số 36. Hình số 53.

Bên cạnh tác phẩm của Văn Hựu còn có tập sách « Đồng cổ đồ lục » do tập thể cán bộ Viện Bảo tàng tỉnh Vân Nam biên soạn và xuất bản(1). Trong tác phẩm này các tác giả đã miêu tả 40 chiếc trống đồng phát hiện được ở Vân Nam và chia chúng ra làm 4 loại: giáp thức, ất thức, bính thức và đinh thức. Cách phân loại này rất gần gũi với hệ thống phân loại của Hê-gơ. Các loại giáp thức, bính thức và đinh thức tương đối phù hợp với các loại HI, HIII và HIV. Chỉ riêng trong ất thức là có phần khác với loại HII. Thực ra, trong tác phẩm nói trên chỉ giới thiệu 2 trống Ất thức. Hai trống này không phải là những trống điển hình thuộc loại HII, nếu sắp theo hệ thống phân loại của Hê-gơ thì chúng có thể thuộc vào dạng trung gian mà thôi.

Ngoài hai tác phẩm trên, chúng ta còn thấy ông Hoàng tăng Khánh, cán bộ Viện Bảo tàng tỉnh Quảng Tây, đã phân chia 20 chiếc trống đồng phát hiện được ở tỉnh ông, ra làm 4 loại. Một điều đáng chú ý là các trống loại I theo cách phân loại của Hoàng tăng Khánh, xét về mặt hình dáng, không giống với bất cứ loại nào trong hệ thống phân loại của Hê-gơ, của Văn Hựu hay của nhóm biên soạn Viện Bảo tàng tỉnh Vân Nam cả(2)

Trên đây chúng tôi đã tóm tắt giới thiệu tình hình phân loại trống đồng của các nhà nghiên cứu nước ngoài. Nhìn chung hệ thống phân loại của Hê-gơ đã đứng được từ đầu thế kỷ đến nay, nó được nhiều học giả thế giới và trong nước sử dụng trong các công trình nghiên cứu của họ. Tuy nhiên, ngót ba phần tư thế kỷ qua, công tác khảo cổ học đã bổ sung vào kho tàng trống đồng những hiện vật có hình loại mới. Riêng Viện Bảo tàng Lịch sử Việt-nam không những đang bảo quản hàng chục trống đồng thuộc đủ 4 loại theo hệ thống phân chia của Hê-gơ, mà ở đây còn có một số trống có hình dáng hoàn toàn nằm ngoài 4 loại đó. Ví dụ, trống Cảnh-Thịnh (Tây-Sơn), chiếc trống mang ký hiệu D.6214—22. Ngoài ra, những trống đồng hiện để ở chùa Cổ Lễ và chùa Keo Hành-Thiện tỉnh Nam Hà, chiếc trống thời Nguyễn trưng bày tại Bảo tàng đền Hùng tỉnh Vĩnh Phú, cũng là những ngoại lệ. Những trống đồng này; về mặt hình dáng, được mô phỏng theo loại trống gỗ bịt da; nhưng vẫn giữ được truyền thống của trống đồng là chúng chỉ có một mặt.

Từ sự hiện diện của những trống này cùng với sự xuất hiện của trống loại I trong hệ thống phân loại của Hoàng tăng Khánh, chúng tôi nhận thấy số lượng về loại hình trống đồng đã tăng lên theo những phát hiện mới, đúng như dự đoán thận trọng trước đây của Hê-gơ.

Trong sưu tập này, chúng tôi giới thiệu 52 trống đồng HI, gồm 51 trống đã phát hiện trên đất Việt Nam và chiếc trống Khai hóa; trống này tuy tìm được ở nước ngoài, nhưng hệ thống hình khắc và hoa văn trang trí của nó rất gần gũi với những trống đẹp nhất ở nước ta, cho nên chúng tôi cũng giới thiệu vào đây để độc giả tiện tham khảo. Chúng tôi tán thành ý kiến của Hê-gơ, xem những trống HI theo cách phân loại của ông là một loại, và là loại trống đã xuất hiện sớm nhất. Phần lớn những trống ấy là sản phẩm tuyệt vời của nền văn hóa đồng thau rực rỡ ở nước ta.

---

(1) Vân-Nam tỉnh bác vật quán. Đồng cổ đồ lục. Côn Minh 1959.

(2) Hoàng tăng Khánh. Quảng tây xuất thổ đích đồng cổ sơ thám «Khảo cổ», Bắc-Kinh. N⁰ 11-1964.

Vì số lượng trống đồng HI ở nước ta nhiều như thế, cho nên chúng tôi thấy cần thiết phải chia chúng ra thành từng nhóm nhỏ, để trước hết là tiện cho công việc miêu tả, sau nữa là có thể theo dõi quá trình phát triển của trống, qua đó mà xác định đặc điểm biến chuyển của nghệ thuật trang trí trên các trống. Đồng thời, việc phân nhóm còn có ý nghĩa quan trọng trong việc đoán định niên đại tương đối giữa các nhóm trống.

Trong cuốn sách « Những vết tích đầu tiện của thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam », các tác giả đã căn cứ vào hệ số tỷ lệ giữa đường kính mặt trống và chiều cao thân trống mà chia các trống HI ra làm 5 nhóm (1). Đây cũng là cách phân nhóm cần tham khảo.

Trong sưu tập này, chúng tôi dựa vào đặc điểm về sự phân bố của những hình khắc và họa tiết trang trí trên các trống mà phân chúng thành ba nhóm chính: A, B, C. Riêng nhóm A lại có thể chia ra 2 tiểu nhóm, gọi là A1 và A2.

Nhìn chung, trên các trống HI thấy phổ biến những hình khắc và họa tiết trang trí sau đây:

Giữa mặt trống là hình ngôi sao (số cánh sao nhiều, ít không nhất định, phần nhiều là sao 12 cánh), xen giữa các cánh sao là họa tiết lông công (có biến thể), hoặc những đường vạch chéo xếp thành những hình tam giác lồng nhau. Bao quanh ngôi sao tùy theo các trống sớm muộn mà có hình người, vật, động vật và hoa văn hình học, riêng vành chim bay, mỏ và đuôi dài, thấy có mặt trên hầu hết các trống HI. Hoa văn hình học thường thấy nhất là: đường chấm nhỏ, vành chỉ trơn, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến, vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến, văn hình chữ ∫ gẫy khúc, văn răng cưa và vạch ngắn song song. Ngoài ra, cá biệt còn có những đường hồi văn, vòng tròn xoắn ốc kép, văn hình chữ M lồng nhau, đường gấp khúc liên tiếp tạo thành những ô quả trám, văn hình trâm và vành hoa văn hình chim cách điệu. Thân trống cũng tùy theo loại sớm muộn mà có hình thuyền, hình vũ sĩ, hình một số chim, thú, thông thường thì chỉ có văn hình học. Quai trống thường làm theo hình thừng bện.

Trên đây là những đặc điểm chung, trong từng nhóm trống còn có những chi tiết riêng biệt cụ thể, nói lên sự khác nhau cũng như mối liên quan giữa chúng.

Dưới đây là đặc điểm khái quát phân biệt các nhóm trống, xét theo sự phân bố của những hình khắc và hoa văn trên trống:

Nhóm A	— Hình người, vật, động vật trên mặt trống. — Hình thuyền và vũ khí trên thân trống.
Nhóm B	— Chỉ có hoa hình văn học (không kể vành chim bay có mặt trên hầu hết các trống HI).
Nhóm C	— Xuất hiện vành hoa văn hình chim cách điệu và 4 khối tượng cóc trên mặt trống.

(1) Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích... Sách đã dẫn. Tr. 129 — 207. Trong sách các tác giả gọi là 5 loại. Chúng tôi nhận thấy: trong số những trống được miêu tả và phân nhóm thì 3 chiếc trống Đồng Văn tỉnh Hà Giang có thể xếp vào dạng trung gian HI — IV theo cách phân loại của Hê-gơ (Chú thích của các tác giả).

1. *TIỂU NHÓM A1*

Gồm 6 trống: Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ, Sông Đà, Khai Hóa, Bản Thôm và Quảng Xương.

Đặc điểm:

a) Hình khắc:

Hình khắc rất phong phú, bao gồm hình người, vật và động vật, trong đó hình người chiếm địa vị chủ đạo. Những hình này quyện với nhau tạo thành cảnh sinh hoạt bao quanh ngôi sao trên mặt trống. Tang trống khắc 6 chiếc thuyền và ở phần giữa của thân trống có hình vũ sĩ đứng trong các ô chữ nhật.

b) Hoa văn:

Để nhấn mạnh vào đặc điểm phân biệt giữa các nhóm trống, chúng tôi sẽ không đề cập đến những dạng văn có mặt trên hầu khắp các trống, như vành chỉ trơn, đường chấm nhỏ, vành tròn chấm giữa có tiếp tuyến, mà chỉ nêu lên những dạng văn chủ đạo trong từng nhóm một. Ba dạng văn chủ yếu của tiểu nhóm A1 là: họa tiết lông công (xen giữa cánh sao), văn hình chữ *ʃ* gẫy khúc và văn răng cưa. Ngoài ra, các trống Hoàng Hạ và Khai Hóa có văn xoắn ốc và vòng tròn đồng tâm (có biến thể), các trống Sông Đà và Khai Hóa cùng có hai đoạn hồi văn vuông xen kẽ với hai đoạn hồi văn hình quả trám kèm theo vòng tròn chấm giữa.

Đáng lưu ý là trên mặt trống Quảng Xương vắng mặt 3 dạng văn chủ đạo kể trên, đồng thời xuất hiện 2 dạng văn mới: Hoạ tiết hình tam giác lồng nhau (xen giữ cánh sao) va vạch ngắn song song. Hai dạng này là văn chủ đạo các tiểu nhóm A2, nhóm B và C.

Nhận xét:

Trống Quảng Xương, xét về hình khắc, vẫn tiếp nối truyền thống của tiểu nhóm A1 (mặt trống vẫn giữ vành sinh hoạt, thân trống có cảnh đua thuyền và hình vũ sĩ, tuy nhiên tất cả đã đơn giản về chi tiết trong bố cục và biến dạng trong phong cách thể hiện), nhưng về hoa văn thì trống lại tiếp cận với các tiểu nhóm A2, B và C. Cho nên có thể xem trống Quảng Xương là chiếc cầu nối tiếp giữa A1 với các nhóm khác về sau.

2. *TIỂU NHÓM A2*

Gồm 8 trống: Miếu Môn, Vũ Bị, Đồi Ro, Làng Vạc I, Làng Vạc II, Pha Long, Phú Xuyên va Hòa Bình.

Đặc điểm:

a) Hình khắc:

Điểm tương tự giữa tiểu nhóm A2 và A1 là: tang trống vẫn có cảnh đua thuyền tuy hình dáng và số lượng thuyền có thay đổi). Vẫn có hình người đứng ở phần giữa thân trống (Miếu Môn, Vũ Bị, Hòa Bình). Chỗ khác nhau giữa chúng là trên mặt trống A2 không có cảnh sinh hoạt, đồng thời thấy xuất hiện những

động vật kỳ dị, như: con vật đầu chim, có 4 chân và đuôi dài như đuôi cáo trên mặt trống Miếu Môn, con vật 4 chân, có bờm, đuôi cuộn, mõm há trên mặt trống Phú Xuyên. Thay vào hình vũ sĩ, xuất hiện hình bò ở phần giữa của thân trống Đồi Ro và làng Vạc I, hình chim trên thân trống Phú Xuyên.

b) Hoa văn:

Hai dạng văn chủ đạo là: họa tiết tam giác lồng nhau (xen giữa cánh sao) và văn răng cưa. Dạng thứ nhất là văn cơ bản của các nhóm B và C, còn dạng thứ hai thấy phổ biến ở tiểu nhóm A1. Điều này nói lên mối liên quan giữa tiểu nhóm A2 với các nhóm trước và sau nó.

Nhận xét:

Hai trống Miếu Môn và Vũ Bị vẫn khắc 6 hình thuyền cùng với những hình vũ sĩ đứng ở phần giữa thân trống. Đặc biệt là trên trống Miếu Môn có nhiều điểm tương cận với nhóm trống A1, như: mặt trống có hình hươu, hoàn toàn giống với hình hươu trên mặt trống Ngọc Lũ I, có họa tiết lông công là họa tiết chủ đạo của A1, và trên thân trống có hoa văn hình xoắn ốc kép, rất gần gũi với văn này, trên mặt trống Hoàng Hạ và Khai hóa. Vì vậy có thể xem hai trống Miếu Môn và Vũ Bị là những trống tiếp cận với các trống thuộc tiểu nhóm A1.

Nghiên cứu toàn bộ bố cục những hình khắc trên trống đồng, chúng tôi nhận thấy truyền thống về bố cục của chúng được qui định bởi mấy tiêu chuẩn sau đây: — nhóm người hoặc tốp động vật trong bố cục vành tròn được thể hiện theo hướng ngược chiều quay của kim đồng hồ.

— Để đảm bảo tính chất đối xứng, số lượng yếu tố trong mỗi bố cục thường xuyên là số chẵn.

— Cảnh đua thuyền luôn luôn gồm 6 chiếc.

Dựa vào tiêu chuẩn này, chúng ta dễ dàng nhận ra trên một số trống A2 thấy xuất hiện những hiện tượng « vi phạm » bố cục truyền thống như sau:

— Cảnh đua thuyền trên tang trống Đồi Ro, Làng Vạc I và Làng Vạc II chỉ có 4 chiếc.

— Vành chim trên mặt trống Pha Long không làm theo số chẵn, mà khắc 19 con.

— Vành chim trên mặt trống Phú Xuyên có 6 con, trong đó 4 chim bay theo chiều kim đồng hồ, còn 2 chim thì bay ngược lại. Cảnh đua thuyền trên trống này chỉ có hai chiếc.

Điều này chứng tỏ tiểu nhóm A2 vừa kế cận vừa xuất hiện muộn hơn A1 — nhóm trống có bố cục ổn định và hình khắc đã được tiêu chuẩn hóa.

NHÓM B

Nhóm này chiếm số lượng nhiều nhất, gồm 26 trống: Duy Tiên, Yên Tập, Ngọc Lũ II, Phú Duy, Núi Gôi, Việt Khê, Làng Vạc III, Làng Vạc IV, Định Công I Định Công II, Định công III, Cửu Cao, Mật Sơn, Thiết Cương, Phương Tú, Pắc Tà, Giảo Tất, Bình Phủ, Hà Nội, Hoằng Vinh, Vĩnh Ninh, Đông Sơn I, Đông Sơn II, Đông Sơn III, Đông Sơn IV, Đào Thịnh.

Đặc điểm :

Bốn dạng văn chủ đạo của nhóm B là: họa tiết lông công (có biến thể), hình tam giác phủ vạch chéo, hình chữ ʃ gẫy khúc và vạch ngắn song song.

Hình ngôi sao trên mặt trống phần nhiều có 12 cánh, ngoài ra có một ít hình sao 8 và 10 cánh.

Vành chim trên mặt trống thường khắc 4 con, trên mặt các trống Yên tập, Thiết Cương, Hà Nội, Định Công I và Vĩnh Ninh vành chim khắc 6 con.

Ngoài ra, còn một số biệt lệ:

— Trên mặt các trống Duy Tiên và Yên Tập ngoài vành chim bay ra còn một vành chim đứng.

— Trên mặt các trống Đông Sơn II vào Đào Thịnh không có vành chim.

Nhận xét:

Nhóm B chỉ có một dạng văn chủ đạo là vạch ngắn song song, văn này còn phát triển sang cả nhóm C nữa. Ngoài ra, chúng ta biết họa tiết lông công và hình chữ ʃ gẫy khúc là những văn chủ đạo của tiểu nhóm A1, hình tam giác lồng nhau là văn cơ bản của tiểu nhóm A2, cho nên có thể nói rằng: nhóm B xuất hiện kế cận với giai đoạn cuối của A1, phát triển song song với A2, và tiếp tục đi xa hơn nữa.

NHÓM C:

Gồm 11 trống: Hữu Chung, Đông Hiếu, Đa Bút, Phú Phương I, Phú Phương II, Nông cống, Thôn Bùi, Chợ Bờ, Đắc-glao, Thôn Mống, Hàng Bún.

Đặc điểm :

Điểm nổi bật của nhóm C là trên mặt trống xuất hiện 4 khối tượng cóc và vành hoa văn hình chim cách điệu bao quanh ngôi sao, đó là những hình chim đã biến cách thành hoa văn trang trí. Ngoài ra, trên mặt trống còn có sáu dạng văn chủ yếu sau đây: hình tam giác lồng nhau, vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến, vạch ngắn song song, chữ M lồng nhau; đường gấp khúc liên tiếp tạo thành những ô hình quả trám, và hoa văn hình trám.

Ngôi sao phần nhiều có 12 cánh, vành chim có từ 4 đến 10 con.

Có mấy biệt lệ sau: tang trống Hữu Chung vẫn mang 6 hình thuyền, tuy những hình chim cách điệu trên thuyền đã trở thành hoa văn hình học.

Vành chim trên mặt các trống thôn Mống và Đắc-glao không phải là chim bay, mà là hình chim cụp cánh.

Mặt trống Hàng Bún không có vành chim cách điệu và 4 tượng cóc; trên mặt trống Thôn Mống có hình đồng tiền tròn, lỗ vuông.

Nhận xét:

Nhìn chung, nhóm trống này rất ổn định, trong số những hoa văn chủ đạo có hai vành: hình tam giác lồng nhau và vạch ngắn song song; vành trước là dạng văn chủ đạo của tiểu nhóm A_2 và nhóm B. Hệ thống hoa văn trang trí chủ đạo vừa kể trên tạo cho nhóm trống một vị trí tương đối độc lập trong sự phát triển. Vành sau là dạng văn chủ đạo của nhóm B. Điểm này nói lên mối quan hệ giữa nhóm C và các nhóm trước nó.

Sự hiện diện của vành 6 chiếc thuyền trên tang trống Hữu Chung, nhất là văn hình chim cách điệu trên mặt trống cũng như trên các thuyền này thấy bắt đầu xuất hiện từ trong dáng dấp những chiếc mũ hình chim của các vũ sĩ trên trống Quảng Xương thuộc tiểu nhóm A_1, chứng tỏ trống Hữu Chung là cái gạch nối giữa tiểu nhóm A_1 và nhóm C, nhóm này vừa nối tiếp truyền thống của A_1, vừa phát triển riêng ra thành nhóm trống độc lập.

Trống Tùng Lâm có kiểu dáng và trang trí đặc biệt khác hẳn các nhóm trống trên, nên xếp riêng và khảo tả vào cuối cùng.

Ngoài ra, vì các trống minh khí có kích thước quá nhỏ, trên trống lại có rất ít hoặc không có hoa văn trang trí, cho nên chúng tôi không đưa chúng vào hệ thống phân nhóm, mà sẽ giới thiệu vào một mục riêng ở cuối phần miêu tả.

Trên đây chúng tôi đã giới thiệu về cách phân nhóm trống H_1 trong sưu tập này. Cũng cần nhắc lại, là việc phân nhóm trên đây chủ yếu dựa vào tính chất tương tự của các dạng hình khắc và hoa văn, để người đọc tiện đối chiếu, so sánh, trên cơ sở đó mà tìm hiểu sự biến thiên của trống cùng với nghệ thuật trang trí trên đó, đồng thời lại có thể nhận định về tuổi tương đối giữa các nhóm trống.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn nghĩ rằng sự biến cách về hoa văn không phải chỉ là hậu quả của thời gian thay đổi, mà nó còn lệ thuộc vào điều kiện không gian nữa, điều đó có nghĩa là những yếu tố trang trí chung của từng nhóm trống có thể còn mang đặc tính địa phương của từng vùng sản xuất một. Và như vậy thì việc sắp xếp trên dưới của những trống trong cùng một nhóm cũng như giữa các nhóm trống chỉ có ý nghĩa tương đối về thứ tự thời gian mà thôi. Tóm lại, theo ý chúng tôi thì từ nhóm trống này sang nhóm trống khác vẫn có sự phát triển thuận theo dòng thời gian, nhưng phát triển theo lối gối sóng. Trong đó những trống sớm nhất của nhóm sau có thể đã song song tồn tại với những trống muộn của nhóm sớm hơn nó.

Làm sưu tập này, dụng ý của chúng tôi là bước đầu giới thiệu trống đồng H_1 — nguồn tư liệu nghệ thuật và lịch sử phong phú nhất của nền văn hóa cổ đại nước nhà. Chắc rằng vì khả năng có hạn, chúng tôi không tránh khỏi những sai lầm, thiếu sót, rất mong được các bạn đọc xa gần bổ khuyết để cho việc giới thiệu những văn vật cổ của nước ta ngày một thêm hoàn chỉnh.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi được Ban Giám đốc Viện Bảo tàng Lịch sử giúp đỡ mọi phương tiện cần thiết cho việc nghiên cứu, được các cơ quan văn hóa: Viện Khảo cổ học, các Sở, Ty, Phòng văn hóa cung cấp tư liệu hoặc tạo điều kiện thuận lợi để tiếp súc với tư liệu nghiên cứu, được các nhà sử học: Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Nguyễn Linh và các cán bộ nghiên cứu Viện Bảo tàng Lịch sử đóng góp những ý kiến qui báu vào nội dung cuốn sách, nhân đây chúng tôi xin biểu thị lòng biết ơn trân trọng đến các cơ quan và toàn thể các đồng chí.

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN THỨ HAI

KHẢO TẢ NHỮNG TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN ĐÃ PHÁT HIỆN TRÊN ĐẤT VIỆT NAM

I — TRỐNG NGỌC LŨ I

Trống này vốn để ở đình làng Ngọc Lũ huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam (nay là Nam Hà). Năm 1903 do viên công sứ Phủ Lý làm môi giới, trống được đưa về nhà Bác cổ Viễn đông Hà nội[1].

Trống hiện tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch Sử Việt Nam. Đường kính mặt trống là 79cm, chiều cao là 63cm.

Theo ý kiến của nhiều học giả trong và ngoài nước, trống Ngọc Lũ I được coi là một trong những chiếc trống có kích thước to lớn, hình dáng cổ kính, tập trung hoa văn phong phú nhất và do đó đã thu hút được sự chú ý của nhiều người nghiên cứu nhất.

Trống được bảo quản tương đối nguyên vẹn, nó được phủ ngoài một lớp pa-tin mầu xanh ngả sang xám.

Trống có hình dáng cân đối, mặt trống hơi tràn ra ngoài tang một ít, tạo thành đường gờ nổi giữa mặt và tang trống.

Thân trống chia làm ba phần: phần trên phình ra gọi là tang nối liền với mặt trống. Phần giữa thân trống hình trụ tròn thẳng đứng, phần chân hơi loe thành hình nón cụt. Gắn vào tang và phần giữa thân trống là 4 chiếc quai chia làm hai cặp ở hai phía, trang trí văn bện thừng.

---

(1) Trong « Quản lý văn vật » số 12-1965 (nội san của Vụ Bảo tồn Bảo tàng), ông Trần Huy Bá cho biết: theo lời cụ Nguyễn đăng Lập 85 tuổi, người xã Ngọc Lũ, thì vào khoảng những năm 1893-1894, nhân dân xã Ngọc Lũ có một số người làm thợ đấu; chuyên tu sửa và hạp long các quãng đê bị vỡ. Hồi này các ông Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn Túc và một số người khác đắp đê Trần thủy ở xã Như Trác huyện Nam Xang (Lý Nhân) thuộc hữu ngạn sông Hồng, cách xã Ngọc Lũ về phía đông bắc trên 30 cây số. Khi đang đào đất ở bãi cát bồi, thì thấy dưới độ sâu 2 mét lộ ra một trống đồng. Các ông vội lấp lại, không cho chủ thầu biết, đến đêm mới kéo nhau ra đào thì được trống đồng và một vật như cái chiêng úp trong lòng trống (đó là nắp thạp. Chú thích của các tác giả). Các ông đem về cúng vào đình làng Ngọc Lũ, để khi có đình đám cúng tế thì mang ra đánh, ngày thường cất vào hậu cung khóa giữ cẩn thận. Bảy, tám năm sau, một họa sỹ Pháp đến vẽ đình Ngọc Lũ, thấy trống, liền báo cho công sứ Hà Nam biết. Nhân có cuộc đấu xảo ngày 15-11-1902 ở Hà Nội, công sứ Hà Nam đã sức về cho lý dịch làng Ngọc Lũ, mang trống và nắp thạp lên góp vào đấu xảo. Sau đó, nhà Bác cổ Viễn đông đã mua lại với giá 550 đồng.

Về hoa văn, trống Ngọc Lũ I có hai loại: một loại là văn hình học; một loại là hình khắc người, động vật và vật.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 14 cánh. Xen giữa cánh sao là những họa tiết hình tam giác, thể hiện bằng hai đường thẳng bọc lấy một hàng chấm nhỏ giống như hình lông công[1]. So sánh họa tiết này với hình trang trí xen giữa các cánh sao trên mặt trống Hữu Chung và nhiều trống khác, chúng tôi nhận thấy rất giống với hình lông công và gọi đó là « họa tiết hình lông công ». Từ trong ra ngoài có tất cả 16 vành hoa văn đồng tâm bao bọc lấy nhau: các vành 1, 5, 11 và 16 là những hàng chấm nhỏ. Các vành 2, 4, 7, 9, 13 và 14 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 là những hình chữ ∫ gẫy khúc nối tiếp. Vành 12 và 16 là văn răng cưa mà những đỉnh nhọn của răng quay về hai phía xen giữa các răng cưa còn có hai hàng chấm nhỏ.

Quan trọng nhất là các vành 6, 8 và 10. Đó là những vành có hình người và động vật diễu hành xung quanh ngôi sao theo ngược chiều kim đồng hồ. Vành 6 chia thành hai phần bán viên đối xứng và gần giống nhau. Mỗi bán viên lại có thể chia thành năm nhóm:

Nhóm một: từ trái sang phải là một toán 6 hoặc 7 người hóa trang hình chim, đầu đội mũ cao có mắt như hình đầu chim. Người thứ nhất ở toán 7 người không đội mũ. Họ mặc thứ váy dài có hai vạt tỏa ra hai phía. Những người này có dáng như vừa đi vừa múa, có người tay cầm rìu, có người thổi khèn, có người cầm giáo, mũi giáo quay trở xuống, cán giáo cũng trang trí lông chim, còn 3 hay 4 người nữa thì vừa đi vừa xòe tay ra làm động tác múa nhảy[2].

Theo ý kiến chúng tôi thì đây là nhóm người múa, rất giống với hình người múa trên chiếc rìu đồng tìm được ở Đông Sơn Thanh hóa[3]. Hình người múa còn được nhắc lại trên thân trống U-bông (Lào)[4] trên thân trống Hòa bình và thân trống thứ tư mang số hiệu 3759, trong sưu tập trống đồng của Viện Bảo tàng Vân nam Trung Quốc[5].

Nhóm thứ hai là một chiếc nhà có mái hình vòng cung, hai đầu là hai trụ đứng dể chắn phên. Đứng giữa cửa nhà có một người mặc sơ sài, đầu búi tóc

---

(1) Pác-măng-chi-ê cho rằng hình này giống 2 con cá, (H. Parmentier. Anciens tambours de bronze. BEFEO T.XVIII. Hà nội. 1918 P.5); ông Đào Duy Anh cho đó là hình mặt nguyệt lông công (Đào Duy Anh. Văn hóa đồ đồng... Sách đã dẫn. Tr.33)

(2) Hê-gơ trong khi tả hình người múa trên trống sông Đà, cho rằng: đây là chiếc váy có một đuôi dài ở phía sau; phía trước thì ngắn hơn, và ở chỗ bụng của hình người này, nếp váy cong ra phía trước rất nhiều. Qua đó mà có thể trông rõ hai chân lên đến tận xương hông ở tư thế đang bước. Vì thế có thể đoán rằng ở đây nếp váy đã xẻ ra quá nửa thân dưới của hình người nhô ra phía trước rất nhiều, cho ta có cảm tưởng đó là những người đàn bà có chửa đã nhiều tháng. Hê-gơ xem đó là những người cầm thoa đến dự lễ khánh thành trống đồng (F. Hê-gơ. sách đã dẫn. Bản dịch của Viện Mỹ thuật Mỹ nghệ Tr. 69. Còn Văn Hựu thì cho là những người trong lễ mai táng (Văn Hựu. Cổ đồng cổ đồ lục. Sách đã dẫn. Xem phần thuyết minh của trống số 8).

(3) Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích... Sách đã dẫn, Tr. 125. Bản vẽ IV, hình 1.

(4) V. Goloubew. Le tambour métallique de Hoàng Hạ. BEFEO- T. XL. Hanoi. 1940. Fig 24. P. 408.

(5) Vân Nam tỉnh Bác vật quán. Đồng cổ đồ lục. Sách đã dẫn. Tr.13. h.13.

tay cầm vật gì không rõ, hai bên là những dãy vòng tròn, chấm giữa. Đó là ngôi nhà có liên quan đến nghi lễ tôn giáo[1].

Nhóm thứ ba tiếp đến một người quay mặt về phía nhà cầu mùa, tóc bỏ xõa (người ở bán viên đối xứng thì búi tóc), mặc váy, tay cầm vật gì không rõ. Trên mình người đó có một hình vòng tròn chấm giữa. Trên đầu người ấy có một con chim đang bay giống với hình chim ở vành 9. Rồi đến một cặp hai người quay mặt vào nhau, một người tóc xõa mặc váy, trên mình có vòng tròn chấm giữa, còn người kia thì đóng khố, búi tóc (ở hình bán viên đối xứng thì cả hai người cùng búi tóc). Đây là một đôi trai gái cầm chày, đang giã vào một chiếc cối khoét rỗng. Đầu chày có trang trí lông chim.

Nhóm thứ tư là một cái nhà hình thang nóc cong lên như hình thuyền, hai đầu vểnh lên giống hình đầu chim mắt to, hai bên có cột chống đỡ. Nóc nhà có hai chim đậu, một con giống với hình chim công, một con như gà sống. Mái nhà được trang sức bằng hai đường tua rủ xuống như kiểu mái nhà tranh xén bằng. Hồi nhà bên trái còn trang trí bằng những đường xoắn ốc hình tam giác. Đây là ngôi nhà sàn. Ở phía dưới và phía giữa sàn có những vạch ngang tựa như những bậc thang phía trong để trèo lên nhà, giống với kiểu thang nhà sàn của đồng bào Tây nguyên.

Trong nhà có hai người quay mặt lại với nhau, tóc bỏ xõa sau lưng, tay cầm vật gì không rõ, phía bên phải còn có một người hình như đang leo lên hồi nhà, tay giữ vật gì như hình trống nhỏ. Quần áo của người này rất sơ sài, có người gần như lõa thể. Dưới nền nhà phía bên trái có một vật hình như chiếc cối, phía bên phải có một vật giống hình chiếc trống đồng nằm ngang.

Ở bán viên đối xứng, nóc nhà chỉ có một con công đậu, trong nhà có hai người quay mặt vào nhau, tóc bỏ xõa sau lưng, tay cầm vật gì không rõ. Ở hai phía hồi nhà đều có hình trang trí xoắn ốc. Dưới nền nhà phía bên trái cạnh cột chống có một vật hình trống đồng nằm ngang, bên phải có một người tóc xõa sau lưng hình như đang đánh trống nhỏ. Hình nhà sàn kiểu này thấy được khắc rất rõ trên mặt trống Quảng Xương (Thanh hóa), nó còn được nhắc lại trên các trống Hoàng Hạ, sông Đà và Khai Hóa (Trung Quốc). Ngôi nhà sàn này có mái nhô ra ngoài, gần giống như kiểu nhà sàn của người Ba-tắc (Battak) ở Xuy-ma-tờ-ra (Sumatra)[2], vết tích nhà sàn có thể tìm thấy trong các ngôi đình của đồng bào Việt ở vùng đồng bằng Bắc bộ, như đình Đình Bảng (Hà Bắc), đình Chu Quyến (Hà Tây) v.v...

---

(1) Thuyết minh về hình này cũng có nhiều ý kiến khác nhau: Pác-măng-chi-ê gọi đó là vật hình vòng cung (arche). (H. Parmentier. Anciens tambours de bronze. Op. cit. P.8.)

— ông Đào Duy Anh tán thành ý kiến của Gô-lu-bép cho đây là cảnh đánh chiêng (Đào Duy Anh. Sách đã dẫn; Tr. 34)

— Văn Hựu xem đó là « tấm phên » (Văn Hựu. Sách đã dẫn. Xem phần thuyết minh trống số 8).

Chúng tôi tán thành ý kiến ông Nguyễn Ngọc Chương. cho đó là ngôi nhà để tiến hành nghi lễ có liên quan đến việc cầu mùa (Nguyễn Ngọc Chương. Tìm hiểu một số hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ. « Nghiên cứu lịch sử » № 141. Hànội 1971.).. và để tiện miêu tả, xin gọi là « nhà cầu mùa » (Chú thích của các tác giả).

(2) Xem: Nguyễn Văn Huyên. Introduction à l'étude de l'habitation sur pilotis dans l'Asie du Sud-Est. Paris. 1934. P.70. PI.VIII.

— Nguyễn Ngọc Chương cho đó là nhà trời trong lễ nông nghiệp cổ (Bài đã dẫn...)

Nhóm thứ năm, sát ngay với ngôi nhà trên là một cái sàn có cột chống. Đây có lẽ là một bộ phận của nhà, hiện nay ở nhiều vùng đồng bào dân tộc ít người nước ta, thấy bên cạnh nhà sàn còn có một chiếc sàn nằm phơi ra ngoài trời. Trên sàn có 4 người: một người búi tóc đứng quay mặt về phía nhà, còn ba người ngồi xõa tóc, quay lưng lại phía nhà. Tất cả đều mặc sơ sài tay cầm gậy dài chấm đến sàn. Dưới sàn và ngay dưới mỗi đầu gậy là bốn vật giống như hình trống đồng đặt trên một cái đế có ôm lấy một phần thân trống. Phía dưới đế, chiếu thẳng với gậy, có một đường rãnh chia đế ra làm hai mảnh bằng nhau. Khắp mặt và đế trống đều có những hàng chấm nhỏ lấm tấm(1).

Ở bán viên kia thì cả bốn người đều quay lưng lại phía nhà, tóc bỏ xõa sau lưng, trang phục đơn giản.

Chúng tôi tán thành ý kiến của Hê-gơ xem đó là cảnh đánh trống đồng. Phong tục này còn giữ lại trong những ngày hội của đồng bào Mường ở một số vùng như Mang-sơn và Lai-đồng thuộc huyện Thanh Sơn tỉnh Vĩnh Phú (2) và Mẫn Đức tỉnh Hòa bình (3)

Vành 8 gồm hai nhóm, mỗi nhóm có 10 hươu cách nhau bằng hai tốp chim bay: một tốp 6 con và một tốp 8 con. Hươu xen kẽ cứ một con đực lại đến một con cái. Tất cả hình hươu đều lấy vòng tròn chấm giữa làm mắt, đều có sừng dài, mình dài, cổ và mình có những chấm nhỏ như loại hươu sao (4). Chim ở đây là loài chim mỏ to, đầu to, đuôi ngắn, mắt cũng được thể hiện bằng hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa.

Vành 10 toàn là hình chim gồm 36 con. Chim có hai loại xen kẽ nhau: chim bay và chim đậu mỗi thứ 18 con. Chim bay là loại chim mỏ dài, có mào, đuôi và chân dài mình gầy thuộc loại cò sếu hoặc vạc; chim đậu có nhiều loại, nói chung là chim nước. Con thì mỏ ngắn vênh lên, con thì mỏ dài chúc xuống, con to, con nhỏ, phần đông là chim ngậm mồi, có một con cổ dài như hình vịt

---

(1) Có nhiều ý kiến giải thích hình này: Pác-măng-chi-ê cho đó là sân đập lúa có quan hệ đến mùa màng, mà vật để dưới là những thùng thóc đặt cố định trên chiếc bàn có chân đặt cách mặt đất để chống mối, chuột. Hàng chấm lấm tấm biểu thị những hạt thóc rơi vãi ra ngoài. Gô-lu-bép cũng xem đó là bốn người đập lúa, nhưng lại cho rằng cảnh này có liên quan đến việc cúng linh hồn người chết. Ông Đào Duy Anh cho đây là cảnh đánh trống đồng bằng những ống nước theo một nghi lễ đặc biệt. Trong khi đánh trống nước chảy tung tóe xuống mặt trống. Những giọt nước được hình dung bằng những chấm lấm tấm ở giữa hai đường thoai thoải. Thực ra, nếu quan sát kỹ, chúng ta không hề thấy có lúa trên sàn, thế thì lấy đâu ra hạt để vương vãi ra ngoài thùng được! Hơn nữa một số vật ở dưới gầm nhà sàn mà Pác-măng-chi-ê gọi là những chiếc thùng để bừa bãi, cũng không có vật nào giống hình thùng cả. Ý kiến của Gô-lu-bép có phần xa lạ với cảnh sinh hoạt của người xưa, ngay phong tục của người Ka-ren ở Bắc Miến Điện mà ông dẫn ra cũng không gắn bó gì với cảnh này. Còn cách đánh trống bằng những ống đựng nước thì chưa có tài liệu dân tộc học nào xác minh cả. (Chú thích của các tác giả).

(2) Lê Văn Lan. Tìm hiểu nguồn gốc của những chiếc trống đồng cổ «Nghiên cứu lịch sử» N⁰ 42. Hà nội 1962.

(3) G. de Gironcourt: Recherches de géographie musicale en Indochine BSEI T.XIII Fig 2.

(4) Thực ra chỉ có loại hươu Ren-nơ miền Bắc thì con cái mới có sừng dài. Song sừng hươu khắc trên trống đồng lại không phải là sừng hươu Ren-nơ (Chú thích của các tác giả).

giời. Chim đậu đều có đuôi ngắn. Tất cả chim đều lấy hình tròn chấm giữa làm mắt. Một số chim bay còn có từ một đến hai vòng tròn chấm giữa khắc trên thân hoặc trên cổ. Những vòng tròn này còn thấy trang sức trên một số hình người và vật.

Ngoài những vành hoa văn trên, ở rìa mặt trống có một số vết lõm, đó là dấu vết của những con kê còn để lại khi đúc trống.

b) Thân trống

Phần trên cùng của tang trống đoạn tiếp giáp với mặt trống có 6 vành hoa văn hình học, từ trên xuống dưới là: các vành 1 và 6 là những đường chấm nhỏ thẳng hàng, vành 2 và 5 là văn răng cưa, đỉnh quay về hai phía có những chấm nhỏ xen kẽ. Vành 3 và 4 là hoa văn vòng tròn đồng tâm chấm giữa nối với nhau bằng những tiếp tuyến song song.

Bên dưới đoạn này là hình 6 chiếc thuyền, chuyển động từ trái sang phải, xen giữa các thuyền là những hình chim đứng. Chim có từ 1 đến 3 con. Có chỗ hai chim quay mặt vào nhau, hoặc chim nhỏ đứng trên lưng chim lớn. Nhìn chung, chim này cũng thuộc loại cò sếu, chân cao, có mào, mỏ dài, đuôi ngắn hoặc đuôi dài. Cũng có con mỏ ngắn ngậm mồi giống với chim ở vành 10 mặt trống. Có con mỏ dài và cong phía giữa mở rộng ra. Có một con mỏ rủ xuống như chiếc vòi tận cùng bằng hình thoi. Đó là hình những chim cò ngậm cá được thể hiện theo lối cách điệu.

Sáu chiếc thuyền gần giống nhau, chúng đều có dáng hình vòng cung, đầu và đuôi thuyền cũng uốn cong lên và được chạm khắc theo dáng hình đầu chim. Đầu và đuôi thuyền đều có hình bánh lái. Phía mũi thuyền lấy hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa làm mắt, lại có một vật gì như hình chiếc mỏ neo, trừ một thuyền không có hình bánh lái mũi vì hình chim chiếm chỗ. Đầu mũi thuyền trang trí nhiều hình rối rắm kỳ lạ. Chúng tôi nhận thấy đó là hình một con chim bay lao vào miệng một con chim há mỏ tượng trưng bằng mũi thuyền. Hình này thấy được nhắc lại lần nữa ở các đầu thuyền trên trống Hoàng Hạ. Số người trên thuyền không nhất thiết giống nhau. Trong số 6 thuyền thì bốn chiếc mỗi chiếc có 7 người; một chiếc có 6 người, và một chiếc có 5 người. Căn cứ vào hoạt động của những người trên thuyền, hoặc do họ tiến hành độc lập, hoặc có liên quan đến người khác, chúng tôi tạm chia ra 5 loại công việc để tiện miêu tả:

Thứ nhất, đứng giữa thuyền là một người đầu đội mũ lông chim khá cao một tay cầm dùi gõ vào chiếc trống nhỏ có hai mặt, dáng như trống da, trống được đặt trên một cây cột trên có cắm lông chim. Hê-gơ cho đó là cột cờ; Còn Pác-măng-chi-ê và Gô-lu-bép thì đoán là cột buồm. Chúng tôi xem đây là người chỉ huy cầm trống đang điều khiển các thủy thủ.

Thứ hai, phía mũi thuyền có từ một đến hai người, hoặc đứng hoặc ngồi đầu đội mũ lông chim khá cao, tay cầm vũ khí như giáo hoặc rìu chiến, trên cán giáo và rìu chiến có cắm lông chim. Đó là những thủy binh đánh gần.

Thứ ba, mỗi thuyền đều có một người cầm lái đầu đội mũ lông chim cao, đóng khố sơ sài, tay lái có trang sức lông chim.

Thứ tư, một người đứng trên sàn bắn cung. Đó là những người mặc váy có vạt tỏa ra hai bên, đầu không đội mũ lông chim mà búi tóc. Đó là những thủy binh đánh xa.

Cuối cùng là cảnh một người đầu đội mũ lông chim rất cao đóng khố sơ sài, tay phải nắm đầu và tay trái cầm chiếc giáo cán có cắm lông chim, lao vào đầu chính người khỏa thân ngồi ở sàn thuyền, người này hai chân duỗi về phía trước, hai tay hoặc là bị trói vào chiếc cọc ở phía trước hoặc là quặt về phía sau tựa như bị trói giật cánh khuỷu. Căn cứ vào hình dáng của hai loại người này, một bên là người vũ sĩ đứng cao lớn, cầm giáo và có trang phục oai vệ, còn bên kia người bị giết lõa thể bị trói chặt với dáng ngồi thấp kém của kẻ có tội. Chúng tôi cho rằng đây là cảnh « giết người » mà người bị giết có thể là « tù binh » bị đưa ra làm « vật hy sinh » trong các lễ hiến tế.

Tất cả sáu thuyền đều có cảnh này, tuy nhiên ở một số thuyền hoa văn đã bị róc hoặc bị mờ, hình người không còn nguyên vẹn, cho nên khó nhìn thấy. Căn cứ vào phần còn lại, thấy rằng người « đao phủ » có khi tay phải cầm một mũi tên lớn hoặc rìu chiến, tay trái cầm giáo đâm vào tù binh, còn người thuyền trưởng thì một tay cầm trống, một tay nắm đầu kẻ hy sinh, hoặc trên hai thuyền khác thì chỉ thấy người thuyền trưởng nắm đầu tù binh ngồi ở sàn thuyền mà không thấy người đao phủ đâu cả. Chúng tôi nghĩ rằng đây vẫn là những « tù binh hy sinh » trước cuộc hành lễ.

Về mặt trang sức ta thấy những người chỉ huy, cầm lái, đánh trống, những thủy binh đánh gần đều đội mũ lông chim rất cao, đóng khố sơ sài, những người bắn cung thì mặc váy vạt tỏa ra hai bên, búi tóc, còn người bị hy sinh thì lõa thể. Để tiện cho độc giả theo rõi, dựa vào tính chất công việc của những người trên thuyền, chúng tôi lập bảng thống kê dưới đây:

Thứ tự thuyền	Thuyền trưởng	Thủy binh đánh gần	Người cầm lái	Người bắn cung	Đao phủ	Tù binh	Tổng số
1	1	1	1	1		1	5
2	1	2	1	1	1	1	7
3	1	2	1	1	1	1	7
4	1	1	1	1	1	1	6
5	1	2	1	1		2	7
6	1	2	1	1	1	1	7

Tuy nhiên, thứ tự của những người trên thuyền thì mỗi thuyền lại bố trí khác nhau. Dưới đây là bảng thống kê số người trên thuyền theo thứ tự từ lái đến mũi.

Thứ tự thuyền	THỨ TỰ NGƯỜI TRÊN THUYỀN TỪ LÁI ĐẾN MŨI							
	1	2	3	4	5	6	7	Tổng số người
1	người cầm lái	bắn cung	tù binh	thuyền trưởng	thủy binh đánhh gần			5
2	— nt —	— nt —	đao phủ	tù binh	thuyền trưởng	Thủy binh đánh gần	Thủy binh đánh gần	7
3	—nt—	—nt—	—nt—	—nt—	—nt—	—nt—	—nt—	7
4	—nt—	—nt—	—nt—	—nt—	—nt—	—nt—		6
5	—nt—	—nt—	tù binh	thuyền trưởng	tù binh	—nt—	—nt—	7
6	—nt—	—nt—	đao phủ	tù binh	thuyền trưởng	—nt—	—nt—	7

Đó là về đại thể, nhưng đi vào chi tiết thì vẫn còn có những điểm cần nói rõ thêm. Thí dụ, về tư thế của người cầm lái trên các thuyền số 1, 2, 3, 4, 5 là đứng, còn người cầm lái thuyền số 6 thì ngồi. Tư thế của người bắn cung các thuyền số 1, 2, 3, 5 là quay lưng lại phía mũi thuyền, còn các thuyền số 3, 4 và 6 là người bắn cung nhìn theo hướng mũi thuyền. Thủy binh đánh gần trên các thuyền 1, 2, 3. 4 là cầm rìu, còn trên hai thuyền số 5 và 6 thì có một người cầm giáo và một người cầm rìu. Dưới chân người bắn cung, chỗ gần sàn thì bốn nơi mỗi nơi có một vật hình trống đồng; Trên một thuyền khác vật này tựa như hình bình đồng đào được ở mộ Việt Khê Hải Phòng(1), và một thuyền khác nữa thì có cả hai vật: một trống và một hình. Như vậy là ngay trên trống Ngọc Lũ I thấy khắc tới 15 hình trống đồng H1. Đây là điều rất lý thú, nó chứng tỏ rằng trống Ngọc Lũ I ra đời vào lúc những trống đồng cùng loại với nó được sử dụng tương đối rộng rãi.

Ngoài ra trên hai thuyền khoảng giữa người cầm lái và bắn cung còn thấy mỗi nơi một con chó đứng nghểnh mõm lên phía sàn có dáng như loại chó săn.

Sàn thuyền có những đường vạch ngắn có thể xem là tượng trưng cho việc ghép những mảnh ván gỗ.

Phần dưới của tang trống là ba vành hoa văn hình học. Giữa là vành văn vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Hai bên là hai đường chấm nhỏ. Ngoài cùng là hai đường chỉ trơn. Phần giữa của thân trống có những băng hoa văn hình học chạy song song và cắt nhau, tạo thành 6 ô hình chữ nhật, trong mỗi ô này có 2 vũ sĩ cầm rìu. Đóng khung lấy những ô chữ nhật này có các băng hoa văn hình học sau đây: trên đầu các vũ sĩ là một băng hoa văn hình học gồm 8 vành hoa văn những đường vạch chéo cắt nhau tạo thành những hình tam giác ở giữa hai hàng chấm nhỏ. Dưới chân các vũ sĩ là một băng hoa văn hình học, gồm 6 vành giống như trên tang trống, cụ thể là vành 1 và 6 là những chấm nhỏ, vành 2 và 5 là văn răng cưa có chấm ở đỉnh, vành 3 và 4 là

(1) Lê-văn-Lan Phạm-văn-Kỉnh, Nguyễn-Linh. Những vết tích. Sách đã dẫn. Tr. 133. Bản vẽ số VI, hình 1.

vòng tròn đồng tâm có chấm giữa và có tiếp tuyến; những băng hoa văn hình học theo chiều thẳng đứng cạnh các vũ sĩ gồm 6 vành hoa văn: vành 1 và 6 là những chấm nhỏ, vành 2 và 5 là những vạch chéo song song, vành 3 và 4 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến.

Về những hình vũ sĩ trong các khung này đều là những người mặc váy có vạt tỏa ra hai bên đầu đội mũ lông chim, tay trước cầm mộc, tay sau cầm rìu, dáng như vừa đi vừa múa. Tuy nhiên về chi tiết cũng có khác nhau. Về các hình trang sức trên đầu các vũ sĩ thì trong các ô 1 và 2 cả hai vũ sĩ ngoài hình lông chim còn có hình đầu chim. Còn các ô số 3, 4, 5, 6 thì trong số 2 vũ sĩ ở mỗi ô chỉ có người thứ hai có hình lông chim và đầu chim trên đầu, còn người thứ nhất chỉ có hình lông chim cắm trên đầu. Về hình mộc thì có cái có hình mắt chim (biểu hiện bằng vòng tròn có chấm giữa) trên đầu, có cái không. Đặc biệt là trên đầu của chiếc mộc của người vũ sĩ thứ hai thuộc ô số 3 và số 6 ngoài hình chim còn có hình đầu chim.

Về kiểu dáng tay sau cầm rìu chiến của các vũ sĩ thì các ô số 2, 4, 5, 6 tương đối giống nhau là tay các vũ sĩ vuông góc hoặc gần vuông góc với các cán rìu, hướng lưỡi rìu quay về phía sau không cùng chiều với dáng đi của vũ sĩ. Còn trong hai ô số 1 và 3 thì có khác. Người thứ nhất trong hai ô này cầm rìu hơi choãi ra phía sau, tay vũ sĩ và cán rìu không vuông góc mà tạo thành góc nhọn. Còn hai người vũ sĩ thứ hai của ô này thì cầm rìu ngược nghĩa là cán rìu dựng lên trời, lưỡi rìu quay xuống dưới và ngửa lên. Đó là điều đặc biệt khác hẳn các vũ sĩ khác. Tất cả những rìu của các vũ sĩ đều là những rìu chiến gót tròn hoặc gót vuông, nhưng đa số là rìu gót vuông.

Chân trống không trang trí

II – TRỐNG HOÀNG HẠ

Vào khoảng tháng 3 năm 1937, trong khi đào mương dẫn nước, nhân dân xóm Nội thôn làng Hoàng Hạ(1) huyện Phú xuyên tỉnh Hà đông (nay là Hà Tây) đã tìm được trống này ở độ sâu 1m50 trong lòng đất(2). Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống có đường kính mặt là 79cm. chiều cao là 61,5cm. Trống bị long mặt, rỉ láng gần khắp mặt và cả một phần thân trống làm một số hoa văn bị mờ. Hoa văn trang trí, hình dáng và kích thước tương tự như trống Ngọc Lũ I.

a) Mặt trống

Bố cục của những hình trang trí trên mặt trống Hoàng Hạ rất gần với mặt trống Ngọc Lũ I. Tuy vậy cũng có một số chi tiết khác nhau. Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 16 cánh (ngôi sao trên mặt trống Ngọc Lũ I chỉ có 14 cánh), xen kẽ các cánh sao cũng là những họa tiết trang trí kiểu lông công. Bao quanh ngôi sao là 15 vành hoa văn, gồm hai loại: văn hình học, hình khắc người, động vật và vật.

Về hoa văn hình học, ngoài những hoa văn tương tự với hoa văn trên trống Ngọc Lũ I như: chấm nhỏ thẳng hàng, chữ ʃ gẫy khúc nối tiếp, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến song song, văn răng cưa ra, còn có thêm vành hoa văn hình xoắn ốc và vòng tròn đồng tâm (vành thứ 7 kể từ trong ra ngoài).

Về hình khắc người và vật, thì thấy vắng mặt vành hươu nai và chim bay xen kẽ, vành số 9 của trống Hoàng Hạ so với vành số 10 của trống Ngọc Lũ I thì ít chim hơn, chỉ có 14 chim bay (vành 10 trên trống Ngọc Lũ I khắc 36 chim). Đó là những hình chim mỏ dài, đuôi và chân dài, có mào, không thấy những hình chim đứng ngậm mồi như trên trống Ngọc Lũ I.

---

(1) Theo tin trong Tạp chí của Trường Bác cổ Viễn đông Hà nội (BEFEO. T. XXXVII. Hanoi. 1937. P. 607), thì vào ngày 17-3-1937 dân công đào mương đã phát hiện một trống đồng ở gần Làng Văn Trai tỉnh Hà đông. Theo sự khảo tả ở đây thì trống Văn Trai chính là trống Hoàng Hạ. (Chú thích của các tác giả).

(2) V. Goloubew. Le tambour métallique de Hoàng Hạ BEFEO T. XL. Hà-nội. 1940.

Quan trọng nhất là vành 6. Vành này về cơ bản cũng giống như trống Ngọc Lũ I, tuy có những điểm khác nhau nhỏ. Ví dụ, nhóm người múa chỉ có sáu người, trên đầu có mũ cắm hình đầu chim, một người cầm vật gì như hình rìu chiến, một người thổi khèn và bốn người cầm lao, trên cán trang sức lông chim. Đỉnh nóc tròn của một trong hai nhà cầu mùa có hai chim đậu, quay mặt vào nhau, giống như hai con gà sống. Cạnh nhà cầu mùa không thấy người đứng quay mặt về phía nhà nhưng lại có hai chim bay trên đầu cặp trai gái giã gạo. Ở mỗi nóc nhà sàn mái cong chỉ có một con chim đuôi dài giống như hình chim công. Trên dàn trống có bốn người đều ngồi, cầm gậy dài chấm đến mặt sàn. Một trong hai dàn trống để cách xa sàn một chút. Cạnh dàn trống về phía bên phải có một con chim mỏ dài bay ngược lên và một chim mỏ to bay trên đầu người cầm rìu chiến.

Rìa mặt trống có 30 lỗ nhỏ cách đều nhau, là dấu vết những con kê trên khuôn đúc trống.

b) Thân trống

Bố cục trang trí và hình loại hoa văn giống như trống Ngọc Lũ I. Trên tang trống, ngoài các vành hoa văn hình học, cũng có hình sáu chiến thuyền, xen giữa các thuyền là những hình chim có từ hai đến bốn con. Đó là loại chim nước có mào, mỏ dài, chân cao, đuôi dài. Có chỗ hai chim đứng quay mặt vào nhau, hoặc chim nọ đứng trên lưng chim kia, có lẽ biểu hiện hình chim đạp mái. Lại có một chim bay ngược lên giống với hình chim ở vành 9 trên mặt trống. Đặc biệt là dưới gầm một số thuyền còn thấy khắc hình cá.

Thuyền có dáng cong hình vòng cung, đầu và đuôi thuyền cũng được thể hiện theo hình đầu chim. Đặc biệt là vẫn giữ hình chim bay lao vào mũi thuyền giống như chi tiết này trên thuyền Ngọc Lũ I. Tuy một số hình thuyền đã bị mờ nhưng căn cứ phần còn nhìn rõ, có thể đếm được số người trên các thuyền là: có ba chiếc mỗi chiếc sáu người, hai chiếc bảy người và một chiếc năm người. Về hoạt động của những người trên thuyền, thì giống như trống Ngọc Lũ I, vẫn có năm công việc: thuyền trưởng cầm trống, một hoặc hai vũ sĩ ở mũi thuyền, người cầm lái, người bắn cung và «cảnh giết người». Tuy nhiên cũng có một số chi tiết khác biệt:

Thứ nhất, truyền trưởng cầm trống vẫn là những người đội mũ lông chim cao, trông có dáng oai vệ, giữa họ có năm người đứng và một người ngồi đánh trống trên thuyền.

Thứ hai, số vũ sĩ ở mũi thuyền cầm giáo, hoặc rìu chiến trong tay, họ còn cầm vật gì như chiếc mộc.

Thứ ba, những người cầm lái, gồm bốn người đứng và hai người ngồi, chỉ một tay lái có trang sức lông chim.

Thứ tư, trên sàn bắn cung thì năm sàn mỗi sàn có một người, riêng một sàn có hai người: một người đứng cầm cung và một người ngồi tựa vào cột sàn, không có việc gì cả, người này tóc dài bỏ xõa phía sau lưng. Trong sáu vũ sĩ bắn cung, thì hai người cầm cung quay về mũi thuyền, bốn người cầm cung hướng về phía lái, đặc biệt một người cầm cung lớn với một mũi tên dài tì lên bệ trong tư thế chuẩn bị bắn. Dưới chân người bắn cung chỗ gầm sàn có hai

nơi để hiện vật khắc theo hình chiếc bình dựng và một chỗ tựa như có hình một người đứng trong đó.

Thứ năm, cảnh « giết người » có thể nhìn thấy rõ trên bốn thuyền, mà chi tiết cũng có thay đổi it nhiều. Ở một chỗ « tù binh » bị một nhát giáo đâm vào đầu, nhưng không thấy « đao phủ » cầm giáo đâu cả, chỉ có tay người cầm trống giữ lấy đầu kẻ hy sinh. Ở chỗ khác « tù binh » dường như bị trói tay vào cây cột trên thuyền, cạnh đó có người vũ sĩ cầm giáo, tựa như « người hy sinh » sắp sửa bị đưa ra làm lễ. Trên một thuyền khác tù binh ngồi ôm lấy cột sàn bắn cung và bị người cầm trống nắm lấy đầu.

Đặc biệt trên một thuyền thấy có hai cảnh « giết người »: cảnh một, tù binh ngồi ôm lấy cọc sàn bắn cung và bị người cầm trống nắm đầu. Cảnh hai, tù binh ngồi duỗi chân tay về phía trước, đầu bị người vũ sĩ cầm giáo nắm giữ.

Về trang sức, tất cả thuyền trưởng cầm trống, vũ sĩ và người cầm lái đều đội mũ lông chim khá cao đóng khố thô sơ, còn những tù binh ngồi ở sàn thuyền thì thể hiện sơ sài: thân hình nhỏ mọn và hoàn toàn lõa thể. Việc xuất hiện loại « nhân vật nhỏ mọn » giữa những vũ sĩ cao lớn trang sức lộng lẫy, tựa như nắm uy quyền, càng củng cố thêm nhận định của chúng tôi, xem họ là những tù binh bị đưa ra làm vật hy sinh trong lễ hiến tế. Vấn đề này chúng tôi sẽ đề cập đến ở phần dưới.

Để cho độc giả dễ theo dõi, chúng tôi lập bảng thống kê theo tính chất công việc những người trên 6 thuyền của trống Hoàng Hạ.

Thứ tự thuyền	Thuyền trưởng	Thủy binh đánh gần	Người cầm lái	Người bắn cung	Người đứng gầm sàn	Người đao phủ	Tù binh	Tổng số
1	1	2	1	2			1	7
2	1	2	1	1			1	6
3	1	1	1	1			1	5
4	1	2	1	1			1	6
5	1	2	1	1	1		?	6
6	1	2	1	1			2	7

Và, thứ tự của những người hoạt động trên mỗi thuyền được bố trí theo bảng thống kê dưới đây:

Thứ tự thuyền	THỨ TỰ NGƯỜI TRÊN THUYỀN TỪ LÁI ĐẾN MŨI							
	1	2	3	4	5	6	7	Tổng số
1	Cầm lái ngồi	Bắn cung (hai)	tù binh	Thuyền trưởng	Thủy binh đánh gần	Thủy binh đánh gần		7
2	Cầm lái đứng	Bắn cung	-nt-	-nt-	-nt-	-nt-		6
3	-nt-	-nt-	Thuyền trưởng (ngồi)	Thủy binh đánh gần	Thủy binh đánh gần			5
4	Cầm lái đứng	-nt-	Thuyền trưởng	-nt-	Tù binh	-nt-		6
5	-nt-	Bắn cung người đứng dưới sàn bắn cung	Thuyền trưởng	-nt-	Thủy binh đánh gần			6
6	Cầm lái ngồi	Bắn cung	tù binh	Thuyền trưởng	tù binh	Thủy binh đánh gần	Thủy binh đánh gần	7

Ngoài ra, so với trống Ngọc Lũ I, thì trên các thuyền của trống Hoàng Hạ không thấy có hình chó săn.

Phần giữa thân trống cũng có những băng hoa văn hình học cắt nhau tạo thành 6 ô như trống Ngọc Lũ I. Trong mỗi ô có hai hình vũ sĩ vận động từ trái sang phải. Vũ sĩ đội mũ hình đầu chim, váy dài có hai mảnh tỏa ra hai phía, một tay cầm rìu chiến và một tay cầm mộc, trên mộc cắm hình đầu chim.

Tuy nhiên, so với hình vũ sĩ trên thân trống Ngọc Lũ I thì hình vũ sĩ ở đây cũng có những nét khác biệt về chi tiết. Về dáng đi trên trống Ngọc Lũ I, các vũ sĩ chỉ hơi ưỡn về phía sau, còn trên trống Hoàng Hạ thì các vũ sĩ hai chân cong gấp khúc rõ nét hơn khiến cho dáng người ngả về phía sau nhiều hơn; về trang sức trên đầu, cả 12 vũ sĩ trong 6 ô hầu như giống nhau, mũ trên đầu mỗi người đều có hình lông chim và hình đầu chim. Về hình dáng chiếc mộc, khác với trống Ngọc Lũ I, mộc thường dài và tương đối thẳng, còn ở đây các mộc thường cong, ngắn và có dáng dấp hình đầu chim. Về các kiểu cầm rìu của các vũ sĩ trên hai trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ cũng có những nét khác biệt. Để tiện cho việc khảo tả chúng tôi tạm qui ước: những vũ sĩ cầm rìu có lưỡi quay xuống dưới là cầm rìu thuận, còn những người cầm rìu có lưỡi ngửa lên là cầm rìu ngược. Nhận thấy trong hai ô thứ 2 và thứ 3 cả hai vũ sĩ đều cầm rìu ngược. Ở ô thứ nhất thì người thứ nhất cầm rìu thuận, người thứ hai cầm rìu ngược. Còn ô thứ 4 và thứ 6 thì người thứ nhất cầm rìu ngược, người thứ hai cầm rìu thuận. Tay vũ sĩ cầm rìu thuận hợp với cán rìu tạo thành góc nhọn, còn tay vũ sĩ cầm rìu ngược hợp với cán rìu tạo thành góc vuông hoặc góc tù.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn bện thừng. Chân trống không có hoa văn.

III – TRỐNG SÔNG ĐÀ [1]

Trống này do phó sứ Mu-li-ê (Moulié) tỉnh Hòa Bình lấy được tại nhà người vợ góa của viên quan lang Mường vùng sông Đà thuộc tỉnh Hòa Bình. Năm 1889 trống được mang trưng bày tại cuộc đấu xảo quốc tế ở Pa-ri, sau đó trống không trở về nước nữa. Hiện nay trống được trữ tại Bảo tàng Ghi-mê (Pháp)[2]

Vì không được trực tiếp quan sát hiện vật thật, chúng tôi dựa vào tài liệu và ảnh vẽ của F. Hê-gơ để miêu tả trống. Theo tài liệu này thì trống còn tương đối nguyên vẹn, mặt cũng như thân trống có nhiều vết sẹo. Mặt trống chờm ra ngoài thành tang một ít. Đường kính mặt trống là 78 cm, chiều cao: 61cm.

Bố cục trang trí và hình loại hoa văn gần giống với các trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 14 cánh, xen giữa các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công. Hoa văn gồm hai loại: văn hình học và hình khắc người, động vật và vật. Về hoa văn hình học, ngoài một số vành giống với trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ như: chấm nhỏ thẳng hàng, chữ ʃ gẫy khúc nối tiếp, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến song song và văn răng cưa ra, còn có một vành gồm hai đoạn hồi văn xen giữa với hai đoạn văn xoắn ốc hình quả trám kèm theo vòng tròn chấm giữa.

Vành 8 có 18 hình chim, gồm 16 hình chim bay, giống với hình chim ở vành 9 của trống Hoàng Hạ và hai chim đứng.

Cảnh sinh hoạt ở vành 6 cũng tương tự như cảnh này trên các trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ, tuy có một số chi tiết khác biệt: trên vành này cũng thấy có hai ngôi nhà sàn mái cong, hai dàn mỗi dàn 4 chiếc trống, trên sàn có 4 người ngồi cầm dùi đánh trống khác với dàn trống Ngọc Lũ I là ở đây dàn trống bố trí ở

---

(1) Trống này còn gọi là trống Mu-li-ê (Moulié). Xem F. Heger. Sách đã dẫn. Bản dịch. Tr. 60.

(2) L. Bezacier. Asie du Sud-Est (Le Việt nam) Tome II. A. et J. Picard. Paris. 1972.

phía bên trái ngôi nhà. Về hình « nhà cầu múa » thì không thấy người đứng giữa cửa, cũng không có chim đậu trên nóc, chỉ có những vòng tròn chấm giữa phủ dầy đặc mặt trước nhà. Đáng chú ý là hình người múa tổ hợp thành bốn nhóm: hai nhóm mỗi nhóm 3 người và hai nhóm mỗi nhóm 4 người. Một điểm nữa khác với nhóm người múa trên trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ là, những người múa ở đây không có vũ khí trong tay, họ biểu diễn theo một động tác đồng loạt, tất cả dáng hơi nghiêng hai chân xoạc ra như đang bước, bàn tay phía trước và bàn tay phía sau xẻ ra thành hai nhánh theo tư thế của bàn tay múa. Trong nhóm múa hoàn toàn không có hình người thổi khèn như nhóm người múa trên mặt các trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ.

Trên nóc nhà sàn có một hình chim đuôi dài, giống với hình chim đậu trên nóc nhà này của trống Hoàng Hạ. Dưới mỗi nhà sàn cũng thấy đặt một hình trống dề ngửa. Trong nhà cũng có hai hình người quay mặt vào nhau, đang làm việc gì không rõ. Cặp trai gái giã gạo[1] chỉ thấy khắc trong một bán viên của vành « sinh hoạt », bán viên đối diện không có. Đây cũng là điểm khác biệt so với trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ (có hai cặp trai gái giã gạo).

b) Thân trống:

Phía trên của tang trống có một băng hoa văn hình học gồm 6 vành: hai vành 1 và 6 là những đường chấm nhỏ, các vành 2 và 5 là văn răng cưa, hai vành 3 và 4 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến.

Dưới băng hoa văn hình học này là hình 6 chiếc thuyền, xen giữa các thuyền có hình một chim đứng. Đây là loại chim cổ cao, chân cao như kiểu chim hạc. Điều đáng chú ý là cứ hai chiếc thuyền lại có một chim đứng. Vì những đường chỉ nối tiếp của hai mang khuôn đúng vào chỗ đứng của hai hình chim, nên mỗi chim được khắc lui sát vào mỗi chiếc thuyền. Kết quả là trên một nửa khoảng này (giữa hai đường nối khuôn đúc) chỉ có hai con chim, còn trên nửa khoảng kia lại có 4 con. Mũi thuyền vẫn được thể hiện theo hình đầu chim, nhưng đã đơn giản hóa đi nhiều. Ở đây không thấy có hình mỏ neo và bánh lái.

Mỗi thuyền đều có 5 người, mũ trên đầu họ đều có cắm hình đầu chim. Về vị trí của những người trên thuyền thì 5 thuyền số 1, 2, 4, 5, 6 giống nhau: người cầm lái ở đầu thuyền, rồi đến người thủy thủ bơi thuyền, người thuyền trưởng cầm trống (vị trí số 3), cuối cùng là hai thủy thủ nữa. Tất cả 5 người trên đều ngồi theo hướng thuyền lướt tới.

Riêng số người trên thuyền số 3 bố trí hơi khác. Thứ tự sắp xếp như sau: thứ nhất — người cầm lái, thứ hai — thủy thủ bơi thuyền, rồi đến hình một chim đứng, thứ ba — người thuyền trưởng cầm trống. Cả ba người trên đều ngồi. Thứ tư — một người đứng, mặc váy dài có vạt tỏa ra hai bên, tay phải cầm dao găm, tay trái cầm vật gì không rõ. Thứ năm là một thủy thủ ngồi bơi thuyền.

Sự xuất hiện hình một người đứng trang sức lộng lẫy, tay cầm vũ khí giữa những thủy thủ hoạt động đồng loạt, khiến ta nghĩ đến vị trí khác nhau giữa họ.

---

(1) Hê-gơ nhận định: đây là hai người đàn ông, có vẻ như họ đang dùng gậy đọt vào một cái vại (?) Hê-gơ cũng cho rằng những người đánh trống và những người ở trong nhà mái cong đều là đàn ông cả (F. Heger. Sách đã dẫn. Bản dịch. Tr. 73.)

Có thể xem người đứng là người chỉ huy chung cuộc bơi trải[1] này. Về hình chim đứng xen giữa các thuyền, thì thấy một chim đứng trước thuyền thứ nhất quay về phía phải, còn 5 chim kia quay về hướng trái. Trong số 6 chim thì 4 con có mào, 2 con không, đặc biệt có một con như đang ngậm mồi.

Bên dưới những chiếc thuyền này là một băng hoa văn hình học, gồm ba vành: một vành hoa văn vòng tròn có chấm giữa nằm giữa hai đường chấm nhỏ.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học, gồm 6 vành: vành 1 và 6 là những đường chấm nhỏ, vành 2 và 5 là những đường vạch chéo song song, hai vành 3 và 4 là vòng tròn chấm giữa và có tiếp tuyến. Những băng hoa văn này bố trí theo chiều thẳng đứng, chia phần giữa thân trống thành 8 ô không đều nhau; trong mỗi ô có một hình vũ sĩ thể hiện theo tư thế bước đi. Tất cả 8 vũ sĩ này đều đội mũ có gắn hình đầu chim, tay trái cầm mộc dơ ra phía trước, phía trên của mộc có trang sức lông chim. Tay phải có hai cách xử lý: 4 người cầm dao găm (hoặc mũi nhọn); còn 4 người kia xòe bàn tay ra làm động tác múa, giống với bàn tay người múa trên mặt trống Ngọc Lũ I.

Phía dưới những hình người múa này là một băng hoa văn hình học gồm 6 vành tương tự, như băng hoa văn ở phần trên của tang trống.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn thừng chân trống không có trang trí.

(1) Đặng văn Lung trong bài « Về các hình thức sinh hoạt dân ca ». « Nghiên cứu văn học ». Tháng 5-1973, cho rằng: « hoa văn chèo thuyền trên các trống đồng tìm được ở vùng sông Đà là chứng tích xưa nhất của lối hát xướng rô ». « ... Hình thức diễn xướng xường rô phát triển rộng khắp theo diện phân bố trống đồng đã tìm thấy ở nhiều nơi từ Nghệ An đổ ra ».

IV – TRỐNG KHAI HÓA[1]

Trống Khai hóa vốn không phải là một hiện vật phát hiện được ở nước ta, nhưng căn cứ vào kiểu dáng, bố cục và hoa văn trang trí thì nó rất gần gũi với các trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ, và nhất là sông Đà, cho nên chúng tôi giới thiệu vào đây để tiện tham khảo.

Theo Văn Hựu trong sách « Cổ đồng cổ đồ lục » thì trống này phát hiện được ở phủ Khai hóa tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), nguyên là của một viên tù trưởng người Mèo, theo chủ nhân kể lại thì trống được đưa từ phía nam tỉnh Quý châu tới. Hiện nay trống bị lưu lạc ở nước ngoài. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai có hai thuyết nói về địa điểm lưu trữ của trống. Một thuyết nói trống để ở Bảo tàng dân tộc học tại thủ đô Viên nước Áo. Một thuyết khác nói trống để ở Bảo tàng Mỹ thuật công nghiệp nước Áo. Theo Văn Hựu thì thuyết sau có lẽ đúng hơn[2]. Gô-lu-bép cũng đã từng nhận định như vậy.

Dưới đây chúng tôi dựa theo tài liệu của Hê-gơ để miêu tả trống. Trống có hình dáng cân đối, chân hơi choãi ra một ít. Thân trống có hai đường chỉ nổi khuôn đúc ở giữa những đôi quai. Mặt trống chờm ra ngoài thành tang một ít, tạo thành một đường gờ nối liền mặt và tang trống, giống như trống sông Đà Đường kính mặt trống là 65cm, chiều cao — 53cm.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, xen giữa các cánh sao vẫn là những họa tiết trang trí hình lông công. Từ trong ra ngoài có 13 vành

---

(1) F. Hê-gơ gọi trống này là trống Bắc kỳ Gi-lê I (Gilet I), nói theo tên của người chơi đồ cổ ở Hà-nội là Lê-ô-pôn Gi-lê (Léopold Gilet). Ông theo lời chỉ dẫn của phó sứ Mu-li-ê ở Hòa bình mà tạm coi xuất sứ của trống là ở Vân Nam (Xem F. Heger. Sách đã dẫn. Bản dịch Tr. 90). Gô-lu-bép thì theo Vờ-rô-khơ-la-giơ (Vroklage) mà gọi đó là trống. Viên (Xem V. Goloubew. Bài đã dẫn. BEEEO. T. XL. Hanoi 1940 Tr. 502. hình 12, bản vẽ E; Hình 13 bản vẽ A). Căn cứ vào sự miêu tả thì trống Viên với trống Khai hóa thuộc quyền sở hữu của Gi-lê ngày xưa chỉ là một. Có lẽ Gi-lê đã lấy trống này ở Vân Nam và sau đó bán cho Bảo tàng nước Áo.

(2) Văn Hựu. Cổ đồng cổ đồ lục. Sách đã dẫn. Xem phần thuyết minh trống số 7.

hoa văn trang trí gồm hai loại: văn hình học, và hình khắc người, động vật và vật.

Về văn hình học, 5 vành trong giống hệt như trống sông Đà. Vành 9 cũng là một loại hoa văn xoắn ốc kép và vòng tròn đồng tâm, gần gũi với hoa văn vành 7 trên mặt trống Hoàng Hạ. Vành 11 và 13 là văn răng cưa tam giác. Vành 12 gồm 4 đoạn hồi văn xen kẽ với 4 đoạn hoa văn hình quả trám xoắn ốc kèm theo vòng tròn chấm giữa. Hai đoạn văn này giống với vành hoa văn số 11 trên trống Sông Đà.

Về hình khắc người, động vật và vật gồm có: vành 10 là 18 hình chim bay mỏ và đuôi dài, có mào. Vành 6 là cảnh sinh hoạt tương tự như trống sông Đà tuy nhiên cũng có một số chi tiết khác biệt. Ngoài những hình trang trí tương tự như trống sông Đà như hai hình nhà sàn mái cong, hai hình nhà cầu mùa... còn có một số hình vẽ về đại thể thì giống nhau, nhưng chi tiết thì có khác nhau. Ở đây cũng có 4 nhóm người múa giống với nhóm người múa trên mặt trống sông Đà, nhưng cả 4 nhóm mỗi nhóm đều có 4 người. Đặc biệt trong một nhóm múa còn có hình một người thổi khèn. Nhóm người múa này cách nhau bởi những hình nhà sàn và nhà cầu mùa.

Trên mỗi nóc nhà mái cong có một con vật có lẽ là hình chim, giống với hình chim trên nóc nhà mái cong của trống sông Đà. Trong nhà có hai người tóc xõa sau lưng quay mặt vào nhau.

Dưới sàn nhà cũng thấy để những đồ đựng giống như chiếc trống đồng đặt ngửa. Dàn trống chỉ có hai người cầm gậy, phía dưới là hai chiếc trống đặt sát với gầm sàn. Đáng chú ý là trong vành «sinh hoạt» này không thấy có cảnh trai gái giã gạo.

Rìa mép mặt trống không trang trí, nhưng có 24 vết sẹo hình 4 cạnh không đều. Đó là dấu vết của những con kê để lại trên khuôn đúc.

b) Thân trống:

Vì không được trực tiếp quan sát hiện vật, chúng tôi miêu tả theo ảnh chụp mà tấm ảnh lại rất mờ, cho nên chỉ có thể giới thiệu được những nét lớn. Phần trên cùng của tang trống là một băng hoa văn hình học, gồm các loại hoa văn: chấm nhỏ thẳng hàng, hình răng cưa, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Ở đây cũng có một vành hồi văn xen kẽ với văn hình quả trám xoắn ốc kèm theo vòng tròn chấm giữa như trên mặt trống.

Phía dưới cũng có hình 6 chiếc thuyền, nhưng chỉ nhìn thấy lờ mờ những nét của vật trang sức trên đầu những hình người trên thuyền. Hình như giữa những chiếc thuyền cũng có hình chim đứng như trống sông Đà.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học, gồm có hoa văn vạch chéo song song, văn hình quả trám xoắn ốc kèm theo vòng tròn chấm giữa. Các vành hoa văn này chia phần giữa của thân trống thành tám ô hình chữ nhật. Mỗi ô có khắc hình một người vũ sĩ, gần giống với hình vũ sĩ trên trống sông Đà. Phía trên đầu vũ sĩ có một băng hoa văn hình tam giác phủ vạch chéo giống như trên trống Ngọc Lũ I. Dưới chân các vũ sĩ là một băng hoa văn hình học, giống với băng hoa văn trên tang trống.

Trống có hai quai kép trang trí văn thừng tết.

Chân trống không trang trí.

V — TRỐNG BẢN THÔM

Trống này tìm được ở Bản Thôm (cùng xã có di chỉ đồ đồng Bản Môn) thuộc Thuận Châu tỉnh Sơn La. Theo đồng chí Hồng cán bộ phòng bảo tàng Sở Văn hóa Tây bắc cho biết, thì trống này vốn là của hai anh em một gia đình người Thái, cách đây khoảng 100 năm, người em đã mang dấu vào lòng đất, mãi đến năm 1957 trong khi đào đất nhân dân mới phát hiện được. Hiện nay trống được bảo quản tại Sở Văn hóa khu tự trị Tây Bắc.

Trống có dáng thấp bè, gần gũi với trống Miếu Môn. Thân trống vẫn chia ra làm 3 phần rõ rệt nhưng phần giữa không còn giữ nguyên hình trụ như các trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ, mà đã chuyển thành hình nón cụt, cạnh hơi lõm vào phía trong, phần dưới hơi choãi ra nối liền với chân trống có đáy loe rộng.

Trống có đường kính mặt là 57cm, chiều cao là 37,5cm.

Trống Bản Thôm bị vỡ hai miếng lớn ở tang và còn bi sứt thêm một quãng. Hầu hết hoa văn trên trống đã bị mài mòn lại có nhiều vết xước trên mặt nên nhiều chỗ hoa văn chỉ còn trông thấy dáng dấp lờ mờ.

a) Mặt trống.

Hình ngôi sao chính giữa mặt trống có 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công đã bị mờ.

Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn còn tương đối rõ. Các vành 1, 3 và 7 là văn răng cưa. Các vành 2 và 6 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa. Vành 5 khắc hình chim bay mỏ dài, đuôi dài, nhưng không có mào và chân, so với hình chim bay ở vành 10 trên trống Ngọc Lũ, thì hình chim ở đây đã đơn giản đi nhiều.

Vành 4 rộng nhất là vành trang trí chủ đạo trên mặt trống. Hai hình nhà cầu mùa chia vành này thành hai phần bằng nhau, mỗi phần có hình 4 người múa. Hầu hết hình người đã bị lu mờ, nét khắc chỉ còn sót lại từng phần. Quan sát kỹ thì thấy đây là những người đội mũ lông chim khá cao, mặc váy có vạt tỏa ra hai bên, một tay cầm lao mũi chúc xuống một tay xòe ra đang múa, gần giống với hình người múa trên trống Hoàng Hạ.

Tất cả đều diễu hành vòng quanh ngôi sao theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.

Ngoài ra có thể còn một vài đường chấm nhỏ thẳng hàng xen kẽ với các vành trên nhìn không rõ.

b) Thân trống.

Hoa văn trang trí cũng mờ như mặt trống. Trên tang gần mặt trống là hai vành răng cưa xen giữa là một vành hoa văn vòng tròn đồng tâm chấm giữa. Phía dưới là hình sáu chiếc thuyền, nhưng chỉ còn một hình là nhìn tương đối rõ. Thuyền không có xu hướng cong như kiểu thuyền đuôi én, mà lại dẫn ra như một chiếc bè. Trên thuyền toàn là những vũ sĩ đứng dạng chân, mặc váy có vạt tỏa ra hai bên, đầu đội mũ lông chim rất cao, tay cầm vũ khí như rìu, giáo hoặc mộc. Số người trên thuyền không tính được chính xác vì không còn thuyền nào nguyên vẹn, ước đoán có vào khoảng từ 4 đến 6 người. Đứng về mặt nội dung của hình vẽ mà xét thì có thể xem thuyền này thuộc loại thuyền chiến, vì không thấy một thủy thủ nào trên thuyền cầm chèo cả, nó có thể cùng một ý nghĩa với những hình thuyền trên trống Ngọc Lũ I.

Phần giữa của thân trống cũng có những băng hoa văn hình học, gồm hai loại: hoa văn răng cưa và vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Những băng hoa văn này chạy song song và cắt nhau tạo ra những ô hình chữ nhật, trong những ô ấy có từ 1 đến 3 hình vũ sĩ đội mũ cắm lông chim cao vút, mặc váy có hai vạt tỏa ra hai bên. Những vũ sĩ này có khi một tay cầm lao mũi chúc xuống, một tay cầm rìu chiến, chỗ khác một tay cầm rìu chiến hoặc lao một tay múa, cũng có người một tay cầm gậy có trang sức lông chim, một tay múa.

Cách sắp xếp những băng hoa văn hình học ở phần giữa của thân trống cũng với kiểu vũ sĩ đội mũ cắm lông chim cao vút này thấy được nhắc lại trên trống Miếu Môn mà chúng tôi sẽ miêu tả ở dưới.

Trống có bốn quai đơn trang trí văn thừng tết.

Chân trống không trang trí.

VI – TRỐNG QUẢNG XƯƠNG

Trống này do viên thuế quan người Pháp tên là Pa-giô (Pajot) mua ở huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa, rồi bán lại cho Nhà Bác cổ Viễn đông Hà nội hồi tháng 4-1934. Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Mặt trống còn nguyên vẹn, nhưng thân trống đã bị vỡ mất nhiều chỗ. Đường kính mặt trống là 36,5cm, chiều cao là 29cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 8 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình tam giác vạch chéo lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn: vành 1 và 6 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến; các vành 2,5 và 7 là những vạch thẳng song song. Đáng chú ý là hai vành 3 và 4. Vành 3 là vành hoa văn chủ đạo gần giống kiểu vành 6 tả cảnh sinh hoạt trên các trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ. Vành này có hai ngôi nhà sàn đối xứng nhau, nhà có nóc cong lõm xuống. Khoảng giữa hai ngôi nhà là hai nhóm mỗi nhóm bốn người hóa trang nhảy múa. Đó là những người mặc váy có vạt tỏa sang hai bên, hoặc có người lõa thể chỉ có một vật trang sức kéo từ mũ xuống và bay tạt về phía sau.

Điều đáng chú ý là ngoài những hình người còn thấy rõ hình thể ra, còn có những vật như hình cái mộc, cao bằng người tựa như hình người, có chỗ ba vật như thế liền nhau, khiến chúng tôi nghĩ rằng: có thể đó là những hình người đang trong quá trình chuyển biến từ hình cách điệu sang «văn cờ» mà ta sẽ thấy sau này.

Vành 4 có hình sáu chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, mình ngắn, bay ngược chiều kim đồng hồ.

b) Thân trống.

Phần trên của tang trống có hai vành hoa văn hình học là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến và vạch thẳng song song.

Phía dưới là hình 6 chiếc thuyền, trên thuyền có một số người đứng, gần giống với hình người trên mặt trống. Thuyền có dáng cong phỏng theo hình chim, mũi thuyền làm giống hình đầu chim há mỏ, có mào. Hình thuyền kiểu này thấy được nhắc lại trên tang trống Hữu chung sau này.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học chạy song song và cắt nhau tạo ra tám ô hình chữ nhật, trong đó có 6 ô, mỗi ô có một số hình người trang sức lông chim thể hiện theo lối cách điệu khá cao, họ mặc váy có vạt tỏa sang hai bên, hai tay cầm vật gì như hình cái mộc gần giống với hình người đứng trên thuyền. Đặc biệt là trên đầu những hình người và vật này có một vật trang sức giống hình một con chim đã được cách điệu hóa. Chim có mình và đuôi vươn về phía trên, đầu chim nhập với đầu người chung nhau một con mắt được thể hiện bằng hình vòng tròn chấm giữa. Ngoài ra còn một số dường thẳng vươn cao lên bao lấy một số chấm nhỏ và đoạn thẳng, có lẽ là biểu hiện hình trang trí lông chim. Vật trang sức hình chim này thấy được biểu hiện trên mặt các trống Hữu Chung, Đông Hiếu và một số trống khác nữa thuộc nhóm C.

Trống có bốn quai trang trí văn bện thừng. Nhìn chung, trống Quảng Xương vẫn còn phỏng theo lối trang trí của các trống thuộc tiểu nhóm A1 đã sơ lược và biến chuyển khá nhiều. Những hình người, hình chim được cách điệu hóa khá cao, có những người đã mang dạng thức một hoa văn hình học. Có lẽ người nghệ sĩ còn đang mò mẫm trong việc tìm kiếm phương thức thể hiện một số hình người và vật theo xu hướng cách điệu hóa.

VII – TRỐNG MIẾU MÔN[1]

Tháng 12 năm 1961, Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đã tìm được trống này tại thôn Hoành (Miếu Môn) thuộc xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây). Trống còn tương đối nguyên vẹn, hiện tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống có dáng tương đối thấp bè, gần giống với trống Bản Thôm Tây Bắc. Tang trống vồng ra ngoài mặt trống. Phần giữa thân trống choãi dần càng xuống chân trống càng loe rộng, nó không còn giữ nguyên vẹn hình trụ mà đã chuyển sang hình nón cụt. Đường kính mặt trống là 72cm chiều cao là 48cm. Trống được trang trí tương đối phong phú.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 14 cánh, xen giữa các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công. Từ trong ra ngoài có 14 vành hoa văn: các vành 1, 5, 10 và 14 là những đường chấm nhỏ. Hai vành 2 và 4 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến; vành 3 là những hình chữ S gẫy khúc; Hai vành 7 và 12 là những vòng tròn đồng tâm chấm giữa; Hai vành 11 và 13 là những hình răng cưa có chấm; Hai vành 6 và 9 là hai vành văn chủ đạo; vành 6 là hai nhóm hươu nai, mỗi nhóm 4 con đi xen kẽ với hai nhóm thú bốn chân kỳ dị, có mỏ như chim ngậm mồi (giống với mỏ chim ngậm mồi ở vành 9), mỗi nhóm thú có 4 con. Đây là loại hươu có sừng giống với hình hươu trên mặt trống Ngọc Lũ I. nhưng trong tám hươu ấy chỉ có một con là hươu đực. Vành 9 là 16 hình chim bay ngậm mồi, có mào, cổ và mỏ dài, đuôi hơi ngắn gần giống với hình chim bay ở vành 10 trên mặt thống Ngọc Lũ I.

---

(1) Mục tin tức trong Tạp chí của Trường Bác cổ Viễn đông Hà nội (BEFEO T. XXXVI. Hànội. 1936. P. 599) và V. Gô-lu-bép (BEEEO T. XL. Hà-nội. 1940. P. 389) có nói tới chiếc trống Thượng Lâm. Theo thần tích làng Thượng Lâm thì đó là trống do Đinh Tiên Hoàng tặng cho dân làng này để làm đồ thờ. Vì thế dân làng đã cất giữ và không giao lại cho Nhà Bác cổ Viễn đông. Chúng tôi đối chiếu về kích thước, hình dáng và hoa văn trang trí giữa hai trống Miếu Môn và Thượng Lâm... thấy chúng hoàn toàn giống nhau. Vậy theo chúng tôi, hai trống này chỉ là một. (Chú thích của các tác giả).

Tất cả các hình chim và thú đều diễu hành vòng quanh ngôi sao theo ngược chiều kim đồng hồ.

Ngoài rìa mặt trống có những lỗ nhỏ cách đều nhau, đó là vết tích của những con kê khi đúc trống.

b) Thân trống:

Phần trên của tang trống giáp mặt trống là một băng hoa văn hình học gồm 5 vành: các vành 1 và 5 là những đường chấm nhỏ. Các vành 2 và 4 là văn răng cửa có chấm. Vành 3 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa.

Dưới băng hoa văn hình học này là hình sáu chiếc thuyền chuyển động từ trái sang phải. Trên mỗi thuyền có 4 người ngồi khom lưng, cầm dầm, đội mũ lông chim khá cao. Đây là những chiếc thuyền có dáng cong đơn giản, gần gũi với hình thuyền trên tang trống Tấn Ninh tỉnh Vân Nam Trung Quốc(1). Căn cứ vào công việc của những thủy thủ thì đấy là cảnh đua thuyền gần giống với những chiếc thuyền trên trống sông Đà, không thấy những người cầm giáo mác như hình thuyền trên các trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ. Chỉ có một người không cầm dầm mà cầm rìu xéo ngồi ở phía mũi thuyền.

Khoảng giữa các thuyền là một số hình chim, trong đó có một số con ngậm cá.

Phần giữa thân trống có 5 vành hoa văn hình học , giống như trên tang trống chúng được bố trí theo chiều thẳng đứng và nằm ngang thẳng góc với nhau, chia vành này thành 8 ô, mỗi ô có từ 1 đến 2 hình người vũ sĩ. Ngoài ra còn có 2 ô phụ nằm giữa hai đường khuôn đúc không có hình người.

Đặc biệt giữa các ô 1 và 2, 5 và 6 có một vành hoa văn hình xoắn ốc kép và vòng tròn đồng tâm, gần giống với hình này trên mặt trống Hoàng Hạ.

Dưới đây chúng tôi sẽ khảo tả chi tiết về 8 ô có hình vũ sĩ.

4 ô nhỏ được bố trí từng đôi một đối xứng nhau: 1 và 2 đối xứng với 5 và 6, trong 4 ô này mỗi ô có một hình người múa, tay trước cầm mộc, tay sau cầm rìu chiến.

Còn 4 ô lớn thì cũng được bố trí từng đôi một đối xứng nhau: 3 và 4 đối xứng với 7 và 8, trong 4 ô này mỗi ô có hai hình vũ sĩ, trên đầu họ có 2 con chim bay. Tuy nhiên hình chim cũng được bố trí khác nhau. Trên đầu hai người ở các ô số 3 và 8 là 2 con chim, cổ dài nhưng mỏ hơi ngắn, có ngậm mồi bay chếch lên. Còn trên đầu những người ở hai ô số 4 và 7 thì có hai con chim cổ dài, mỏ dài bay ngang.

Trong 4 ô lớn, những hình người được bố trí như sau: 3 ô 4, 7 và 8 thì người đi trước một tay cầm mộc, một bàn tay xòe ra múa, còn người đi sau thì một tay cầm mộc, một tay cầm rìu chiến. Riêng ô số 3 thì được bố trí ngược lại: người đi trước một tay cầm mộc, một tay cầm rìu chiến, còn người đi sau một tay cầm mộc, một tay múa.

Các hình vũ sĩ ở đây cũng mặc váy vạt tỏa ra hai bên, đầu đội mũ lông chim cao, gần giống hình vũ sĩ trên trống Bản Thôm.

Trống có 4 quai bố trí từng đôi một, trang trí văn thừng tết.

Chân trống không trang trí.

---

(1) Xem: Vân Nam tỉnh bác vật quán. Đồng cổ đồ lục. Côn Minh 1959. Tr. 9. Hình số 8.

VIII – TRỐNG VŨ BỊ

Trong lúc đào mương tại cánh đồng Mạc (tên cũ là Mả Chê) nhân dân thôn Đại Vũ (tên cũ là Vũ Bị) huyện Bình Lục tỉnh Nam Hà đã tìm được trống ở độ sâu 1m40. Xung quanh khu vực tìm thấy trống có nhiều mảnh gốm thô thời đại đồ đồng do nhân dân đào mương đổ lên. Chiếc trống này có lẽ nằm trong lớp đất có những mảnh gốm thô đó[1]. Thôn Đại Vũ trước đây thuộc tổng Ngọc-Lũ, nơi đã phát hiện được hai trống đồng và một nắp thạp đồng, trong đó có trống đồng Ngọc Lũ I nổi tiếng. Hiện nay trống Vũ Bị được tàng trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Nam Hà.

Trống Vũ Bị có dáng thon cao hơn trống Ngọc Lũ I. Trống bị rỉ nhiều chỗ ở mặt trống và thân trống bị bóc hết pa-tin. Trống có đường kính mặt là 72,5cm, chiều cao là 60cm. Trống đã bị đục thủng mất hình ngôi sao ở giữa mặt, và vỡ một miếng tang, trống có nhiều hình trang trí.

a) Mặt trống :

Hình ngôi sao ở giữa mặt trống đã bị đục thủng khi đào lên, nhưng theo nhân dân địa phương kể lại thì hình sao có 14 cánh. Mặt trống có 15 vành hoa văn : vành 1 là hình chữ S gẫy khúc. Các vành 2, 6, 7, 12 và 13 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Các vành 3, 5, 8, 10 và 15 là đường chấm nhỏ. Vành 4 rộng khoảng 3cm nhưng không nhìn rõ trong đó có hoa văn gì. Vành 9 có 20 hình chim mỏ và đuôi dài, bay ngược chiều kim đồng hồ. Vành 11 và 14 là vạch thẳng song song. Rìa mép mặt trống có 32 lỗ khoảng cách đều nhau, là vết tích của những con kê khi đúc trống.

b) Thân trống :

Phần trên của tang trống giáp với mặt trống là một băng hoa văn hình học gồm 6 vành : vành 1 và 3 là những đường chấm nhỏ. Vành 2 và 5 là vạch thẳng song song. Vành 3 và 4 là vòng tròn tiếp tuyến. Phía dưới băng hoa văn này là hình 6 chiếc thuyền (gần giống hình thuyền trên trống Bản Thôm). Trên thuyền có hình người cầm dầm, nhưng hình đã mờ nên không đếm được số người. Hình

(1) Xem tin trên báo Nhân dân ngày 18-11-1969.

người cầm dầm này giống với hình những người bơi trải trên trống Đồi Ro Hòa Bình. Khoảng giữa các thuyền có hình chim đứng, nhưng rất mờ.

Phía dưới thuyền là một băng hoa văn hình học có 3 vành. Vành 1 và 3 là những đường chấm nhỏ. Vành 2 là những vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến.

Phần giữa thân trống khắc những băng hoa văn hình học. Có 6 vành, gồm các loại văn như trên tang trống, những băng hoa văn này bố trí ngang dọc cắt nhau và thẳng góc với nhau chia phần này thành 6 ô, trong mỗi ô có 2 hình người hóa trang lông chim, cầm vũ khí, nhưng không nhìn rõ là vũ khí gì, chỉ còn thấy lờ mờ loại vũ khí này có cán dài trang sức lông chim, có lẽ là giáo hoặc mộc (?)

Trống có 4 quai kép, trang trí văn thừng tết.

Chân trống không trang trí.

IX – TRỐNG ĐỒI RO

Hồi tháng 4 năm 1966, anh em công nhân công trường thủy lợi, trong khi đào đất đắp đập Hang Cả, đã phát hiện được một chiếc trống đồng ở độ sâu 1m60 trong lòng đất, tại Đồi Ro cạnh đập Hang Cả, thuộc xóm An Thịnh, xã Long sơn, huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình. Sau đó các cán bộ bảo tàng tỉnh Hòa Bình đã tiến hành đào rộng ra xung quanh, thì tìm được thêm một mảnh gốm thô và một rìu đá nhỏ mài nhẵn cả bốn mặt. Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam.

Trống dã bị ô-xy hóa nghiêm trọng, thân và mặt trống nhiều chỗ bị rỉ nặng Trống bị vỡ nát 2 phần ba tang, ria mặt trống cũng bị sứt một đoạn dài, do đó nhiều đoạn hoa văn bị mất và một số mảng pa-tin đã bị bóc.

Tuy nhiên, từ chỗ có hình thuyền trở xuống, nhất là phần giữa của thân trống thì các hình trang trí còn nhìn thấy tương đối rõ.

Trống có dáng hơi đặc biệt. Tang trống phình ra mạnh, mặt trống hơi có xu hướng vồng lên. Phần giữa của thân trống không còn giữ nguyên hình trụ tròn mà đã chuyển thành hình nón cụt, hơi choãi ra, gần với phần chân có đáy loe rộng. Vì vậy trống có dáng hơi thấp, về hình dáng thì gần gũi với trống Miếu Môn.

Trống có đường kính mặt là 43cm, chiều cao là 33cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 16 cánh, nhiều cánh đã bị mẻ, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn: hai vành 1 và 5 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa. Vành 2 hiện chỉ còn thấy được bốn hình chim mỏ dài, đuôi dài bay ngược chiều kim đồng hồ. Tuy nhiên căn cứ vào khoảng cách giữa các hình chim có thể đoán được số chim của vành này là 6 con. Các vành 3 và 7 là đường chấm nhỏ. Các vành 4 và 6 là văn răng cưa có chấm ở đỉnh.

b) Thân trống.

Tang trống có một phần bị vỡ hoặc bị bóc mất pa-tin, nên nhiều chỗ mất hình trang trí. Nhưng căn cứ vào phần còn lại có thể biết được là, phần trên của

tang trống đoạn giáp mặt trống là một băng hoa văn hình học gồm 5 vành. Vành 1 và 5 là đường chấm nhỏ. Vành 2 và 4 là văn răng cưa. Vành 3 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa.

Dưới băng hoa văn này là hình 4 chiến thuyền, di động từ trái sang phải, trên mỗi thuyền có 6 người, riêng một thuyền có 8 người. Thuyền không cong lắm mà dãn ra gần với hình thuyền trên các trống Bản Thôm và Sông Đà. Người trên thuyền (có lẽ) đóng khố đơn giản, đầu húi tóc hoặc để xõa sau gáy (chứ không cắm lông chim), tay cầm dằm như đang đua trải. Xen kẽ các thuyền có khắc từ một đến hai hình chim đứng.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học chạy song song và cắt nhau thẳng góc tạo thành tám ô hình chữ nhật, mỗi ô có một con vật đứng, cứ một con đực lại đến một con cái. bụng thon, chân cao, đuôi dài, trên đầu có sừng như sừng trâu, vai có u nổi lên như u bò, lại có mõm như mõm lợn. Mình con vật có lông, được biểu hiện bằng những chấm nhỏ và vạch ngắn. Nhìn toàn bộ thấy hình những con vật này gần giống với hình bò Zê-buy ở Ấn Độ.

Trống có hai đôi quai kép trang trí bằng bốn vạch nổi to song song, phía dưới quai trống được trang trí bằng các đường vạch chéo song song.

Chân trống không trang trí.

X – TRỐNG LÀNG VẠC I

Cuối tháng 3 năm 1972, nhờ việc xây dựng công trình thủy lợi Làng Vạc gần huyện lỵ Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nhân dân địa phương đã phát hiện một khu di chỉ đồ đồng lớn thuộc nền văn hóa Đông Sơn. Viện Khảo cổ học và Ty văn hóa Nghệ An đã tiến hành hai đợt khai quật, đợt I vào giữa năm 1972 và đợt II vào đầu năm 1973. Trong số các di vật tìm được ở đây có 4 chiếc trống đồng Đông Sơn cỡ vừa và cỡ lớn và 4 trống minh khí nhỏ. Tất cả số trống đồng này hiện trữ tại Ty Văn hóa Nghệ An.

Trống Làng Vạc I có kiểu dáng và hoa văn trang trí tương tự với trống Đồi Ro (Hòa Bình). Trống còn nguyên vẹn, đường kính mặt là 37,7cm và chiều cao là 27,8cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 12 cánh, xen giữa các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 8 vành hoa văn. Các vành 1, 4 và 8 là những đường chấm nhỏ. Các vành 2 và 6 là vòng tròn đồng tâm có chấm giữa. Vành 3 là hình 4 chim bay, có mỏ và đuôi dài. Hai vành 5 và 7 là văn răng cưa có chấm bên cạnh.

b) Thân trống.

Phần trên cùng của tang trống có 5 vành hoa văn : các vành 1 và 5 là những đường chấm nhỏ, các vành 2 và 4 là văn răng cưa, vành 3 là vòng tròn chấm giữa và có tiếp tuyến.

Dưới băng hoa văn này là hình 4 chiếc thuyền, trên mỗi thuyền có 4 người ngồi, trong đó : 3 người chèo còn một người không rõ làm gì.

Phần giữa của thân trống có những băng hoa văn hình học, bố trí theo chiều thẳng đứng, gồm 4 vành : bên trong là hai vành hoa văn vòng tròn chấm giữa, và bên ngoài là hai đường chấm nhỏ. Những băng hoa văn này cắt nhau chia phần giữa thân trống thành 8 ô hình chữ nhật. Trong mỗi ô khắc hình một con bò có vai nổi cao, giống với hình bò trên thân trống Đồi Ro. Hai đường chỉ đúc chia đoạn giữa thân trống thành 2 phần đều nhau, mỗi phần có 4 hình bò. Nhưng ở một nửa thì có hai con đực hai đầu và hai con cái ở giữa. Như vậy trong số 8 hình bò thì có 5 con đực và 3 con cái (trống Đồi Ro có 4 con đực và 4 con cái.)

Phía dưới là một băng hoa văn hình học (5 vành) tương tự như băng hoa văn ở phần trên của tang trống.

Trống có 4 quai kép, trang trí văn thừng tết.

Chân trống không trang trí.

XI – TRỐNG LÀNG VẠC II

Trống này tìm được trong cuộc khai quật đợt 2 do Viện Khảo cổ học và Ty Văn hóa Nghệ An tiến hành vào đầu năm 1973. Hiện nay trống tàng trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Nghệ An.

Trống có đường kính mặt là 34,5cm và chiều cao là 25,6cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 10 cánh. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 6 vành hoa văn và một số đường chỉ trơn: các vành 1, 2, 4 và 6 là những đường chấm nhỏ. Hai vành 3 và 5 là văn răng cưa có chấm mà đỉnh quay về hai phía khác nhau. Giữa hai vành 1 và 3 là một khoảng trống rộng 3,60cm không có trang trí.

b) Thân trống.

Phía trên của tang trống có một băng hoa văn hình học, gồm hai vành văn răng cưa như trên mặt trống.

Phía dưới băng hoa văn này là hình 4 chiếc thuyền, xen kẽ giữa hai thuyền có một hình chim đứng, mỏ dài. Trên mỗi thuyền đều khắc 3 hình người giống nhau, búi tóc, ngồi chèo thuyền, tương tự như người chèo thuyền trên trống làng Vạc I.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn răng cưa bố trí thẳng góc với nhau theo chiều thẳng đứng và nằm ngang, chia phần này thành những ô hình chữ nhật tương tự như trống Làng Vạc I, nhưng trong các ô không có hình trang trí.

Nhìn chung trống Làng Vạc II có kiểu dáng và cách thức trang trí tương tự như trống Làng Vạc I, nhưng hoa văn trang trí ở trống Làng Vạc II đơn giản hơn trống Làng Vạc I.

XII — TRỐNG PHA LONG[1]

Trống này do ông Giàng Xuân quê ở Pha Long, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai đã sưu tầm được tại quê ông vào năm 1956.

Theo nhân dân địa phương kể lại thì, trước đây Pha Long có hai chiếc trống đồng. Chiếc trống sưu tầm được sở dĩ chỉ còn phần mặt vì người ta đã chặt mất phần thân trống để đúc đạn. Còn một chiếc nữa người địa phương đem giấu vào hang, nhưng đến nay vẫn chưa tìm thấy.

Hiện nay trống được trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Lào Cai.

Trống chỉ còn mặt và một phần tang, nên không biết được chiều cao, chỉ biết đường kính mặt trống là 73cm. Căn cứ vào hoa văn trang trí, chúng tôi xếp trống này vào nhóm A.

a) Mặt trống.

Nói chung các vành hoa văn đã bị mờ. Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 16 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài còn nhìn thấy 14 vành hoa văn. Các vành 1, 3, 4, 7, 9 và 14 là những đường chấm nhỏ. Vành 2 và 5 là hoa văn hình bông lúa kép. Các vành 6, 10 và 13 là văn răng cưa. Vành 11 và 12 là hoa văn hình bông lúa đơn.

Quan trọng nhất là vành 9 khắc 19 hình chim mỏ và đuôi dài bay ngược chiều kim đồng hồ. Con số lẻ của những hình chim bay trong vành là một điểm đặc biệt về bố cục của trống Pha Long. Những hình chim này phảng phất giống với hình chim bay trên mặt trống U-bông (Lào)[2].

b) Thân trống.

Trống chỉ còn một phần tang khoảng 10cm, trang trí khá phong phú. Phía trên gần mặt trống là một băng hoa văn hình học, gồm 6 vành: các vành 1 và 6 là những đường chấm nhỏ, vành 2 và 5 là văn răng cưa có chấm. Vành 3 và 4 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến.

Phía dưới băng hoa văn hình học này chỉ còn thấy một vài bộ phận như cán vũ khí, trên có cắm lông chim và những chóp mũ của những người trang sức lông chim. Căn cứ vào kiểu dáng hoa văn của phần còn lại, có thể thấy đây là hình những người hoạt động trên thuyền, giống như những hình thuyền thường gặp trên các trống thuộc nhóm A.

---

(1) Trong cuốn sách « Những vết tích đầu tiên của thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam » các tác giả gọi là trống Bản Lầu, chúng tôi nhận thấy Bản Lầu là tên huyện cũ đã đổi từ lâu, mà trống thì tìm được ở khu Pha Long, thuộc huyện Mường Khương (tên cũ là Bản Lầu), cho nên gọi là trống Pha Long hợp lý hơn. (Chú thích của các tác giả).

(2) V. Goloubew. L'âge du bronze... Op. cit. BEFEO T. XXIX. Hanoi. 1929. P. 42. PL. XXXII A.

XIII – TRỐNG PHÚ XUYÊN[1]

Trống này hiện trưng bày ở Bảo tàng cổ vật Viễn đông tại thủ đô Xtốc-khôn nước Thụy Điển.

Trống còn nguyên vẹn có đường kính mặt là 53cm, chiều cao 42cm.

Dưới đây chúng tôi sẽ khảo tả theo ảnh chụp công bố trong tạp chí của Bảo tàng cổ vật Viễn đông, xuất bản tại Xtốc-khôn, số 14 năm 1942.

Trống Phú Xuyên có kiểu dáng tương tự với trống Khai Hóa (tỉnh Vân Nam, Trung Quốc), tuy rằng kích thước nhỏ hơn.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 14 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình tam giác vạch chéo lồng nhau và họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 14 vành hoa văn: các vành 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 13 và 14 là những đường chấm nhỏ. Vành 9 và 12 là văn răng cưa. Vành 3 là

---

(1) Trống này trước đây gọi là «Trống Hà Nội để ở Bảo tàng Xtốc-khôn» (Xem: Lê văn Lan, Phạm văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Sách đã dẫn. Tr. 196). Nguyên ảnh của trống đã được B. Các-lơ-gờ-rân công bố và chú thích là chiếc trống này nhờ sự môi giới của V. Gô-lu-bép mà Ăng-đéc-sơn (Anderson) mua được tại Hà Nội. (Xem: B. Karlgren. The date of the early. Dongson culture. BMFEA. N° 14. Stockholm. 1942) Ảnh trống còn được Văn Hựu in lại trong cuốn sách «Sưu tập những trống đồng cổ» của ông (Xem: Văn Hựu. Cổ đồng cổ đồ lục, Bắc Kinh. 1957. Trống số XII. Hình số 21 và 22).

Theo tin trong tạp chí của Trường Bác cổ Viễn đông Hà Nội (BEFEO T. XXXVII Hà nội. 1937. P 607) thì vào khoảng năm 1907, nhân dân huyện Phú xuyên tỉnh Hà Đông, nhân đào mương tưới nước đã bắt được trống nằm trong lòng đất. Cũng theo nguồn tin trên thì trống này thuộc quyền sở hữu của người vợ góa viên tri huyện Phú Xuyên, có nhà riêng ở Hà Nội.

Đối chiếu về hình dáng, kích thước và hoa văn trang trí của trống «Hà Nội để ở Bảo tàng Xtốc-khôn» (theo BMFEA N° 14. Stockholm. 1942) và trống Phú Xuyên (Theo BEFEO T. XXXVII. Hà Nội. 1937), nhận thấy chúng hoàn toàn giống nhau. Theo chúng tôi, hai trống trên chỉ là một, và đề nghị gọi là «Trống Phú Xuyên». Có lẽ, khi trống được phát hiện, tri huyện Phú Xuyên đã chiếm lấy (hoặc mua lại) rồi mang về nhà riêng tại Hà Nội và sau đó đem bán cho Ăng-đéc-sơn. (Chú thích của các tác giả)

vành chính, khắc hình 4 con thú kỳ dị. Thú có mõm dài há to như loài chồn cáo, lưng uốn cong, đuôi cuộn lại, chân co lại trong tư thế chuẩn bị chạy theo ngược chiều kim đồng hồ. Đây là loại thú xuất hiện đầu tiên trên trống Phú Xuyên.

Vành 6 là sáu hình chim mỏ dài, đuôi dài trong đó có bốn con bay theo ngược chiều kim đồng hồ, còn hai con thì bay ngược lại. Chim bay vẫn thuộc loại mỏ dài, đuôi dài có mào như hình chim bay trên mặt trống Ngọc Lũ I, nhưng cổ ngắn không có chân và đã đơn giản đi nhiều.

b) Thân trống.

Phần trên cùng của tang trống là băng hoa văn hình học, có hai loại văn: răng cưa và chấm nhỏ. Bên dưới băng hoa văn là hình hai chiếc thuyền. Trên thuyền có từ 3 đến 4 hình người đội mũ lông chim, ngồi chèo. Những hình thuyền này khá đơn giản gần với những thuyền trên tang trống Miếu Môn và Sông Đà. Xen giữa các thuyền là một số hình chim đứng.

Phần giữa của thân trống có những băng hoa văn hình học như phần trên của tang trống, các băng hoa văn cắt nhau chia phần này ra làm tám khung hình chữ nhật, trong đó sáu khung không khắc hình vũ sĩ mà khắc một hình chim to đứng, mỏ dài, còn hai khung thì bỏ trống. Đây là một điểm đặc biệt mới thấy xuất hiện trên trống Phú Xuyên.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn thừng.

Chân trống không trang trí[1].

---

(1) Phái đoàn văn hóa Thụy Điển sang thăm Việt Nam hồi tháng 11-1973 cung cấp cho Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam biết bảng thống kê những hiện vật Việt Nam tàng trữ tại Thụy Điển. Theo bảng danh sách này thì tại Bảo tàng cổ vật Viễn đông (Ostagitisha museet) có 2 trống đồng ở địa điểm Đông Sơn (không rõ kích thước) và tại Bảo tàng dân tộc học Stockholm có một trống đồng lớn có đường kính mặt là 56cm, chiều cao 44,5cm, ở giữa có hình ngôi sao 10 cánh. Chúng tôi chưa đủ tài liệu về những chiếc trống này, nhất là chiếc trống để ở Bảo tàng dân tộc học Stockholm không biết có phải là trống Phú Xuyên hay không? (Chú thích của các tác giả).

XIV – TRỐNG HÒA BÌNH

Trống này do cán bộ Viện Bảo tàng Lịch sử tìm được tại nhà Đinh công Minh tỉnh Hòa bình năm 1958.

Trống có hình dáng cân đối và đẹp tương tự như dáng các trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ. Trống có đường kính mặt là 49,5cm, chiều cao 36cm. Trống được bảo quản tốt, hoa văn trang trí nổi rõ, nhất là ở thân trống. Hiện nay trống lưu tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh. Xen giữa các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công. Từ trong ra ngoài có 11 vành hoa văn. Các vành 1, 3, 5, 7 và 11 là những đường chấm nhỏ. Vành 2 là những hình chữ S gẫy khúc. Vành 4 khắc 6 con vật 4 chân cuộn đuôi nhưng lại có mắt và mỏ dài như mỏ chim. Hình thú « kỳ dị » này khác hẳn hình thú trên mặt trống Phú Xuyên, cũng không giống hình thú trên mặt trống Miếu Môn, rất khó xác định đó là con gì. Chỉ có thể đoán đó là thú rừng, thuộc loài ăn thịt. Vành 6 khắc 4 hình chim bay có mào, mỏ và đuôi dài. Tất cả thú và chim ở hai vành này đều vận động theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Vành 8 và 10 là văn răng cưa, vành 9 là vòng tròn đồng tâm có chấm giữa.

b) Thân trống.

Phần trên của tang trống có một băng hoa văn hình học, gồm 5 vành. Các vành 1 và 5 là những đường chấm nhỏ. Các vành 2 và 4 là văn răng cưa. Vành 3 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến. Dưới băng hoa văn hình học này không có hình thuyền, mà khắc hình 12 con chim đứng mỏ dài. Đó là điều khác biệt về mặt bố cục so với những trống thuộc nhóm A nói riêng, cũng như toàn bộ các trống đồng Đông Sơn đã biết từ trước đến nay.

Phần giữa thân trống cũng có những băng hoa văn hình học giống như băng hoa văn trên tang trống. Các băng hoa văn này cắt nhau thẳng góc chia phần này ra thành 6 ô, trong mỗi ô có hình một người đứng dạng chân, hai tay

xòe ra làm động tác múa. Chúng ta biết ở phần giữa của thân các trống Ngọc Lụ I, Hoàng Hạ, Miếu Môn... thường có hình vũ sĩ cầm rìu chiến, giáo mác hoặc mộc, còn ở đây là những người múa. Đây là một đặc điểm đặc biệt nữa về mặt bố cục của trống Hòa Bình.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn bện thừng. Trống được đúc khá dày khắp mặt và thân trống láng một lớp rỉ đồng mầu xanh.

Chân trống không có trang trí.

Tuy về kiểu dáng không có gì đặc biệt, nhưng sự xuất hiện hình những con thú « kỳ dị » và hình những con chim đứng thay thế vị trí những chiếc thuyền, khiến cho trống Hòa Bình có những nét độc đáo riêng về mặt bố cục trang trí.

XV – TRỐNG DUY TIÊN

Trống này do ông Phan văn Giang, làm nghề hàn đồng nát ở thôn Ngọc Thụy, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà mua được của dân công làm thủy lợi ở khu vực huyện này[1] vào tháng 3 năm 1974. Sau đó cán bộ Viện Bảo tàng Lịch sử đã đến mua lại, hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống bị vỡ nhiều, chỉ còn lại một mảnh mặt, tang vỡ gần hết, thân trống cũng bị gẫy một đoạn dài, toàn thân trống bị ô-xy hóa rất nặng, có lớp rỉ đồng mầu xanh lục bao phủ.

Trống có dáng thon, cao, phần giữa thân trống hình trụ thẳng đứng và kéo dài khiến cho chiều cao của phần này lớn hơn nhiều so với chiều cao của tang và chân trống.

Phần còn lại của trống có kích thước là: cao 46,5cm, đường kính chân trống là 65cm. Căn cứ vào phần còn lại có thể đoán rằng đường kính mặt trống khoảng 56cm.

a) Mặt trống.

Căn cứ hình 4 cánh sao còn lại trên mảnh mặt trống, có thể biết rằng chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 12 cánh. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết kiểu lông công đơn giản (tương tự trống Ngọc Lũ II). Từ trong ra ngoài có 8 vành hoa văn và một số đường chỉ trơn: các vành 1, 2 và 4 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Phần còn lại của vành 3 có 3 hình chim đứng mỏ dài có mào. Căn cứ vào phần còn lại của mặt trống có thể đoán rằng vành này có 10 hình chim đứng. Vành 4 còn lại 3 hình chim bay mỏ dài, đuôi dài có mào. Căn cứ vào phần còn lại của mặt trống có thể đoán rằng vành này có 8 hình chim bay. Tất cả các hình chim đều chuyển động theo hướng ngược chiều kim

(1) Chúng tôi chưa xác minh được chính xác xuất xứ của trống này. Theo ông Giang cho biết, thì vào khoảng đầu năm 1974 tại thôn Thần Lữ gần thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên cũng tìm được một trống đồng lớn, ông Giang mua được nhưng đã đập ra để hàn đồng nát. (Chú thích của các tác giả).

đồng hồ. Vành 6 và 8 là vạch thẳng song song. Vành 7 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến.

b) Thân trống.

Phần trên của tang trống tiếp giáp với mặt trống có một băng hoa văn hình học 3 vành: vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến nằm giữa hai vành hoa văn vạch thẳng song song.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học (gồm hai vành vạch chéo song song) bố trí theo chiều thẳng đứng thẳng góc với băng hoa văn ba vành như trên tang trống.

Trống có 4 quai kép trang trí văn thừng (đã gẫy ba).

Trống Duy Tiên tuy thuộc vào các trống nhóm B — nhóm trống có kiểu dáng thon cao, trang trí đơn giản, nhưng là trống được trang trí phong phú với số lượng hình chim nhiều nhất (18 chim). Sự có mặt của vành chim đứng, mỏ dài (loại chim này chỉ thấy xuất hiện trên các trống nhóm A) trên mặt trống Duy Tiên khiến chúng tôi đoán rằng trống này có niên đại tương đối sớm trong các trống nhóm B, đã phát hiện ở nước ta.

XVI — TRỐNG YÊN TẬP

Trống này do Vũ văn Bảo, tổng đốc cũ tỉnh Nam Định, tặng cho thôn Yên Tập, để tại nhà thờ họ La hữu Khồn thôn Yện Tập, xã Phú Đa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay là Nam Hà) cách đây đã gần 100 năm.

Chúng tôi không được trực tiếp quan sát chiếc trống này, chỉ dựa vào sự ghi chép sơ lược trong tạp chí của Trường Bác cổ Viễn đông Hà Nội tập XXXVII năm 1937, cùng với hai tấm ảnh số 5413 và 5416 của Thư viện Khoa học trung ương mà khảo tả. Hiện nay không rõ trống để ở đâu.

Chiếc trống này thuộc cỡ lớn, đường kính mặt là 65 cm, cao 53 cm. Tang trống phình to, phần giữa hình trụ tròn, chân trống loe ra hình nón cụt, nhìn chung trống này có dáng gần giống với trống Ngọc Lũ I.

Trống Yên Tập có trang trí nổi, hoa văn phong phú.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, một số cánh sao và một số mảng pa-tin trên mặt trống đã bị tróc lở mất hoa văn. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công đơn giản, giống với họa tiết này trên mặt trống Ngọc Lũ II. Đếm trên tấm ảnh số 5416 còn thấy được 13 vành hoa văn: các vành 1, 5 và 13 là những đường chấm nhỏ. Những vành 2, 4, 7, 10 và 11 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 là những hình chữ ʃ gẫy khúc. Vành 6 khắc những hình chim đứng, có mỏ ngắn, đuôi ngắn. Vành 8 có những hình chim bay mỏ dài, đuôi dài, có mào. Vì tấm ảnh chỉ chụp một phần mặt trống, nên không nhìn thấy được đầy đủ số hình chim. Căn cứ vào phần còn lại có thể đoán là vành 6 có tám hình chim đứng, và vành 8 có 6 hình chim bay.

b) Thân trống.

Phần trên cùng của tang trống có một băng hoa văn hình học, gồm: vạch thẳng song song, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến và một số đường chỉ trơn.

---

(1) Theo tin trong BEFEO T.XXXVII Hà Nội 1937. P. 607.

Hoa văn hình học ở phần giữa của thân trống là: hoa văn vạch chéo song song, vạch thẳng song song, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến.

Trống có hai đôi quai kép.

Chân trống không trang trí

Nhìn chung, trống Yên Tập có kiểu dáng và bố cục trang trí gần gũi với trống Duy Tiên, tuy rằng về chi tiết có khác nhau chút ít. Đây là những trống có hoa văn trang trí phong phú nhất trong số các trống nhóm B đã phát hiện ở nước ta [1].

---

(1) Tạp chí « Khảo cổ học » tập I—1973 Tr. 61 công bố 2 tấm ảnh số 12553 và 12.554 của Thư viện khoa học xã hội và ghi rằng: « đối chiếu kích thước ghi trên bìa ảnh, người ta không thấy giống kích thước của một trống nào đã biết »... « có ý kiến gọi trống này là Hà Nội 4 ». Sau khi nghiên cứu kỹ lại các ảnh trên, chúng tôi thấy chiếc trống này hoàn toàn giống về kiểu dáng, kích thước và hoa văn trang trí với trống Yên Tập. Hai trống trên chỉ là một (Chú thích của các tác giả).

XVII – TRỐNG NGỌC LŨ II

Trống này do Nhà Bác cổ Viễn đông mua tại làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay là Nam Hà) với giá tiền là 600 đồng Đông dương. Trống còn nguyên vẹn, hiện trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Trống có dáng thon, cao, hoa văn trạm nổi, trang trí đơn giản, nhưng trống vẫn cân đối và đẹp. Đường kính mặt trống là 49,5cm, chiều cao là 39 cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí lông công đơn giản. Tất cả có 5 vành hoa văn: vành 1 và 2 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến; vành 3 có hình 4 con chim mỏ dài, đuôi dài, có mào bay ngược chiều kim đồng hồ. So với hình chim bay trên mặt trống Ngọc Lũ I thì hình chim bay ở đây đã đơn giản đi nhiều; vành 4 và 5 là những vạch ngắn song song.

Rìa mặt trống còn để lại một số vết lõm — dấu vết của những con kê khi đúc trống.

b) Thân trống.

Ở tang và phần giữa của thân trống chỉ có một số vành hoa văn hình học như vạch thẳng song song và các đường chỉ trơn. Riêng khoảng giữa thân trống có những băng hoa văn vạch chéo song song hình chữ nhật thẳng đứng.

Trống có hai đôi quai kép mảnh, trang trí vặn thừng. Thân trống không có trang trí.

XVIII – TRỐNG PHÚ DUY

Năm 1959, nhân dân thôn Phú Duy, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây), trong khi đào mương làm thủy lợi, đã tìm được trống này ở độ sâu 1m80 trong lòng đất. Theo một số cụ già kể lại thì trống này do một vị vua đã đem giấu xuống đất, sau khi đánh trận bị thất bại. Mặt trống có một số mảng rỉ láng, làm mất hoa văn. Chính giữa ngôi sao có một chỗ thủng và bị một vết nứt đôi. Trống được phủ ngoài một lớp pa-tin mầu vàng nhạt. Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam. Đường kính mặt trống là 51cm, chiều cao là 43cm.

Trống Phú Duy có trang trí nổi đơn giản, đường nét to.

a) Mặt trống

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công, gần giống với hình này trên trống Ngọc Lũ I.

Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn; các vành 1, 3 và 6 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 2 là hoa văn hình chữ S gẫy khúc. Vành 4 có bốn hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ. Hai trong số 4 chim ấy đã bị rỉ láng mất một nửa. Hai vành 5 và 7 là những vạch thẳng song song. Ngoài ra còn một số đường chỉ trơn xen giữa các vành hoa văn chính.

Rìa mép trống có 24 lỗ thủng cách đều nhau, là dấu vết những con kê khi đúc trống.

b) Thân trống.

Tang trống cũng trang trí những vạch thẳng song song và những đường chỉ trơn. Phần giữa của thân trống có những đường vạch chéo song song hình chữ nhật thẳng đứng.

Trống có hai đôi quai kép mảnh, trang trí văn thừng.

Chân trống không có trang trí.

XIX – TRỐNG NÚI GÔI

Cuối thế kỷ XIX, nhân dân xã Thanh Côi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (nay là Nam Hà), trong khi lấy đất đắp đường, đã tìm được trống đồng ở cánh đồng màu cách chân núi Gôi khoảng 400 mét. Theo nhân dân địa phương kể lại thì lúc đó đào được 3 chiếc trống đồng. Chiếc đầu tiên bị đập vỡ nát, chiếc thứ hai bị viên công sứ Nam Định lấy đi, chiếc thứ ba được nhân dân mang về cúng vào đền thờ Lữ Gia ở chân núi, nên còn giữ được đến ngày nay. Hiện nay chiếc trống này trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Nam Hà.

Trống bị vỡ thủng nhiều mảng lớn. Mặt trống rách gần hết phần hình ngôi sao, tang trống bị vỡ một đoạn dài 8,5cm, còn thân trống thì miếng vỡ dài tới 11cm. Trống có đường kính mặt là 62,8cm, chiều cao là 51cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen giữa các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công. Từ trong ra ngoài có 8 vành hoa văn đơn giản: các vành 1, 3, 6 và 7 là những vòng tròn chấm giữa và có tiếp tuyến. Hai vành 5 và 8 là những vạch thẳng song song. Vành 2 là hình chữ S gẫy khúc tựa như hình này trên mặt trống Phù Duy. Vành 4 có bốn hình chim mỏ và đuôi dài, bay ngược chiều kim đồng hồ.

b) Thân trống

Ở tang và phần giữa thân trống chỉ có một băng hoa văn là vòng tròn tiếp tuyến nằm giữa hai vành vạch thẳng song song đơn giản.

Trống có hai đôi quai kép, mảnh, trang trí văn thừng nhưng một mảnh quai đã gẫy.

Chân trống không có trang trí.

XX – TRỐNG VIỆT KHÊ

Vào những tháng 3, 4, 5 năm 1961, anh em công nhân công trường đào đất Việt Khê (thuộc nhà máy đóng tầu Hải Phòng) đã lần lượt phát hiện được 5 ngôi mộ có quan tài hình thuyền bằng thân cây khoét rỗng, thuộc thôn Ngọc Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Trong số năm mộ quan tài hình thuyền thì chiếc to nhất chứa gần 100 hiện vật, một chiếc trống đồng nằm trong số hiện vật ấy[1].

Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống bị vỡ chỉ còn lại phần tang và mặt. Phần giữa thân trống và chân trống chỉ còn một mảnh, nên không biết được chiều cao.

Đường kính mặt trống là 23 cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 8 cánh, xen giữa các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Bao quanh ngôi sao có một vành 4 hình chim mỏ và đuôi dài, bay ngược chiều kim đồng hồ.

Ngoài ra, trên mặt cũng như tang trống còn một vài đường chấm nhỏ và đường chỉ đơn giản.

b) Thân trống.

Đáng chú ý là phần giữa thân trống có hình một chim đứng nghếch mỏ lên trời, gần giống với hình chim đứng trên mặt trống Yên Tập.

Quai trống đã bị gẫy, nhưng xem dấu trên tang có thể biết được trống có hai đôi quai.

Việc phát hiện được trống đồng nằm chung với một số hiện vật có niên đại xác định vào thời chiến quốc[2] (Thế kỷ V — III trước công nguyên) trong quan tài hình thuyền ở Việt Khê, là một mốc quan trọng trong việc đoán định niên đại của nhóm trống này.

---

(1) Xem: Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Những hiện vật tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam về ngôi mộ cổ Việt Khê. Hà Nội. 1965. Tr. 23.

(2) Xem: Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Những hiện vật... Sách đã dẫn. Tr 32—33.

XXI — TRỐNG LÀNG VẠC III

Trống này tìm được trong cuộc khai quật đợt II do Viện Khảo cổ học và Ty Văn hóa Nghệ An tiến hành tại di chỉ Làng Vạc huyện Nghĩa đàn tỉnh Nghệ An vào đầu năm 1973. Khi đào được trống để ngửa, trong lòng trống có một thạp đồng và một âu đồng. Hiện nay trống được bảo quản tại Ty Văn hóa Nghệ An.

Trống có đường kính mặt là 56cm và chiều cao là 48,5cm. Mặt trống bị thủng một miếng lớn vì khi đúc đồng chưa chảy đến. Cũng trên mặt trống có hai vết hàn vụng ở hai chỗ đúc thiếu đồng. Tang trống bị bẹp một miếng, chân trống bị bẹp một chỗ và bị mất một chỗ.

Trống này có dáng thon cao và trang trí đơn giản kiểu trống Ngọc Lũ II.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình lông công đơn giản. Từ trong ra ngoài có 9 vành hoa văn: các vành 1 và 5 là những đường chấm nhỏ. Các vành 2, 4 và 8 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến, vành 3 là hình chữ S gẫy khúc. Giữa vành 5 và vành 6 có một vành rộng khoảng 3cm không có trang trí. Vành 6 có hình 4 chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Hai vành 7 và 9 là vạch thẳng song song.

b) Thân trống:

Phía trên tang trống có 3 vành hoa văn hình học, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến nằm giữa hai vành hoa văn vạch thẳng song song.

Phần giữa thân trống cũng có một băng hoa văn hình học như trên tang trống bố trí theo chiều thẳng đứng và nằm ngang.

Trống có hai đôi quai kép mảnh, trang trí văn thừng, nhưng một chiếc đã bị gẫy.

Chân trống không trang trí.

XXII – TRỐNG LÀNG VẠC IV[1]

Trống này do Viện Khảo cổ và Ty Văn hóa Nghệ An sưu tầm được trong cuộc khai quật tại địa điểm Làng Vạc, huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An năm 1972. Hiện nay trống được tàng trữ tại Ty Văn hóa Nghệ An.

Trống Làng Vạc IV có kiểu dáng thon cao tương tự như trống Làng Vạc III, nhưng kích thước nhỏ hơn nhiều. Trống này có đường kính mặt là 27,6cm và chiều cao là 23,2cm. Trống có trang trí sơ sài.

Mặt trống — chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 8 cánh. Trên mặt trống có một vành hoa văn hình 4 con chim bay, mỏ dài, đuôi dài và hai vành hoa văn răng cưa đối nhau.

Thân trống cũng có vài vành hoa văn hình học đơn giản.

---

(1) Chúng tôi chưa được nghiên cứu trực tiếp chiếc trống này, nên chưa có đủ ảnh và bản dập, bản vẽ minh họa. Chúng tôi chỉ mới được xem bản thông báo của Phạm Mai Hùng và Nguyễn Duy Tỳ (Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1972 Tr. 195) và báo cáo của Nguyễn Đình Luyện với sự tham gia của Mai Hùng và Ngọc Thuyết về di chỉ Làng Vạc. (Chú thích của các tác giả)

XXIII – TRỐNG ĐỊNH CÔNG I

Tháng 11 năm 1973 anh em công nhân ở đội thi công cơ giới xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đã phát hiện được 3 mặt trống đồng trong khi xe ủi đất san nền xí nghiệp gạch. Được tin đó, Viện Bảo tàng Lịch sử và Ty Văn hóa Thanh Hóa đã cử cán bộ về tận nơi tìm hiểu. Ba mặt trống đồng trên được mang về Hà nội và lưu trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Mặt trống Định Công I có kích thước lớn nhất, đường kính là 60cm. Mặt trống bị vỡ mất gần một nửa, phần còn lại hoa văn trang trí tương đối rõ.

Căn cứ phần còn lại, chúng tôi nhận thấy: chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết lông công lại đến một họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 9 vành hoa văn và một số đường chỉ trơn. Vành 1 là những hình chữ S các vành 2, 5, 7 và 9 là vạch thẳng song song. Các vành 3, 4 và 8 là vòng tròn chấm giữa. Vành 6 khắc 6 hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ.

Nhìn chung, 3 mặt trống Định Công có kiểu dáng và trang trí tương tự như nhau, nhưng mặt trống Định Công I có trang trí phong phú hơn.

XXIV – TRỐNG ĐỊNH CÔNG II

Trống này chỉ còn một mảnh ở giữa mặt trống. Căn cứ vào phần còn lại có thể đo được đường kính mặt trống ước tính là 44cm.

Trống có hoa văn trang trí nổi đơn giản, tương tự như trống Định công I, nhưng về hình loại hoa văn và số vành hoa văn thì ít hơn trống Định công I.

Chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 12 cánh. Xen giữa cánh sao cứ một hình lông công đơn giản lại đến một hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn. Các vành 1,3, 5 và 7 là vạch thẳng song song. Các vành 2 và 6 là vòng tròn chấm giữa. Căn cứ vào hai hình chim (không còn nguyên vẹn) ở vành 4 có thể biết được vành này khắc 4 hình chim bay.

XXV – TRỐNG ĐỊNH CÔNG III

Trống này chỉ còn lại một mảnh lớn, chiếm non nửa mặt trống, Căn cứ vào phần còn lại có thể biết được đường kính mặt trống là 39cm.

Hoa văn trang trí của trống Định công III đơn giản hơn trống Định công I và tương tự trống Định công II. Trống này đã bị rỉ nặng, nên hoa văn trang trí không rõ như hai mặt trống Định công I và Định công II.

Chính giữa mặt trống có hình sao 8 cánh. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn: các vành 1, 3, 5 và 7 là vạch thẳng song song. Hai vành 2 và 6 là vòng tròn chấm giữa. Vành 4 khắc 4 hình chim mỏ dài, đuôi dài, bay ngược chiều kim đồng hồ.

XXVI - TRỐNG CỬU CAO

Ngày 22 tháng 2 năm 1964, trong khi đào mương dẫn nước, cụ Nguyễn Như Phương đã tìm được trống này ở độ sâu 0m80 cách mặt đất, tại cánh đồng Quán Tuyền, thuộc xóm Thượng xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng yên (nay là Hải Hưng). Địa điểm phát hiện cách sông Hồng 2 cây số về phía đông. Trống nằm ngửa, trong lòng chứa đầy đất sét vàng. Xung quanh trống còn tìm được một số hiện vật như: cách trống một mét về phía bắc có một viên gạch dài 26cm, rộng 13 cm, dầy 4 cm; cách trống 10 mét về phía đông tìm thấy năm chiếc âu gốm, không có men thời Hán, đã bị vỡ.

Trống được phủ ngoài một lớp pa-tin mầu vàng nâu ở mặt và màu xanh rỉ đồng ở thân trống.

Trống Cửu cao có hình dáng và kích thước gần gũi với trống Phú Duy, tuy có lớn hơn một chút. Đường kính mặt trống là 53,7 cm, chiều cao là 44,4 cm. Trống được bảo quản nguyên vẹn, hiện nay lưu tại Ty Văn hóa tỉnh Hải Hưng.

Về trang trí, trống Cửu cao cũng có những loại hoa văn tương tự như trống Phú duy, tuy cũng có những điểm khác nhau chút ít.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công đơn giản, gần giống với hình này trên mặt trống Ngọc Lũ II. Bao quanh ngôi sao có 7 vành hoa văn: đường chấm nhỏ, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến, vạch thẳng song song.

Đáng chú ý là ở vành 2 thấy xuất hiện loại hồi văn vuông, điểm này khác với trống Phú duy. Vành 4 khắc bốn hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ.

Rìa mép trống có những lỗ thủng nhỏ cách đều, là dấu vết của những con kê trên khuôn đúc.

b) Thân trống:

Hoa văn trang trí trên thân trống thì hoàn toàn giống với trống Phú duy gồm những đường vạch thẳng song song và vạch chéo song song.

Trống có hai đôi quai kép mảnh, trang trí văn thừng nhưng một mảnh quai đã bị sứt mất.

Chân trống không trang trí.

XXVII — TRỐNG MẬT SƠN

Theo đ/c Nguyễn xuân Lênh, cán bộ Phòng Bảo tàng Ty Văn hóa Thanh Hóa cho biết, thì hồi tháng 8-1958 trong khi xây dựng nhà máy cưa Mật Sơn, anh em công nhân đã phát hiện được hai mặt trống đồng, cái lớn có đường kính mặt khoảng 80cm, cái nhỏ có đường kính mặt khoảng 40cm. Hai mặt trống đồng này cùng một kiểu trang trí như nhau. Nơi phát hiện trống đồng còn tìm được một chậu đồng nhỏ, một gương đồng, một đỉnh đồng ba chân, và một số tiền Ngũ thù thời Hán [1].

Sau đó, Ty văn hóa Thanh hóa đã tặng mặt trống lớn cho Trường Sư phạm trung cấp Thanh Hóa để làm tài liệu giảng dạy, hiện nay không rõ hiện vật để ở đâu, còn một chiếc nhỏ thì bị thất lạc ngay từ lúc phát hiện,

Dưới đây, chúng tôi xin khảo tả mặt chiếc trống lớn ở Mật Sơn [2]. Mặt trống này đã bị vỡ hai mảng lớn. Hoa văn trang trí có nhiều nét tương tự với hoa văn trang trí trên mặt trống Vĩnh Ninh. Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công. Từ trong ra ngoài có 10 vành hoa văn bao quanh ngôi sao: vành 1 là đường gẫy khúc hình chữ S biến thể. Các vành 2, 5 và 10 là những vạch thẳng song song. Các vành 3, 4, 8 và 9 là những vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 6 là những hình chim mỏ đuôi dài, bay ngược chiều kim đồng hồ. Vì nhiều hình đã bị quá mờ nên không đếm được chính xác tổng số chim của vành này.

Cũng như trống Việt Khê, việc phát hiện hai mặt trống Mật Sơn nằm cạnh một số hiện vật thời Hán là thêm một căn cứ để suy đoán về niên đại của các nhóm trống đồng Đông Sơn đã phát hiện ở nước ta.

---

(1) Theo các tác giả sách « Những vết tích đầu tiên của thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam » thì ở Mật Sơn chỉ phát hiện được một chiếc trống đồng trong một ngôi mộ gạch thời Bắc thuộc. Sách đã dẫn. Tr. 189.

(2) Năm 1966 chúng tôi đã nghiên cứu và chụp ảnh chiếc trống này. Nhưng hiện nay ảnh đã bị thất lạc, nên thiếu tài liệu minh họa. (Chú thích của các tác giả).

XXVIII — TRỐNG THIẾT CƯƠNG

Giữa năm 1972 nhân dân thôn Thiết Cương, xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, trong khi đào đất đã tìm được một chiếc trống đồng nằm bên cạnh một bình đồng thời Hán. Hiện nay trống này lưu tại trường cấp II xã Dân Quyền.

Trống có đường kính mặt là 57,5cm chiều cao là 45cm.

a) Mặt trống

Giữa mặt trống có hình ngôi sao 8 cánh, xen giữa các cánh sao cứ một họa tiết kiểu lông công lại đến họa tiết hình tam giác phủ vạch chéo. Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn: các vành 1, 2 và 6 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 là hình chữ S gẫy khúc. Vành 4 khắc 6 hình chim mỏ dài, đuôi dài bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Vành 5 và 7 là vạch thẳng song song.

b) Thân trống

Phần trên cùng của tang trống có một băng hoa văn hình học, gồm ba vành: vành 1 và 3 là vạch thẳng song song. Vành 2 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến, bên dưới là hai đường chỉ trơn.

Phần giữa thân trống cũng có những băng hoa văn hình học: hai vành vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến và vạch thẳng song song bố trí thẳng góc với nhau theo chiều thẳng đứng và nằm ngang chia vành này thành nhiều ô, trong các ô không có hình trang trí.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn thừng. Toàn bộ trống bị rỉ nặng nên hoa văn không rõ, 2/3 thân trống bị vỡ.

Chân trống không trang trí.

XXIX – TRỐNG PHƯƠNG TÚ

Ngày 15 tháng 5 năm 1967, xã viên hợp tác xã nông nghiệp Nguyễn Xá trong khi đào mương thủy lợi, đã tìm được trống ở độ sâu 0m80 cách mặt đất, tại cánh đồng Chè thôn Nguyễn Xá, xã Phương Tú huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây).

Theo lời chị Đặng thị Tải, đội trưởng sản xuất, người được chứng kiến lúc tìm thấy trống kể lại, thì trống để ngửa, trong lòng trống có lớp bùn đen, xung quanh không có hiện vật gì cả. Trống còn nguyên vẹn, hiện tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Đường kính mặt trống là 44,3cm, chiều cao là 37,5cm.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 10 cánh, cánh sao hơi mập, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Cả thảy có 5 vành hoa văn bao quanh ngôi sao: vành 1 và 2 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến ngược chiều nhau; vành 3 là hình bốn con chim cổ dài, đuôi dài, không có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ; vành 4 và 5 là những vạch ngắn song song. Ngoài ra còn có một số đường chỉ trơn xen giữa các vành chính.

b) Thân trống:

Tang trống chỉ có hai vành hoa văn vạch ngắn song song và hai đường chỉ trơn.

Phần giữa thân trống cũng có hai vành văn vạch ngắn song song và những khung hình chữ nhật thẳng đứng.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn thừng tết.

Chân trống không trang trí.

XXX — TRỐNG PẮC-TÀ

Năm 1963, trong khi lấy đất san nền bệnh viện Thị xã Lào Cai, anh em công nhân công trường Lào Cai đã tìm được một chiếc trống đồng, tại xóm Phú Thịnh (tên cũ là Pắc Tà), xã Nam Cường, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, cách sân bay Cốc Lếu khoảng 1km500. Trống được mang về Ty Văn hóa tỉnh Lào Cai ngày 21-1-1966, hiện nay vẫn tàng trữ tại đây. Trống bị han rỉ gần hết, chỉ còn lại mặt và một đoạn thân trống.

Đường kính mặt trống là 35,5cm.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 8 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 6 vành hoa văn bao lấy ngôi sao: các vành 1, 4 và 6 là văn răng cưa; vành 2 và 5 là vòng tròn có chấm giữa; vành 3 khắc bốn hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ.

b) Thân trống

Đoạn tang trống còn lại thấy dấu vết của hoa văn vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến.

Căn cứ vào đặc điểm của hoa văn trên mặt trống; nhất là vành có 4 hình chim bay, chúng tôi xếp trống Pắc Tà vào cùng nhóm với các trống Duy Tiên Yên Tập, Ngọc Lũ II vy...

XXXI – TRỐNG GIẢO TẤT

Trống này do nhà Bác cổ Viễn đông Hà Nội mua tại chợ Giảo Tất, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Gia Lâm Hà Nội) ngày 20 tháng 11 năm 1918, giá 6 đồng Đông dương. Người bán trống là ông Phạm Nhượng, người thôn Lê Xá, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay trống này được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống này thuộc loại nhỏ, đường kính mặt trống là 21,3cm, chiều cao 17,5cm, Tang trống phình to, phần giữa eo lại đột ngột rồi phình ra to hơn ở phần chân làm cho phần giữa thân trống có hình nón cụt và cả trống có dáng lùn dị.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 10 cánh, đầu nhọn, một số cánh sao bị cắt ngang bởi một đường chỉ tròn ngoại tiếp. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Phía ngoài là một vành 4 hình chim mỏ và đuôi dài, bay ngược chiều kim đồng hồ. Ngoài cùng là hai vành văn răng cưa mà chân của chúng quay vào nhau.

b) Thân trống

Tang trống cũng có hai vành hoa văn răng cưa như trên mặt trống.

Phần giữa thân trống cũng có hai vành hoa văn này nhưng bố trí theo hai chiều thẳng đứng và nằm ngang vuông góc với nhau.

Trống có bốn quai đơn, bố trí cách xa nhau, không trang trí.

So sánh riêng và kiểu dáng chúng tôi nhận thấy trống Giảo Tất có dáng lùn dị gần gũi với kiểu trống Miếu Môn, nhưng xét chung về hệ thống hoa văn trang trí thì có thể xếp trống này vào nhóm trống B được.

XXXII — TRỐNG BÌNH PHỦ

Trống được phát hiện ngày 27 tháng 9 năm 1934 tại Bình Phủ, Thủ Dầu Một. Trước đây trống được trữ tại nhà Bác cổ Viễn đông Hà nội, sau ngày tiếp quản thủ đô Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đã chuyển cho Sở Văn hóa Hải Phòng bảo quản. Hiện nay trống được trữ tại Bảo tàng Hải Phòng.

Trống bị thủng hai mảng lớn trên thân. Đường kính mặt trống là 46cm, chiều cao 31cm.

Mặt trống hơi tràn ra ngoài thành tang, độ phình của tang trống giảm dần khiến ta thấy chiều cao của tang trống bị co lại và trống có dáng hơi thấp gần như đang chuyển sang loại hình trung gian HI-IV.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 10 cánh, xen giữa các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 6 vành hoa văn. Các vành 1 và 5 là vòng tròn chấm giữa; các vành 2, 4 và 6 là những đường vạch thẳng song song; vành 3 khắc hình 4 con chim mỏ và đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ.

b) Thân trống:

Tang trống cũng trang trí những vành hoa văn hình học có một vành vòng tròn chấm giữa và một vành vạch thẳng song song. Riêng phần giữa thân trống có những đường vạch chéo song song tạo thành những khung chữ nhật thẳng đứng. Giữa các vành hoa văn có phân biệt bằng những đường chỉ nổi. Phần giữa thân trống cũng có hai vành hoa văn như trên tang trống.

Trống có hai đôi quai to, trang trí văn thừng.

Nếu không kể phần thân trống hơi cao thì trống Bình Phủ rất gần gũi với trống Hà Nội (chân trống Hà Nội rất thấp). Đó là những trống loại I Hê-gơ đang trong quá trình chuyển hóa sang loại hình trống trung gian HI-IV.

XXXIII – TRỐNG HÀ-NỘI

Sở Văn hóa Hà-Nội có tàng trữ một trống đồng, theo lý lịch sơ lược thì trống này mượn của ông Nguyễn Đình Dương ở số nhà 34 phố Lê Thái Tổ Hà Nội (cụ thân sinh ra ông Dương trước đây buôn đồ cổ, nay đã khuất, để lại trống này cho ông Dương).

Đường kính mặt trống là 59,3cm, chiều cao 32cm. Mặt trống hơi bị vênh, thân trống có một số lỗ thủng.

Trống có dáng thấp bè, tang trống bớt phình, mặt tràn ra khỏi tang một ít, hình dáng gần gũi với trống Bình Phủ, tuy có thấp hơn, vì chân trống Hà Nội ngắn hơn chân trống Bình phủ.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 10 cánh, cánh sao rất mập ở gốc rồi đột nhiên vút nhọn về phía ngọn. Xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết trang trí kiểu lông công đơn giản lại đến họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau.

Từ trong ra ngoài có 8 vành hoa văn bọc lấy ngôi sao: các vành 1, 4, 6 và 8 là những đường vạch thẳng song song; các vành 2, 3 và 7 là vòng tròn chấm giữa. Vành 5 khắc sáu hình chim mỏ và đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ. Ngoài ra còn một số đường chỉ trơn xen giữa một vành hoa văn chính.

b) Thân trống:

Tang trống có một số vành hoa văn hình học như: vạch thẳng song song, vòng tròn chấm giữa và một số đường chỉ nổi.

Phần giữa thân trống cũng có một số đường vạch chéo tạo thành những khung hình chữ nhật thẳng đứng. Phần giữa thân trống cũng có hoa văn như trên tang trống.

Trống có bốn chiếc quai to, trang trí văn thừng.

Cũng như trống Bình phủ, chiếc trống này đang trong quá trình chuyển hóa sang dạng trống trung gian HI-IV.

XXXIV – TRỐNG HOẰNG VINH

Tháng 8 năm 1971 dân công xã Hoằng Vinh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trong khi làm thủy lợi, đã đào được một trống đồng, khi lấy lên trống bị vỡ thành nhiều mảnh. Nơi phát hiện trống là cánh đồng cách sông Mã khoảng 5km, cách các địa điểm khảo cổ học Quỉ Chử khoảng 3km, và Hoằng Lý khoảng 5km(1).

Mặt trống bị vỡ thành nhiều mảnh, thân trống chỉ còn lại một mảnh tang và phần giữa thân trống, chân trống cũng vỡ gần hết, vì vậy không đo được thật chính xác kích thước của trống. Căn cứ vào phần còn lại thì thấy trống này thuộc loại vừa, có đường kính mặt khoảng 40cm; phần lớn các mảnh trống đã bị ô-xy hóa, rỉ rất nặng và mủn nát.

Mặt trống tràn ra khỏi tang trống một ít, tang trống thon nhỏ, chân trống ngắn, nhìn chung trống có dáng thấp.

Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống có hình ngôi sao nổi 8 cánh, cánh sao rất mập ở gốc rồi đột nhiên vút nhọn về phía ngọn. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau gián cách với hình lông công đơn giản. Từ trong ra ngoài có 6 vành hoa văn. Vành 1 là những hình chữ ʃ gẫy khúc liên tiếp xen giữa những chấm nhỏ nổi hình tam giác; Các vành 2 và 5 là vòng tròn chấm giữa. Vành 3 và 6 là những vạch thẳng song song; Quan trọng nhất là vành 4 khắc bốn hình chim mỏ dài, đuôi dài và có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ.

b) Thân trống:

Ở tang trống và phần giữa thân trống chỉ có hai vành hoa văn hình học sơ sài là vạch thẳng song song và vòng tròn chấm giữa, như trên mặt trống.

Hiện nay chỉ thấy một quai trên mảnh thân trống còn lại, nhưng căn cứ vào tỷ lệ hình cung của thân trống, có thể đoán rằng trống Hoằng Vinh cũng có 4 quai. Quai trống không trang trí.

Nhìn chung, trống Hoằng Vinh có kiểu dáng và hoa văn trang trí tương tự như chiếc trống Hà Nội, hiện trữ tại kho của Sở Văn hóa Hà nội.

---

(1) Xem tin của Phạm Văn Kinh «Nghiên cứu lịch sử» số 148 tháng 1 và 2 năm 1973. Đồng chí Kinh đã giao lại cho Viện Bảo tàng Lịch sử trống này vào tháng 3-1973.

XXXV - TRỐNG VĨNH NINH

Tháng 1 năm 1963, nhân dân xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa, trong lúc đào giếng, đã tìm được trống này ở độ sâu 2m50 cách mặt đất. Địa điểm phát hiện ở phía bờ bắc sông Mã, cách bến phà Kiều độ một cây số. Khi phát hiện, trống ở tư thế nằm nghiêng, bên cạnh trống còn có một số hiện vật bằng đồng như: chiếc thạp cao 46,5cm, đường kính thân thạp chỗ lớn nhất là 46cm và một số tiền Ngũ thù thời Hán. Trống này cùng với những hiện vật trên hiện trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Thanh Hóa.

Nhìn chung, dáng trống hơi thấp, mặt trống tràn ra khỏi tang 1cm. Đường kính mặt trống là 62cm, chiều cao 41,5cm

a) Mặt trống

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết trang trí kiểu lông công lại đến họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Tất cả có 8 vành hoa văn: vành 1 là đường gẫy khúc hình chữ S chồng nhau và liên tiếp (gần với hồi văn vuông); các vành 2, 4, 6 và 8 là vạch thẳng song song; các vành 3 và 7 là vòng tròn chấm giữa; vành 5 khắc 6 hình chim mỏ và đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ.

b) Thân trống:

Ở tang trống và phần giữa thân trống có một số vành hoa văn hình học như: vòng tròn chấm giữa, vạch thẳng và vạch chéo song song.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn thừng.

Thân trống còn để lại một số lỗ thủng, là dấu vết của những con kê trên khuôn đúc.

Việc phát hiện ra trống Vĩnh Ninh nằm cạnh thạp đồng và một số tiền ngũ thù thời Hán là một căn cứ tham khảo giúp cho việc đoán định niên đại trống đồng Đông Sơn ở nước ta.

XXXVI – TRỐNG ĐÔNG SƠN I

Trống này do Pa-giô (Pajot) tìm được trong cuộc khai quật ở Đông Sơn hồi tháng 3 năm 1925. Khắp mặt và thân trống có phủ một lớp rỉ đồng sần sùi làm mờ một số hoa văn trang trí của trống. Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam.

Đây là chiếc trống lớn nhất trong số những chiếc trống tìm được ở khu mộ cổ Đông Sơn Thanh Hóa. Trống có dáng thon, cao, phần chân loe rộng hơn mặt trống. Đường kính mặt trống là 31,5cm, chiều cao là 28cm.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 8 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Mặt trống có 4 vành hoa văn: vành 1 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 2 khắc bốn hình chim mỏ và đuôi dài, bay ngược chiều kim đồng hồ. Hai vành ngoài cùng là những vạch thẳng song song. Ngoài ra còn một số đường chỉ trơn xen giữa các vành chính.

b) Thân trống:

Ở tang trống và phần giữa thân trống trang trí bằng hoa văn vạch thẳng song song và vạch chéo song song sơ sài.

Trống có hai đôi quai kép, đã gẫy mất một chiếc. Nhìn chung, trống được trang trí thưa thớt, sơ sài, hình chim đã cách điệu cao theo xu hướng đơn giản hóa.

XXXVII – TRỐNG ĐÔNG SƠN II

Trống này do Pa-giô (Pajot) tìm được ở hố D trong đợt khai quật khu mộ Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa tháng 5-1929. Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống có đường kính mặt là 29cm, chiều cao là 24,5cm. Trống bị vỡ thành nhiều mảnh, nhưng đã được gắn lại.

Toàn bộ trống bị rỉ sần sùi nên không thấy rõ hoa văn nữa. Tuy nhiên ở phần giữa thân trống còn thấy được loại văn vạch chéo song song và hoa văn những hình tam giác phủ vạch chéo.

Nhìn chung, trống Đông Sơn II có kiểu dáng và hệ thống hoa văn gần gũi với trống Đông Sơn I và cùng loại với các trống Phương Tú, Pắc Tà v.v..., nên chúng tôi xếp chúng vào một nhóm.

XXXVIII – TRỐNG ĐÔNG SƠN III

Trống này do Pa-giô (Pajot) tìm được ở hố 2 nhóm 2, trong đợt khai quật tại khu mộ cổ Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa hồi tháng 5-1925.

Nhìn chung, trống có kiểu dáng thon, cao tương tự như các trống Đông Sơn I, II, và IV.

Trống Đông Sơn III bị vỡ nhiều đoạn ở phần giữa thân trống và chân trống, nên mặt đáy trống bị méo. Hiện nay trống đã được chắp lại, và tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam.

Trống này có đường kính mặt là 23cm và chiều cao là 21cm.

a) Mặt trống:

Chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 10 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Tất cả có 4 vành hoa văn: Các vành 1, 2 và 4 là những đường chấm nhỏ; vành 3 là hình hồi văn. Trống Đông Sơn III không có vành khắc hình 4 chim bay như các trống Đông Sơn khác.

b) Thân trống:

Ở tang trống và phần giữa thân trống có trang trí một băng hoa văn hình học gồm ba vành: những hình tam giác phủ vạch chéo ở giữa hai đường chấm nhỏ.

Trống có 4 quai nhỏ, mảnh, ba quai đã bị gẫy.

XXXIX – TRỐNG ĐÔNG SƠN IV

Trong đợt khai quật khu di chỉ Đông Sơn năm 1969 – 1970 do Viện Khảo cổ học Việt nam tiến hành, xe ủi đất đã làm lộ ra một chiếc trống đồng. Trống đã bị bẹp và vênh, tang trống cũng vỡ một miếng. Trống có đường kính mặt là 29cm và chiều cao là 24 cm.

Hiện nay trống được trữ tại Ty Văn hóa Thanh Hóa.

a) Mặt trống :

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 8 cánh. Xen kẽ các cánh sao là những vạch chéo song song. Phía ngoài có 3 vành hoa văn. Vành 1 khắc 4 hình chim bay. Vành 2 và 3 là văn răng cưa mà đỉnh của các hình răng cưa không cùng chiều.

b) Thân trống :

Tang và phần giữa thân trống cũng có những vành hoa văn răng cưa như trên mặt trống.

Trống có 4 quai đơn không trang trí.

Nhìn chung, trống Đông Sơn IV có kiểu dáng và trang trí gần gũi với trống Đông Sơn I.

XL – TRỐNG ĐÀO THỊNH

Ngày 24 tháng 9 năm 1962, Cụ Doãn Văn Thực, tổ viên tổ Bảo vệ di tích lịch sử xã Phú Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã tìm được trống này ở mé bờ sông Hồng, địa điểm phát hiện cách nơi tìm thấy chiếc thạp đồng Đào Thịnh khoảng 5 mét. Trống được lộ ra khỏi đất nguyên do một trận nước lũ làm xói lở bờ sông và nằm ở độ sâu 3 mét cách mặt đất. Căn cứ vào tình hình đất đai nơi phát hiện, thấy lớp trên cùng dầy 1 mét là đất mới bồi. Như thế thì xưa kia trống được chôn sâu xuống lòng đất khoảng 2 mét. Đất đai xung quanh trống không có dấu vết một tầng văn hóa nào. Đáng chú ý là lòng trống Đào Thịnh chứa khá nhiều hiện vật: một lưỡi rìu đồng, một chiếc qua đồng, một dao găm đồng, một siêu đồng, một tượng ếch nhái cõng nhau, một lọ gốm có văn rổ rá, hai chiếc hoa tai bằng đá. Những hiện vật này được sắp xếp một cách có chủ ý theo từng loại một. Ngoài ra, trong lòng trống còn có đất màu đen lẫn với tro than.

Trống Đào Thịnh chỉ còn mặt và một phần thân trống. Đường kính mặt trống là 49 cm, phần thân trống còn lại cao 30cm. Hiện nay trống tàng trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Yên Bái.

Nói chung, khắp trên mặt và thân trống đều bị dầy cộm lên những vết rỉ sần sùi, làm cho hoa văn trang trí bị mờ.

a) Mặt trống.

Mặt trống vừa ăn khớp với thành tang trống. Chính giữa là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết hình tam giác phủ vạch chéo. Bao quanh ngôi sao có 4 vành hoa văn: vành 1 là hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa, vành 2 là những nét vạch nghiêng gần giống với hình bông lúa; vành 3 là văn răng cưa, mũi nhọn quay về phía trung tâm trống. Vành ngoài cùng gần rìa mép trống cũng là văn răng cưa, nhưng mũi nhọn chĩa ra ngoài mặt trống.

b) Thân trống.

Ngoài loại văn răng cưa và văn vạch thẳng song song ra, còn có văn vạch chéo song song tạo ra những khung hình chữ nhật thẳng đứng.

Khác hẳn với các trống Đông Sơn đã biết, hệ thống hoa văn trang trí trên trống Đào Thịnh rất sơ sài, ngay cả vành chim bay, có hầu khắp trên các trống Đông Sơn, thì trên trống Đào Thịnh cũng thấy vắng.

XLI – TRỐNG HỮU CHUNG

Tháng 5 năm 1961, trong khi lấy đất đóng gạch, những người thợ lò đã tìm được một chiếc trống đồng ở độ sâu 0m80 trong một bãi đất ven sông Luộc, thuộc địa phận thôn Hữu Chung, xã Hòa Thành, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng). Trống nằm ngửa, trong lòng chứa đầy cát, xung quanh không có hiện vật gì. Trống còn tương đối nguyên vẹn, hiện nay được trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Hải Hưng. Đường kính mặt trống là 82cm, chiều cao là 67cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, xen giữa các cánh sao cứ một họa tiết lông công (giống với họa tiết này trên mặt trống Ngọc Lũ I), lại đến một họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Cả thảy có 9 vành hoa văn: Vành 1 là đường gãy khúc hình chữ M liên tiếp và lồng nhau. Vành 2 và 8 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến. Các vành 3, 7 và 9 là những vạch thẳng song song. Vành 4 là đường gấp khúc liện tiếp tạo thành những ô hình quả trám. Quan trọng nhất là hai vành 5 và 6. Vành 5 toàn là hình chim cách điệu giống với hình chim gắn vào mũ người khắc trện thân trống Quảng Xương. Vành 6 có hai họa tiết gần giống hình chiếc trâm cài tóc. Đó là những hình quả trám nối tiếp nhau, trong mỗi hình có một vòng tròn đồng tâm chấm giữa. (Có thể nghĩ rằng đây là tập trung những hình tượng trưng cho mây mưa sấm chớp chăng?)

Hai hình trâm chia vành nay thành hai phần bằng nhau, mỗi phần có năm hình chim bay mỏ dài, đuôi dài có mào. Rìa mép trống có bốn khối tượng cóc lớn, mình cóc có trang trí văn hình học.

Tất cả những hình động vật đều được diễn đạt trong tư thế vận động vòng quanh ngôi sao, theo ngược chiều kim đồng hồ.

Đáng chú ý, sự xuất hiện của những khối tượng cóc và những họa tiết hình trâm là đặc điểm phân biệt giữa trống Hữu Chung với các trống đã miêu tả trên kia.

b) Thân trống.

Phần trên cùng của tang trống là một băng hoa văn hình học gồm 4 vành: vành 1 và 4 là những vạch thẳng song song; vành 2 và 3 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến.

Bên dưới băng hoa văn này là hình 6 chiếc thuyền to nhỏ xen kẽ nhau. Thuyền có dáng cong phỏng theo hình chim, ở đuôi có bánh lái, đầu thuyền được tạo ra như hình đầu chim có mào, há mỏ, giống với hình thuyền trên trống Quảng Xương, gần giống với thuyền trên trống Xa-lây-ê (Saleier)[1]. Trên thuyền không thấy hình người mà khắc những hình chim cách điệu (giống với hình này trên mặt trống), cứ từng cặp hai chim chồng lên nhau liên tiếp. Những hình chim cách điệu này có lẽ tượng trưng cho những hình thủy thủ trên thuyền.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học giống như trên tang trống. Phần này cũng chia ra những ô hình chữ nhật, trong các ô khắc đầy những hình « chim cách điệu », cứ từng tốp ba hình một chồng lên nhau, kiểu dáng giống với hình « chim cách điệu » trên mặt trống và trên thuyền. Việc xuất hiện những hình « chim cách điệu » khiến ta càng lưu ý đến vai trò quan trọng của hình chim trong toàn bộ hệ thống trang trí (Có thể nghĩ rằng: hình chim ở đây là tượng trưng cho tổ tiên, người cầm tinh chim, chim là người, người cũng là chim vậy).

Trống có bốn quai trang trí văn thừng tết.

Chân trống có ba đường chỉ nhỏ.

Tóm lại, ta có thể xem trống Hữu Chung là đại biểu cho nhóm trống phát triển vào giai đoạn cuối của nghệ thuật trống đồng Đông Sơn. Ngoài một số hoa văn truyền thống vẫn được nhắc lại, ta thấy một số hình mới xuất hiện, như các khối tượng cóc trên mặt trống, hoa văn hình quả trám nối tiếp... và đặc biệt là hình chim cách điệu hóa cao độ đến mức đã gần với dạng văn hình học. Lối cách điệu theo xu hướng « biến hình thể » này là một « phong cách biểu hiện » độc đáo trong giai đoạn phát triển cuối cùng của nghệ thuật trống đồng Đông Sơn.

---

(2) Xem: Văn Hựu. Sách đã dẫn. Xem trống số 14. Hình số 21.

XLII – TRỐNG ĐÔNG HIẾU

Năm 1959, trong lúc tiến hành cày máy ở khu đồi (tục truyền rằng khu đồi này xưa kia là bãi tập của nghĩa quân Lê Lợi) thuộc xã Nghĩa Tiến, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, công nhân nông trường Đông Hiếu đã tìm được một trống đồng ở độ sâu 0m45 cách mặt đất. Trống chỉ còn mặt bị sứt đôi chỗ, thân trống bị cụt, chỉ còn lại một đoạn dài khoảng 10cm giáp liền với mặt trống, cho nên không biết được chiều cao. Mặt trống hơi tràn ra ngoài tang trống, đường kính mặt trống là 90cm. Đây là chiếc trống có đường kính mặt lớn nhất trong số những trống đồng Đông Sơn đã tìm thấy ở Việt Nam. Trống hiện trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Nghệ An.

Hoa văn trên mặt trống nói chung đều bị mờ. Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết lòng công lại đến họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau.

Tất cả có 10 vành hoa văn: vành 1 là đường gẫy khúc hình chữ M liên tiếp và lồng nhau. Các vành 2, 8 và 9 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa, có tiếp tuyến. Các vành 3, 7 và 10 là những vạch thẳng song song. Vành 4 là đường gấp khúc liên tiếp tạo thành những ô hình quả trám. Vành 5 toàn là hình «chim cách điệu» giống như vành «chim cách điệu» trên mặt trống Hữu Chung. Vành 6 cũng có hai họa tiết gần giống với hình chiếc trâm cài đầu, do những hình quả trám nối vào nhau tạo nên, chia vành này ra làm hai phần bằng nhau, mỗi phần có 5 hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ.

Ngoài rìa mép trống có 4 khối tượng cóc, đã gẫy ba chỉ còn một.

Xem phần còn lại của tang trống, thấy hai vành hoa văn: vạch thẳng song song, vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến.

Nhìn chung, không kể sự khác nhau về kích thước, thì mặt trống Đông Hiếu là một tiêu bản tương tự với mặt trống Hữu Chung. Bố cục của các vành hoa văn giữa hai mặt trống rất ăn khớp với nhau, trừ một chi tiết là mặt trống Đông Hiếu hơn mặt trống Hữu Chung một vành hoa văn vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến.

XLIII – TRỐNG ĐA BÚT

Hồi tháng 4 năm 1971 ông Trịnh đình Trênh, trong khi đào giếng đã tìm thấy một trống đồng nằm bên cạnh một số hiện vật thời Hán như: bình đồng hình con tiện, chậu đồng, bình gốm và một thạp đồng, tất cả số hiện vật này phát hiện được ở độ sâu 3m50 tại thôn Đa Bút, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian này đoàn cán bộ sưu tầm thuộc Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đang tiến hành khai quật di chỉ đồ đá mới Đa Bút đã đến mua lại của ông Trênh 5 hiện vật trên với số tiền 18 đồng vào ngày 22-4-1971. Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống Đa Bút chỉ còn phần mặt là tương đối nguyên vẹn, tang trống đã bị vỡ chỉ còn lưu lại một phần, phần giữa thân trống và chân trống cũng bị vỡ thành nhiều mảnh nhỏ. Trống có đường kính mặt là 50cm, vì thân trống bị vỡ nát nên không biết được chiều cao.

Nhìn đại thể, trống Đa Bút có dáng vừa phải không cao, không thấp, tương tự như trống thôn Bùi. Mặt trống hơi tràn ra khỏi tang trống một ít. Tang trống ít phình ra. Phần chân không ngắn quá như trống Nông Cống.

Về trang trí, nói chung hoa văn và bố cục trang trí trên trống Đa Bút cũng gần gũi với các trống Nông Cống, Thôn Bùi và Chợ Bờ. Tuy nhiên phong cách thể hiện hoa văn của trống Đa Bút có phần tinh tế hơn, đẹp hơn, rõ nét hơn.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh. Hình ngôi sao ở đây tuy cũng khắc nổi, nhưng các cánh dài ngắn, to nhỏ đều nhau đẹp hơn hình sao trên các trống thôn Bùi, Nông Cống và chợ Bờ. Xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết trang trí lông công lại đến một họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau.

Từ trong ra ngoài có 8 vành hoa văn: vành 1 là những hình chữ ʃ gẫy khúc. Các vành 2 và 7 là những vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến. Các vành 3, 6 và 8 là những vạch thẳng song song. Vành 4 là những hình « chim cách điệu » theo xu hướng « biến hình thể ». Vành 5 có hai họa tiết « hình trâm » và 6 hình chim đuôi dài, mỏ dài có mào, bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Ngoài ra còn có một số đường chỉ trơn xen giữa các vành hoa văn.

Rìa mép mặt trống cũng có 4 khối tượng cóc ngồi, trên mình cóc có trang trí văn hình học. Một tượng cóc đã bị gẫy và một tượng nữa bị vỡ mất non nửa đầu.

b) Thân trống.

Tang trống có một băng hoa văn hình học, gồm ba vành: vành 1 và 3 là những vạch thẳng song song, vành 2 là những vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến.

Phần giữa thân trống cũng có những băng hoa văn hình học tương tự như trên tang trống, được bố trí theo chiều thẳng đứng và chiều nằm ngang thẳng góc với nhau.

Khác hẳn các trống đồng Đông Sơn đã phát hiện, ở chân trống Đa Bút cũng có trang trí. Đó là hai vành hoa văn ba vòng tròn đồng tâm có chấm giữa và có tiếp tuyến ở phía trên và những hình chữ M liên tiếp ở phía dưới.

Trống có hai đôi quai kép trang trí văn thừng.

Việc tìm thấy trống nằm bên cạnh nhóm hiện vật thời Hán gợi ý cho phép chúng tôi nghĩ rằng số hiện vật này đã được chôn cất đồng thời, và như vậy có thể xem mốc xuất hiện của trống Đa Bút là vào thời Hán.

XLIV – TRỐNG PHÚ PHƯƠNG I

Ngày 3-10-1973, trong lúc đào đất đóng gạch tại cánh đồng Vọng Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây, nhân dân đã phát hiện được 2 trống đồng lớn. Hiện nay 2 trống này được mang về Ty Văn hóa Hà Tây, chúng tôi gọi là trống Phú Phương I và trống Phú Phương II.

Hai chiếc trống đồng này có kích thước gần bằng nhau và có trang trí tương tự với nhau.

Trống Phú Phương I có đường kính mặt là 67,6cm, chiều cao là 44,5cm. Mặt trống còn nguyên, nhưng thân trống đã bị vỡ 1/2 và thủng nhiều miếng. Phần giữa thân trống và chân trống có nhiều lỗ thủng nhỏ.

Trống có hai đôi quai kép to, trang trí văn thừng nổi cao.

Trống được đúc mỏng, tang và phần giữa chân trống có nhiều vết hàn các chỗ đúc thiếu.

Nhìn chung hoa văn trang trí còn rõ, nhất là ở thân trống.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao cứ một hình trang trí lông công lại đến một hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 19 vành hoa văn, nhưng nhiều vành phía trong đã bị mờ. Vành 1 là những hình gẫy khúc hình chữ M liên tiếp lồng nhau. Các vành 2 và 15 là những hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến. Các vành 3, 13, 18 và 19 là những đường chấm nhỏ. Vành 5 là đường gấp khúc liên tiếp tạo thành những ô hình quả trám. Các vành 4, 14, 17 là vạch thẳng song song.

Quan trọng nhất là hai vành trang trí chủ đạo: vành 8 là những hình « chim cách điệu » giống với hình này trên các trống Hữu Chung, Đông Hiếu..., vành 11 cũng có hai họa tiết hình trâm, chia vành này thành hai phần bằng nhau, mỗi phần có hình 5 con chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Như vậy, số lượng hình chim bay trong vành là 10 con.

Ngoài cùng, rìa mặt trống có 4 khối tượng cóc lớn, ngồi theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, trên mình cóc có trang trí nhiều loại văn hình học.

Rìa mặt trống còn có 3 chữ Hán « bôi phong động ».

b) Thân trống.

Tang trống có một băng hoa văn hình học 9 vành. Các vành 1, 2, 4, 7 và 9 là những chấm dài nghiêng song song. Các vành 3 và 8 là những vạch thẳng song song. Hai vành 5 và 6 là vòng tròn đồng tâm có tiếp tuyến ngược chiều nhau. Phía dưới băng hoa văn này không có hình thuyền.

Phần giữa thân trống gần tang trống có hai vành hoa văn chấm dải nghiêng song song như trên tang trống. Phía dưới có một băng hoa văn hình học 9 vành tương tự như trên tang trống nhưng thứ tự có thay đổi chút ít. Những băng hoa văn hình học này bố trí thẳng góc với nhau theo chiều thẳng đứng và nằm ngang chia phần này thành nhiều ô, trong các ô không có trang trí.

Chân trống gần dường gờ nối tiếp giáp giữa phần giữa thân trống và chân trống có 4 vành hoa văn hình học. Các vành 1 và 2 là những chấm nghiêng song song. Vành 3 là ba vòng tròn đồng tâm nhưng không có chấm giữa. Các vành này nối với nhau bằng ba đường chỉ song song. Vành 4 là những hình chữ M liên tiếp tạo thành bằng vạch ngắn song song, giữa những hình chữ M là những đường chấm dải nghiêng song song.

XLV — TRỐNG PHÚ PHƯƠNG II

Chiếc trống này phát hiện được cùng với trống Phú Phương I ở cánh đồng Vọng Châu, xã Phú Phương, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây ngày 3-10-1973.

Trống Phú Phương II có đường kính mặt là 78,9cm, chiều cao là 53,5cm. Mặt trống còn nguyên vẹn, nhưng tang trống bị vỡ một lỗ thủng lớn và nhiều lỗ thủng nhỏ, đôi chỗ lại bị bẹp. Phần giữa thân trống cũng có nhiều lỗ thủng nhỏ, chân trống bị vỡ và thủng hai miếng. Trống bị rỉ nhiều, mặt và thân có nhiều mảng pa-tin đã róc, nói chung hoa văn rất mờ. Thân trống có nhiều vết hàn những chỗ đúc thiếu.

Hoa văn trang trí tương tự với trống Phú Phương I.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống có ngôi sao nổi 12 cánh, xen giữa các cánh sao cứ một hình lông công lại đến một hình chữ V ngược lồng nhau. Các vành hoa văn rất mờ, nên không đếm được chính xác số vành hoa văn, chỉ có thể nhìn thấy một vài loại hoa văn trên mặt trống, như vạch thẳng song song, đường gấp khúc liên tiếp tạo thành những ô hình quả trám... Mặt trống cũng có hai vành hoa văn chủ đạo là vành « chim cách điệu » và vành chim bay mỏ và đuôi dài gồm 8 con. (Vành chim trên mặt trống Phú Phương I có 10 con).

Ngoài cùng, rìa mặt trống cũng có 4 khối tượng cóc, ngồi theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, trên mình cóc cũng có trang trí văn hình học tương tự như hình cóc trên trống Phú Phương I.

b) Thân trống.

Tang trống có một băng hoa văn hình học 4 vành: các vành 1 và 4 là vạch thẳng song song, các vành 2 và 3 là vòng tròn tiếp tuyến ngược chiều nhau.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học như trên tang trống bố trí theo chiều thẳng đứng và nằm ngang chia phần này thành những ô hình chữ nhật, trong các ô này không có trang trí.

Khác với trống Phú Phương I, trống Phú Phuơng II không có trang trí ở chân trống.

Trống có hai đôi quai kép to, trang trí vặn thừng, hai nhánh quai (trong mỗi quai kép) nối với nhau bằng đoạn ngắn nằm ngang.

Nhìn chung, trống Phú Phương II có kiểu dáng và trang trí tương tự với trống Phú Phương I, nhưng hoa văn trang trí không phong phú bằng.

XLVI — TRỐNG NÔNG CỐNG

Trống này do Nhà Bác cổ Viễn đông Hà Nội mua hồi tháng 8-1934 tại huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Mặt trống bị vênh, thân trống bị vỡ nứt mấy chỗ. Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Đường kính mặt trống là 60 cm, chiều cao là 38cm.

Hoa văn trang trí trên mặt trống phong phú, nhưng trang trí ở thân trống thì đơn giản, sơ sài.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 14 cánh, xen giữa các cánh sao cứ một họa tiết trang trí lông công lại đến một họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau.

Bao quanh ngôi sao là 10 vành hoa văn: Vành 1 là những hình chữ ʃ gẫy khúc. Các vành 2, 8 và 9 là hoa văn vòng tròn đồng tâm, chấm giữa có tiếp tuyến. Các vành 3, 7 và 10 là những vạch thẳng song song. Vành 4 là đường gấp khúc liên tiếp tạo thành những ô quả trám. Vành 5 là những hình « chim cách điệu » theo xu hướng « biến hình thể », giống với vành này trên mặt các trống Hữu Chung, Đông Hiếu... Vành 6 cũng có hai « hình trâm », nhưng hai đầu đã nhọn vút ra gần giống như hình ống tiêm, và sáu hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.

Ngoài rìa mặt trống có bốn khối tượng cóc ngồi.

b) Thân trống

Ở tang và phần giữa thân trống cũng có trang sức hoa văn hình học, gồm có: vạch thẳng song song, vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến.

Trống có hai đôi quai kép to, trang trí văn thừng. Chân trống hơi ngắn làm cho trống có dáng thấp lùn, gần với dáng trống Miếu Môn.

Nhìn chung, trống Nông Cống gần giống với trống Hữu Chung và Đông Hiếu. Ngoài ra có một số chi tiết khác là sự biến dạng của hình trâm ở vành 6 trên mặt trống.

XLVII – TRỐNG THÔN BÙI

Trống này do Nhà Bác cổ Viễn đông đã mua tại thôn Bùi, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa hồi tháng 5-1928.

Mặt trống hơi bị vênh và thân trống bị vỡ nứt một số đoạn. Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống thôn Bùi có đường kính mặt là 68cm, chiều cao là 43cm.

a) Mặt trống.

Nhìn chung trang trí trên mặt trống thôn Bùi rất gần gũi với trang trí trên mặt các trống Hữu Chung, Đông Hiếu và Nông Cống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết lông công lại đến họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau.

Bao quanh ngôi sao là 9 vành hoa văn: vành 1 là đường gẫy khúc hình chữ M lồng nhau. Các vành 2, 4, 7 và 9 là vạch thẳng song song. Vành 3 và 8 là hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến. Vành 5 là những hình « chim cách điệu » theo xu hướng « biến hình thể ». Vành 6 cũng có hai họa tiết hình trâm và 8 hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.

Rìa mép trống có 4 khối tượng cóc ngồi, mình cóc có trang trí hoa văn hình học.

So với các trống kể trên thì trống này không có vành hoa văn đường gấp khúc liên tiếp tạo thành hình ô trám. Họa tiết hình trâm ở vành 6 và số lượng chim có sai biệt chút ít, ngoài ra thì hoàn toàn giống nhau.

b) Thân trống.

Ở tang và phần giữa của thân trống cũng có trang sức hoa văn hình học, như vạch thẳng song song, vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến.

Trống có hai đôi quai kép, trang trí văn thừng.

Chân trống không trang tri.

XLVIII – TRỐNG CHỢ BỜ

Trống này do viên quan lang Đinh công Thịnh đã tìm được tại một địa điểm gần chợ Bờ ven sông Đà, thuộc châu Đà Bắc tỉnh Hòa Bình hồi tháng 3 năm 1928.

Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Mặt trống còn tương đối nguyên vẹn, nhưng thân trống bị thủng nhiều chỗ, nhất là ở phần tang hầu như hỏng hoàn toàn. Khắp thân trống có rất nhiều lỗ thủng nhỏ, gần cách đều, có lẽ đây là dấu vết của những con kê trên khuôn đúc. Trống có đường kính mặt là 76cm và chiều cao là 48cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 12 cánh, xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết lông công lại đến họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Cả thảy có 9 vành hoa văn bao quanh ngôi sao: Vành 1 là đường gẫy khúc hình chữ ʃ biến thể. Các vành 2 và 8 là hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến. Các vành 3, 7 và 9 là những vạch thẳng song song. Vành 4 là những ô trám lồng. Vành 5 là những hình « chim cách điệu » theo xu hướng « biến hình thể ». Đáng chú ý là trong vành này có một số đoạn khắc hơi xô bồ, chứ không được đều đặn, dứt khoát như trên mặt trống Hữu Chung.

Vành 6 bị mờ nhưng có thể đoán là có hai họa tiết « hình trâm » và 10 hình chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay theo hướng ngược chiều kim đồng hồ ».

Rìa mép trống có 4 khối tượng cóc, trong đó ba con ngồi theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, còn một con thì ngồi quay lại. Tượng cóc đã bị sứt một phần, không tượng nào được nguyên vẹn.

b) Thân trống.

Trên tang và phần giữa thân trống trang sức hoa văn hình học, gồm: vạch thẳng song song và vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến.

Trống có hai đôi quai kép, trang trí văn thừng.

Nhìn chung, hệ thống hoa trên mặt trống chợ Bờ tương tự với hệ thống hoa văn trên mặt các trống Hữu Chung, Đông Hiếu... Nhưng hình « chim cách điệu » ở vành 5 có vẻ xô bồ, vị trí ngồi của các khối tượng cóc trên rìa mặt trống thì không nhất quán, cho nên cũng có thể nghĩ là trống này ra đời muộn hơn các trống Hữu Chung, Đông Hiếu...

XLIX – TRỐNG ĐẮC-GLAO

Trống này tìm được ở lòng sông Đắc-glao, một nhánh của sông Đắc-uy thuộc tỉnh Công-tum vào tháng 12-1921. Trống chỉ còn lại hai mảnh: mặt trống dính với một phần tang trống và mảnh thứ hai gồm một phần giữa và chân trống. Hai mảnh này đem khớp lại sẽ được một đoạn thân trống gần đầy đủ.

Mặt trống bị vỡ bóc mất một mảng hoa văn, đường kính là 34 cm, chiều cao 24 cm. Thân trống còn để lại những dấu vết của vẩy vỡ do bị ô-xy hóa nghiêm trọng.

Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống Đắc-glao được trang trí đơn giản, bố cục trang trí hơi đặc biệt so với các trống cùng nhóm.

a) Mặt trống

Mặt trống hơi tràn ra khỏi tang trống; khác hẳn với tất cả các trống đồng Đông Sơn, hoa văn trang trí phủ khắp mặt trống Đắc-glao, không để chừa một khoảng nào ở rìa mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 10 cánh. Đầu các cánh sao không được nhọn vì bị cắt đi bởi một vòng tròn nổi bọc ngoài. Xen kẽ các cánh sao, cứ một họa tiết kiểu lông công lại đến hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 9 vành hoa văn: vành 1 là đường gẫy khúc hình chữ ∫ nằm ngang. Vành 2 là văn răng cưa. Vành 3 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa. Vành 4 là hình « chim cách điệu » theo xu hướng « biến hình thể ». Vành 5 có 4 họa tiết « hình trâm » xen kẽ với bốn hình chim bay. « Hình trâm » ở đây hai đầu vuốt nhọn gần như ống tiêm, phía trên có những vòng tròn đồng tâm chấm giữa, xung quanh cũng có 5, 6 hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa. Nhìn đại thể họa tiết này giống họa tiết hình trâm trên trống Nông Cống.

Hình chim ở đây thuộc loại mỏ dài, đuôi dài, không có mào. Đáng chú ý là cánh chim không dang ra trong tư thế bay, mà cụp lại. Trên thân mỗi hình chim có hai vòng tròn đồng tâm chấm giữa, mắt chim cũng được thể hiện bằng họa tiết này.

Vì một phần mặt trống bị vỡ nên hiện nay chỉ còn nhìn thấy ba hình trâm và ba hình chim nguyên vẹn. Ngoài ra chỉ còn nhìn thấy phần đuôi chim và mỏm đầu họa tiết hình trâm.

Hai vành 6 và 7 là hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến ngược chiều nhau. Hai vành 8 và 9 là những vạch ngắn hơi nghiêng trông như hai đường chỉ khâu vụng.

Đè lên trên 4 vành hoa văn hình học ngoài cùng là bốn khối tượng cóc ngồi theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.

b) Thân trống.

Trên tang và phần giữa thân trống đều có những vành hoa văn hình học tương tự như hoa văn trên mặt trống. Ngoài ra có thêm loại văn vạch thẳng song song.

Đặc biệt là ở chân trống cũng có trang trí hoa văn. Khác với trống Đa Bút là tuy cũng có trang trí ở chân trống, nhưng trống Đa Bút chỉ trang trí ở phần trên gần chỗ tiếp giáp với phần giữa thân trống, còn ở trống Đắc-glao thì bố cục trang trí chia làm hai mảng: mảng trên sát với phần giữa thân trống, còn mảng dưới thì sát với chân trống. Mỗi mảng chỉ có một vành hoa văn chấm nhỏ.

Trống chỉ còn lại một chiếc quai kép. Hoa văn trang trí trên trống Đắc-glao nói chung rất thô. Hình « chim cách điệu » ở vành 4 nét khắc thưa hơn, trông đơn giản hơn hình « chim cách điệu » trên trống Hữu Chung. Có lẽ trống này xuất hiện tương đối muộn so với các trống cùng nhóm.

L — TRỐNG THÔN MỐNG

Trống này do nhân dân ở thôn Mống, xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình phát hiện, trong khi làm thủy lợi hồi năm 1968. Hiện nay trống tàng trữ tại Ty Văn hóa tỉnh Ninh Bình. Chiếc trống này có kiểu dáng và hoa văn trang trí khá đặc biệt. Mặt trống rộng, hơi tràn ra khỏi tang trống. Tang trống ít phình ra. Chân trống gần như thẳng đứng, đường kính chân trống nhỏ hơn hẳn đường kính mặt trống. Vì vậy nhìn dáng trống trên to dưới nhỏ, thiếu cân đối và tương đối thấp.

Tang trống bị vỡ một mảng, chân trống cũng bị vỡ gần hết.

Trống có đường kính mặt là 50 cm và chiều cao là 29 cm.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công đã bị mờ. Từ trong ra ngoài có 13 vành hoa văn:

Vành 1 là hình chữ M; các vành 2, 6, 9 và 13 là hoa văn hình bông lúa; các vành 3, 5, 10 và 11 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến; các vành 5 và 12 là văn răng cưa. Vành 7 là văn hình « chim cách điệu » theo xu hướng « biến hình thể »; vành 8 khắc bốn họa tiết « hình trâm » xen kẽ với 4 hình chim mỏ dài, đuôi dài, cụp cánh, gần giống với hình chim trên mặt trống Đắc-glao. Đặc biệt là trên vành này còn có hình một đồng tiền lỗ vuông cạnh hình một con chim.

Đè lên trên các vành 11, 12 và 13 sát rìa mặt trống là 4 khối tượng cóc ngồi theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Cũng giống như mặt trống Đắc-glao, mặt trống thôn Mống phủ khắp hoa văn trang trí, không để chừa một khoảng trống nào ở rìa mặt trống.

b) Thân trống.

Ở tang trống và phần giữa thân trống phủ đầy các vành hoa văn hình học, gồm các loại văn: răng cưa, hình bông lúa, vòng tròn đồng tâm có chấm giữa và có tiếp tuyến như trên mặt trống.

Chân trống có một vành hoa văn hình bông lúa.

Trống có 4 quai kép, trang sức hình bông lúa, trong đó có một quai to hơn.

Nhìn chung, trống thôn Mống có kiểu dáng, hệ thống hoa văn trang trí tương tự như trống Đắc-glao.

Một điểm khác với trống Đắc-glao, là trên mặt trống thôn Mống có khắc hình đồng tiền lỗ vuông, tương tự với loại tiền thường thấy trong các ngôi mộ thời Đông Hán (thế kỷ I — II sau công nguyên)[1].

---

(1) Các đ/c Diệp đình Hoa và Phạm minh Huyền cho rằng: hình đồng tiền trên trống thôn Mống giống với tiền Vương Mãng từ năm thứ 9 đến năm 23 sau công nguyên. (Xem Thông báo hội nghị khảo cổ năm 1971. Tài liệu đánh máy, lưu tại Viện Khảo cổ học Việt Nam).

LI – TRỐNG HÀNG BÚN

Trống này do Nhà Bác cổ Viễn đông Hà Nội mua lại của ông Nguyễn hữu Thanh ở số nhà 25 Phố Hàng Bún Hà Nội ngày 27 tháng 5 năm 1956. Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Trống chỉ còn lại mặt, đường kính là 32cm. Ria mép trống bị mẻ một it.

Cũng như trống Đắc-glao và Thôn Mống, khắp mặt trống Hà Nội có phủ đầy hoa văn trang trí. Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh. Xen kẽ các cánh sao cứ một họa tiết lông công lại đến họa tiết hình chữ V ngược lồng nhau. Từ trong ra ngoài có 7 vành hoa văn chính và tám đường chấm nhỏ xen giữa các vành đó.

Vành 1 là đường gấp khúc hình chữ M lồng nhau gần với vành 1 trên mặt trống Hữu Chung. Vành 2 và 3 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến ngược chiều nhau. Hai vành 4 và 7 là vạch thẳng song song. Vành 5 là những đường gấp khúc liên tiếp tạo thành những hình ô trám, gần giống với văn ô trám trên các trống Hữu Chung, Nông Cống...

Vành 6 cũng có hai họa tiết « hình trâm » chia vành này ra làm hai phần bằng nhau, mỗi phần có 4 hình chim bay, mỏ dài, đuôi dài, có mào, gần giống hình chim trên mặt trống Hữu Chung.

Mặc dù trên mặt trống không thấy có vành « chim cách điệu » theo xu hướng « biến hình thể », cũng chưa thấy những khối tượng cóc ở rìa mặt trống, song nhận thấy một số hoa văn như hình chữ M lồng nhau, văn ô trám, họa tiết « hình trâm » ở vành chim bay, tương tự như các hoa văn này trên các trống Hữu Chung, Nông Cống... nên chúng tôi xếp mặt trống Hàng Bún vào cùng nhóm.

LII – TRỐNG TÙNG LÂM

Trống này tìm thấy dưới lớp đất sâu 0m50 tại khu ruộng gần chùa Tùng Lâm (chùa Lem) thuộc xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây) vào ngày 28-5-1932.

Trống bị vỡ ở nhiều chỗ trên mặt và nhất là ở thân trống. Hiện nay trống được trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống Tùng Lâm có hình dáng khá đặc biệt so với các trống Đông Sơn đã tìm thấy ở nước ta. Tang trống phình to vượt quá mặt trống rất nhiều, giữa thu lại, phần cuối của đoạn giữa thân trống loe rộng ra nối với phần chân rất ngắn. Chỉ kể riêng về hình dáng ta thấy trống Tùng Lâm lùn dị, có phần gần gũi với dáng trống Giảo Tất, tuy rằng về kích trước thì lớn hơn nhiều.

Đường kính mặt trống là 52cm, chiều cao là 38cm. Hoa văn trang trí cũng có những nét độc đáo khác hẳn với thể thức trang trí trên các trống đồng Đông Sơn khác.

a) Mặt trống.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao 16 cánh, cánh dài ngắn không theo quy tắc nào cả, bao quanh hình ngôi sao có hai đường văn thừng nhỏ. Giữa hai đường văn thừng là những đường hồi văn gấp khúc tạo ra bốn hình bình hành lộng nhau cuộn khúc (có người gọi là hồi văn Hy lạp). Ngoài cùng là vành hoa văn những vạch thẳng ngắn và có chấm trên đầu.

Toàn bộ những vành hoa văn này đều không có đường chỉ đóng khung lại như các trống đồng khác. Khu vực trang trí là một vành tròn đồng tâm (với mặt trống) có bán kính bằng non nửa bán kính của mặt trống, khoảng còn lại bỏ trống.

b) Thân trống.

Tang trống không có trang trí. Nhưng ở phần giữa thân trống và phía trên của chân trống có khắc loại hồi văn hình bình hành gấp khúc cùng với những đoạn thẳng ngắn song song hình răng lược giống như văn này trên mặt trống

Trống có 4 quai nhỏ, để trơn không trang trí.

Nhìn chung, trống Tùng Lâm rất giống với chiếc trống số 5 trong sưu tập trống đồng cổ của Bảo tàng tỉnh Vân Nam Trung Quốc, tuy kích thước trống Tùng Lâm có lớn hơn chút ít.

Nhận định về chiếc trống của mình, các đồng chí ở Bảo tàng Vân Nam cho rằng: trống số 5 được chế tác rất nguyên thủy, nó có thể là một tiêu bản sớm nhất trong loại trống đồng Giáp thức ở Vân Nam[1].

Căn cứ vào những hình trang trí chưa theo một thể thức nào cả, một số hoa văn lại đơn giản như văn khắc trên đồ gốm; chúng tôi nhận thấy ý kiến nhận định của các tác giả ở Bảo tàng tỉnh Vân Nam là một ý cần tham khảo.

Tuy nhiên sự xuất hiện của loại cánh sao mảnh nhỏ như những sợi chỉ và sự có mặt của hình hồi văn, khó mà có thể coi trống Tùng Lâm là một khởi hình nguyên thủy của trống đồng Đông Sơn ở nước ta, như có người chủ trương[2], vì hình cánh sao trên trống Tùng Lâm đang có xu hướng phát triển mảnh nhỏ chuyển dần sang các trống loại II Hê-gơ[3]. Còn hình hồi văn thì đã xuất hiện không sớm lắm.

---

(1) Xem: Vân Nam tỉnh Bác vật quán. Đồng cổ đồ lục. Côn Minh. 1959. Tr 14—15. Ảnh số 14, 15, 16.

(2) Lê văn Lan, Phạm văn Kỉnh, Nguyễn Linh: Những vết tích... Sách đã dẫn. Tr. 200. Nguyên văn là: « có thể đây là một hình thức bắt chước vụng về các trống đồng khác, nhưng cũng rất có thể là một « hình thức nguyên thủy » của các trống loại II cũng như của tất cả các trống đồng khác » (loại II theo phân loại của các tác giả. Chúng tôi chú thích).

(3) Hình cánh sao này gần giống với hình cánh sao trên mặt trống minh khí sưu tầm được ở Đông Sơn (Trống số 2. Xem bản thống kê trống minh khí. Chú thích của các tác giả).

CÁC TRỐNG MINH KHÍ

Ngoài những chiếc trống đồng có kích thước trung bình và lớn, có hoa văn trang trí phong phú đã kể trên, ở rải rác khắp nơi trên đất nước ta còn tìm thấy nhiều chiếc trống đồng nhỏ.

Trước Cách mạng tháng Tám, những trống đồng nhỏ này chỉ mới phát hiện được ở Thanh Hóa. Trước đây, hai người Pháp chơi đồ cổ là Đác-giăng-xơ và Puy-an đã mua được ở tỉnh Thanh Hóa khoảng một chục chiếc. Trong các cuộc khai quật của Pa-giô (1924 — 25) và Y-an-xơ (1936) ở Đông Sơn, bên cạnh những chiếc trống có kích thước tương đối lớn, còn có khoảng 30 chiếc trống rất nhỏ[1]. Trong các cuộc khai quật ở Đông sơn cuối năm 1961 đầu năm 1962 cũng tìm thêm được năm chiếc. Ngoài ra, ở một số địa điểm khảo cổ học khác thuộc Thanh Hóa cũng tìm thêm được vài chiếc như Thiệu Dương 2 chiếc, Núi Nấp và Núi Sỏi mỗi nơi một chiếc[2]. Tại di chỉ Làng Vạc (Nghệ An) gần đây cũng tìm được 4 chiếc.

Từ năm 1954 đến nay, các trống đồng nhỏ không những chỉ phát hiện được ở các địa điểm khảo cổ thuộc tỉnh Thanh Hóa, mà nhiều tỉnh thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ cũng tìm được nhiều trống đồng nhỏ. Ví dụ, tỉnh Hà Tây đã tìm được 3 chiếc, Hà Nội 3 chiếc, Hải Hưng và Hà Bắc mỗi nơi một chiếc.

Phần lớn các trống minh khí hiện nay tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Đặc điểm chung của những trống minh khí này là kích thước nhỏ bé, chế tác sơ sài. Đó là những vật mô phỏng theo những trống lớn, chúng được chế tác ra để làm đồ tùy táng, chứ không có giá trị thực dụng.

Những chiếc trống minh khí lớn nhất có đường kính mặt từ 15 đến 20cm, chiều cao từ 12 đến 18cm. Những chiếc trống nhỏ nhất có đường kính mặt và

(1) Theo con số của Gát-xpác-đon (E. Gaspardone. « Revue de Paris ». Paris. 1936) và của Gô-lu-bép (V. Goloubew. L'archéologie du Tonkin et les fouilles de Đông Sơn. 1937) thì khoảng một nửa số trống này đã bị bọn thực dân Pháp cướp mang đi. Số còn lại hiện trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

(2) Lê văn Lan, Phạm văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Sách đã dẫn. Tr. 189.

chiều cao xấp xỉ bằng nhau khoảng từ 1,8cm đến 2,1cm trông như những cục đồng thô thiển.

Về kiểu dáng, các trống minh khí thường mô phỏng theo dáng các trống nhóm B của loại I Hê-gơ. Đó là các trống có dáng thon và cao, đường kính mặt trống và chiều cao của thân trống thường xấp xỉ bằng nhau. Tuy nhiên lẻ tẻ cũng có một số trống có kiểu dáng tương đối thấp, phần giữa thân trống từ hình trụ thẳng đứng chuyển sang hình nón cụt. Phần chân tương đối ngắn và có đáy loe rộng.

Về hoa văn trang trí, trừ những trống quá nhỏ thường không có hoa văn, còn đại đa số các trống minh khí có trang sức, hoa văn thường rập theo kiểu trang trí trên các trống nhóm B. Tuy nhiên, cũng tùy theo kích thước trống to hay nhỏ mà có hoa văn trang trí nhiều hay ít. Trên mặt trống hoa văn thường hay gặp là hình ngôi sao ở chính giữa mặt trống (số cánh sao thường gặp là từ 4 đến 8 cánh). Xen giữa các cánh sao có những họa tiết vạch chéo song song. Ngoài ra ở mặt trống thường có các loại hoa văn như: vạch thẳng song song, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến...

Trên mặt các trống minh khí lớn nhất, ngoài hình ngôi sao và một số vành hoa văn hình học, còn có 4 hình chim mỏ và đuôi dài bay ngược chiều kim đồng hồ, chẳng hạn như chiếc trống tìm được ở thôn Sơn Thanh, xã Sơn Hòa, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây (hiện trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử) và chiếc trống trữ tại kho của Sở Văn hóa Hà nội.

Thân trống thường chỉ có loại hoa văn vạch thẳng hoặc vạch chéo song song.

Quai trống — trừ những trống kích thước quá nhỏ không có quai, còn nói chung mỗi trống minh khí thường có 4 quai đơn. Đặc biệt có một số trống ngoài 4 quai đơn gắn vào thân trống ra, còn có một quai nhỏ hơn ở chính giữa mặt trống, chiếc quai này có lẽ dùng để treo, hoặc đeo mang theo bên người cho tiện. Một số trống tìm được ở Đông Sơn trước kia, ba chiếc trống mới phát hiện được ở Tây Đằng, Lãng Ngâm, Trung Mầu (1) đều thuộc loại này.

Cần phải kể đến một vài trống minh khí có hoa văn trang trí đặc biệt. Ví dụ: ba mảnh thân trống do Pa-giô tìm được ở hố khai quật số 2, nhóm 5 thuộc khu mộ táng Đông Sơn Thanh Hóa vào tháng 5 năm 1925, hiện trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam, ở phần giữa thân trống của những mảnh trống này ngoài văn răng cưa và đường chấm nhỏ ra, còn có hình người múa, trang sức lông chim, tuy hình này thô thiển và đã đơn giản hóa. Chiếc trống minh khí mang ký hiệu LSb1257 (ký hiệu cũ là I 19.564) hiện trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam chỉ cao 5,5cm, mặt trống hơi vồng lên chính giữa có tượng một con chó há mõm (2). Cũng ở khu mộ táng Đông Sơn, trong sưu tập Pa-giô có chiếc trống trang trí rất độc đáo (3). Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao có 22 cánh, cánh sao mảnh và ngắn. Rìa mép mặt trống có 4 tượng cóc ngồi cách

---

(1) Xem bảng thống kê các trống minh khí.

(2) V. Goloubew. L'âge du bronze au Tonkin et dans le Nord Annam. BEFEO T. XXIX. Hà nội. 1929. P.13.fig. 2.

(3) Trống số 2. Xem bảng thống kê các trống minh khí.

đều nhau ngồi quay lưng vào trung tâm mặt trống. Ngoài ra trên mặt và thân trống còn có một số vành hoa văn hình bông lúa, nét khắc thô.

Chiếc trống minh khí ký hiệu LS^{b}1025 tàng trữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, có kiểu dáng gần gũi dáng những trống đa hiện đại. Về hoa văn thì ngoài hoa văn vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến thường thấy trên các trống loại H_{I}, còn có loại hoa văn hình chữ V to trang trí ở chân trống hoa văn này thường gặp trên các trống loại H_{IV}.

Trên đây, chúng tôi đã giới thiệu vài nét sơ lược về đặc điểm của các trống minh khí đã sưu tầm ở nước ta. Bây giờ chúng tôi xin nêu một số ý kiến về niên đại tương đối của chúng. Về vấn đề này, V. Gô-lu-bép và nhiều nhà nghiên cứu trước đây thường dựa vào một số trống đồng loại nhỡ và các trống minh khí nhỏ ở Đông Sơn trong các ngôi mộ có những hiện vật thuộc thời kỳ Đông Hán mà cho rằng: « Việc chế tạo những trống đồng đầu tiên là đồng thời với cuộc Viễn chinh của Mã Viện, tức là vào giữa thế kỷ thứ nhất sau công nguyên »[1].

Theo ý kiến chúng tôi, các trống minh khí có niên đại đầu công nguyên tìm thấy trong các ngôi mộ Đông Hán chỉ là những trống muộn nhất trong các trống minh khí mà thôi. Trong quá trình nghiên cứu các trống minh khí, chúng tôi nhận thấy: các di chỉ có niên đại càng muộn về sau thì các trống minh khí chế tạo càng sơ sài, đơn giản. Các trống minh khí ở khu mộ táng Đông Sơn phần nhiều chỉ là những cục đồng nhỏ chế tác đơn giản và không có hoa văn trang trí.

Việc phát hiện và khai quật khu mộ táng Làng Vạc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An đã góp phần vào việc nghiên cứu niên đại của các trống đồng Đông Sơn nói chung, cũng như trống đồng minh khí nói riêng ở nước ta. Viện Khảo cổ học đã thông báo sơ bộ về kết quả các đợt khai quật ở đây và đi đến nhận xét sơ bộ rằng: khu mộ táng Làng Vạc chưa hề có vết tích của văn hóa phương Bắc và có niên đại tương đối cách ngày nay trên dưới 25 thế kỷ[2],

Theo ý kiến chúng tôi, niên đại của các trống đồng Đông Sơn ở Làng Vạc cũng như niên đại toàn bộ các di vật ở địa điểm khảo cổ học Làng Vạc cần phải tiếp tục nghiên cứu thêm, nhất là phải chờ kết quả nghiên cứu toàn diện về khu mộ táng này. Nhưng với sự vắng mặt của yếu tố văn hóa Hán, lại có một số hiện vật như trống đồng nhóm A và B, âu đồng... gần gũi với các hiện vật ở Việt Khê, Hải phòng, mà có thể phỏng đoán rằng: niên đại của địa điểm khảo cổ học Làng Vạc nói chung, niên đại của các trống đồng Đông Sơn ở đây nói riêng khoảng thế kỷ V đến thế kỷ III trước công nguyên. Đây có thể cũng là mốc sớm nhất trong khung niên đại của các trống minh khí tìm được ở nước ta.

Tóm lại, qua việc nghiên cứu các trống minh khí đã phát hiện ở nước ta, chúng tôi có mấy nhận xét sau đây:

1. — Kiểu dáng và hoa văn trang trí các trống minh khí phần nhiều phỏng theo các trống nhóm B.

2 — Các trống minh khí của nước ta có một quá trình phát triển liên tục, lâu dài, niên đại của phần lớn những trống này đồng thời sớm nhất có thể xuất hiện vào khoảng các thế kỷ thứ V, thứ IV trước công nguyên, và những trống xuất hiện muộn nhất có thể vào khoảng các thế kỷ I, II sau công nguyên.

---

(1) V. Goloubew. L'âge du bronze... Op. cit.. BEFEO. T.XXIX. Hànội. 1929. P. 41.

(2) Báo Nhân dân ngày 10-6-1973.

PHẦN THỨ BA

TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN VÀ NHỮNG HÌNH THÁI SINH HOẠT CỦA NGƯỜI LẠC VIỆT

Sưu tập « Những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện trên đất Việt-nam » đến đây đã khép lại trang miêu tả cuối cùng. Qua phần miêu tả chúng ta nhận thấy: trống đồng với hệ thống hình khắc và hoa văn của nó, được trình bày như một tư liệu lịch sử và nghệ thuật vô cùng phong phú và đa dạng.

Như mọi người đều biết, sử học dựa vào hai nguồn tư liệu: văn tự và hiện vật. Văn tự cố nhiên là phong phú hơn tư liệu hiện vật về mặt nội dung, nhưng nó xuất hiện tương đối muộn so với lịch sử xã hội loài người — đối tượng nghiên cứu của sử học. Sự vắng mặt của văn tự trong lịch sử cổ đại cộng với những đặc trưng về mặt phản ánh của di vật văn hóa vật chất, là một trong những nguyên nhân tạo cho ngành khảo cổ một chỗ đứng riêng trong sử học. Khảo cổ học nghiên cứu những qui luật phát triển xã hội thông qua di vật lịch sử, trong đó hiện vật nghệ thuật (ví dụ: những pho tượng, những hình khắc, vẽ trên vách hang, những hiện vật trên có bố cục trang trí những hình khắc và hoa văn những đồ trang sức v.v...) được xem là rất quan trọng. Điểm khác nhau giữa hiện vật nghệ thuật và các hiện vật khác như: vũ khí. công cụ sản xuất... là ở chỗ, vũ khí và công cụ sản xuất chỉ có thể tự nói lên về mình, còn hiện vật nghệ thuật thì có thể phác họa cho ta những đường nét đậm nhạt khác nhau của bức tranh quá khứ, trong đó chứa đựng một dung lượng ý nghĩa phong phú hơn. Hiện vật nghệ thuật, xét về chức năng truyền đạt và dự trữ tin tức, có thể xem như một thứ ký hiệu « tiền ngôn ngữ », một thứ « văn tự tượng hình ». Thứ « văn tự » này trực tiếp truyền đạt những biểu tượng của tri giác, những « khái niệm », « phán đoán », tức là những hiện tượng của tư duy, phản ánh một phần thế giới hiện thực. Về mặt này mà nói, chúng ta có quyền gọi hiện vật nghệ thuật cổ là bản « thông điệp » của quá khứ gửi cho mai sau những hiểu biết của mình về tự nhiên và xã hội. Trống đồng Đông Sơn chính là loại hiện vật có đặc trưng như thế.

Quan điểm mác-xít về những qui luật phát triển của tự nhiên, con người và xã hội, cung cấp cho ta chiếc chìa khóa để nhận thức bản chất xã hội, chức năng phản ánh, cùng với những qui luật phát triển khách quan của nghệ thuật.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử xem nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh trình độ phát triển của cơ sở kinh tế, tương ứng với nó là những hiện tượng của thế giới tinh thần, và của những quan hệ xã hội.

Xuất phát từ quan điểm trên, dưới đây chúng tôi sẽ minh giải những hình khắc trên các trống đồng Đông Sơn, và vận dụng chúng như những cứ liệu lịch sử để tìm hiểu trạng thái sinh hoạt của người Lạc Việt, tức là văn hóa của cư dân ở thời đại các vua Hùng.

Đặt vấn đề như trên, chúng tôi thấy xuất hiện hai vấn đề cần được làm sáng tỏ: 1/ Thuật ngữ trống đồng Đông Sơn, 2/ Mối liên quan giữa trống Đông Sơn và văn hóa Lạc Việt.

Thứ nhất, thuật ngữ trống đồng Đông Sơn đã được các nhà nghiên cứu sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên, như mọi người đều biết: ngay thuật ngữ văn hóa Đông Sơn đang còn là vấn đề thảo luận, cho nên thuật ngữ « trống đồng Đông Sơn », theo ý chúng tôi, cũng phải cho nó một nội dung xác định. Như trên kia đã nói, trong sưu tập này chúng tôi giới thiệu toàn bộ những trống đồng H1 đã phát hiện trên đất Việt Nam, phần lớn những trống này là sản phẩm tiêu biểu của nền văn hóa Đông Sơn, một số trống H1 xuất hiện muộn về sau có thể tồn tại vào đầu thời đại đồ sắt. Mặc dù đã chuyển qua thời đại khác, nhóm trống H1 loại muộn này vẫn duy trì và tiếp nối truyền thống nghệ thuật của văn hóa Đông Sơn, cho nên có thể xem chúng là những hiện vật hậu duệ của nền văn hóa này. Vì thế, chúng tôi đề nghị gọi chung là những trống đồng H1 phát hiện được trên đất nước ta là « trống đồng Đông Sơn ».

Thứ hai, gắn trống đồng Đông Sơn với văn hóa Lạc Việt, chúng ta động chạm tới ba mối quan hệ sau đây:

1) Chủ nhân của trống đồng Đông Sơn với người Lạc Việt.

2) Địa bàn khai sinh ra trống với quê hương sinh tụ của người Lạc Việt.

3) Tuổi của trống với thời kỳ tồn tại của người Lạc Việt.

Đây là những vấn đề hết sức quan trọng trong lịch sử cổ đại nước nhà. Xung quanh các vấn đề trên đây, xưa nay đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận thú vị; tuy nhiên, trong chừng mực nhất định giới nghiên cứu nước ta cũng đã tiến tới những kết luận tương đối thống nhất. Dựa vào kết quả nghiên cứu đó, dưới đây chúng tôi sẽ trình bày lại các vấn đề trên, giống như phác họa cho trống Đông Sơn một cái lý lịch sơ lược, trước khi vận dụng nó để bước đầu tìm hiểu lịch sử văn hóa thời kỳ dựng nước đầu tiên ở nước ta.

I. — NHỮNG VẤN ĐỀ: CHỦ NHÂN, ĐỊA BÀN XUẤT HIỆN VÀ NIÊN ĐẠI CỦA TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN

Thời trung cổ ở Trung quốc có lưu truyền một truyền thuyết nói rằng, trống đồng đầu tiên là do Phục Ba Mã Viện hoặc Khổng Minh Gia Cát chế tạo. Giả thiết này có một thời đã gây ngờ vực, nhất là trong giới nghiên cứu nước ngoài. Ngày nay, khảo cổ học Việt Nam đã đưa ra ánh sáng nhiều trống đồng H1 có

niên đại trước Hán, nhờ đó giới sử học nước ta đã đi đến nhận định thống nhất và dứt khoát rằng: trống đồng H1 phát hiện được nhiều nhất là ở Việt Nam, rồi đến các tỉnh miền Hoa nam, đương nhiên nó là hiện vật bản địa của các vùng này.

Mở thư tịch cổ Trung Quốc, ta thấy trong những chuyện chép về phương nam có nói đến trống đồng. Ví dụ:

Chuyện Mã Viện trong Hậu Hán thư có đoạn chép: « Viện thích cưỡi ngựa, giỏi phân biệt được ngựa tốt, bắt được trống đồng Lạc Việt ở Giao chỉ, bèn đúc thành hình ngựa đem về dâng vua[1].

Sách Thủy kinh chú dẫn một đoạn văn trong sách Lâm ấp ký: « Cửa (sông) ấy thông với Đồng cổ, bên ngoài vượt đến của Hoàng cương tâm khẩu huyện An-Định. Nhờ cửa sông ấy mà (quân đội) tiến vào Đồng cổ, tức là đất Lạc Việt. Vì đây có trống đồng nên gọi là (đất) « Đồng cổ ». Mã Viện lấy trống ở đó để đúc ngựa đồng[2].

Ở hai đoạn văn trên chúng ta đều gặp cái tên Lạc Việt. Theo ý kiến các nhà nghiên cứu cổ sử thì tên Lạc Việt xuất hiện đầu tiên trong Hậu Hán thư. Sách này nói (người) Lạc Việt ở miền Giao chỉ và Cửu chân đời Hán. Dư địa chí của Cố dã Vượng cũng cho Lạc Việt là ở đất Giao chỉ. Các sách Giao châu ngoại vực ký (dẫn trong Thủy kinh chú) và Quảng châu ký nói về Lạc hầu, Lạc tướng, Lạc dân, Lạc điền ở đất Giao Chỉ. Dựa vào thư tịch cổ Trung Quốc nhà sử học Đào duy Anh cho rằng: trong khoảng ba, bốn thế kỷ trước công nguyên cho đến những năm đầu công nguyên vào thời Tần Hán, ở miền Bắc Việt nam (bao gồm từ biên thùy Trung hoa đến Nghệ An) là địa bàn đã từng tồn tại cư dân, gọi là người Lạc Việt[3]

Qua mấy đoạn trích dẫn trên đây, chúng ta nhận thấy ba cái tên Lạc Việt. Giao chỉ và trống đồng thường đi liền và kết hợp với nhau chặt chẽ. Từ đó, chúng tôi tán thành ý kiến ông Đào Duy Anh, rút ra nhận định: người Lạc Việt ở đất Giao chỉ và Cửu chân là chủ nhân của trống đồng.

Thực ra thì không phải chỉ người Lạc Việt ở đất Giao Chỉ mới là chủ nhân của trống đồng, mà ở miền Hoa Nam cũng có rất nhiều tên đất gắn liền với « đồng cổ »[4]. Đây cũng là địa bàn có trữ lượng trống đồng khá lớn.

Như ta đã biết, trống đồng bao gồm nhiều loại sớm muộn khác nhau, nhưng trống đồng phát hiện được ở Hoa nam là thuộc loại nào?

Hãy nghe một số tác giả đời Đường, Tống, miêu tả trống. Sách Lĩnh biểu lục dị của Lưu Tuân đời Đường, viết: « Nhạc khí của người Man có trống đồng, hình thắt lưng cổ bồng, một phía có mặt tròn, đường kính khoảng một thước, mặt và thân liền với nhau, khắp thân trống có khắc hình các loài côn trùng, cá, hoa, cây cỏ, đánh vào đâu thì kêu vang mãi... »[5].

---

(1) Hậu Hán thư. Quyển 54. tờ 8b.

(2) Thủy kinh chú. Quyển 14.

(3) Đào Duy Anh. Nguồn gốc dân tộc Việt nam. Hà nội. 1957. Tr. 82.

(4) Từ Tùng Thạch. Việt giang lưu vực nhân dân sử. Thượng Hải. 1941. Dẫn trong: Đào duy Anh. Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt. Hà nội. 1957. Tr. 93.

(5) Dẫn trong sách: Trịnh sư Hứa. Đồng cổ khảo lược. Thượng Hải. 1937. Bản dịch của Viện mỹ thuật mỹ nghệ. Tr. 6.

Phạm thành Đại đời Tống trong sách Quế hải ngu hành chí cũng viết: « người Man di xưa sử dụng trống đồng, thường đào được ở miền đất phương nam, tương truyền đó là của Mã Phục Ba để lại: Trống giống như một cái đôn, phía dưới hổng; trống trang trí đầy hoa văn nhỏ, rất khéo léo, tỷ mỷ, bốn góc có những tượng cóc nhỏ. Hai người vừa khiêng vừa lấy tay vỗ vào, tiếng nghe hoàn toàn giống như tiếng trống da vậy »[1]. Một số ghi chép ở các sách cùng thời cũng thấy tương tự như thế. Qua đó chúng ta thấy rằng: trống đồng ở Hoa Nam phần nhiều thuộc loại H_{II}, đó là những trống loại muộn, khắp thân trang trí hoa văn tiền, hoặc hoa lá cây cỏ, trên mặt thường có tượng cóc. Điều nhận xét này cũng phù hợp với số hiện vật thực mà các nhà bảo tàng ở Lưỡng Quảng, Vân Nam và Tứ Xuyên còn giữ được.

Như vậy thì trống đồng Lạc Việt mà ngót hai mươi thế kỷ trước đây Mã Viện đã vơ vét trên đất ta, đúc thành ngựa đồng đem dâng vua Hán, phải là những trống thuộc loại H_I, loại trống Đông Sơn cổ kính và có niên đại sớm nhất.

Từ đầu thế kỷ đến nay, số trống đồng H_I phát hiện được ở miền Bắc nước ta, cũng như ở các nước lân cận tăng lên không ngừng. Dựa theo kết quả công bố của ngành khảo cổ học, có thể lập bản thống kê trống đồng H_I phân bố ở các nước Đông Nam Á như sau:

— Việt Nam	105[2]
— Trung Quốc (Hoa Nam)	42[3]
— In-đô-nê-xi-a	23[4]
— Thái Lan	10[5]
— Lào	4[6]

(1) Trịnh Sư Hứa. Sách đã dẫn. Bản dịch. Tr. 7

(2) Ở Việt Nam, trong số 105 trống đồng Đông Sơn kể trên có 52 trống lớn có công dụng thực tế và 53 trống nhỏ, thường sử dụng làm đồ minh khí chôn theo người chết.

Nếu kể cả những trống chưa xác minh được và các trống minh khí chưa rõ lai lịch, thì số lượng trống đồng Đông Sơn tìm được ở Việt Nam lên tới 134 chiếc. (Xem các bảng thống kê). Khi sách này đã lên khuôn, chúng tôi được tin có thêm một số trống đồng Đông Sơn mới phát hiện ở các tỉnh Thanh hóa, Nam hà, Hà tây. Chúng tôi xin giới thiệu bổ sung khi có điều kiện (Chú thích của các tác giả).

(3) F. Heger. Sách đã dẫn. Xem tập ảnh minh họa.

— « Khảo cổ học báo ». N⁰ 1. Bắc Kinh. 1957.

— Vân nam tỉnh bác vật quán. Vân nam Tấn Ninh Thạch trại sơn cổ mộ quần phát quật báo cáo. Bắc Kinh. 1959. Xem tập ảnh minh họa.

— Vân nam tỉnh bác vật quán. Đồng cổ đồ lục. Côn Minh. 1959.

(4) H.R. Heekeren. van. The bronze-iron age of Indonesia. S'Gravenhage Martinus Nijhoff. 1958. PP: 12-25.

(5) H. Parmentier. Nouveaux tambours de bronze. BEFEO. T.XXXII. Ha noi. 1932. PP 175-176.

U.Guehler. Studie ueber Bronze trommeln. The journal of the Thailand Research society. T.XXXV. Bangkok. 1944.

(6) V. Goloubew. L'âge du bronze au Tonkin et dans le Nord Annam BEFEO. T.XXIX. Hanoi. 1929. PP. 42-43.

H. Parmentier. Op. cit. PP. 173-174.

— Mã Lai	4[1]	
— Cam-pu-chia	2[2]	
	Cộng: 190 chiếc	

Con số này có ý nghĩa rất lớn. Nó chứng tỏ miền Bắc Việt Nam là địa bàn có mật độ trống đồng dày đặc nhất. Hơn nữa, trong số bốn trống: Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ, Sông Đà và Khai Hóa, thường được xem là cổ kính, với những kích thước bố cục trang trí của hình khắc, hoa văn trên mặt và trên thân trống gần như thống nhất với nhau, thì ba chiếc tìm được ở miền Bắc Việt Nam. Nếu kể cả toàn bộ các trống nhóm A — nhóm trống có niên đại sớm nhất, thì nước ta cũng là nơi tìm được nhiều trống nhất. Sự thực này làm sáng tỏ giả thiết của một số nhà nghiên cứu trước đây và xác nhận dứt khoát rằng: quê hương của những trống đồng cổ nhất là miền Bắc Bộ và phía bắc Trung Bộ nước ta. Ở đây, có thể vào sáu bảy thế kỷ trước công nguyên, đã là vùng trung tâm sản xuất trống đồng. Trong quá trình biến thiên của lịch sử, trống đồng phát triển từ loại này sang loại khác, rồi lưu truyền rộng ra khắp vùng Đông Nam Á, thông qua con đường buôn bán và giao lưu văn hóa.

Tìm hiểu về niên đại trống đồng Đông Sơn, các nhà nghiên cứu trước kia thường dựa vào so sánh hoa văn mà nêu ra những đoán định, giả thiết của họ vì thế mà chưa có sức thuyết phục mạnh mẽ. Một niên đại tương đối chính xác cho trống đồng, tất nhiên là phải dựa vào kết quả khai quật khảo cổ học.

Chúng ta biết rằng: trống Đông Sơn bao gồm nhiều tiêu bản có niên đại sớm muộn khác nhau, phần lớn những trống này phát hiện được ngẫu nhiên, không nằm trong tầng văn hóa khảo cổ, vì vậy để tìm một niên đại tương đối giữa chúng, trên kia chúng tôi đã phân toàn bộ trống Đông Sơn ra làm ba nhóm A, B, C phát triển theo lối gối sóng. Dưới đây chúng tôi dựa vào những hiện vật đã được định tuổi để xác định một khung niên đại chung cho các nhóm. Chúng tôi bắt đầu từ nhóm trống muộn nhất.

Việc định niên đại cho nhóm C có liên quan đến niên đại của hoa văn « hình chim cách điệu » — một hoa văn tiêu biểu nhất của các trống thuộc nhóm này. Ở Việt Nam, hoa văn « hình chim cách điệu » thấy khắc ở mặt trên các chậu đồng tìm được nhiều nhất ở Thanh Hóa [3], trong lòng chậu có hình đôi cá, một họa tiết điển hình của nghệ thuật Hán, phổ biến vào thời Đông Hán (Thế kỷ I — II sau công nguyên). Điều này chứng tỏ rằng vào thế kỷ đầu sau công nguyên, nhóm trống C đã phát triển ảnh hưởng sang các loại hiện vật khác, và hoa văn « hình chim cách điệu » được truyền bá rộng rãi trên địa bàn miền Bắc Việt nam. Đáng lưu ý là, tỉnh Quảng Tây đã tìm được một số trống đồng trên mặt có vành chim cách điệu (giống như trên mặt các trống thuộc nhóm C) trong ngôi mộ có niên đại mạt kỳ Tây Hán (Thế kỷ I trước công nguyên), và một chiếc trống kiểu này nằm trong ngôi mộ có niên đại Lục triều (Thế kỷ III — VI

---

(1) M.W.F. Tweedie. Prehistoric Malaya. Singapoure. 1957.
Hà Văn Tấn. Phát biểu về thời kỳ Hùng Vương. « Khảo cổ học ». N⁰ 1. Hà nội. 1969. Tr. 89.

(2) H. Parmentier. Op. cit. P. 176.

(3) Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích... Sách đã dẫn. Tr. 135. Hình số VII.

sau công nguyên) [1]. Có thể rút ra nhận xét: từ thế kỷ I trước công nguyên cho đến những thế kỷ I — II sau công nguyên là thời gian nghệ thuật trống đồng diễn ra quá trình biến dạng «từ hình ảnh đến hoa văn». Hoa văn hình chim cách điệu xuất hiện đầu tiên vào thế kỷ II – I trước công nguyên và biến mất không sớm hơn thế kỷ VI sau công nguyên. Đây cũng là thời gian tồn tại của các trống thuộc nhóm C.

Nhóm B gồm những trống đơn giản nhất, mặt trống có từ 4 đến 6 hình chim bay, ngoài ra chỉ có hoa văn hình học. Niên đại của nhóm B có thể dựa vào những trống đã được định tuổi như sau:

— Trống Việt Khê nằm chung với những hiện vật có niên đại Chiến quốc (Thế kỷ V — III trước công nguyên) trong quan tài hình thuyền. Niên đại này cũng gần phù hợp với niên đại của ván quan tài hình thuyền, được xác định bằng phương pháp C 14. [2]

— Một số trống tìm được ở khu mộ táng Đông Sơn có niên đại Đông Hán (thế kỷ I—II sau công nguyên).

Niên đại các trống nhóm B có thể xê dịch từ thế kỷ IV trước công nguyên đến thế kỷ II sau công nguyên.

Nhóm A là nhóm trống «phong phú» nhất, trên mặt hoặc thân trống thường khắc hình người và hình thuyền. Đáng tiếc là trong nhóm này không một trống nào có tuổi, vì thế việc định niên đại nhóm A phải viện đến một hiện vật khác, tương cận với những trống của nhóm này. Đó là một chiếc trống có niên đại Tây Hán (thế kỷ II—I trước công nguyên) nằm trong ngôi mộ M 14 thuộc khu mộ táng núi Thạch Trại, huyện Tấn Ninh tỉnh Vân Nam [3]. So với những trống phong phú và cổ kính của nhóm A thì trống Tấn Ninh M 14 là chiếc trống đơn giản, trang trí sơ lược, trên mặt có 4 hình chim bay, tang trống mang 4 chiếc thuyền, tương tự với thuyền trên trống Đồi Ro, Làng Vạc I. Như trên kia đã nói, vành 4 thuyền là loại bố cục xuất hiện muộn, vì nó chống lại bố cục truyền thống — vành thuyền có 6 chiếc trên tang các trống sớm. Do đó, nếu đặt vào hệ thống phân nhóm, thì trống Tấn Ninh M 14 thuộc vào những trống muộn của tiểu nhóm A2. Tuổi của trống Tấn Ninh M 14 có thể xem là niên đại cuối cùng của các trống thuộc nhóm A. Chúng ta đã biết, trống đồng có tuổi sớm nhất ở đây là trống Việt Khê (thế kỷ V—III trước công nguyên), nhưng trống Việt Khê là chiếc trống nhỏ, trang trí giản lược, trên mặt chỉ có 4 hình chim bay, chắc chắn đây là một tiêu bản xuất hiện muộn so với các trống phong phú của tiểu nhóm A1. Một niên đại phải chăng cho các trống thuộc nhóm này, theo ý chúng tôi, có thể dịch lên hai, ba thế kỷ sớm hơn trống Việt Khê. Thời gian tồn tại của các trống thuộc nhóm A có thể xác định vào khoảng từ thế kỷ VII—VI trước công nguyên đến thế kỷ II trước công nguyên.

---

(1) Hoàng Tăng Khánh. Quảng Tây xuất thổ đồng cổ *sơ* thám. «Khảo cổ». Bắc Kinh; N⁰ 11-1964. Tr. 581; Ảnh 11; Thác bản số 3, 4.

(2) Mẫu 1: 2480 ± 100 cách ngày nay (1950)

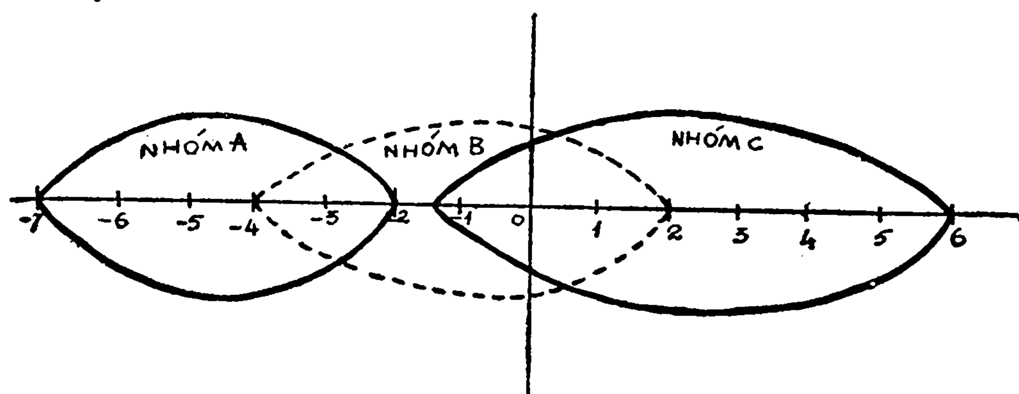
Mẫu 2: 2415 ± 100 —nt—

Mẫu 3: 2330 ± 100 —nt— (Tài liệu của Viện Khảo cổ học).

(3) Vân Nam tỉnh bác vật quán. Vân nam Tấn Ninh Thạch Trại sơn cổ mộ quần phát quật báo cáo. Văn vật xuất bản xã. Bắc Kinh 1959. Tr. 132 — 134. Tập ảnh Tr: 61. Hình 2.

Cũng cần nhấn mạnh thêm rằng: các trống nhóm A có kiểu dáng cân đối và đẹp, hoa văn trang trí rất tinh tế và phong phú, chế tạo lại rất khéo léo, chứng tỏ nhóm trống này đã đạt đến trình độ nghệ thuật phát triển cao. Nói cách khác, trước khi chế tạo thành công những trống đồng tuyệt mỹ này, phải có những giai đoạn mò mẫm, tích lũy kinh nghiệm lâu đời của nhiều thế hệ, phải có những trống khởi hình. Nhưng cho đến nay, theo chúng tôi thì những tiêu bản khởi nguyên của trống đồng vẫn chưa tìm thấy.

Khung niên đại chung cho ba nhóm trống có thể trình bày theo sơ đồ sau đây:



Tóm tắt những kết quả phân tích ở trên và dựa theo khung thời gian tồn tại của trống đồng Đông Sơn, chúng tôi rút ra ba nhận xét sau đây:

1. Thời gian xuất hiện và phát triển rực rỡ của trống đồng Đông Sơn là từ thế kỷ VII trước công nguyên đến cuối thế kỷ II trước công nguyên.

2. Bước thoái trào cũng tức là quá trình biến dạng của nghệ thuật trống đồng diễn ra dưới thời kỳ thống trị của đế quốc Hán trên địa bàn tương ứng với miền Bắc Việt nam hiện đại.

3. Giai đoạn kết thúc của trống đồng Đông Sơn trên miền Bắc Việt Nam xảy ra trùng hợp thời kỳ mà Phật giáo đang dần dần giữ vai trò thống trị về mặt ý thức hệ của cư dân trên giải đất này.

Phần trên chúng tôi đã chứng minh, rằng trong trống đồng Đông Sơn, thì nhóm A có niên đại cổ hơn, bao gồm những trống, xuất hiện và tồn tại trên địa bàn sinh tụ đương thời của người Lạc Việt. Bởi vậy khi chuyển sang công việc khôi phục lại bộ mặt quá khứ của xã hội Lạc Việt, chúng tôi sẽ vận dụng những hình khắc trên các trống thuộc nhóm này, xem đó là nguồn sử liệu chủ yếu để tìm hiểu những hình thái sinh hoạt trong xã hội Lạc Việt.

II — NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA CỦA XÃ HỘI LẠC VIỆT DỰA THEO KHẢ NĂNG PHẢN ÁNH CỦA TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN

1° Kinh tế và văn hóa vật chất

Việc sử dụng những hình khắc trên trống Đông Sơn như một bộ phận tư liệu lịch sử để thuyết minh về cơ sở kinh tế và xã hội của người Lạc Việt đã

được các nhà nghiên cứu cổ sử quan tâm đến và viết trong tác phẩm của mình trên kia đã giới thiệu. Dưới đây chúng tôi sẽ trình bày vắn tắt những kết quả nghiên cứu trước kia và bổ sung thêm khi thấy cần thiết.

Dựa vào kết quả của những công trình nghiên cứu khác nhau, chúng ta biết rằng trống đồng Đông Sơn là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp phát triển. Việc phát hiện ra những lưỡi cày đồng phổ biến ở nhiều nơi cùng với những hình bò khắc trên thân trống Đồi Ro và Làng Vạc I, tượng đầu trâu ở Đình Chàng Hà-nội, chứng tỏ rằng thời kỳ này đã biết sử dụng sức kéo của động vật vào canh tác nông nghiệp. Phát triển song song với sản xuất nông nghiệp còn có các nghề đánh cá (chứng cớ là những hình thuyền cấu trúc phức tạp trên tang trống thuộc tiểu nhóm A1, dưới thuyền có hình cá bơi như thuyền trên thạp Việt Khê), săn bắn (theo hình ảnh những người bắn cung, và hình chó săn trên thuyền của trống Ngọc Lũ I,), chăn nuôi gia súc (gồm các hình chó, bò, gà, v.v...) và đặc biệt là sản xuất thủ công, chiếm một vị trí trung tâm trong các nghề này. Nghề thủ công quan trọng nhất là nghề đúc đồng. Trong sưu tập vô cùng phong phú của những chế phẩm bằng đồng, thấy nổi bật lên bốn chiếc trống đồng cổ Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ, sông Đà và Khai Hóa, chúng không những giống nhau về hình dáng, kích thước mà cả về bố cục trang trí của những hình khắc và hoa văn. Những hình này được chế tác rất ổn định và đã đạt tới mức « tiêu chuẩn hóa ». Tất cả nói lên là nghề thủ công đã vươn tới trình độ phát triển thuần thục. Và theo đó, vấn đề « trao đổi sản phẩm » được thực hiện, chắc chắn có liên quan đến những hình thuyền, với tư cách là phương tiện giao thông đường thủy.

Nghiên cứu những địa điểm phát hiện trống đồng Đông Sơn và những công cụ bằng đồng, chúng tôi nhận thấy phần lớn những hiện vật này phân bố dọc theo triền những con sông lớn ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung bộ. Trống đồng rất có thể được vận chuyển bằng đường thủy (trên một số thuyền của trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ thấy đặt trống đồng H1 ở gầm sàn, dưới chân người bắn cung), mà một động mạch giao thông quan trọng nhất là sông Hồng, nó nối liền miền Bắc Việt Nam với nước Điền ở Vân Nam thời cổ đại, trống còn theo đường biển đến các vùng xa hơn nữa như Mã Lai và In-đô-nê-xi-a...

Sự tăng cường của hoạt động trao đổi buôn bán sẽ kích thích sự phát triển sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và ngược lại. Kết quả là trong cư dân xuất hiện sản phẩm thừa — điều kiện cần thiết cho việc tích lũy tài sản và phân hóa giai cấp.

Chúng tôi nhận thấy trong xã hội Lạc Việt có tồn tại một sự bất bình đẳng về tài sản, điều này được phản ánh rõ ràng trong sự phân bố những hiện vật tùy táng ở các ngôi mộ giàu nghèo thuộc thời đại đồng thau.

Dựa trên sự phân tích về cơ sở kinh tế của thời kỳ đang hình thành các giai cấp, chúng tôi sẽ tìm hiểu thế giới quan tôn giáo và các hình thái ý thức khác ở người Lạc Việt.

2° Những quan niệm tôn giáo

Tôn giáo là một trong những hình thái nhận thức xã hội, một hình thái của hệ tư tưởng. Bất cứ hệ tư tưởng nào, xét đến cùng, cũng là sự phản ánh của tồn tại

vật chất, của cơ cấu kinh tế xã hội. Nhưng tôn giáo có một dạng biểu hiện độc đáo trong các hình thái của hệ tư tưởng. Phân tích bản chất của tôn giáo, Ăng-ghen viết trong sách « Chống Đu-rinh » như sau: « Bất cứ tôn giáo nào cũng đều chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc người ta những sức mạnh ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh mà trong đó những sức mạnh ở thế gian đã mang hình thức sức mạnh siêu thế gian »[1].

Chúng ta đều biết, nguồn gốc và cơ sở ra đời của tôn giáo là do trình độ thấp kém của sản xuất, nó là sự bất lực của con người trước một thế giới bí ẩn mà họ không giải thích nổi. Đồng thời tôn giáo cũng phản ánh nguyện vọng và ước mơ của con người đối với những vấn đề thiết thân trong cuộc sống.

Giải thích về vấn đề tôn giáo dựa vào những « bức tranh chủ đề » trên trống đồng, hiện nay tồn tại bốn xu hướng sau đây:

Thứ nhất, gắn hình « ngôi sao » ở trung tâm mặt trống với tục thờ mặt giời[2].

Thứ hai, dựa vào việc so sánh những hình khắc trên trống đồng với phong tục, nghi lễ của cư dân trên các đảo thuộc In-đô-nê-xi-a, một số tác giả cho rằng: cư dân Đông Sơn theo tín ngưỡng sa-man (phù thủy) và thờ thần chết[3].

Thứ ba, giải thích hình người hóa trang lông chim trên trống đồng, một số nhà nghiên cứu cho rằng: những hình này mang ý nghĩa tín ngưỡng vật tổ, mà vật tổ là một loài chim[4].

Thứ tư, thuyết minh « cảnh sinh hoạt » trên mặt các trống đồng phong phú, các nhà nghiên cứu đã có những minh giải khác nhau, một số người cho đó là lễ « khánh thành trống đồng »[5] là « lễ chiêu hồn »[6], là một « đám tang »[7] hoặc là « lễ cầu mùa, gieo hạt tưới nước »[8].

---

(1) Ăng-ghen. Chống Đu-rinh. Nhà xuất bản Sự thật. Hà nội. 1960. Tr. 53.

(2) M. Colani. Vestige d'un culte solaire en Indochine. Bulletin de L'Institut Indochinois pour L'étude de l'homme. T. III. Hanoi. 1940. PP. 37 — 41.

— Д.В. Деопик. Возникновение государства во Вьетнаме. «Советское востоковедение. № 4.Москва. 1958. СТР, 89.

— Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn. Lịch sử chế độ... Sách đã dẫn. Tr. 164.

— Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích... Sách đã dẫn. Tr. 292.

(3) G.H. Quaritch Wales, Ph. D. Litt D. Prehistory and religion in South-East Asia. London. 1957. PP. 49-50.

(4) L. Finot. Les grandes époques de l'Indochine. Bulletin de l'Académie du Var. Toulon. 1936. PP. 70-88...

— H. Parmmentier. Anciens tambours de bronze. BEFEO. T. XVIII. Hanoi. 1918. P. 18.

— V.Goloubew. L'âge du bronze au Tonkin et dans le Nord-Aunam. BEEEO. T. XXIX. Hanoi, 1929. P. 34.

— Đào duy Anh. Văn hóa đồ đồng.., Sách đã dẫn. Tr. 37.

— Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn. Lịch sử chế độ... Sách đã dẫn. Tr. 241.

— Lê văn Lan, Phạm văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích... Sách đã dẫn. Tr. 293.

(5) E. Heger. Sách đã dẫn. Bản dịch Tr. 69.

(6) V. Goloubew. L'âge du bronze... OP. cit. BEFEO. T. XXIX. Hanoi. 1929. P. 36

(7) Văn Hựu. Sách đã dẫn. Xem phần thuyết minh trống số 8.

(8) Nguyễn Ngọc Chương. Thử tìm hiểu về một số hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ. « Nghiên cứu lịch sử ». N⁰ 141. Hanoi. 1971. Tr. 29.

1. Xu hướng thứ nhất là do nữ học giả người Pháp M. Cô-la-ni chủ trương bà cho rằng ngôi sao trên mặt trống là ký hiệu của mặt trời và liên hệ ký hiệu đó với tục thờ mặt trời, một phong tục phổ biến ở Đông Dương. Cô-la-ni còn nói rằng: những hình chim và hình thuyền trên trống đồng cũng có một ý nghĩa tôn giáo tương tự. Ý kiến của Cô-la-ni được nhiều nhà nghiên cứu chấp nhận. Chúng tôi cũng tán thành ý kiến Cô-la-ni, xem ngôi sao trên mặt trống ký hiệu biểu trưng cho mặt trời. Từ « mặt trời » theo nghĩa tiếng ta là « mặt của ông trời », « trời » ở đây được hiểu như một vị thần tối cao ngự trị trên chốn thiên cung. Điều này nói lên rằng trong quan niệm tôn giáo của người Việt cổ, mặt trời được xem như một đấng thần linh, đáng tôn thờ vậy. Thờ mặt trời là một hình thức của sự « sùng bái tự nhiên », thấy được phản ánh rộng rãi trong phong tục tập quán của người Việt. Ví dụ, ở huyện Thuận Thành tỉnh Hà Bắc có bốn ngôi chùa: Pháp vân (mây) pháp vũ (mưa), pháp lôi (sấm) và pháp điện (chớp). Vào kỳ đại hạn cư dân quanh vùng thường đến các chùa này làm lễ cầu đảo, rõ ràng đây là dấu vết của « sùng bái tự nhiên », có nguồn gốc ngay từ thời nguyên thủy.

2. Giả thiết về tín ngưỡng sa-man (phù thủy) và thờ thần chết của cư dân Đông Sơn do nhà nghiên cứu người Anh là Quơ-rit Uê-lơ nêu ra. Ông viết: « Vào thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên ở Vân Nam và miền Bắc Đông dương đã từng xảy ra quá trình hỗn cư giữa người dân bản địa nói tiếng Ma-lay-ô Pô-li-nê-diêng, đang sống vào thời kỳ đồ đá mới, với tập đoàn người từ vùng Trung á di cư đến, họ mang đến đây « văn hóa đồ đồng » cùng với « tín ngưỡng sa-man » (phù thủy) và thờ thần chết của họ. Thế giới quan tôn giáo này, theo tác giả, lại có nguồn gốc từ vùng Lưỡng Hà »[1]. Cũng như H. Ghen-đớc-nơ trong lĩnh vực dân tộc học, Quơ-rit Uê-lơ là đại biểu kế tục của trường phái « vòng văn hóa », một lý thuyết tư sản giải thích sai lệch về nguồn gốc và sự phát triển của văn hóa. Quan niệm của họ về quá khứ Việt nam đã được phê phán trong tác phẩm của các nhà sử học Việt Nam, xuất bản sau năm 1954.

Kết quả khai quật khảo cổ học trong những năm gần đây ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, đã đưa ra nhiều tài liệu mới chứng minh rằng miền Bắc Việt Nam là địa bàn phát triển liên tục của những nền văn minh từ hậu kỳ đá mới đến đồ đồng. Sự thật này đã hoàn toàn bác bỏ luận điệu các lý thuyết gia tư sản về nguồn gốc ngoại lai của nền văn hóa đồng thau ở nước ta.

3. Người đầu tiên chủ trương thuyết « vật tổ » là học giả người Pháp L. Fi-nô. Trong bài diễn văn đọc tại Viện Hàn lâm quận Va, L. Fi-nô viết: « Đó là những chiếc trống lớn người ta dùng trong các cuộc lễ nghi tôn giáo hay ảo thuật. Những trống cổ nhất này có khắc hình người kỳ quái, ngồi trên thuyền cầm cung, mặc áo lông chim, khiến người ta nghĩ tới một tập đoàn thủy thủ táo bạo, lúc sắp vượt biển mới lạ, muốn cầu xin tính thiêng liêng của bộ quần áo vật tổ ấy, để vượt biển được khỏe mạnh như những con chim hậu diều lớn » [2].

Kế đến, H. Pác-măng-chi-ê và V. Gô-lu-bép cũng nhấn mạnh vào trang phục của những người trên thuyền và cách trang trí của thuyền, cho rằng những hình

(1) G. H. Quaritch Wales, Ph. D. Litt. D. Op. cit. PP. 49-50.
(2) L. Finot. Op-cit. P. 72.

này có ý nghĩa « vật tổ », mà « vật tổ » là một loài chim. Ông Đào Duy Anh phát triển ý kiến của Gô-lu-bép, xem tư tưởng chủ đạo chi phối cách trang sức trên trống đồng là « tư tưởng vật tổ » ấy là giống chim hậu điểu, chim lạc(1).

Cùng với các nhà nghiên cứu, chúng tôi cũng nghĩ rằng: dấu vết tín ngưỡng vật tổ có để lại không những trên trống đồng mà còn thấy trong các truyền thuyết, phong tục và trò chơi dân tộc. Ví dụ, truyền thuyết « trăm trứng » ở nước ta nói: Lạc Long quân (xuất tự giống rồng) lấy Âu cơ (xuất tự giống tiên), sinh ra trăm trứng, nở ra trăm người, là tổ tiên người Bách Việt. Người Việt nam thường nói « con rồng cháu tiên » là bắt nguồn từ đấy. Ngoài ra, trong tiết mục văn nghệ dân tộc ta thấy có « múa rồng », trẻ con chơi trò « rồng rắn ». Thú vị hơn là truyền thuyết « đẻ đất, đẻ nước » của người Mường, một dân tộc « chung gốc khác ngành » với người Việt. Chuyện kể rằng: ngày xưa có đôi vợ chồng chim thần làm tổ ở hang Hào, đẻ ra trăm trứng, nở ra trăm người. Vợ chồng chim cũng biến thành người, đó là tổ tiên của người Mường. Hai truyền thuyết này rõ ràng mang ý nghĩa « vật tổ ». Đáng chú ý hơn là những chi tiết cơ bản cấu tạo nên truyền thuyết của hai dân tộc rất giống nhau, có thể nói hai truyền thuyết này có một nội dung và hai cách biểu hiện. Ở đây, chúng ta nhận thấy: Âu cơ đồng nhất với chim thần, và đoán rằng cuộc hôn nhân Lạc Long quân — Âu cơ là phản ánh sự liên kết của hai bộ lạc « Rồng » và « Chim ». Theo dõi những hình người khắc trên trống đồng, chúng ta thấy ngay là những nhân vật chiếm vị trí trung tâm trong cuộc hành lễ, thường được hóa trang thành hình chim, họ tự trang sức mình bằng những chiếc mũ hình chim hoặc bộ quần áo lông chim, thậm chí những hình vũ khí, công cụ sản xuất, bộ phận của nóc nhà, mũi thuyền cũng làm theo hình chim hoặc được trang sức lông chim. Hình ảnh « người chim » chẳng những được thể hiện một cách có hệ thống trên các trống đồng, mà còn thấy có mặt trên nhiều thạp đồng và rìu đồng nữa. Cần nhấn mạnh thêm, rằng trong số những chim được khắc trên trống đồng, chỉ có loài chim bay, có mào, cổ và chân dài, có mặt trên hầu khắp các trống Đông Sơn từ cái sớm nhất đến cái muộn nhất, đấy là giống chim nước gần với loài cò sếu, hạc, mới là loài chim vật tổ của người Việt cổ đại. Ngoài ra, còn một số giống vật khác cũng có thể liên quan đến tín ngưỡng vật tổ hoặc tín ngưỡng nông nghiệp. Ví dụ:

a) Rồng — tổ tiên (huyền thoại) của người Việt cổ, là giống vật thần thoại, kết hợp trong mình nó những nét của nhiều con vật khác, chủ yếu là của rắn và cá sấu. Hình cặp cá sấu (giao long) thấy được khắc trên thạp Đào-Thịnh, trên rìu đồng Đông Sơn và trên mảnh áo giáp tìm thấy ở Ninh Bình (2)

b) Hình hươu thấy khắc trên mặt trống Ngọc Lũ I, Miếu Môn, trên thạp Việt Khê và một số rìu Đông Sơn. Theo Trần Từ — Bạch Đình, nghiên cứu về quan niệm tôn giáo của người Mường, thì hươu là một thành phần trong tổ lưỡng hợp « hươu cá », hình ảnh của nó thấy được thể hiện trên đạo cụ hành lễ của thầy mo Mường. Người Mường thường gọi hươu là mẹ, cá là cha. Trên cạp váy của phụ nữ Mường có thêu rồng, hươu, cá, chim v.v...(3)

---

(1) Đào Duy Anh. Văn hóa đồ đồng... Sách đã dẫn. Tr. 37-38.

(2) Lê Văn Lan, Phạm văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích... Sách đã dẫn. Tr. 182.

(3) Trần Từ — Bạch Đình. Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường. « Nghiên cứu lịch sử ». N⁰ 140. Hà nội. 1971. Tr. 50. Chú thích số 16, 17.

c) Hình bò (hoặc trâu) khắc trên thân các trống Đồi Ro và Làng Vạc I, có thể liên quan đến tục « đâm trâu », rất phổ biến ở vùng Đông Nam Á.

d) Hình cóc trên mặt các trống Đông Sơn nhóm C có thể xem là tín sứ của thần mưa, theo sự suy tôn dân gian: « con cóc là cậu ông trời ».

Chúng ta còn thấy một số hình động vật khác như con vật 4 chân, đầu chim, mình thú trên mặt trống Miếu Môn, tượng hổ trên nắp thạp Vạn Thắng (Vĩnh phú).

Dựa vào những sự kiện đã trình bày ở trên, chúng tôi nêu ra nhận định sau đây:

1. Có thể xem tất cả giống vật này là những « con vật thiêng », xưa kia chúng đã giữ một vai trò quan trọng trong quan niệm tín ngưỡng của người Việt cổ, và có thể mang ý nghĩa « vật tổ ».

2. Trong số những vật tổ này tách ra một cặp quan trọng, đó là cặp « Rồng — Chim », phản ánh sự kết hợp giữa hai bộ lạc Rồng và Chim. Có thể nghĩ rằng vào thời gian này đã tồn tại một liên minh các bộ lạc người Lạc Việt lấy tổ hợp bộ lạc « Rồng — Chim » làm nòng cốt.

3. Tư tưởng chủ đạo quán xuyến tất cả những hình khắc theo chủ đề trên trống đồng không phải là tư tưởng vật tổ, mà là những quan niệm có liên quan đến sự sùng bái các lực lượng tự nhiên, một hình thức tín ngưỡng bắt nguồn và phát triển từ trong xã hội nông nghiệp nguyên thủy. Vấn đề này phần dưới đây chúng tôi sẽ trở lại.

Tín ngưỡng vật tổ, theo ý kiến các nhà khảo cổ và dân tộc học, là một trong những hình thức tín ngưỡng nguyên thủy nhất, nó xuất hiện và phát triển ở thời kỳ công xã thị tộc. Bước sang thời đại đồ đồng, tín ngưỡng vật tổ pha trộn với những hình thức tôn giáo khác, nó để lại dấu vết trong đời sống tinh thần và trong sinh hoạt xã hội. Theo ý kiến chúng tôi: những con vật thiêng nhắc đến ở trên kia, chỉ là dấu vết của tín ngưỡng vật tổ.

4. Thuyết minh về quan niệm tôn giáo thể hiện trên các trống phong phú, hầu hết các nhà nghiên cứu đều chú ý đến « bức tranh chủ đề » gọi là « cảnh sinh hoạt » trên mặt trống, và vành thuyền trên tang trống.

Người đầu tiên nêu ý kiến giải thích « cảnh sinh hoạt » trên mặt trống sông Đà là Hê-gơ. Ông dựa vào đoạn văn trong sách Quảng châu ký của Bùi thị mà cho đó là « lễ khánh thành trống đồng ». Đoạn văn viết: « người Lý, người Lão đúc đồng làm trống. Khi mới đúc xong đem treo ở giữa sân, buổi sớm đặt rượu mời người đồng loại đến dự, những người này đi qua cửa lớn. Con trai, con gái nhà hào phú lấy vàng bạc làm thoa lớn, dùng thoa đánh vào mặt trống, đánh xong để lại tặng chủ nhân »(1). Dựa theo đoạn văn này, Hê-gơ đoán rằng nhóm người trên vành 6 là cảnh những người khách cầm thoa đến đánh trống, còn 6 chiếc thuyền trên tang trống dùng để chở họ qua cửa.

V. Gô-lu-bép gán cảnh này với lễ chiêu hồn — Ti-va (Tiwah) của người Đay-ắc ở In-đô-nê-xi-a(2). Lễ Ti-va diễu hành trong 7 ngày nhằm mục đích giải thoát cho hồn người chết về thế giới bên kia. Gô-lu-bép xem ngôi nhà sàn mái cong là « nhà chứa linh hồn », còn hình thuyền đây là « thuyền vàng » dùng để chở linh hồn người chết về vương quốc của họ.

---

(1) F. Heger. Sách đã dẫn. Bản dịch. Tr 69.

(2) V. Goloubew. L'âge du bronze... Op. cit. BEFEO. T. XXIX. Hà nội. 1929. P. 43.

Ông Văn Hựu viện sách Địa lý chí, chép về vùng Kinh châu đời Tùy, Đường, mà xem cảnh này là một nghi thức của lễ mai táng. Sách đó viết: « Khi có người chết, đặt tử thi ở nhà, bọn thiếu niên lân cận đến, mỗi người đều cầm cung tên vây quanh tử thi mà ca hát, dùng tên bật dây cung làm nhịp »[1]. Ông cho rằng hình nhà trên mặt trống là tượng trưng cho nhà đặt tử thi, còn những người hóa trang hình chim chính là những thiếu niên cầm cung tên, vây quanh tử thi ca hát.

Theo ý kiến chúng tôi, tất cả những giả thuyết trên đây đều chưa giải thích được thỏa đáng « bức tranh sinh hoạt » trên mặt các trống phong phú nhóm A_1.

Chúng ta biết rằng trong 14 trống của nhóm A có cảnh đua thuyền trên tang trống, thì cảnh sinh hoạt chỉ thấy được thể hiện trên mặt 6 trống của tiểu nhóm A_1. Điều này chứng tỏ rằng vành đua thuyền tự nó mang một ý nghĩa độc lập, nó không phải là chi tiết phụ thuộc vào bố cục trên mặt trống như chủ trương của Hê-gơ và Gô-lu-bép. Trong ngôi nhà sàn mái cong trên mặt các trống Ngọc Lũ I và Hoàng Hạ thấy có đến ba người: hai người ngồi quay mặt vào nhau ở gian giữa nhà, người thứ ba ngồi bên cạnh, cầm trong tay chiếc trống nhỏ, dưới sàn của ngôi nhà này còn thấy một người đánh trống nữa. Sự thực này hoàn toàn mâu thuẫn với ý kiến của ông Văn Hựu.

Chúng tôi tán thành ý kiến ông Nguyễn Ngọc Chương xem cảnh sinh hoạt này là buổi « lễ cầu mùa » một nghi thức của tín ngưỡng nông nghiệp rất phổ biến ở xứ ta, nhưng lại thấy chủ trương của ông dựa vào lễ gieo hạt của dân tộc Ra-đê để thuyết minh tốp người múa trên mặt trống là chưa được thỏa đáng. Chúng ta biết rằng: tốp người múa trên trống Hoàng Hạ gồm 6 người, trên các trống sông Đà, Khai Hóa, Bản Thôm mỗi tốp có từ 3 đến 4 người đang xòe tay ra múa, ngay trên mặt trống Ngọc Lũ I chỉ có một tốp múa 7 người, tốp còn lại có 6 người. Hiển nhiên là những toán người múa này không tương ứng với bố cục 7 người trong « dàn lễ gieo mạ », hơn nữa người thổi khèn trong toán múa lại không có vai trò gì trong dàn lễ này theo sự miêu tả và so sánh của tác giả.

Để giải thích toàn bộ bố cục trang trí trên các trống phong phú, ý kiến của chúng tôi là cần bắt đầu từ những hình dễ hiểu, dùng kết quả đạt được soi vào những hình chưa rõ, nhờ đó mà lần ra đầu mối của vấn đề.

Chúng tôi bắt đầu từ cảnh đua thuyền trên tang trống. Theo sự miêu tả ở trên, chúng ta biết thuyền gồm hai loại: thuyền chiến và trải. Trên thuyền chiến khắc những hình thủy thủ cầm vũ khí trong tay, đặc biệt trên thuyền chiến của hai trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ còn có « cảnh giết người » nữa; trên các trải có những người cầm dầm, được thể hiện theo cảnh đua trải ngày hội. Chúng ta lại biết tục đua trải rất phổ biến ở Việt Nam cũng như ở vùng Đông Nam Á, ở Lào và Cam-pu-chia, đua trải thường gắn liền với « hội nước », ngày hội dân tộc có liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp. Điều này cho phép xác định rằng: vành thuyền trên tang các trống có liên quan đến lễ nông nghiệp. Một vấn đề đặt ra là: phải chăng « cảnh giết người » trên các thuyền chiến cùng một ý nghĩa như trên? Dân tộc học sẽ giúp ta giải đáp vấn đề này. Tài liệu dân tộc học cho biết trên thế giới thấy phổ biến rộng rãi lễ « hiến tế » vì mục đích mùa màng.

(1) Văn Hựu. Sách đã dẫn. Xem phần thuyết minh trống số 8.

Xin nêu một vài thí dụ: « nửa đầu thế kỷ thứ XIX người da đỏ trong một số bộ lạc ở Bắc Mỹ còn lưu hành tục giết người (đàn ông và đàn bà), lấy thịt người hy sinh xát lên công cụ sản xuất. Họ tin rằng có làm như vậy thì gieo trồng mới kết quả. Ở bộ lạc Va-mê-ghi (miền đông Phi châu) cứ hàng năm sau lúc thu hoạch mùa màng vào lúc gieo trồng, người ta giết một cô gái, lấy máu rải lên ruộng. Bộ lạc Na-ga ở Át-xam (miền đông bắc Ấn Độ) có tục săn đầu người v.v.. Tất cả những tập này đều có liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp, một hình thức tín ngưỡng xuất hiện vào thời kỳ tan rã của chế độ công xã thị tộc và quá độ chuyển sang xã hội có giai cấp[1]. Dựa vào những cứ liệu trên, chúng tôi cho rằng « cảnh giết người » trên các thuyền của hai trống Ngọc lũ I, Hoàng Hạ cũng có ý nghĩa tương tự, như vậy là hai loại thuyền khắc trên tang các trống đều liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp. Điều này có hạt nhân hợp lý của nó, vì rằng trong một nền văn hóa thống nhất thì hai loại thuyền trên chỉ là sự biểu hiện khác nhau của những hình thể cùng mang một nội dung ý nghĩa như nhau.

Điều giải thích về cảnh đua thuyền trên đây gợi ý chúng tôi cần trở về với công dụng của trống đồng để tìm hiểu ý nghĩa tổng quát của toàn thể bố cục trên các trống phong phú.

Trống đồng có một chức năng đa dạng, như ta đã biết, nhưng công dụng chủ yếu của nó trước hết là một nhạc khí dùng trong các lễ « cầu đảo », hoặc tế « thần sấm », có liên quan đến mùa màng. Ngạn ngữ dân gian nước ta có câu: « đánh trống qua cửa nhà sấm ». Ở đây không bàn về nghĩa của câu ngạn ngữ, điều lý thú hơn là tác giả dân gian đã gợi ý chúng ta lưu ý đến mối liên hệ giữa tiếng trống và tiếng sấm qua âm thanh vang động của chúng. Chính do sự liên tưởng này mà bộ nhạc cụ « năm trống » được gọi là « ngũ lôi » (năm sấm). Hơn nữa, mối liên hệ giữa trống và sấm còn được thể hiện bằng hình tượng hội họa, và ghi trong sách « luận hành » như sau: « Thợ vẽ vẽ hình trạng thần sấm, chồng nhau như hình trống liền. Lại vẽ một người như lực sĩ gọi là Lôi công, tay trái giữ các trống liền, tay phải cầm dùi đánh. Người đời không ai không bảo thế! »[2]

Theo đoạn văn này ta thấy trống được đồng nhất với sấm, người đánh trống biểu trưng cho thần sấm. Điều này rất quan trọng, đồng nhất trống với sấm, người xưa đã hữu thể hóa một vật thể vô hình (tiếng sấm), và cho rằng giữa chúng có một sự cảm ứng qua lại với nhau; cho nên mỗi khi trống đánh lên, thì sấm sẽ « động lòng » mà lên tiếng, và sấm « lên tiếng » thì mưa sẽ đến với người. Đánh trống để cầu đảo, trong việc tế « thần sấm » là được hiểu theo « lô gích » như thế. Chính theo « lô gích » này mà con cóc thần thoại được xem là « tin sứ » của thần mưa, vì rằng mỗi khi cóc « nghiến răng », sau đó trời đổ mưa. Tượng cóc trên mặt các trống nhóm C, một lần nữa xác minh về công dụng của trống đồng trong lễ cầu đảo.

Xem toàn bộ bố cục trên mặt trống, chúng ta dừng lại mấy chi tiết quan trọng sau: bao quanh ngôi sao nằm giữa mặt trống có hình nhà sàn, cảnh giã

---

(1) Токарев С.А. Ранние формы религии. Москва. 1964, стр. 383.

(2) Từ Từng Thạch. Việt Giang lưu vực nhân dân sử. Thượng Hải. 1941. Dẫn trong; Đào duy Anh. Văn hóa đồ đồng... Sách đã dẫn. Tr. 92.

gạo — những chi tiết gần gũi với con người trong xã hội nông nghiệp, rồi đến cảnh đánh trống, như trên kia đã nói, có liên quan đến nghi thức của lễ nông nghiệp, và toán người nhảy múa thổi khèn là phần không thể thiếu được của bất cứ cuộc hành lễ nào. Trên mặt trống còn thấy có một số loại hoa văn: xoắn ốc; hồi văn, vòng tròn chấm giữa, theo nghĩa nguyên thủy của chúng cũng có thể có liên quan đến các khái niệm sấm, chớp, mưa, nước vv...

Xuất phát từ những điều vừa dẫn ở trên, chúng tôi cho rằng: bố cục chung trên mặt các trống phong phú của nhóm A1 là quang cảnh một buổi lễ, liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp, có thể gọi tắt là cảnh lễ « cầu mùa ».

Một điều thú vị là tại khu mộ táng núi Thạch Trại, huyện Tấn Ninh, tỉnh Vân Nam (Trung quốc) tìm được hai chiếc đồ đựng bằng đồng: một cái phỏng theo hình trống Đông Sơn, cái còn lại hình thùng[1]. Trên mặt đồ đựng hình trống trình bày nhóm tượng bố cục, tả cảnh tế « cột đồng » có hy sinh người, còn trên vung của hiện vật hình thùng thì diễn tả cảnh tế « thần sấm » (tế trống) cũng lấy người làm vật hy sinh. Đáng chú ý là ở giữa đàn tế có đặt 3 chiếc trống kiểu Đông Sơn chồng lên nhau, tượng trưng cho sấm thần. Chi tiết này xác thực cho điều ghi trong sách « Luận hành » là có căn cứ.

Giải thích ý nghĩa cảnh hiến tế ở hai hiện vật trên, ông Phùng Hán ký cũng cho rằng đó là nghi thức của lễ nông nghiệp[2].

Đối chiếu bố cục của hai cảnh hiến tế với bố cục trang trí trên các trống Ngọc Lũ và Hoàng Hạ, thấy giữa chúng trùng hợp một số chi tiết quan trọng: ngôi nhà sàn, dàn trống, người đánh trống và người bị hy sinh. Điều này rất có ý nghĩa, nó chứng tỏ rằng phong tục hiến tế lấy người làm lễ vật có liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp, đã từng tồn tại trong lịch sử cổ đại nước ta, và cả nước láng giềng ta cùng thời đại.

Tín ngưỡng nông nghiệp là một hình thức tôn giáo rất phổ biến ở vùng Đông Nam Á, nó thể hiện ra dưới nhiều dạng vẻ khác nhau: lễ hiến tế có hy sinh người, tục đâm trâu, hội nước, tín ngưỡng sinh sôi nẩy nở v.v...

Tóm tắt những điều phân tích ở trên, có thể rút ra kết luận sau: tư tưởng chủ đạo quán xuyến toàn bộ bố cục những hình khắc trên trống đồng là những quan niệm tôn giáo về nông nghiệp, hình thức tín ngưỡng này sinh thành trong xã hội nông nghiệp phát triển của người Lạc việt — một xã hội đang ở vào giai đoạn tan rã của chế độ công xã thị tộc và quá độ chuyển sang thời kỳ xã hội có giai cấp.

3° Nghệ thuật

Nghệ thuật trống đồng là một nền nghệ thuật đặc sắc đa dạng và rất độc đáo, đó là giai đoạn quan trọng trong quá trình hình thành quan niệm thẩm mỹ của người Lạc Việt. Nền nghệ thuật này phản ánh những quan niệm của con

---

(1) Vân Nam tỉnh Bác vật quán. Vân Nam Tấn Ninh Thạch trại sơn cổ mộ quần phát quật báo cáo. Bắc Kinh. 1959. Xem: Sưu tập ảnh hiện vật. Tr. 52 — 57

(2) Phùng Hán Ký. Vân Nam Tấn Ninh Thạch trại sơn xuất thổ đồng khí nghiên cứu. «Khảo cổ». Bắc Kinh N⁰ 6. 1963. Tr. 319 — 329

người về mối quan hệ giữa nó với thế giới xung quanh, về hứng thú hướng tới việc truyền đạt những hình ảnh sinh động của cuộc sống hiện thực. Nghiên cứu đầy đủ những hình khắc trên trống đồng, chúng ta có thể xác định những đặc điểm về mặt nội dung cũng như mặt biểu hiện, vạch ra xu thế phát triển của nền nghệ thuật ấy. Đáng tiếc là các nhà nghiên cứu trước kia, nhất là các tác giả Âu châu chưa chú ý một cách thỏa đáng đến vấn đề này. Viết về cái gọi là « nền nghệ thuật Đông Sơn », họ thường chỉ dừng lại, khi thì mặt tôn giáo, hoặc là so sánh những họa tiết trang trí để đi tìm nguồn gốc bên ngoài của nền nghệ thuật phong phú đó. Trong tác phẩm viết về « nghệ thuật Việt Nam » xuất bản năm 1956 tại Pa-ri, tác giả L. Bơ-dát-xi-ê đã tách giai đoạn Đông Sơn ra khỏi truyền thống nghệ thuật Việt Nam, xem đó không phải là nghệ thuật của người Việt cổ. Quan điểm sai lầm về nghệ thuật Đông sơn của các tác giả người Âu đã được các nhà sử học và nghệ thuật học Việt Nam phê phán đúng mức.

Dưới đây, dựa vào việc phân tích những hình khắc trên trống đồng, cũng như những hình khắc trên các hiện vật đồng khác, chúng tôi sẽ đề cập đến các dạng của nền nghệ thuật Đông Sơn cùng với những đặc điểm của chúng.

1. Nghệ thuật thực dụng

a) Quần áo trang trí

Như phần miêu tả đã trình bày, quần áo ở người Lạc Việt có nhiều loại: áo hai vạt ngắn, áo hai vạt dài, váy, khố v.v... Riêng hình người khắc trên cán dao găm núi Nưa (1) mặc áo, gần giống với chiếc áo dài hiện đại. Áo có thể được may bằng vải, dấu vết vải đã tìm thấy ở khu khảo cổ Thiệu Dương và trong mộ Việt Khê, áo phần nào còn được chế tạo bằng lá cây (giống như áo tơi) hoặc bằng lông chim, có thể liên hệ với áo lông ngỗng trong truyền thuyết Mỵ Châu — Trọng Thủy. Người Lạc Việt rất chuộng trang sức trên đầu. Họ đội nhiều loại mũ, tết các kiểu tóc khác nhau. Họ còn đeo khuyên tai, vòng tay, vòng chân. Hiện vật về loại này tìm được rất nhiều trong các địa điểm khảo cổ thời đại đồng thau Việt Nam.

b) Kiến trúc

Dựa theo hình khắc trên trống đồng, thấy có hai loại hình kiến trúc: nhà sàn mái cong và nhà sàn mái tròn. Hình khắc ngôi nhà sàn rất đơn giản, nó chỉ như một lược đồ, dựa vào đây để phục hồi lại nguyên dạng ngôi nhà là điều khó khăn. Tuy nhiên căn cứ vào những yếu tố chính, chúng ta có thể biết nhà có hai cột chống ở hai phía hồi nhà, hai đầu và ở giữa có kê thang để lên sàn. Nhà mái tròn thường có một người (hoặc không có người), đứng giữa cửa, hai bên cửa có chắn phên, trên đó trang trí bằng những họa tiết vòng tròn chấm giữa. Có thể xem nhà mái tròn là ngôi nhà liên quan đến tín ngưỡng, tạm gọi là « nhà thờ », còn ngôi nhà mái cong trong đó thấy nhiều người có thể liên hệ tới ngôi nhà ở. Nhà này có mái cong lên như hình thuyền, mái nhà có những đường vạch rủ xuống tựa như mái tranh úp sát đến tận sàn. Hai góc mái (có lẽ là ở hai đầu hồi phía trong nhà) có những đường hồi văn trang trí.

---

(1) Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Sách đã dẫn. Tr. 164. Bản vẽ số XVI. H1.

Vùng đồng bằng sông Hồng ở Bắc bộ Việt Nam ngày nay không còn nhà sàn, nhưng vết tích của nó còn thấy để lại trên các ngôi đình cổ, như đình Chu Quyến (Hà Tây), đình Đình Bảng (Hà Bắc) v.v... Tàn dư của nhà sàn đã tìm thấy ở các khu khảo cổ Đông Sơn và Thiệu Dương tỉnh Thanh Hóa. Có thể nói nhà sàn là loại hình kiến trúc chủ yếu của người Lạc Việt ở thời đại đồ đồng.

c) Tượng trang trí

Tượng tự thân là « tác phẩm điêu khắc » tìm được không nhiều trong các di chỉ thời đại đồ đồng thau. Ngoài pho tượng người cõng nhau ra (Đông Sơn, Thanh Hóa) còn lại toàn là những tượng trang trí cho các vật khác. Ví dụ: tượng người thổi khèn trên cán gáo tìm được ở Việt Khê, cặp người trên nắp thạp Đào Thịnh, hình người trên cán dao găm núi Nưa, Đông Sơn (Thanh Hóa), Làng Vạc (Nghệ An) và Lũng Ngâm (Hà Bắc), một số tượng động vật như hình hổ trên nắp thạp Vạn Thắng (Vĩnh Phú), hình chó trên mặt trống nhỏ Đông Sơn, tượng cóc trên mặt các trống nhóm C[1]. Những tượng này chắc chắn có liên quan đến các quan niệm về tôn giáo, mặt khác chúng chứng tỏ là hình ảnh con người đã chiếm địa vị chủ đạo trong tư duy nghệ thuật của người Lạc Việt. Hình người và động vật khắc còn rất sơ lược, nhưng nếu so sánh với thời đại hậu kỳ đồ đá mới, khi đó nghệ thuật chủ yếu tập trung thể hiện dưới dạng những hoa văn hình học, thì chúng ta mới thấy bước tiến bộ về mặt nghệ thuật cũng như về kỹ thuật điêu khắc ở thời đại đồ đồng.

2. Nhảy múa

Do điều kiện ít ỏi về tài liệu, nghệ thuật nhảy múa ở người Lạc Việt xưa nay chưa được giới nghiên cứu quan tâm đến, tuy nhiên có thể phác họa cho nó vài nét dựa theo hình khắc « nhóm người nhảy múa » trong lễ cầu mùa.

Những người múa thường được phục trang bằng những bộ quần áo « lộng lẫy » nhất: áo hai vạt dài, mũ lông chim cao hoặc mặt nạ, tay họ đôi khi cầm vũ khí. Mỗi tốp múa thường có từ 3 đến 4 hoặc từ 6 đến 7 người, trong một vài tốp có người thổi khèn, số còn lại biểu hiện theo một động tác thống nhất, chuyển động từ trái sang phải, người sau nối tiếp người trước một quãng đều đặn, tất cả diễu hành vòng quanh ngôi sao, ký hiệu cho mặt trời. Xét theo hình dáng bề ngoài của đội hình múa, chúng ta thấy nghệ thuật nhảy múa của người Lạc Việt gắn bó chặt chẽ với âm nhạc (khèn và trống), nói về cách biểu hiện có thể đã tồn tại những quy cách, trong đó những động tác, tư thế, những tuyến chuyển động được qui định rõ ràng. Động tác nói chung còn đơn giản, đáng lưu ý là nghệ sĩ hướng tới việc thể hiện một cách cường điệu động tác bàn tay. Bàn tay xòe ra hình chạc ba, to quá khổ so với người, mà Hê-gơ gọi là bàn tay cầm thoa, còn Gô-lu-bép nói là tay cầm phách, thực ra đó là bàn tay múa nếu ta so sánh với hình người múa trên rìu đồng Đông Sơn, hoặc trên tang trống U Bông (Lào)[3]. Khi con người vừa trút khỏi lốt động vật thì bàn tay là một công cụ

---

(1) Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích... Sách đã dẫn. Tr. 215. Bản vẽ XXVI.

(2) V. Goloubew. L'Âge du bronze... Op. cit. P. 26. fig 15B, P. 43. fig. 20.

thần diệu để thực hiện những sáng tạo của bộ óc. Do đó mà ngay từ trong những nền văn minh tối cổ của nhân loại, bàn tay đã được phủ lên một quan niệm thần bí, người ta xem nó như một nơi chứa đựng những phép tắc nhiệm mầu. Bàn tay ở đây được diễn tả cường điệu lên là vì thế, nó giống tay ấn, tay quyết của những thày phù thủy sau này.

Trong đội hình múa, mọi người đều hóa trang thành chim và nhại lại động tác chim bay, có thể gọi đó là « điệu vũ chim bay » được.

3. Âm nhạc

Theo hình khắc trên trống đồng thấy có 2 loại nhạc khí: khèn và trống. Âm nhạc chắc chắn không tách rời khỏi nhảy múa vì múa theo nhịp trống, khèn, người thổi khèn đồng thời là người múa, hình ảnh này ngày nay còn thấy ở dân tộc Mèo. Vào thời này thấy có hai cách sử dụng trống:

a) Trống diễn tấu một mình như ta thấy hình người cầm trống ở trong nhà, hoặc trên thuyền, có lễ đánh trống để giữ nhịp.

b) Trống diễn tấu trong một dàn trống. Có thể xem đó là hình thức khởi nguyên của « dàn nhạc » Lạc Việt. Đáng chú ý ở đây là cách diễn tấu trên dàn trống này. Theo hình khắc chúng ta thấy những người đánh trống ngồi hoặc đứng trên sàn, cầm gậy dài đánh theo chiều thẳng đứng xuống những chiếc trống, đặt trên những chiếc giá để sát đất. Kiểu đánh trống này thấy vẫn được sử dụng trong những ngày hội của đồng bào Mường ở các tỉnh Hòa bình và Vĩnh Phú.

Xác định nhịp trong âm nhạc của người Lạc Việt theo hình khắc trên trống là điều không thể làm được, tuy nhiên có thể tìm hiểu vấn đề này qua các tài liệu hỗ trợ. Sách « Đả cổ lục » ghi chép về cách đánh trống thời xưa, minh họa nhịp trống bằng bốn câu thơ sau:

Chinh tùng chinh
Chinh tùng chinh
Bất diệt thủ hề
Bất nguyện sinh.

Dịch: Đi chiến đấu
Đi chiến đấu
Không diệt được giặc
Không thèm sống[1]

Đoạn thơ này được xướng lên theo nhịp 1/2. Trên thực tế trong âm nhạc dân gian Việt Nam cũng như trong thi ca, nhịp 1/2 được sử dụng rất phổ biến, hiếm thấy những nhịp phức hợp như 3/4, 5/4v v... Chúng ta lại biết rằng một nguyên tắc quán triệt trong bố cục những hình khắc trên trống đồng là tính đối xứng « đối xứng từng cặp và đối xứng vòng tròn), nó qui định nghệ nhân Lạc Việt sử dụng ưu tiên số chẵn (số chẵn của những cánh sao, của những hình chim trong vành v.v...), tức là những bội số của 2. Điều này có lẽ liên quan đến cách tính nhịp trong âm nhạc. Vả chăng, trong nghệ thuật không gian (bố cục mặt

---

(1) Trần Quốc Vượng. Truyền thống thượng võ của dân tộc. Hà nội. 1969. Tr. 62.

bằng) ta thấy nghệ nhân hứng thú với tiết tấu nhịp nhàng trong những bố cục cân xứng cặp đôi, thì trong nghệ thuật thời gian (nhạc, múa) hẳn là năng khiếu thẩm mỹ này sẽ được tái hiện. Xuất phát từ đây, chúng tôi cho rằng nhạc và múa của người Lạc Việt được trình diễn theo nhịp 1/2. Đây cũng là nhịp giã gạo chày tay, nhịp tát nước lúa của cư dân nông nghiệp Lạc Việt.

4. Nghệ thuật tạo hình(1)

Nghệ thuật của những hình khắc trên trống đồng cổ là một thành tựu xuất sắc nhất trong lĩnh vực tạo hình của người Lạc Việt. Nền nghệ thuật này đương nhiên là có liên quan đến những quan niệm tôn giáo nào đó, nhưng cái chính là nó chứa đựng những nét sống thực, đặc biệt nó thể hiện quan hệ của con người với thế giới xung quanh. Trong nghệ thuật này chúng ta có thể nhìn thấy con người đã chiếm địa vị trung tâm trong sự miêu tả thế giới khách quan, ở đây những con người xuất hiện trong hoạt động tập thể: chỗ này là đội hình múa, bên cạnh có cảnh diễn tấu trống đồng, chỗ kia là cảnh giã gạo bên nhà sàn, chỗ khác là lễ hiến tế trong cảnh đua thuyền ngày hội v.v... Mỗi cảnh mang một ý nghĩa riêng, nhưng tất cả các cảnh được coi như những yếu tố cơ bản, kết hợp với nhau và được sắp xếp trong một bố cục vòng tròn. Từ bố cục này toát ra một đề tài chung, nói về buổi lễ nông nghiệp, với hy vọng cầu cho mùa màng «phong đăng hòa cốc» của người dân nông nghiệp. Tham gia vào bố cục còn có những vành hoa văn hình học, những tốp động vật, vừa mang tiếng nói tượng trưng, vừa phản ánh thiên nhiên và thế giới xung quanh dưới con mắt người Lạc Việt.

Về mặt tư tưởng, nghệ nhân trống đồng thể hiện một quan niệm về hình thức nằm trong phạm vi của thế giới quan tôn giáo, nhưng nội dung có chứa đựng những nhân tố hợp lý, đó là niềm hy vọng về mùa màng phong thụ, cuộc đời phồn thực. Tuy nhiên, « cảnh giết tù binh » trong lễ hiến tế hướng sự chú ý của ta đến cuộc xung đột của những nhóm xã hội khác nhau. Cảnh này, theo ý kiến chúng tôi, bao hàm hai nghĩa: thứ nhất, lễ hiến tế là sự trao đổi giữa người và thần, nói lên mối quan hệ giữa con người với thế giới siêu nhiên, cũng tức là thế giới tự nhiên. Thứ hai, lễ hiến tế lấy người làm vật hy sinh, phản ánh quan hệ đối lập giữa các thành viên trong các nhóm xã hội khác nhau. Ở đây đã bắt đầu xuất hiện những cuộc xung đột để giành của cải vật chất và quyền lực thống trị. Và như thế là nghệ thuật phản ánh tồn tại xã hội, trước hết là xung đột xã hội.

Nghệ thuật trống đồng là một nền nghệ thuật độc đáo, đặc trưng bởi kỹ thuật khắc chạm trên khuôn tạo ra những hình ảnh khắc chìm chủ yếu là trên mặt các trống phong phú, còn trên thân trống thì nói chung hình khắc hơi nổi. Tất cả những hình ảnh và hoa văn được thể hiện bằng những đường ngang dọc cắt nhau, không gian giữa chúng toát ra từ những đường nét sâu lõm của hình ảnh được tạo ra trên khuôn đúc. Nghệ nhân xây dựng hình ảnh trong những bố cục tròn trên mặt trống và ô chữ nhật trên thân trống, bên

---

(1) Chúng tôi dùng thuật ngữ này để chỉ nghệ thuật của những hình khắc trên trống đồng. (Chú thích của các tác giả).

trong hai loại bố cục này hình ảnh được sắp xếp rất cân đối. Một nét đặc sắc về mặt biểu hiện của nghệ thuật này là hình ảnh con người được diễn tả theo tư thế động: tốp người múa, giã gạo, đánh trống, bơi trải v.v... Về mặt bố cục, tất cả người, động vật đều diễu hành vòng quanh ngôi sao giữa mặt trống, thậm chí, căn nhà mái cong đứng giữa những hình chuyển động, bị cuốn hút vào bố cục xoay tròn nên dường như cũng « nhúc nhích ». Tả cảnh động là điều rất thường thấy trong các nền nghệ thuật nguyên thủy. Đối với người thời cổ thì chỉ có những hoạt động tập thể như săn bắt, gieo trồng, kéo lưới, những ngày hội hè, tế lễ, tức là những hình thức sinh hoạt liên quan mật thiết đến cuộc sống vật chất, mới gợi lên ở họ những « cảm súc thẩm mĩ », trong trí nhớ của họ chưa giành chỗ cho sự hứng thú đối với hình ảnh tĩnh, ví như hình ảnh thần Vệ-nữ ngủ của họa sĩ Gioóc-giôn vậy.

Để truyền đạt những hình ảnh động nghệ sĩ đã vận dụng nguyên tắc tạo hình « kiểu Ai-cập »; ví dụ, tốp người múa trên mặt trống được thể hiện theo lối: ngực hướng thẳng về phía khán giả, còn chân và đầu thì theo lối nhìn nghiêng; hình chim bay trong vành chim miêu tả như sau :thân, cánh và đuôi tả theo lối nhìn từ trên xuống, còn đầu thì theo lối nhìn nghiêng. Nguyên tắc này rất ổn định, nó trở thành một phong cách mẫu mực trong việc truyền đạt hầu hết những hình người múa, vũ sĩ và những hình chim bay trên các trống Đông Sơn từ cái sớm nhất đến cái muộn nhất. Có thể xem phong cách miêu tả độc đáo này như là cách nhìn hiện vật từ nhiều vị trí trong không gian mà ta thường gặp trong các nền nghệ thuật cổ ở Ai cập, Lưỡng hà, Bi-dăng-xơ v.v... ở đây thế giới trong tranh được thể hiện như là một không gian khép kín.

Trong việc truyền đạt hình ảnh nhìn, nghệ nhân Lạc Việt đã đạt tới một trình độ quan sát sắc sảo, họ chú ý đến đặc tính nổi bật của đối tượng miêu tả, nhờ đó mà tạo ra được những hình ảnh chính xác đến mức tinh tế bằng những đường nét đơn giản. Ví dụ khi tả hươu, nghệ nhân đã nhấn mạnh vào đôi sừng của nó, làm cho người xem dễ dàng phân biệt nó với động vật khác. Nguyên tắc này cũng được vận dụng trong việc miêu tả những hình cá sấu, chim bay, vũ sĩ, người múa v.v... Chúng ta biết rằng biểu tượng của con người về hình ảnh một vật nhìn nào đó, không phải là sự sao chép nguyên xi đối tượng ấy với tất thảy những chi tiết bề ngoài của nó, mà người ta thường phân tích vật nhìn tìm ra những yếu tố cơ bản để xác định đặc điểm hiện vật, nhờ đó mà thụ cảm có hiệu quả hơn. Điều này có quan hệ đến việc diễn đạt các biểu tượng nhìn dưới dạng những hình ảnh đồ họa, đến việc nhấn vào một số đường nét cơ bản tạo nên đặc điểm về mặt cấu trúc và chức năng của vật nhìn. Theo cách lý giải này chúng ta có thể nói: nghệ nhân Lạc Việt đã đạt tới một cách nhìn khái quát.

Việc nhấn mạnh vào đặc điểm quan trọng của đối tượng miêu tả là thuộc tính của nguyên tắc cách điệu trong nghệ thuật. Quan sát những hình người, điểm thu hút sự chú ý của chúng ta là chiếc mũ cao ngất, chiếc áo dài lê thê, và đặc biệt ở người múa là những bàn tay xòe rộng quá cỡ. Rõ ràng những vật này không phải là những thứ có thể sử dụng trong thực tế, chúng tất yếu có liên quan đến tín ngưỡng. Dụng cụ tín ngưỡng (mũ, áo dài) thường được chế tạo theo quy cách của tôn giáo. Điều này có nghĩa là những dụng cụ ấy chính nó đã được cách điệu lên một phần. Đến lượt nghệ nhân Lạc Việt, khi truyền

đạt những hình vũ sĩ và người múa trong trang phục tôn giáo, lại nhấn mạnh vào mặt tôn giáo của hình thể, do đó họ đã tạo ra những hình ảnh cách điệu hóa cao độ. Hình ảnh cách điệu của những con người trên trống đồng theo thời gian mà biến chuyển dần, cuối cùng nó trở thành họa tiết của hoa văn hình học. Đây cũng là một đặc điểm nổi bật của nghệ thuật đồ đồng ở Việt Nam.

Mặt khác, chúng ta thấy một số hình ảnh miêu tả còn rất sơ lược, nghệ nhân không quan tâm đến tỷ lệ hiện vật; ví dụ hình chim trên nóc nhà mái cong dài gần bằng chiều dọc của nóc nhà. Ngôi nhà này được thể hiện dưới dạng nhìn thẳng vào một bên mái (không nhìn thấy hai hồi nhà), mái lại úp sát đến tận sàn, nhưng chúng ta vẫn có thể nhìn qua mái thấy người trong nhà. Hiển nhiên là nghệ nhân miêu tả hiện vật không theo cách nhìn trực tiếp, mà nhìn qua lăng kính còn rất gần gũi với tự nhiên của họ.

Trong nghệ thuật Lạc Việt đôi khi thường gặp những dấu hiệu của hình ảnh biểu trưng, ví dụ: hình lông chim trên đầu người biểu trưng cho chiếc mũ hình chim, đầu chim gắn vào mũ tượng trưng cho hình chim, hoa văn vòng tròn chấm giữa ký hiệu cho mắt động vật. Qua đó ta thấy ở người Lạc Việt tồn tại một định lý về mặt ý thức là « bộ phận thay cho toàn thể », xuất phát từ nguyên lý « trừu tượng hóa một cách tiết kiệm », người cổ đại thường hướng tới việc truyền đạt lượng thông báo tối đa bằng lượng tín hiệu tối thiểu.

Nghệ thuật trống đồng đã phát triển rực rỡ vào giữa và nửa sau của thiên kỷ I trước công nguyên ở miền Bắc Việt Nam ngày nay, và tồn tại cho đến khi Phật giáo được xác lập ở vùng này.

Vào thời kỳ phát triển rực rỡ của mình, nghệ thuật Lạc Việt đã ảnh hưởng đến nghệ thuật các dân tộc láng giềng, trước hết là miền thượng lưu sông Dương tử, đặc biệt là nước Điền cổ đại. Trong số những hiện vật tìm được trong khu mộ táng núi Thạch Trại, huyện Tấn Ninh, tỉnh Vân Nam (thuộc nước Điền) người ta thấy có 17 trống đồng kiểu Đông Sơn, trên một số hiện vật khác thấy miêu tả những đề tài quen thuộc như cảnh giết trâu, lễ hiến tế, đàn trống, nhà sàn, ngoài ra những hình ảnh như vũ sĩ bắn cung, giã gạo chày tay, nhà sàn mái dô về phía trước trên nóc có 2 chim đậu cũng thấy được vẽ trên vách núi thuộc vùng Thương Nguyên tỉnh Vân Nam (1).

Nghệ thuật Lạc Việt cổ đại là nền nghệ thuật trẻ tuổi so với thời đại và điều kiện lịch sử cụ thể trong đó nó tồn tại. Tuy nhiên, chỉ so sánh nền nghệ thuật này với nghệ thuật các dân tộc khác cùng một trình độ phát triển về xã hội, mới hiểu hết giá trị và đánh giá đúng mức những đóng góp độc đáo của nó vào kho tàng văn hóa nhân loại.

4° Những kiến thức khoa học

Trong quá trình đấu tranh với tự nhiên và xã hội người Lạc Việt đã tích lũy được những hiểu biết đáng kể về khoa học thực dụng, tuy nhiên dựa vào trống đồng để thảo luận vấn đề này chúng ta chỉ có thể đề cập đến phần nào.

---

(1) Lâm Thanh. Vân Nam Thương nguyên nhai họa. « Văn Vật ». Bắc Kinh. N° 2. 1966. Tr. 7 — 16.

Trước hết chúng tôi lưu ý đến kỹ thuật đúc. Trống đồng là một hiện vật khá lớn (chiếc trống cỡ lớn có đường kinh mặt trống xấp xỉ 90 phân mét, chiều cao trên dưới 60 phân, nặng gần 100 ki-lô), hình thể phức tạp: tang trống phần trên phình ra hình nón cụt giữa thắt lại hình trụ tròn, phần chân loe ra hình phễu. Đúc một hiện vật như vậy không phải là một việc đơn giản. Trước kia, H. Pác-măng-chi-ê đã đặt giả thiết là trống đúc theo phương pháp « khuôn sáp ong » (1) đáng tiếc là cho đến nay ngành khảo cổ chưa cung cấp cho giới nghiên cứu một khuôn đúc trống đồng nào cả, do đó giả thiết của Pác-măng-chi-ê chưa được chứng minh.

Ngày nay, nghiên cứu những đường chỉ trên thân trống chúng ta biết trống được đúc bằng khuôn hai mang, rìa mặt trống còn để lại những dấu vết cách đều, đó là dấu vết con kê để thoát hơi trên khuôn đúc. Dựa theo kết quả của việc nghiên cứu phục chế trống Ngọc Lũ I vào những năm 1964—1966 tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, chúng ta biết rằng: để đúc thành công một chiếc trống, người thợ đúc phải đạt được hàng loạt yêu cầu về kỹ thuật, như phải có một nhiệt độ cao để nung chảy hợp kim đồng, phải tìm được chất chịu nóng để làm khuôn đúc, lại phải nắm vững tính năng hóa lý của mỗi kim loại trong hợp kim đồng, đặc biệt là cần đến một kỹ thuật đúc với tay nghề thành thạo. Nếu như mỗi một khâu trong chuỗi dây chuyền kỹ thuật không được thực hiện chu đáo, phù hợp với yêu cầu của kỹ thuật đúc, kết quả là hợp kim đồng sẽ không chảy đều trên khuôn, hoa văn sẽ không rõ nét. Quan sát những trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ với một hệ thống hoa văn dầy đặc và rất tinh mỹ trên mặt và thân trống, chúng ta có quyền nói rằng xã hội Lạc Việt đã có những người thợ đúc lành nghề(2).

Tính toán về mặt số lượng những cánh sao, những động vật trong nhóm, những hình chim bay trong vành, những hình thuyền trên tang trống v.v... chúng tôi nhận thấy hầu khắp là số chẵn. Điều này có thể có liên quan đến một quan niệm tín ngưỡng nào đó, nhưng trước hết nó chứng tỏ rằng người Lạc Việt đã chú ý đến việc tính đếm, đó là cơ sở cho sự phát triển những khái niệm số học. Trong số những số lượng cánh sao khắc trên mặt trống Đông Sơn nổi bật lên là con số 12, chiếm 46,1% tổng số. Con số này có thể liên quan đến số lượng tháng trong một năm, nói lên người Lạc Việt đã quan tâm đến việc theo dõi chu kỳ chuyển động của mặt trời, một việc làm rất có ý nghĩa trong xã hội nông nghiệp.

Nói đến kiến thức khoa học của người Lạc Việt không thể nào không tính đến hoạt động quân sự của họ. Sự phát triển về kỹ thuật quân sự của thời này được minh họa trước hết là nhóm thuyền chiến trên các trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ và thạp Đào Thịnh.

---

(1) Khuôn trống làm bằng hợp chất chịu nóng, trong khuôn đổ đầy sáp ong, có nhiều chỗ hở để sáp ong có thể thoát ra ngoài. Khi đổ đồng, nước đồng vào làm chảy sáp, sáp thoát ra đến đâu, đồng chảy vào đến đó. (Chú thích của các tác giả).

(2) Xem Vũ Ngọc Thư và Nguyễn Duy Tỳ. « Kỹ thuật đúc đồng thời Hùng Vương ». Hoàng văn Khoán và Hà văn Tấn. « Kỹ thuật đúc trống Ngọc Lũ ». Trong sách: Hùng Vương dựng nước. Tập III. Hà nội. 1973. Tr. 204- 222.

Qua phần miêu tả, chúng tôi nhận thấy trong số 436 người được khắc trên các trống có 175 người cầm vũ khí (40,1%). Vũ khí gồm 5 loại, có thể sắp vào 2 nhóm: vũ khí tiến công: dáo, rìu, cung, dao găm, và vũ khí phòng ngự: mộc. Trong số vũ khí nổi bật lên 3 loại: rìu chiếm: 34%, mộc: 31% vào dáo: 27%. Điều này nói lên người Lạc Việt vào lúc này quen sử dụng loại vũ khí giáp công cận chiến.

Hình vũ sĩ bắn cung chỉ thấy khắc trên một số thuyền của trống Ngọc Lũ I, Hoàng Hạ, đáng chú ý là có những vũ sĩ cầm cung lớn đặt trên bệ tì chiếc cung này nhắc nhở ta liên hệ tới chuyện nỏ thần Cao Lỗ thời An dương vương. Hình ảnh vũ sĩ bắn cung lớn cùng với sự phát hiện ra kho tên gần 100 kilô đồng ở Cổ Loa năm 1960, cho phép ta nghĩ rằng kỹ thuật bắn cung của người Lạc Việt rất phát đạt. Điều này còn được ghi lại trong sách Thủy kinh chú, như sau: « Năm Kiến Vũ thứ 19, Phục ba tướng quân Mã Viện dâng thư nói: Đi từ Mê Linh Bôn cổ để đánh Ích Châu, tôi đem hơn ba vạn người Lạc Việt, có ba nghìn người quen chiến đấu, theo số người phát cho cung khỏe, tên độc, bắn ra như mưa, trúng ai nấy chết.(1)

Cuối cùng là tốp thuyền chiến được miêu tả như đoàn thuyền ra trận. Trên thuyền các thủy thủ trang bị bằng những vũ khí khác nhau: dáo, rìu, dao găm, mộc, cung tên v.v... họ hoạt động rất nhịp nhàng dưới sự điều khiển của thuyền trưởng, người đứng giữa thuyền cầm trống hiệu. Có thể xem đây là buổi « diễn tập » của đội thủy quân Lạc Việt, cuộc « diễn tập » này thường được xem là một phần trong chương trình của ngày hội lễ.

Dựa vào những điều kể trên, ta thấy lực lượng võ trang Lạc Việt có hai « binh chủng »: lục quân và thủy quân, có thể xem đó là tiền thân của quân đội chính qui sau này.

Nghiên cứu « bức tranh chủ đề » trên mặt các trống phong phú, ở đó tốp người múa vũ trang có thể xem như đám rước trong ngày hội, chúng ta nhận thấy đám người này không phải rước những công cụ sản xuất, mà là vũ khí các loại. Vũ khí lần đầu tiên được suy tôn và thần thánh hóa như một sức mạnh siêu nhiên, điều này cho phép ta nghĩ rằng tinh thần quân sự đang có vai trò thống trị trong xã hội Lạc Việt, chiến tranh là hiện tượng thường xuyên và đang trở thành chức năng điều chỉnh xã hội. Đây là nét tiêu biểu nhất của thời kỳ hình thành xã hội có giai cấp.

5° Trống đồng Đông Sơn và thời kỳ lịch sử Hùng vương.

Như trên kia đã nói, những trống đồng sớm nhất đã xuất hiện vào những thế kỷ VII—VI trước công nguyên trên địa bàn miền Bắc Việt Nam ngày nay, điều này cho phép ta có thể gắn chúng vào thời kỳ Hùng Vương, giai đoạn lịch sử đã chấm dứt với sự ra đời của Nhà nước Âu lạc vào giữa thế kỷ III trước công nguyên.

---

(1) Dẫn trong: Đào Duy Anh. Phát biểu ý kiến về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam. « Nghiên cứu lịch sử ». Hà nội. N⁰ 10. 1960. Tr. 75

Tuy vậy, vấn đề tính lịch sử của thời đại các vua Hùng còn phức tạp hơn nhiều, giới sử học nước ta trước đây đã nhiều lần tranh luận, và hiện nay vẫn còn tiếp tục thảo luận.

Trong những năm gần đây ở miền Bắc nước ta, đề tài Hùng Vương đã chiếm một vị trí trung tâm trong việc nghiên cứu cổ sử Việt Nam, theo đề tài này đã có bốn hội nghị khoa học, tổ chức vào những năm 1968 — 1971. Trong các hội nghị này hầu khắp các nhà sử học Việt Nam đã đi đến một nhận định thống nhất, là thời đại Hùng Vương gắn liền với những di tích khảo cổ trên địa bàn Phong Châu xưa (tỉnh Vĩnh Phú và một phần tỉnh Hà Tây, Hà Bắc, Hà nội ngày nay. Chú thích của các tác giả), từ đó xuất hiện truyền thuyết về Hùng Vương; nói khác đi là những di tích khảo cổ thời đại đồ đồng (một số tác giả cho rằng từ giai đoạn hậu kỳ đá mới sang thời đại đồ đồng) trên địa bàn Phong châu là cơ sở vật chất cho sự tồn tại của xã hội thời đại các vua Hùng. Tuy nhiên, vấn đề Hùng Vương chưa thể xem là đã được giải quyết trọn vẹn, vì rằng, như một nhà sử học đã do dự, bởi trong số tài liệu khảo cổ này người ta chưa tìm ra « dấu ấn » của vua Hùng.[1]

Để tìm tòi « dấu ấn của triều đại » vua Hùng, theo ý kiến chúng tôi, cần phải tìm hiểu truyền thuyết về Hùng Vương trong mối quan hệ với những hình khắc trên các trống đồng phong phú.

Trước hết, chúng ta hãy tiếp tục đối chiếu « chuyện trăm trứng » với bài mo « đẻ đất đẻ nước ». Phần so sánh trên kia chúng tôi đã rút ra nhận xét là cuộc hôn nhân Lạc Long quân — Âu Cơ phản ánh sự liên kết của hai bộ lạc « Rồng — Chim », chim là một vật tổ quan trọng của người Việt cổ mà dấu vết nó còn ghi lại rất rõ trên các trống đồng.

Truyền thuyết « trăm trứng » kể tiếp: 100 người con chia làm đôi: 50 con theo mẹ về biển, 50 con theo cha lên núi (tức là địa bàn Phong Châu), cử người con trưởng làm vua gọi là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng Vương. Mo « đẻ đất đẻ nước » nói: 50 người con về miền đồng bằng, trở thành tổ tiên người Việt, 47 người di cư lên miền núi, họ là tổ tiên của các dân tộc miền núi, còn lại 3 người, xuất từ những trứng đầu, gọi là Tá Cần, Tá Kài và cô nàng Kịt. Ba người sống chung trong hang Hào. Sau khi người anh cả — Tá Kài bị rắn cắn chết, các mường mời Tá Cần lên ngôi vua, đó là ngôi lang đầu tiên của người Mường. Tá Cần lấy em gái mình là cô nàng Kịt, nàng Kịt sinh con mà không nuôi được, vì vậy các mường chọn cho Tá Cần người vợ khác, đó là Bà Chu Bà Chuông. Bà này sinh ra 18 người con: 9 con trai và 9 con gái. Họ trở thành lang và chia nhau đi coi giữ các bản mường.

Qua hai truyền thuyết trên chúng ta lưu ý đến con số 18. 18 đời Hùng Vương được ghi trong các sách « Việt Nam thế chí », « Đại Việt sử lược » (Thế kỷ XIV): « Đại Việt sử ký toàn thư » (Thế kỷ XV), và trong « Hùng Vương ngọc phả », hiện lưu trữ tại đền Hùng (Thế kỷ XV). Nhưng con số 18 trong trí nhớ của nhân dân thường xuất hiện trong các chuyện cổ tích hoặc phong tục tập quán, có thể còn sớm hơn nhiều những điều ghi trong sử sách. Xin nêu ra một vài thí dụ:

---

(1) Hùng Vương dựng nước. Tập I. Hà nội. 1970. Tr. 196.

— Chuyện « Bánh chưng bánh dầy » kể rằng: vào cuối đời Hùng Vương thứ sáu truyền ngôi không phải cho con cả, mà là con thứ 18, người đã đem dâng vua món quà quý nhất, đó là những chiếc bánh ngon lành và có nhiều ý nghĩa.

— Chuyện « Thánh Dóng » có chi tiết này: « Dóng xin với sứ giả của vua Hùng, đúc cho ngựa sắt cao 18 thước, với ngựa này Dóng sẽ đi dẹp giặc[1].

— Số 18 còn thấy được thể hiện trong phong tục rước 18 chiếc nõ (dương vật) và 18 chiếc nường (âm vật) ở một vài địa phương tỉnh Vĩnh Phú.

— Vòng trong của thành Cổ Loa, xây dựng vào thời An dương vương có 18 ụ hỏa hồi.

Thú vị hơn là, trong quang cảnh « tế cột đồng » ở nước Điền, thuộc huyện Tấn ninh tỉnh Vân nam thấy có trình bầy một dàn 18 trống kiểu Đông Sơn[2].

Con số 18 được lặp lại trong nhiều trường hợp khác nhau, rõ ràng là nó có một vị trí quan trọng trong thế giới quan tôn giáo của người Lạc Việt, giống như con số 60 của người Ba-bi-lôn ở Lưỡng hà, số 20 của người Mai-a cổ ở trung tâm Mỹ châu.

Nghiên cứu số lượng chim trong các vành chim bay (loại chim này được xem là chim vật tổ của người Lạc Việt) trên mặt các trống Ngọc Lũ I, sông Đà và Khai Hóa, chúng ta nhận thấy mỗi vành có 18 chim. Một điều rất lý thú, là ở vành chim trên mặt trống Sông Đà, tìm được trong một bản mường thuộc tỉnh Hòa Bình, lúc đầu nghệ nhân vì sơ ý, nên chỉ chia vành ra 17 cung bằng nhau, khi khắc trên khuôn đúc đến hình chim thứ 16 thì chỉ còn lại có một đoạn, vì vậy bắt buộc người thợ khắc phải khắc hai chim vào đoạn cuối cùng này (nếu không làm như vậy thì vành chỉ đủ chỗ cho 17 chim). Điều này một lần nữa nhấn mạnh vào ý nghĩa quan trọng, không thể thiếu được của số 18 trong đời sống tinh thần của người Lạc Việt. Có thể nghĩ rằng con số 18 đời Hùng Vương là 18 dòng họ đầu tiên, kết hợp với nhau trong liên minh bộ lạc Văn Lang, lấy tổ hợp bộ lạc « Rồng — Chim » làm nòng cốt.

Chúng tôi đã chứng minh rằng con số 18 « thần kỳ » ở thời đại Hùng Vương được phản ánh trên 3 chiếc trống đồng cổ. Có thể rút ra hai kết luận sau đây:

— Những trống đồng sớm nhất đã xuất hiện dưới thời Hùng Vương, chính xác hơn là vào cuối thời đại này.

— Con số 18 có mặt trên trống đồng là căn cứ vật chất, xác nhận sự tồn tại của thời đại Hùng Vương.

KẾT LUẬN

Dựa vào sự phân tích khảo cổ học có đối chiếu với tài liệu văn tự, chúng tôi đi đến nhận định rằng những trống đồng Đông Sơn cổ nhất đã xuất hiện ở thời kỳ Hùng Vương trên địa bàn Văn Lang, vào giai đoạn phát triển rực rỡ

---

(1) Cao Huy Đỉnh. Người anh hùng làng Dóng. Hà nội. 1969. Tr. 16.

(2) Vân Nam tỉnh bác vật quán. Vân Nam Tấn ninh Thạch trại sơn cổ mộ quần phát quật báo cáo. Bắc Kinh. 1959. Xem: Sưu tập ảnh hiện vật. Tr. 52 — 55.

nhất của văn hóa đồ đồng. Phân tích những dấu vết của tín ngưỡng vật tổ trong sự liên kết với tín ngưỡng nông nghiệp, biểu hiện ra ở những « bức tranh » chủ đề trên trống đồng, cho phép chúng tôi nghĩ rằng cơ cấu xã hội vào thời kỳ này phù hợp với hình thức « liên minh » bộ lạc, và 18 vua Hùng có thể xem là những vị thủ lĩnh đầu tiên của liên minh bộ lạc Văn Lang này.

Nghiên cứu những hình khắc theo đề tài trên trống đồng cho biết; nước Văn Lang vào thời kỳ có mặt của những trống đồng Đông Sơn đã đạt những thành tựu rất quan trọng về mặt sản xuất vật chất cũng như trong lĩnh vực quân sự. Phù hợp với mức độ phát đạt của nền kinh tế là sự tiến triển của nghệ thuật Đó là nền nghệ thuật đặc trưng bởi kỹ thuật chạm khắc trên khuôn đúc, tạo ra những hình ảnh với mức độ cách điệu hóa cao độ, rất ổn định và rất tiêu chuẩn hóa. Bằng những hình ảnh nghệ thuật này, nghệ nhân Lạc Việt hướng tới việc truyền đạt một quan niệm nào đó, nằm trong phạm vi của thế giới quan tôn giáo, điển hình cho xã hội nông nghiệp phát triển. Trên cơ sở phát triển của sản xuất nông nghiệp, hình thành một sự phân hóa sâu sắc trong xã hội, biểu hiện ra ở mối tương quan bất bình đẳng của các chủ nhân những ngôi mộ giầu, nghèo trong các khu mộ táng thuộc thời đại đồng thau. Xuất hiện những xung đột giữa các nhóm xã hội khác nhau, được minh họa bằng cảnh « giết tù binh » trên thuyền chiến. Thêm vào đó, những cuộc chiến tranh thường xuyên mà hình ảnh tiêu biểu của nó là những tốp thuyền chiến trong tư thế tập trận, tạo điều kiện cho việc nhanh chóng tập trung tài sản vào tay những viên thủ lĩnh. Tất cả những điều kể trên nói lên rằng xã hội mà người đứng đầu là những vị vua Hùng vào thời kỳ tồn tại của những trống đồng cổ, đã bước vào thời kỳ tan rã của chế độ công xã thị tộc và quá độ chuyển sang thời kỳ xã hội có giai cấp.

PHỤ LỤC

THỐNG KÊ TÀI LIỆU THAM KHẢO

A — TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Kinh điển

— Ăng-ghen. Nguồn gốc gia đình chế độ tư hữu và nhà nước. Hà Nội. 1961
— Ăng ghen. Chống Đu-rinh. Hà Nội. 1960.
— Lê Duẩn. Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam. Hà Nội. 1959
— Trường Chinh. Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam. Hà Nội. 1949
— Trường Chinh. Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi theo con đường Các Mác đã vạch ra. Hà Nội. 1968.
— Phạm Văn Đồng. Bài nói chuyện tại hội nghị bàn việc nghiên cứu thời kỳ lịch sử Hùng Vương ngày 16-12-1968. « Khảo cổ học ». N° 1. 1969.

2. Tài liệu gốc

— Việt Sử thông giám cương mục. Bản dịch. NXB Sử học. Hà Nội. 1960.
— Đại Nam nhất thống chí. Bản dịch NXB. Khoa học Xã hội. Hà Nội. 1968—1970.
— Đại Việt sử ký toàn thư. Bản dịch. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội. 1967 — 1968.
— Phan huy Chú. Lịch triều hiến chương loại chí. Bản dịch. NXB Sử học. Hà Nội. 1962.
— Lý Tế Xuyên. Việt điện u linh. Bản dịch NXB Văn hóa. Hà Nội. 1960.
— Lê Quý Đôn. Kiến văn tiểu lục. NXB Sử học. Hà Nội. 1969.
— Vũ Quỳnh và Kiều Phú. Lĩnh nam chích quái. Bản dịch., NXB Văn hóa. Hà Nội. 1960.

3. Tài liệu nghiên cứu

— Cao huy Đỉnh. Người anh hùng làng Dóng. Hà Nội. 1969.
— Diệp đình Hoa. Vài ý kiến về bài « Xã hội nước Văn Lang và xã hội nước Âu lạc ». « NCLS ». N° 26 — 27. Hà Nội. 1961.
— Diệp Đình Hoa và Phạm Văn Kỉnh. Những ngôi mộ cổ ở Việt Khê. «NCLS», N° 44, Hà Nội, 1963.
— Diệp Đình Hoa và Phạm Minh Huyền. Các trống H1, II, III mới phát hiện. Thông báo hội nghị khảo cổ. 9 - 1971.

— Dương Minh. Thử nhận định về những mũi tên đồng tìm thấy ở miền Cổ Loa. « NCLS ». N° 14. Hà Nội. 1960.
— Đào Duy Anh. Văn hóa Đông Sơn hay văn hóa Lạc Việt. « NCVSĐ » N° 1. Việt Bắc. 1954.
— Đào Duy Anh. Lịch sử Việt Nam. Hà Nội. 1955.
— Đào Duy Anh. Cổ sử Việt-nam. Hà Nội. 1956.
— Đào Duy Anh. Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt. Hà Nội. 1957
— Đào Duy Anh. Phát biểu ý kiến về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam. Bổ chú: đầu tên đồng Cổ-loa. « NCLS ». N° 16. Hà Nội. 1960.
— Đào Duy Anh. Nhân những phát hiện mới về khảo cổ của ta. « NCLS ». N° 32. Hà Nội. 1961.
— Đào Tử Khai. Vấn đề có chế độ nô lệ hay không có chế độ nô lệ trong xã hội cổ đại. « NCLS ». N° 19. Hà Nội. 1960.
— Đào Tử Khai. Vài ý kiến về chiếc thạp đồng Đào-Thịnh và văn hóa đồng thau. « NCLS ». N°27 — 29. Hà Nội. 1961.
— Đào Tử Khai. Những bước phát triển lớn của thị tộc Hồng Bàng. Có hay không nhân vật Hùng Vương trong lịch sử dân tộc chúng ta? « NCLS ». N° 101. Hà Nội. 1967.
— Đào Tử Khai. Vài ý kiến về công tác nghiên cứu thành Cổ-loa và tìm hiểu xã hội Âu lạc. « NCLS ». N° 109. Hà Nội. 1968.
— Đặng Nghiêm Vạn, Lã Văn Lô. Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam. Hà Nội. 1968.
— Đặng Nghiêm Vạn. Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam. Hà Nội. 1972.
— Đặng Văn Lung. Về các hình thức sinh hoạt dân ca. « Tạp chí Văn học ». Tháng 5-1973.
— Đặng Phong. Kinh tế thời nguyên thủy ở Việt-nam. Hà Nội. 1970.
— Đinh Gia Khánh. Xác định giá trị của truyền thuyết đối với việc tìm hiểu lịch sử thời đại Hùng Vương. « NCLS ». N° 123. Hà Nội. 1969.
— Hà Văn Tấn. Trở lại vấn đề tô tem của người Việt « NCLS ». N° 4. Hà Nội. 1959.
— Mấy điểm chung quanh vấn đề Việt Nam và phương đông cổ đại. « NCLS ». N° 18. Hà Nội. 1960.
— Hà Văn Tấn và Trần Quốc Vượng. Sơ yếu khảo cổ học nguyên thủy Việt nam. Hà Nội. 1961.
— Hà Văn Tấn và Phạm thị Tâm. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13. Hà Nội. 1968.
— Hà Văn Tấn. Phát biểu về thời kỳ Hùng Vương. « Khảo cổ ». N° 1. Hà Nội. 1969.
— Hoàng Hưng. Về bài « Vài ý kiến về chiếc thạp đồng Đào Thịnh và văn hóa đồng thau » của ông Đào Tử Khai. « NCLS » N° 40. Hà Nội. 1962.
— Hoàng Hưng. Thử tìm hiểu niên đại những chiếc gương đồng thau Thiệu Dương Thanh Hóa. « NCLS ». N° 33-34. Hà Nội. 1961-1962.
— Hoàng Hưng. Thời đại Hùng Vương trong thư tịch xưa. « NCLS ». N° 123. Hà Nội. 1969.
— Hoàng Lương. Bàn góp về vấn đề tô tem của người Việt. « NCLS ». N° 5. Hà Nội. 1959.

– Hoàng Lương và Trần Hà. Thử bàn về quan hệ trao đổi trong xã hội nguyên thủy Việt Nam. « NCLS ». № 31. Hà Nội. 1969.
– Hoàng Thị Châu. Thử tìm hiểu từ « phụ đạo » trong truyền thuyết về Hùng Vương. « NCLS », N° 102. Hà Nội. 1967.
– Hoàng Thị Châu. Nước Văn Lang qua tài liệu ngôn ngữ. « NCLS » N° 120. Hà Nội. 1969.
– Hoàng Xuân Chinh. Nhân đọc bài « Mấy ý kiến về nền văn hóa Đông Sơn ». « NCLS ». № 44. Hà Nội. 1962.
– Hoàng Vinh. Mỹ thuật thời đại đồ đồng « Tập san Mỹ thuật » số 1. Hà Nội. 1968.
– Hùng Vương dựng nước. Tập I. Hà Nội. 1970.
– Hùng Vương dựng nước. tập II. Hà Nội. 1972.
– Lê Trọng Khánh. Sự chuyển biến từ chế độ cộng sản sang chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam. « NCLS ». № 19. Hà Nội. 1960.
– Lê Văn Lan. Mấy ý kiến về nền văn hóa Đông Sơn. « NCLS ». № 30 — 31. Hà Nội. 1961.
– Lê văn Lan. Một ít tài liệu về những chiếc rìu cổ của ta. « NCLS ». № 36. Hà Nội. 1962.
– Lê văn Lan. Phát hiện trống đồng ở Hữu Chung. « NCLS ». № 37. Hà Nội. 1962.
– Lê văn Lan. Thử tìm hiểu nguồn gốc của những chiếc trống đồng cổ. « NCLS ». № 42. Hà Nội. 1962.
– Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh. Những vết tích đầu tiên của thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam. Hà Nội. 1963.
– Lê Văn Lan. Tài liệu khảo cổ về việc nghiên cứu thời đại của vua Hùng. « NCLS ». № 125. Hà Nội. 1969.
– Lê Văn Lan. Về một hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần ở thời đại các vua Hùng. « NCLS ». № 130. Hà Nội. 1970.
– Lê Văn Lan. Về tục hỏa táng thời đại các vua Hùng. « NCLS ». № 132. Hà Nội. 1970.
– Lê Thị Nhâm Tuyết. Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại. Hà Nội. 1973.
– Lịch sử Việt Nam. Tập I. Hà Nội. 1971.
– Nguyễn Đổng Chi. Mấy ý kiến về xã hội thời Hùng Vương. « NCLS ». N° 123. Hà Nội. 1969.
– Nguyễn Khắc Xương. Truyền thuyết Hùng Vương ở Vĩnh Phú. « NCLS ». 134. Hà Nội. 1970.
– Nguyễn Ngọc Chương. Tìm hiểu một số hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ. « NCLS ». № 141. Hà nội. 1971.
– Nguyễn Linh. Vài suy nghĩ về việc tìm hiểu thời đại Hồng Bàng. « NCLS ». № 100. Hà Nội. 1967.
– Nguyễn Linh, Hoàng Hưng. Vấn đề Hùng Vương và khảo cổ học. « NCLS ». № 108. Hà Nội. 1968.
– Nguyễn Linh. Về sự tồn tại của nước Văn Lang. « NCLS ». № 112. Hà Nội. 1968.
– Nguyễn Lương Bích. Lịch sử Việt Nam có hay không có thời kỳ chiếm hữu nô lệ. « NCLS ». № 35. Hà Nội. 1957.
– Nguyễn Lương Bích. Sự phát triển của sức sản xuất đã quyết định sự hình thành quan hệ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam thời cổ đại. « NCLS ». № 16. Hà Nội. 1960.

— Nguyễn Lương Bích. Lạc Việt Lạc Vương Lạc hầu Lạc tướng là tổ tiên của người Việt chúng ta hay tổ tiên chung của nhiều dân tộc khác. « NCLS », № 56. Hà Nội. 1963.
— Nguyễn Minh Chương. Về văn hóa đồ đồng và thời kỳ dựng nước của dân tộc Việt Nam. Trong « Hùng Vương dựng nước ». Tập II. Hà Nội. 1972.
— Nguyễn Thành Trai. Các trống HII ở Thanh Sơn Vĩnh Phú và Nghệ An. Thông báo tại hội nghị khảo cổ học tháng 9-1971. Hà Nội.
— Nguyễn Văn Huyên. Những trống đồng cổ phát hiện tại Hà Nội. Báo Hà-nội mới ngày 12-3-1972.
— Nguyễn Văn Huyên. Trống đồng và thời đại Hùng Vương. Trong « Hùng Vương dựng nước ». Tập II. Hà Nội. 1972. và « Khảo cổ học ». № 2-1969. Hà Nội.
— Nguyễn Văn Huyên. Tìm hiểu vài nét về nông nghiệp thời Hùng Vương. « Tập san quản lý văn vật ». № 20. Hà Nội. Tháng 9-1971.
— Nguyễn Văn Huyên. Những trống đồng loại I mới phát hiện gần đây. Thông báo tại Hội nghị khảo cổ học tháng 9-1971. Hà Nội.
— Nguyễn Văn Huyên và Hoàng Vinh. Vài ý kiến về vấn đề phân nhóm và niên đại của trống đồng loại I Hê-gơ đã phát hiện ở Việt Nam. Thông báo tại Hội nghị khảo cổ học tháng 10-1967. Hà Nội.
— Nguyễn Văn Nghĩa và Phạm Văn Kỉnh. Giá trị cuộc phát quật khu di chỉ Thiệu Dương. « Văn hóa ». № 10. Hà Nội. 1961.
— Phan Đăng Nhật. So sánh một số truyền thuyết trong « đẻ đất đẻ nước » của người Mường với các truyền thuyết về thời dựng nước của người Việt. « NCVH ». 1-1974.
— Tập san « Khảo cổ học » № 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11,-12. Về trống đồng tập I. Số đặc biệt 1974.
— Tô Minh Trung. Vấn đề Hùng Vương theo quan điểm của một số người làm công tác sử học ở miền Nam. « NCLS ». № 121. Hà Nội. 1969.
— Trần Mạnh Phú. Tuổi của trống đồng, văn hóa Đông Sơn và thời đại Hùng Vương. Trong « Hùng Vương dựng nước ». Tập II. Hà Nội. 1972.
— Trần Mạnh Phú. Những bước phát triển của nghệ thuật tạo hình thời Hùng Vương. « Khảo cổ học ». N° 9-10. Hà Nội. 1971.
Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn. Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam. Hà Nội. 1960.
— Trần Quốc Vượng — Hà Văn Tấn. Sơ yếu khảo cổ học nguyên thủy ở Việt Nam. Hà-Nội, 1961.
— Trần Quốc Vượng và Chu Thiên. Xã hội Việt nam có trải qua thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ hay không? « NCLS » N° 16. Hà-nội. 1960.
— Trần Quốc Vượng. Tìm hiểu truyền thống thượng võ của dân tộc. Hà Nội. 1969.
— Trần Quốc Vượng. Trên mảnh đất Cổ Loa lịch sử. Sở Văn hóa Hà Nội xuất bản. Hà Nội. 1970.
— Trần Từ và Bạch Đình. Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường. « NCLS. № 140-191. Hà Nội. 1961.
— Ty Văn hóa Vĩnh Phú. Truyền thuyết Hùng Vương ở Vĩnh Phú. Vĩnh Phú. 1972.

– Thời đại Hùng Vương. Khoa học xã hội. Hà Nội. 1973.
– Trần Văn Giáp. Trống đồng và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt nam. « NCVSĐ ». N° 15. Hà Nội. 1956.
– Trần Văn Giáp và Nguyễn Duy Hinh. Một bài văn đời Tây Sơn khắc trên biển gỗ ở miếu thờ thần núi Đồng cổ Thanh Hóa, nói về trống đồng. « Khảo cổ học ». № 5—6. Hà Nội. 1970.
– Thông báo khoa học. Sử học. Tập I, VI trường Đại học Tổng hợp.
– Văn Tân. Nhận định của ông Đào Duy Anh về vấn đề tô-tem của người Việt nguyên thủy. « NCLS ». № 4. Hà Nội. 1959.
– Văn Tân. Vài ý kiến về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam. « NCLS ». N° 13. Hà Nội. 1960.
– Văn Tân. Xã hội Việt Nam đã thực sự trải qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ. « NCLS ». № 16. Hà Nội. 1960.
– Văn Tân. Xã hội nước Văn Lang và nước Âu lạc. « NCLS ». N° 18. Hà Nội. 1960.
– Văn Tân. Vấn đề thời đại Hùng Vương trong lịch sử dân tộc Việt Nam. « NCLS ». № 98 Hà Nội. 1967.
– Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Những hiện vật tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam về ngôi mộ cổ Việt Khê. Hà Nội. 1965.
– Vụ Bảo tồn Bảo tàng. Báo cáo cụ thể về những mũi tên đồng phát hiện ở Cổ Loa. « NCLS ». № 14 1960.
– XX. Nói thêm về các trống đồng hay thạp đồng phát hiện ở Yên Bái. « NCLS ». № 22. Hà Nội. 1960.
– Viện Khảo cổ học Việt Nam. Các tài liệu đánh máy lưu trữ về hội nghị Hùng Vương lần thứ III — IV.
– Viện Khảo cổ. Trống đồng Vũ Bị. Báo Nhân dân ngày 18-11-1969.
– Viện Khảo cổ. Một số báo cáo khảo cổ học. Hà-nội. 1966.
– Vũ Hiếu Thắng. Trống đồng loại I Hê-gơ ở Việt Nam và Đông Nam Á. Thông báo tại hội nghị khảo cổ học tháng 10-1971.
– Viện Khảo cổ. Những phát hiện mới khảo cổ học năm 1972. Hà-nội. 1972.

B. TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI:

1 — Tài liệu tiếng Nga

– Борисковский Л. И. Первобытное прошлое Вьетнама. Ленинград. 1966.
– Деопик Д.В. Возникновение государства во Вьетнаме. « Советское востоковедение ». № 4. Москва. 1958.
– Деопик Д.В. Ранние вьетнамские государства. Автореферат диссертации на Соискание учёной степени кандидата исторических наук. Москва. 1961.
– Мухлинов. А.И. Этнографическая характеристика бронзовой культуры Донгшона (Вьетнам). В сборнике : « Этническая история народов Азии ». Москва. 1972
– Токарев С.А. Ранние формы религии. Москва. 1964

2 — Tài liệu tiếng Trung Quốc

— Lịch đạo Nguyên (Bắc Ngụy). Thủy kinh chú. Bản hợp hiệu của Vương Thị.
— Phạm Hoa (Tống). Hậu Hán thư. Súc ấn bách nạp bản. Thương vụ ấn thư quán.
— Đỗ Sam. Di tộc bất thị sử dụng đồng cổ đích dân tộc. « Khảo cổ ». № 8. Bắc Kinh. 1962.
— Hà Kỷ Sinh. Lược thuật Trung quốc cổ đại đồng cổ đích phân bố địa vực. « Khảo cổ ». № 1. Bắc Kinh. 1965.
— Hoàng Tăng Khánh. Quảng Tây xuất thổ đồng cổ sơ thám. « Khảo cổ ». № 11. Bắc Kinh. 1964.
— Hồng Thanh. Quảng tây cổ đại đồng cổ nghiên cứu. « Khảo cổ học báo ». số 1 — 1974.
— Lâm Thanh. Vân-Nam Thương-nguyên nhai hoa. « Văn vật ». № 2, Bắc Kinh. 1966.
— Lý Gia Thụy. Hán Tấn dĩ lại đồng cổ phát hiện địa khu đồ. « Khảo cổ ». N° 9. Bắc Kinh. 1961.
— Phùng Hán Kỷ. Vân-nam Tấn ninh Thạch trại sơn xuất thổ văn vật đích tộc thuộc vấn đề thí thám. « Khảo cổ ». № 9. Bắc Kinh. 1961.
— Phùng Hán Kỷ. Vân nam Tấn Ninh Thạch trại sơn xuất thổ đồng khí nghiên cứu. Nhược Can chủ yếu nhân vật hoạt động đồ tượng thí thích. « Khảo cổ ». № 6. Bắc Kinh. 1963.
— Trịnh Sư Hứa. Đồng cổ khảo lược. Thượng Hải. 1937.
— Vân Nam tỉnh bác vật quán. Vân-Nam Tấn-ninh, Thạch-trại sơn cổ mộ quần phát quật báo cáo. Văn vật xuất bản xã. Bắc Kinh. 1959.
— Vân Nam tỉnh bác vật quán. Đồng cổ đồ lục. Côn-Minh. 1959.
— Vân Nam tỉnh bác vật quán. Vân Nam Tấn-Ninh Thạch-trại sơn cổ mộ đệ tam thứ phát quật báo cáo. « Khảo cổ ». N° 9. Bắc Kinh. 1959.
— Vân Nam tỉnh Bác vật quán. Vân Nam Tấn-ninh Thạch-trại sơn cổ mộ đệ tứ thứ phát quật báo cáo. « Khảo cổ ». N° 9. Bắc Kinh. 1963.

3 — Tài liệu tiếng các nước tây Âu

— BEFEO « Chronique » 1913, 1922, 1925, 1927, 1929, 1930, 1934, 1937.
— Bezacier L. Notice sur l'archéologie du Viêt Nam.. BSEI T. XXVIII N° 1. Paris 1955.
— Bezacier L'art Viêtnamien. Paris. 1955.
— Bezacier L. Asie du Sud-Est (Le Viêt nam). T.II A et J. Picard. Paris. 1972.
— Callenfels S. Van. The age of bronze kettle drums. Bulletin of the Raffles Museum. Series B. Vol. I. Singapoure. 1937.
— Coedès G. Les Etats hindouisés d'Indochine et d'Indonésie. Paris. 1948.
— Colanie M. Vestiges d'un culte solaire en Indochine. Bulletin de l'Institut Indochinois pour l'Etude de l'Homme T. III. Hanoi. 1940.

— Finot L. L'archéologie indochinoise 1917 — 1930. Bulletin de la commission archéologique de l'Indochine. Paris. 1931.
— Finot L. Les grandes époques de l'Indochine. Bulletin de l'Académie du Var Toulon. 1936.
— Gaspardonne E. Fouilles d'Indochine. Revue de Paris. Paris. 1-12-1936.
— Goloubew V. L'âge du bronze au Tonkin et dans le Nord Annam. BEFEO T. XXIX. Hanoi. 1929.
— Goloubew V. Report on the making and diffusion of metallic drums through Tongking and Northern Annam. Proceeding Fourth Pacific Science Congress. Java. 1929.
— Goloubew V. Art et archéologie de l'Indochine. Paris. 1931.
— Goloubew V. Sur l'origine et la diffusion des tambours métalliques. Praehistorica Asiae Orientalis. Hanoi. 1932.
— Goloubew V. Le peuple de Dong-Son. Actes du 12è congrès préhistorique de France. Toulouse — Foix. 1936.
— Goloubew V. Le peuple de Dong-Son et les Muong. CEFEO N° 10. Hanoi. 1937.
— Goloubew V. L'archéologie du Tonkin et les fouilles de Dong-Son. Hanoi. 1937.
— Goloubew V. La maison Dongsonienne. CEFEO. N° 14. Hanoi. 1938.
— Goloubew V. Le tambours métallique de Hoang-ha. BEFEO T. XL. Hanoi. 1940.
— Groslier B.P. Indochine, carrefour des arts. Paris. 1961.
— Guehler U. Studie ueber Bronze Trommeln. The Journal of the Thailand Research Society T. XXXV. Bangkok. 1944.
— Heekeren H.R. Van. The bronze — iron age of Indonesia. S'Cravenhage — Martinus. Nijhoff. 1958.
— Heger F. Alte Metalltrommeln aus Südost Asien. Leipzig. 1902.
— Heine Geldern R. Bedeutung und Herkunft der Altesten hinterindischen Metall-trommeln (Kesselgongs). Asia Major. Vol. VIII. Leipzig. 1932.
— Heine Geldern R. L'art prébhouddique de la Chine et de l'Asie du Sud — Est et son influence en Océanie. RAA. T. XI fasc. 4. Paris. 1937.
— Heine Geldern R. The drum named Makalamau. India Antiqua. Leyden. 1947.
— Hoop Van der. Indonesian ornamental design. Bandoeng. 1949.
— Janse O. Un groupe de bronzes anciens propres à l'Extrême Asie méridionale. BMFEA. N° 3. Stockholm. 1931.
— Janse O. L'Empire des steppes et les relations entre l'Empire et l'Extrême — Orient dans l'Antiquité. RAA. T. IX. Paris. 1935.
— Janse O. The mysterious culture of Dong - Son. The illustrated London news. London. 29-12-1935.
— Janse O. Rapport préliminaire d'une mission archéologique en Indochine auprès de l'Ecole Française d'Extrême — Orient. RAA. T. IX — X. Paris. 1935 — 1936.
— Janse O. Archaeological research in Indochina. Preface Vol. I. Cambridge. 1947.
— Janse O. Vietnam, carrefour de peuples et de civilisations. Extrait de France-Asie. N° 165. Tokyo. 1961.
— Karlgren B. The date of the early Dong-Son culture. BMFEA. N° 14. Stockholm. 1942.
— Lévy P. Origine de la forme des tambours de bronze du type I. Tạp chí « Dân Việt nam ». N° 2. Hà nội. 1948.

— Ling Shen Sheng. New interpretation of the decoration designs on the bronze drums of South — East Asia. Eighth Pacific Science Congress of the Pacific Association and the fourth Far Eastern Prehistory Congress. Abstracts of Papers. Manilla. 1953.
— Nguyên Van Huyên. Introduction à l'étude de l'habitation sur pilotis dans l'Asie du Sud — Est. Paris. 1934.
— Parmentier H. Anciens tambours de bronze. BEFEO T. XVIII. Hanoi. 1918.
— Parmentier H. Nouveaux tambours de bronze. BEFEO T. XXXII. Hanoi. 1932.
— Przyluski J. Notes sur l'âge de bronze en Indochine : I. Danseurs et Musiciens. II. Les cercles à tangeantes. III. Les cerfs. RAA. T. VII. Paris. 1931.
— Tweedie M.V.F. Prehistoric Malaya. Singapoure. 1957.
— Wales H. G. Q. The Dong-Son genius and the evolution of Cham art. Journal of the Royal Asiatic society. London. 1949.
— Wales H. G. Q. The religious significances of the early Dong-Son bronze drums. Proceeding of the 23 rd Congress of Orientalis. London. 1956.
— Wales H.G.Q., Litt Ph. D.D. Prehistory and religion in South — East Asia. London. 1957.

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

HI Trống đồng loai I theo cách phân loại của Hê-gơ
NCVSĐ Nghiên cứu Văn Sử Địa.
NCLS Nghiên cứu lịch sử.
BEFEO Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient.
BMFEA Bulletin of the Museum of the Far Eastern antiquities.
BSEI Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises.
CEFEO Cahier de l'Ecole Française d'Extrême-Orient.
RAA Revue des arts asiatique.

THỐNG KÊ NHỮNG TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN (LOẠI LỚN VÀ LOẠI TRUNG BÌNH) TRONG SÁCH NÀY

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
1	Ngọc Lũ I	79	63		Nhân dân làng Ngọc Lũ đào được ở độ sâu 2 mét trong lòng đất ven sông Hồng, đem về để ở đình làng Ngọc Lũ huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay là Nam Hà). Năm 1902 trống được đem về Hà nội, trữ tại nhà Bác cổ Viễn đông ở Hà Nội.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.	
2	Hoàng Hạ	79	61,5	Mặt rời khỏi thân	Nhân dân xóm Nội thôn, làng Hoàng Hạ, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây) tìm được ở độ sâu 1m50 trong khi đào mương vào tháng 3-1937.	— nt —	
3	Sông Đà	78	61		Phó sứ Mu-li-ê lấy được ở nhà vợ góa viên quan lang Mường vùng sông Đà tỉnh Hòa Bình. Sau khi trưng bày ở triển lãm Pa-ri năm 1889 trống bị lưu tại Pháp.	Bảo tàng Ghi-mê nước Pháp.	Còn gọi là trống Mu-li-ê (Moulié).

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
4	Khai Hóa	65	53		Trống này tìm được ở nhà viên tù trưởng người Mèo phủ Khai Hóa tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Có lẽ Gi-lê, một người chơi đồ cổ ở Hà Nội đã mua, hoặc lấy được ở Vân Nam, sau đó bán cho Bảo tàng Viên nước Áo.	Bảo tàng Viên nước Áo	Còn gọi là trống Bắc kỳ Gi-lê I (Gilet I) (xem Hê-gơ. Sách đã dẫn Tr. 9)). hay trống Viên (Goloubew. Bài đã dẫn. BEFEO. T. XL. 1940);
5	Bản Thôm	57	37,5	Vỡ hai miếng lớn ở tang nứt đoạn dài	Nhân dân tìm được ở Bản Thôm. Thuận Châu, Sơn La năm 1957.	Sở Văn hóa Tây Bắc.	
6	Quảng Xương	36.5	29	Thân vỡ nhiều chỗ	Pa-giô (Pajot) mua ở huyện Quảng Xương Thanh Hóa, rồi bán cho Nhà Bác cổ Viễn Đông Hà Nội tháng 4-1934.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam	
7	Miếu Môn	72	48	Thủng một miếng ở mặt trống	Viện Bảo tàng Lịch sử sưu tầm tại thôn Hoành (Miếu Môn) huyện Mỹ Đức tỉnh Hà Đông tháng 12-1961.	— nt —	Còn gọi là trống Thượng Lâm
8	Vũ Bị	72.5	60	Hình sao giữa mặt trống đã mất. thân vỡ. nứt nhiều	Nhân dân thôn Đại Vũ (tên cũ là Vũ Bị) huyện Bình Lục, Nam Hà đào được trong khi đào mương ở cánh đồng Mạc năm 1969.	Ty Văn hóa Nam Hà	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
9	Đồi Ro	43	33	Vỡ nát ở rìa mặt và tang trống	Công nhân công trường thủy lợi Hang Cả đào được ở độ sâu 1m60 trong lòng đất tại Đồi Ro xóm An Thịnh xã Long sơn, huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình tháng 4-1966.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
10	Làng Vạc I	37,7	27,8		Tháng 3-1972 nhờ việc xây dựng công trình thủy lợi, dân công địa phương đã tìm được trống này cùng nhiều đồ đồng khác tại Làng Vạc huyện Nghĩa đàn tỉnh Nghệ An.	Ty Văn hóa Nghệ An	
11	Làng Vạc II	34,5	25,6		Tìm được trong cuộc khai quật khu mộ cổ Làng Vạc huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An năm 1973 do Viện Khảo cổ và Ty Văn hóa Nghệ An tiến hành.	—nt—	
12	Pha Long	73		Chỉ còn mặt và một phần tang.	Ông Giàng Xuân sưu tầm được tại Pha Long huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai năm 1956.	Ty Văn hóa Lào cai	Còn có tên là trống Bản Lầu
13	Phú Xuyên	53	42		Trống này của vợ góa Phạm Phú Lợi (tri huyện Phú xuyên, tỉnh Hà đông). Ăng-đec-sơn với sự môi giới của Gô-lu-bép mua về Thụy Điển.	Bảo tàng Stốc-khôn nước Thụy Điển.	Còn có tên là trống Hà Nội để ở Bảo-tàng Stốc-khôn
14	Hòa Bình	49,5	36		Viện Bảo tàng Lịch sử sưu tầm tại nhà Đinh Công Minh tỉnh Hòa Bình năm 1958.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
15	Duy Tiên	56	?	Mặt chỉ còn một mảnh nhỏ. Tang vỡ gần hết, thân cũng vỡ một đoạn dài.	Ông Phan Văn Giang ở thôn Ngọc Thụy, xã Duy Minh huyện Duy Tiên, tỉnh Nam Hà, mua được của nhân dân ở vùng Duy tiên và bán lại cho Viện Bảo tàng Lịch sử vào tháng 3-1974.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
16	Yên tập	65	53		Vũ văn Bảo tổng đốc Nam Định cũ tặng làng Yên tập, để ở nhà thờ họ La Bữn Khổn Làng Yên Tập xã Phú đa huyện Bình lục tỉnh Hà Nam.	Không rõ	
17	Ngọc Lũ II	49,5	39		Nhà Bác cổ Viễn đông mua tại làng Ngọc Lũ huyện Bình lục tỉnh Hà Nam.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam	
18	Phú Duy	51	43		Nhân dân thôn Phú Duy huyện Mỹ Đức tỉnh Hà Đông tìm được ở độ sâu 1m80 trong lòng đất khi làm thủy lợi năm 1959.	—nt—	
19	Núi Gôi	62,8	51	Vỡ nhiều chỗ	Cuối thế kỷ XIX nhân dân xã Thanh Côi, huyện, Vụ Bản tỉnh Nam Định (nay là Nam Hà) trong khi đắp đường đào được trống này cách núi Gôi khoảng 400 mét.	Ty Văn hóa Nam Hà	
20	Việt Khê	23		Chỉ còn mặt và một phần thân.	Trống nằm trong ngôi mộ bằng thân cây khoét rỗng cùng nơi hơn 100 hiện vật ở Việt Khê, Hải Phòng. Đội Khảo cổ khai quật tháng 3-4-1961 tìm được trống.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước: Đường kính mặt trống	Kích thước: Chiều cao	Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
21	Làng Vạc III	56	48,5		Viện Khảo cổ và Ty Văn hóa Nghệ An khai quật ở khu mộ tầng Làng Vạc huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An năm 1973.	Ty Văn hóa Nghệ An	
22	Làng Vạc IV	27,6	23,2		Tháng 3 năm 1972, nhờ việc xây dựng công trình thủy lợi Làng Vạc, dân công địa phương đã tìm được trống này cùng nhiều đồ đồng khác tại Làng Vạc, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.	— nt —	
23	Định Công I	60		Chỉ còn hơn nửa mặt trống	Công nhân đội thi công cơ giới phát hiện được 3 mặt trống đồng khi san nền xí nghiệp gạch tại xã Định Công huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa hồi tháng 11-1973.	Viện Bảo tàng Lịch Sử Việt Nam.	
24	Định Công II	44		Chỉ còn một mảnh giữa mặt trống	— nt —	— nt —	
25	Định Công III	39		Chỉ còn một mảnh mặt trống	— nt —	— nt —	
26	Cửu cao	53,7	44,4		Cụ Nguyễn Như Phương đào đất ở cánh đồng Quán Tuyền thuộc xóm Thượng xã Cửu Cao huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tìm được trống vào ngày 22-2-1964.	Ty Văn hóa Hải Hưng	
27	Mật sơn	80		Chỉ còn mặt trống	Công nhân nhà máy cưa Mật Sơn đào được trống hồi tháng 8-1958 khi xây dựng nhà máy này.	Trường sư phạm trung cấp Thanh hóa.	
28	Thiết Cương	57,5	45	Vỡ 2/3 thân trống	Nhân dân thôn Thiết Cương, xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh hóa phát hiện được trống này vào giữa năm 1972 trong khi đào đất.	Trường cấp II Dân Quyền	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
29	Phương Tú	44,3	37,5		Xã viên hợp tác xã Nguyên Xá đào được ở cánh đồng Chè thôn Nguyên Xá xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây ngày 15-5-67.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.	
30	Pắc Tà	35,5		Chỉ còn mặt trống	Công nhân xây dựng bệnh viện tỉnh Lào Cai tìm được trống này tại xóm Phú Thịnh (tên cũ là Pắc Tà) năm 1963.	Ty văn hóa Lào Cai.	
31	Giảo Tất	21,3	17,5		Nhà Bác cổ Viễn đông mua của ông Phạm Nhượng người thôn Lê Xá huyện Văn Lâm, Hưng Yên tại chợ Giảo Tất, huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh ngày 20-11-1918. (Giảo Tất nay thuộc huyện Gia Lâm Hà Nội).	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.	
32	Bình Phủ	46	31	Thân thủng hai miếng	Trống được phát hiện ngày 27-9-1934 tại Bình Phủ Thủ Dầu Một, trữ tại Nhà Bác cổ Viễn đông, sau Viện Bảo tàng Lịch sử chuyển cho Sở Văn hóa Hải Phòng.	Sở Văn hóa Hải Phòng	
33	Hà Nội	59,3	32		Sở Văn hóa Hà Nội mượn của ông Dương, ở số nhà 40, Lê Thái Tổ, Hà Nội.	Sở Văn hóa Hà Nội.	
34	Hoằng Vinh	40		Vỡ nát, chỉ còn mảnh mặt trống	Dân công xã Hoằng Vinh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đào được tại địa phương trong khi làm thủy lợi tháng 8-1971.	Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
35	Vĩnh Ninh	62	41,5		Nhân dân xã Vĩnh Ninh huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa đào được ở độ sâu 2,5 mét trong lòng đất hồi tháng 1 năm 1963.	Ty Văn hóa Thanh Hóa.	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
36	Đông Sơn I	31,5	28	Rỉ sần sùi	Pa-giô tìm được trong cuộc khai quật ở Đô g Sơn Thanh Hóa tháng 3-1925.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt nam	
37	Đông Sơn II	29	24,5	Vỡ thành nhiều mảnh, đã gắn lại	Pa-giô khai quật ở Đông Sơn, Thanh hóa, hố D tháng 5-1929.	— nt —	
38	Đông Sơn III	23	21	Vỡ, méo đã gắn lại	Pa-giô khai quật ở hố 2 nhóm 2 Đông Sơn, Thanh Hóa tháng 5-1925.	— nt —	
39	Đông Sơn IV	29	24	Vỡ, bẹp	Do xe ủi đất làm lộ ra trong đợt khai quật của Viện Khảo cổ tại Đông Sơn, Thanh Hóa vào các năm 1969 — 1970.	Ty Văn hóa Thanh Hóa	
40	Đào Thịnh	49		Chỉ còn mặt và một phần thân	Cụ Doãn Văn Thực phát hiện được trống này ở bờ sông Hồng thôn Đào Thịnh xã Phú Thịnh huyện Trấn Yên tỉnh Yên Bái ngày 24-9-1962.	Ty Văn hóa Yên Bái	
41	Hữu Chung	82	67		Thợ lò gạch thôn Hữu Chung, xã Hà Thành, huyện Tứ Kỳ tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng) đào được ở bãi đất ven sông Luộc tháng 5-1961.	Ty Văn hóa Hải Hưng	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
42	Đông Hiếu	90		Chỉ còn mặt trống	Công nhân nông trường Đông Hiếu tìm được trống hồi năm 1959 tại cánh đồng xã Nghĩa Tiến, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.	Ty Văn hóa Nghệ An	
43	Đa Bút	50		Thân vỡ thành nhiều mảnh, mặt trống bị vỡ một miếng	Ông Trịnh đình Trênh đào giếng tìm được ở độ sâu 3m50 tại thôn Đa Bút, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa và bán lại cho Viện Bảo tàng Lịch sử tháng 4-1971.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
44	Phú Phương I	67,6	44,5	Thân trống vỡ khoảng 1/2, phần còn lại vỡ nhiều chỗ.	Nhân dân xã Phú Phương huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây ngày 3-10-1973 đào được ở cánh đồng Vọng Châu xã này.	Ty Văn hóa Hà Tây	
45	Phú Phương II	78,9	53,5	Mặt trống lành, thân thủng nhiều chỗ.	Nhân dân xã Phú Phương đào được ở cánh đồng Vọng Châu xã Phú Phương, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây ngày 3-10-1973.	— nt —	
46	Nông Cống	60	38	Mặt vênh, thân vỡ nứt nhiều chỗ.	Nhà Bác cổ Viễn đông mua hồi tháng 8 năm 1934 tại huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
47	Thôn Bùi	68	43	— nt —	Nhà Bác cổ Viễn Đông mua tại thôn Bùi, huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa tháng 5-1928.	— nt —	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
48	Chợ Bờ	76	78	Tang vỡ hết phần giữa có nhiều lỗ thủng.	Đinh công Thịnh tìm được tại một làng gần chợ Bờ thuộc châu Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình hồi tháng 3-1928.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
49	Đắc-glao	34	24	Thân trống vỡ chỉ còn lại một phần.	Tìm được ở lòng sông Đắc-glao, một nhánh của sông Đắc-uy thuộc tỉnh Công-Tum vào tháng 11-1921.	— nt —	
50	Thôn Mống	50	29	Tang vỡ một miếng, chân vỡ gần hết.	Nhân dân thôn Mống, xã Yên Quang, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tìm được trong khi làm thủy lợi năm 1968.	Ty Văn hóa Ninh Bình.	
51	Hàng Bún	32		Chỉ còn mặt trống	Nhà Bác cổ Viễn đông mua của ông Nguyễn hữu Thanh ở số nhà 25 phố Hàng Bún, Hà Nội tháng 5-1956.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
52	Tùng Lâm	52	38	Thân và mặt trống vỡ nhiều chỗ.	Nhân dân tìm được tại khu ruộng gần chùa Tùng Lâm thuộc xã Mỹ Lương tỉnh Hà Đông ngày 28-5-1932.	— nt —	

THỐNG KÊ NHỮNG TRỐNG MINH KHÍ PHÁT HIỆN TRÊN ĐẤT VIỆT NAM HIỆN TÀNG TRỮ TẠI VIỆN BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Số thứ tự	Số kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi chú
			Đường kính	Chiều cao				
1	LS^{b}7255	Một số hình sao 8 cánh, xen giữa các cánh sao là những vạch chéo.	7,8	5,5	Chân trống vỡ mất mảnh	Pa-giô đào ở Đông Sơn, Thanh Hóa hồi tháng 5-1925. Hố 1	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
2		Trống có hình sao 22 cánh sao ngắn. Rìa mặt trống có 4 khối tượng cóc	12,5	10	Lành	-nt-	-nt-	Chưa đăng ký
3	— 1257	Mặt trống hơi vồng lên, trên có con chó.		5,5	Chân vỡ	-nt- Hố 2 nhóm 1	-nt-	
4	— 7259	Ba mảnh thân trống: trang trí văn chấm nhỏ, răng cưa, người múa hóa trang chim.			Chỉ còn ba mảnh thân	-nt- Hố 2 nhóm 5	-nt-	
5	— 1160	Trống có 4 quai, mặt trống có một quai ở giữa, mặt có hình sao 16 cánh.		4	Lành	-nt-	-nt-	
6	— 519	Trống nhỏ		4	Rỉ	-nt- Hố 2 nhóm 8	-nt-	
7	— 520	-nt-		4	Rỉ	-nt-	-nt-	
8	— 1686	-nt-		4	Rỉ	-nt-	-nt-	
9	— 521	-nt-		3,7	Chân vỡ	-nt-	-nt-	
10	— 522	Nhiều mảnh trống, mặt có hình sao 8 cánh, hình 4 chim bay, vòng tròn tiếp tuyến.	15			-nt-	-nt-	

Số thứ tự	Số kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi Chú
			Đường kính	Chiều cao				
11	LS^{b} 529	**Mảnh trống nhỏ**				Pa-giô đào được tại Đông Sơn (Thanh Hóa) Hố 3 nhóm 1	Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
12	— 583	Trống nhỏ		3,3		-nt- Hố 8 (6-1927)	-nt-	Hiện nay ở Viện Bảo tàng Lịch sử còn tàng trữ 16 trống minh khí rất nhỏ, phần lớn là chế tác thô thiển, không có trang trí, tương tự như những trống nhỏ tìm được ở Đông Sơn trước Cách mạng Tháng Tám (1945) không rõ xuất xứ. Theo chúng tôi có lẽ những trống trên cũng tìm được ở Đông Sơn, nhưng do Pa-giô đào bới lộn xộn nên không xác minh được lai lịch chúng. (Chú thích của các tác giả).
13	— 638	Mảnh trống nhỏ	7		Méo	-nt- Hố D (5-1929)	-nt-	
14	— 649	Trống nhỏ		3,2	Vỡ nát, rỉ	-nt- Hố E (5-1929)	-nt-	
15	— 1228	Trống nhỏ dính với rìu xéo hình thuyền.			Lành	-nt- Hố J (5-1929)	-nt-	
16	— 1666	Nhiều mảnh thân trống nhỏ.			-nt-	-nt-	-nt-	
17	— 1667	Mảnh mặt trống, giữa mặt có quai xung quanh có 8 lỗ thủng, trang trí văn chữ S	7			-nt- Tháng 6-7-1929	-nt-	
18	— 1792	Trống nhỏ		3,4	Lành	-nt-		
19	— 1793	Trống nhỏ có 2 quai rất to		1,7	Lành	-nt- Tháng 4-1936		
20	— 1769	Trống nhỏ		3		Đác-giăng-xơ mua ở Thanh Hóa	-nt-	
21	— 1889	Trống nhỏ	3,8	2	Lành	-nt-	-nt-	
22	— 1888	Trống nhỏ	3,7	2	Lành	-nt-	-nt-	
23	— 1896	Trống nhỏ	3,7	1,8	Chân mẻ	-nt-		
24	— 1891	Trống nhỏ		4,5	Cắt một miếng xét nghiệm	-nt-	-nt-	

Số thứ tự	Số kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi chú
			Đường kính	Chiều cao				
25	LS^b1022	Trống nhỏ có 2 quai		3,5	Lành	Puy-an mua ở Thanh Hóa tháng 10-1932	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
26	— 1023	— nt —		2,6	Lành	— nt —	— nt —	
27	— 1024	Trống nhỏ		3,0	Vỡ	Mua ở Thanh Hóa tháng 5-1924	— nt —	
28	— 1025	Trống nhỏ, có 4 quai, dạng trung gian HI – IV, trang trí chim, vòng tròn tiếp tuyết, chữ V.		2,9		Mua ở Thanh Hóa tháng 11-1928	— nt —	
29	— 1026	Trống vỡ, trên mặt có hình sao 6 cánh hình 4 chim bay và vòng tròn tiếp tuyến.			Còn hai mảnh	Mua ở Thanh Hóa tháng 11-1924	— nt —	
30	— 1027	Có trang trí vạch thẳng song song và vòng tròn tiếp tuyến.			Còn hai mảnh	Pa-giô mua ở Thanh Hóa tháng 7-1924	— nt —	
31	— 2751	Trống có trang trí nổi. Mặt trống có hình sao 10 cánh và hình 4 con chim bay. Mặt, tang và phần giữa thân trống có văn vòng tròn tiếp tuyến và vạch chéo song song. Trống có 4 quai kép.	15,	15,	Lành	Cán bộ Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam sưu tầm tại thôn Sơn Thanh, xã Sơn Hòa, huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông (nay là tỉnh Hà Tây).	— nt —	

Số thứ tự	Số kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi chú
			Đường kính	Chiều cao				
32	LS^b 1028	Trang trí vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến.			Còn bốn mảnh	Puy-an mua ở Thanh Hóa hồi tháng 10-1932	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
33	— 2752	Trống trang trí nổi. Mặt trống có hình sao 8 cánh và 4 chim bay. Mặt. tang và phần giữa thân trống có vòng tròn chấm giữa. Trống có 4 quai kép trang trí văn thừng	10.	12,7	Lành	Đô thống Đỗ đình Thuật đổi lấy 1 con sư tử đá hồi tháng 11-1932	— nt —	
34	— 3435	Mặt trống có sao nổi 4 cánh, xung quanh có 4 hình chim bay. Trống có 4 quai.	5,5	4.	Lành	Đội khảo cổ khai quật ở mộ 1 Thiệu Dương, Thanh Hóa năm 1961	— nt —	
35	— 3616	Giữa mặt trống có quai treo (đã gẫy) Mặt trống có hình sao 6 cánh. Thân trống trang trí vạch chéo.	4,3	4.5	Lành	Đội Khảo cổ khai quật ở Đông Sơn Thanh Hóa vào các năm 1961—1962	— nt —	
36	— 3615	Mặt trống có quai treo (đã gẫy), bao quanh là 1 vòng tròn có nhiều vạch ngắn song song. Phía ngoài là hình sao 14 cánh. Rìa mặt trống và thân có văn vạch chéo.	7.		Gẫy bốn quai	— nt —	— nt —	

Số thứ tự	Số Kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi chú
			Đường kính	Chiều cao				
37	LS^b3617	Trống nhỏ có 2 quai		2,7		Đội Khảo cổ khai quật ở Đông Sơn, Thanh Hóa năm 1961—1962	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
38	— 3618	Trống nhỏ mặt hơi tràn ra khỏi tang	3	1,6		— nt —	— nt —	
39	— 3619	Trống nhỏ, tiết diện ngang hình bầu dục.		2,8		— nt —	— nt —	
40	— 4975	3 mảnh trống nhỏ trang trí nổi văn chữ $\int$ liên tiếp				Đội Khảo cổ thám sát ở núi Sỏi thôn Đinh Kim, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa năm 1962	— nt —	
41	— 4996	Trống nhỏ, mặt hình bầu dục		3,2	Rỉ sần sùi	Đội Khảo cổ thám sát ở núi Nấp, xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa năm 1962	— nt —	
42			8,4	3,	Vỡ gần giữa thân và chân trống	Tìm được ở di chỉ Đông Viên (?) huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.	Ty Văn hóa tỉnh Hà Tây	

Số thứ tự	Số Kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi chú
			Đường kính	Chiều cao				
43		Trống này ngoài 4 quai ở thân trống còn có một quai treo ở mặt trống (nhưng đã gẫy), mặt trống có hình ngôi sao nhưng vì bị rỉ nên không đếm được số cánh, mặt, tang và phần giữa thân có văn vạch ngắn chéo song song.	5,5		Rỉ nhiều khắp mặt và thân trống	Cán bộ Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam sưu tầm ở gò Đồng Dâu, thôn Tây Đằng, xã Tây Sơn, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây năm 1967.	Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam	
44		Mặt trống có hình sao 12 cánh xen kẽ các cánh sao là những vạch chéo song song. Chính giữa mặt có quai treo. Bên ngoài có vành văn vạch rất ngắn chạy quanh. Tang cũng có loại văn này Trống có 4 quai. Phần giữa thân trống có vành hoa văn răng cưa, bố trí theo chiều thẳng đứng và chiều nằm ngang thẳng góc với nhau. Dáng tương đối thấp.	6,	5.7	Lành	Công nhân nhà máy sơ tán về chân núi Thiên Thai thuộc Lãng Ngâm, huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc phát hiện được khi đào hầm và đem tặng Viện Bảo tàng Lịch Sử Việt Nam vào năm 1972.	— nt —	Địa điểm này còn tìm được một quai trống đồng lớn
45		Mặt trống có hình sao 8 cánh và vành 4 con chim bay. Tang và phần giữa thân trống có 1 vành hoa văn vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Trống có 4 quai.	11,2	12,5	Lành	Sở Văn hóa Hà Nội mượn của ông Dương ở số nhà 34 phố Lý Thái Tổ, Hà Nội.	Sở Văn hóa Hà Nội	

Số thứ tự	Số kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi chú
			Đường kính	Chiều cao				
46		Mặt trống có hình sao 8 cánh. Xen giữa các cánh sao là những vạch chéo. Mặt trống có 3 vành hoa văn: vành 1: 4 con chim bay. Vành 2 và 3: vạch thẳng song song. Tang và phần giữa thân trống cũng có loại văn này. Trống có 4 quai trang trí văn thừng.	20,6	18	Lành	Sở Văn hóa Hà nội mượn của ông Dương ở số nhà 34, phố Lý Thái tổ, Hà Nội.	Sở Văn hóa Hà Nội	
47		Mặt trống có hình sao 12 cánh. Trang trí văn răng cưa và chấm nhỏ ở tang và thân trống. Trống có 4 quai đơn, giữa mặt trống cũng có một quai treo.	6	5	Lành	Sở Văn hóa Hà Nội phối hợp với khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp khai quật di chỉ Trung mầu, huyện Gia Lâm, Hà Nội.	— nt —	
48		Mặt có hình sao 8 cánh, 4 chim bay và một vành vòng tròn chấm giữa tiếp tuyến (tang và phần giữa thân cũng có văn này). Trống có hai đôi quai kép. Dáng trống cao.	14,7	14,5	Chân mẻ một miếng	Dân quân thôn Trương Xá, xã Thống Nhất, huyện Mỹ hào, tỉnh Hưng Yên khai mương đào được hồi tháng 7 năm 1964	Ty Văn hóa tỉnh Hải Hưng	

Số thứ tự	Số kiểm kê	Đặc điểm chính	Kích thước		Tình trạng bảo quản	Lai lịch	Nơi tàng trữ	Ghi chú
			Đường kinh	Chiều cao				
49		Mặt trống có sao 6 cánh (?), xen kẽ các cánh sao là vạch chéo. Phía ngoài có vòng tròn tiếp tuyến, chấm nổi vạch xiên. Tang và phần giữa thân có văn răng cưa Trống có 4 quai.	6,8	4,8		Viện Khảo cổ khai quật ở làng Vạc huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An năm 1972.	Ty Văn hóa tỉnh Nghệ An	
50		Mặt có hình sao 7 cánh	7	5,5		— nt —	— nt —	
51		Sao 10 cánh, xen kẽ các cánh sao là những vạch chéo.	7	5,5	mặt bẹp lõm xuống và thủng một ít, chân mẻ, tang bẹp nhiều mảnh trống.	Khai quật làng Vạc, huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An năm 1973.	— nt —	
52						— nt —	— nt —	
53	— 2958	Nhiều mảnh trống minh khí			Nhiều mảnh	Đội Khảo cổ khai quật ở Thiệu Dương, Thanh Hóa đợt tháng 1-1960.	Viện Bảo tàng Lịch Sử Việt Nam	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN PHÁT HIỆN Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐẤT VIỆT NAM (không kể những trống chưa xác minh và thất lạc).

Số thứ tự	Tên tỉnh	Số lượng trống			Các địa điểm phát hiện	Ghi chú
		Số trống lớn	Số trống minh khí	Tổng số		
1	Thanh Hóa	15	41	56	Quảng Xương. Đông Sơn, Vĩnh Ninh, Mật Sơn, Thiết Cương. Hoằng Vinh. Nông Cống. Thôn Bùi. Đa Bút. Định Công, Thiệu Dương, núi Nấp, Núi Sỏi.	
2	Hà Tây	8	3	11	Hoàng Hạ. Miếu Môn. Phú Xuyên. Phú Duy, Phú Phương. Tùng Lâm. Phương Tú. Tây Đằng. Sơn Thạch. Đông Viên.	
3	Nghệ An	5	4	9	Đông Hiếu. Làng Vạc	
4	Nam Hà	6		6	Ngọc Lũ. Vũ Bị. Yên Tập. Duy Tiên. Núi Gôi	
5	Hà Nội	3	3	6	Hàng Bún. Giảo Tất	
6	Hòa Bình	4		4	Chợ Bờ. Sông Đà. Đồi Ro	
7	Hải Hưng	2	1	3	Hữu Chung. Cửu Cao, Trương Xá	
8	Lào Cai	2		2	Pha Long. Pắc tà	Chiếc trống lớn chỉ còn quai.
9	Hà Bắc	1	1	2	Lãng Ngâm	Ngoài ra ở Viện Bảo tàng Lịch sử hiện còn trữ 16 trống minh khí không rõ xuất xứ. Theo chúng tôi, những trống này có kiểu dáng, kích thước và cách chế tác tương tự những trống minh khí ở Đông Sơn trước đây. Có lẽ do việc đào bới lộn xộn của Pa-giô trước đây nên đã xảy ra tình hình này. Có thể cho rằng những trống này cũng tìm được ở Đông Sơn (Chú thích của các tác giả).
10	Hải Phòng	1		1	Việt Khê	
11	Ninh Bình	1		1	Thôn Mống	
12	Yên Bái	1		1	Đào Thịnh	
13	Sơn La	1		1	Bản Thôm	
14	Công Tum	1		1	Đắc glao	
15	Thủ Dầu Một	1		1	Bình Phủ	
	Tổng số...	52	53	105		

NHỮNG TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN THẤT LẠC HOẶC CHƯA XÁC MINH ĐƯỢC

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Đặc điểm chính	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
1	Mật Sơn II	40cm		Chỉ còn mặt trống	Công nhân nhà máy cưa Mật Sơn Thanh Hóa đào được hồi tháng 8-1958.	Không rõ	
2	Ngọc Hà			Chỉ còn lại mặt trống, trên có hình 4 chim bay	Nhân dân làng Ngọc Hà Hà Nội tìm được ở ao Tròn, sâu 2 mét trong lòng đất Ngọc Hà năm 1924.	—nt—	Xem BEFEO tập XXXII năm 1932. Trống này không phải trống Hàng Bún vì trang trí khác nhau xem «Khảo cổ học», tập I năm 1974).
3	Sơn Tây	59cm	39,5 cm	Trống có trang trí hình người, thuyền, chim...., giữa mặt trống có hình sao 14 cánh.	Sưu tầm ở Sơn Tây ngày 3-12-1923. Trống được mang về trữ tại Nhà Bác cổ Viễn đông Hà Nội ký hiệu I 12.984 và D .162 — 167, sau đó chuyển đi Sài Gòn.	Bảo tàng Sài Gòn(?)	
4	Núi Gôi II				Tìm được ở chân núi Gôi — Nam Định cuối thế kỷ XIX, và bị viên công sứ Nam-định lấy đi mất.	không rõ	
5	Chùa Đậu					—nt—	Theo sách « Monuments historiques de la province de Hà Đông
6	Nghĩa Lộ	hơn 1 mét (?)		Có trang trí người, thuyền, chim(?)	Theo tin của Nguyễn Ngọc Tuấn, nguyên là cán bộ Sở Văn hóa Tây-bắc.	Đã bị phá hủy	

Thứ tự	Tên trống	Kích thước		Đặc điểm chính	Lai lịch sơ lược	Nơi tàng trữ	Ghi chú
		Đường kính mặt trống	Chiều cao				
8	Bát Xát				Công nhân đội thi công cơ giới phát hiện ở trại nhân giống Bát Xát tỉnh Lào Cai, trống đã bị xe ủi đất nghiến vỡ, chỉ còn lại vài mảnh nhỏ.	Đã bị phá hủy	Xem Nguyễn Văn Huyên: «vết tích Văn hóa Đông Sơn mới phát hiện ở Lào-cai» Quản lý văn vật tập I-1974
9	Thần Lữ				Ông Phan văn Giang ở xã Duy Minh, huyện Duy Tiên Nam Hà mua ở thôn Thần Lữ gần Đồng Văn (Duy Tiên) và đã dập nát. Bảo tàng Lịch sử giữ được một mảnh mặt trống nhỏ có hình chim bay.	—nt—	
10	Cốc Lếu				Năm 1948 quân đội thực dân Pháp làm sân bay thị xã Lào Cai tìm được một trống đồng và nhiều đồ đồng khác.	Không rõ	
11	Đông Sơn V	35,5 cm	27cm	Mặt trống có hình sao 8 cánh và hình 4 chim bay.	Y-an-xơ đào ở Đông Sơn, Thanh Hóa, năm 1935.	—nt—	
12	Đông Sơn VI	44cm	31,5 cm	Mặt trống có hình sao 10 cánh và hình 4 chim bay	—nt—	—nt—	
13	Thanh Hóa	30,2 cm			Y-an-xơ công bố trong cuốn «Sưu tầm khảo cổ ở Đông-dương» (chữ Anh) tập III—1959 và tạp chí «Khảo cổ học» tập I — 1974 Tr 58-59.	—nt—	Theo L. Bezacier trong sách «Asie du Sud Est» (Le Viet nam) tập II xuất bản ở Pa-ri năm 1972, thì thứ tự của 3 trống này là số 46, 47, và 49 trong bảng thống kê của tác giả.

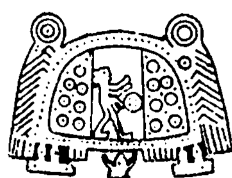
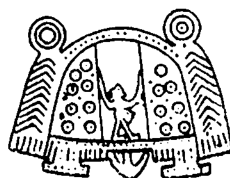
I — TRỐNG NGỌC LŨ I

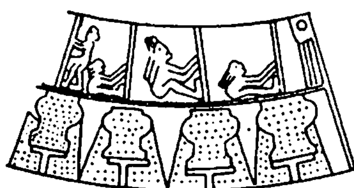
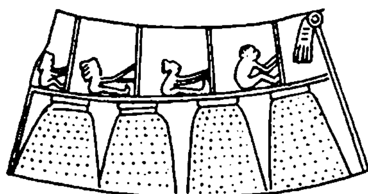
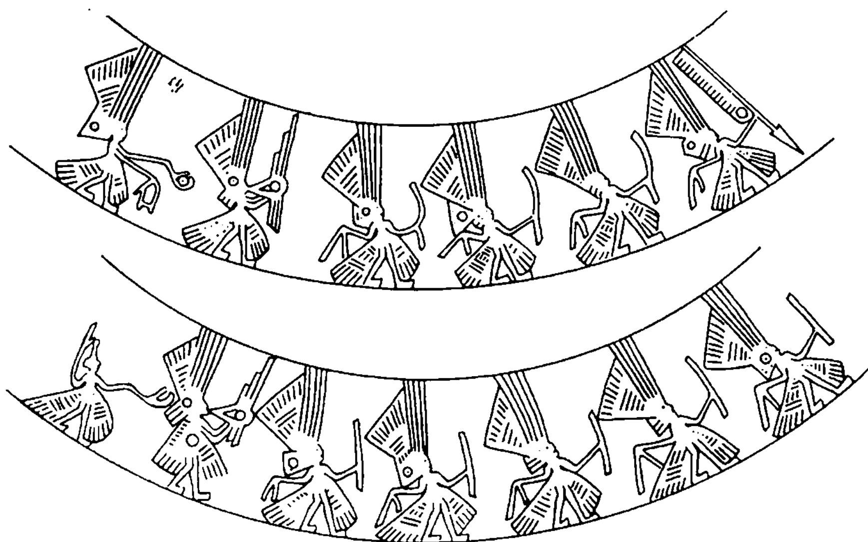


Hình dáng trống. Tỉ lệ: 1/6

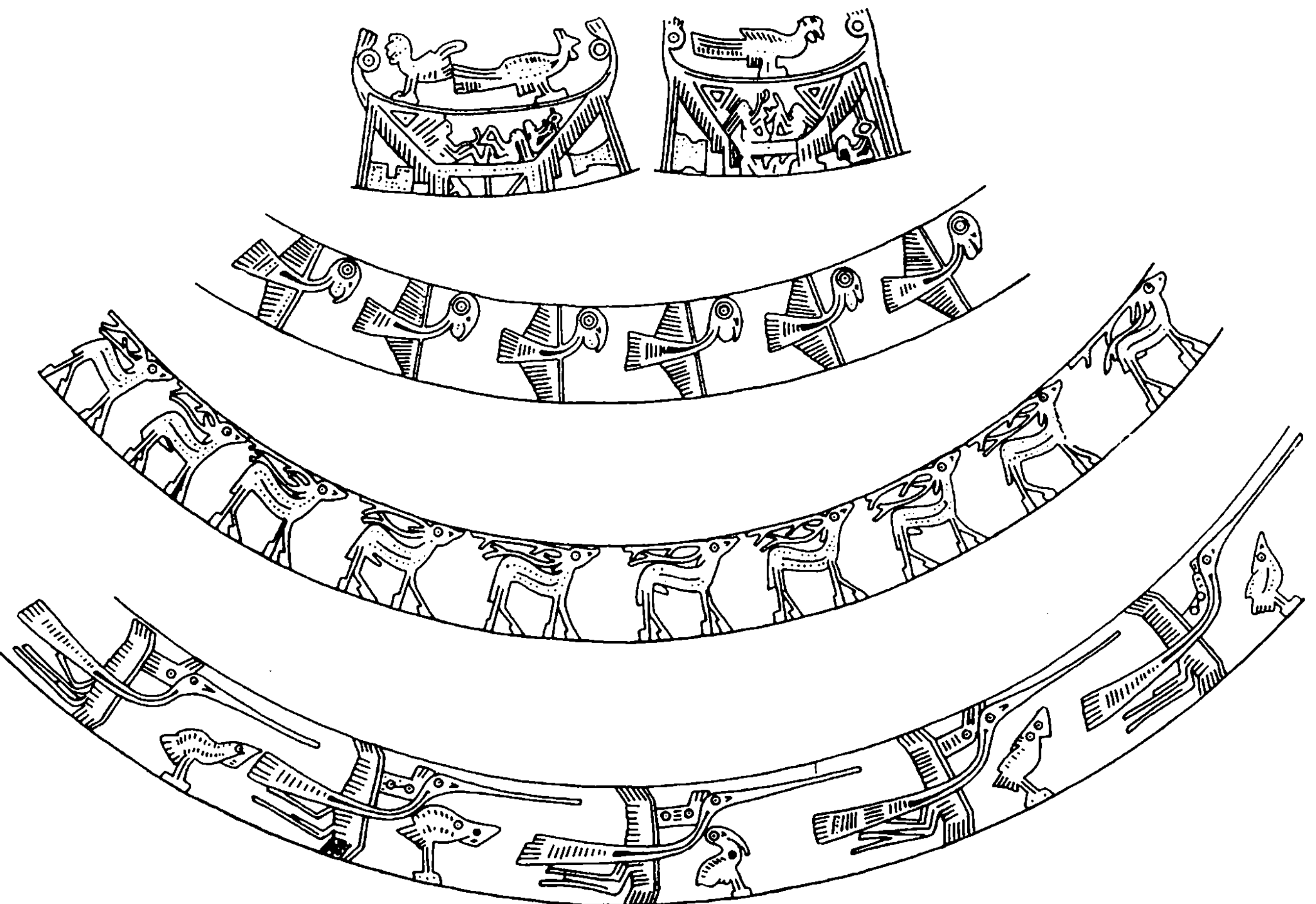


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/5

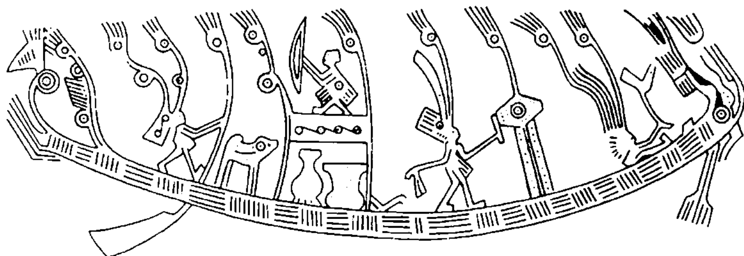



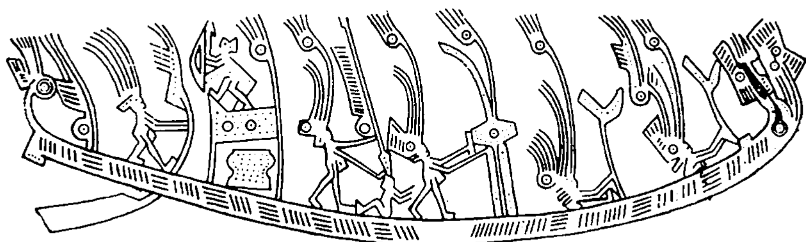





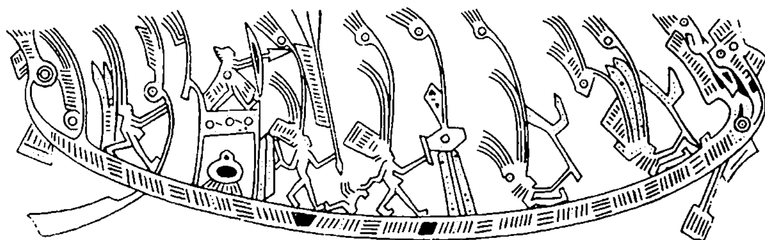
1. Hình nhà cầu mùa. Tỉ lệ: 1/2
2. Cảnh giã gạo. Tỉ lệ: 1/2
3. Cảnh đánh trống. Tỉ lệ: 1/2
4 — 5. Nhóm người múa. Tỉ lệ: 1/2



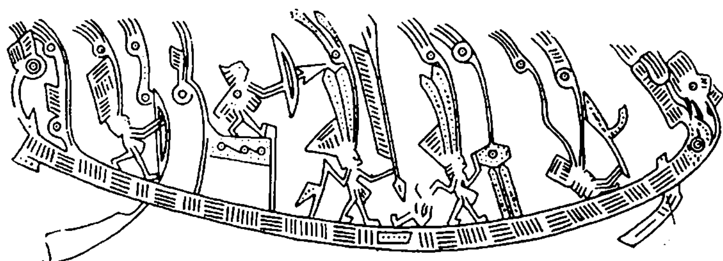
1 — Hình nhà sàn. Tỉ lệ 1/2. 2. và 4. Hình chim. Tỷ lệ 1/2. 3. Hình hươu. Tỉ lệ 1/2

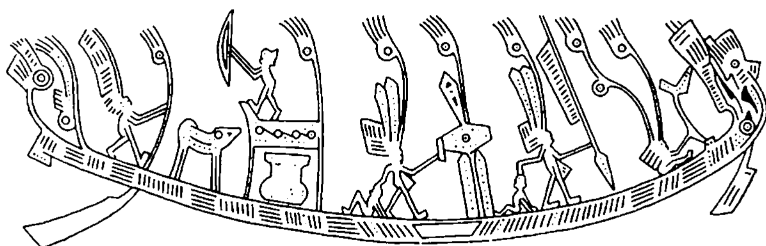






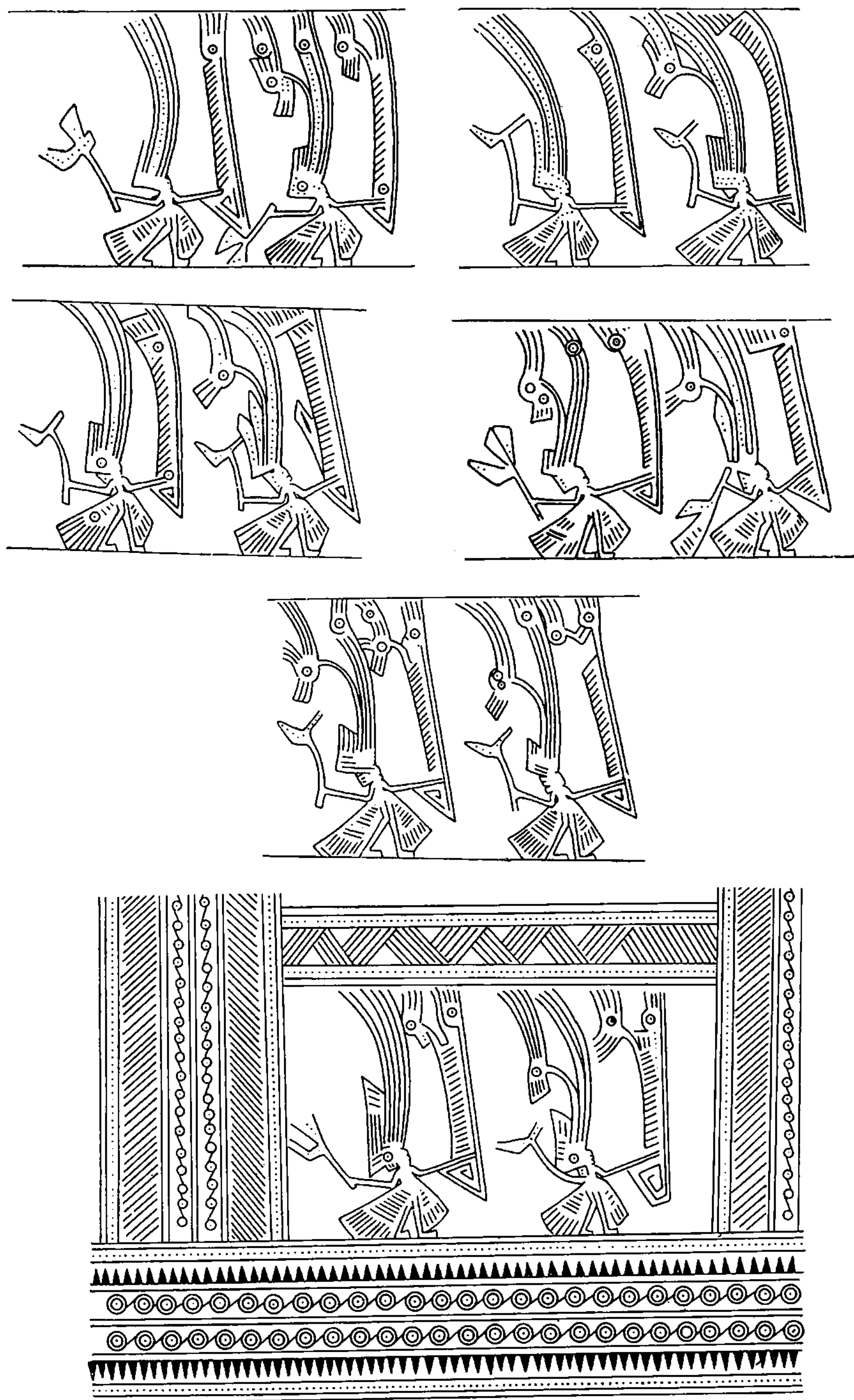
1 — 3. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/3







4 — 6 Hình thuyền. Tỉ lệ 1/3

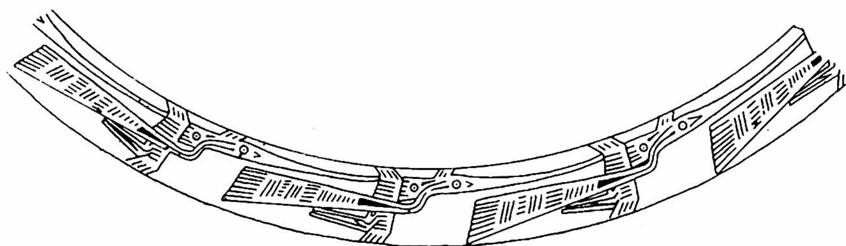


1 — 6. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/3

II — TRỐNG HOÀNG HẠ

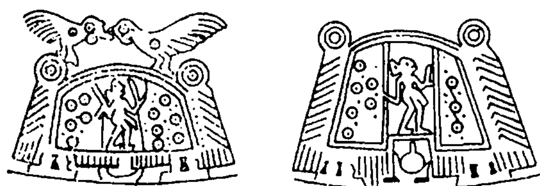


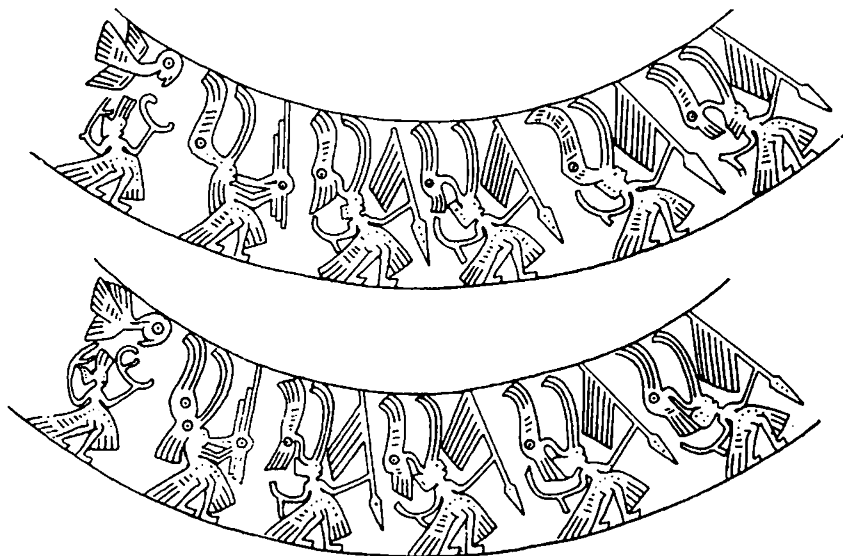
Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/8



1. Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/7
2. Hình chim. Tỉ lệ 1/3





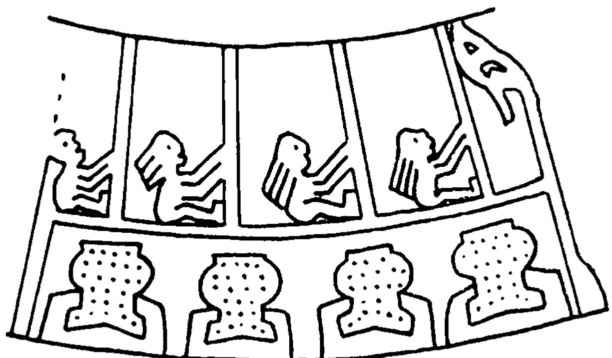


2. Cảnh giã gạo. Tỉ lệ 1/2
2. Hình nhà cầu múa. Tỉ lệ 1/2
3—4. Nhóm người múa. Tỉ lệ 1/2



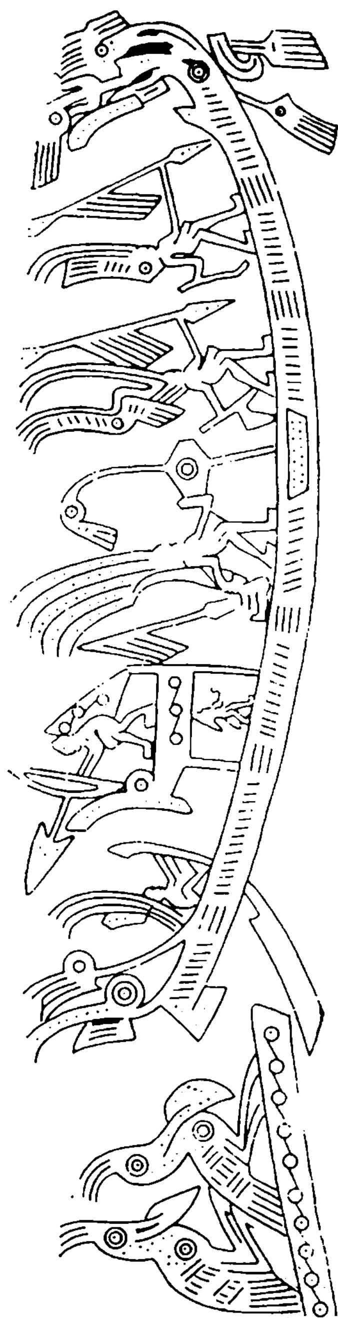


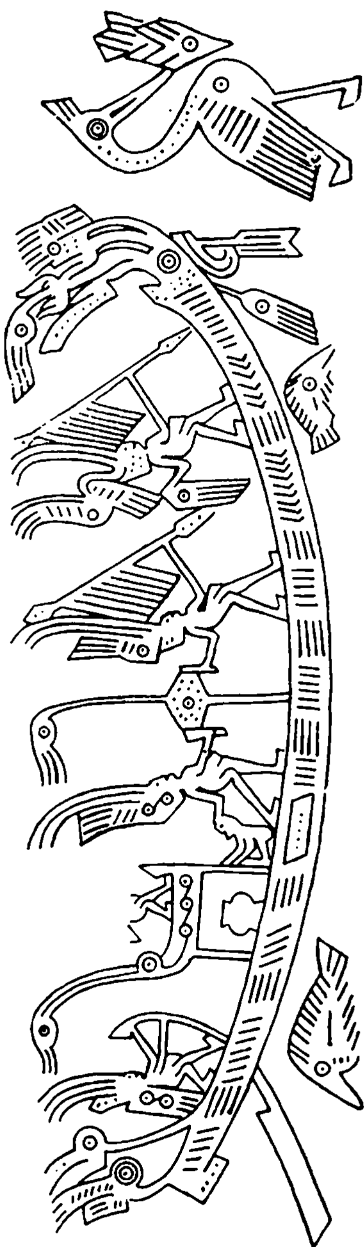
1 — 2. Hình nhà sàn
Tỉ lệ 1/1



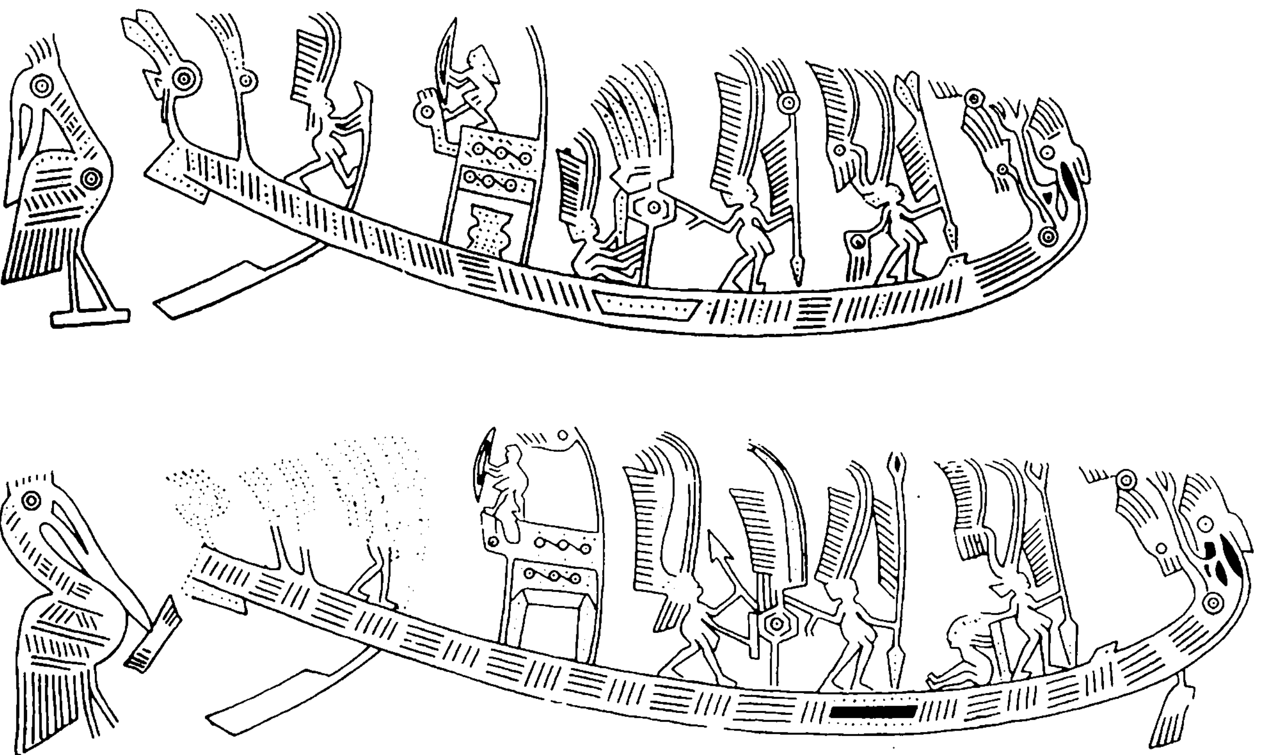


3 — 4. Cảnh đánh trống. Tỉ lệ 1/1

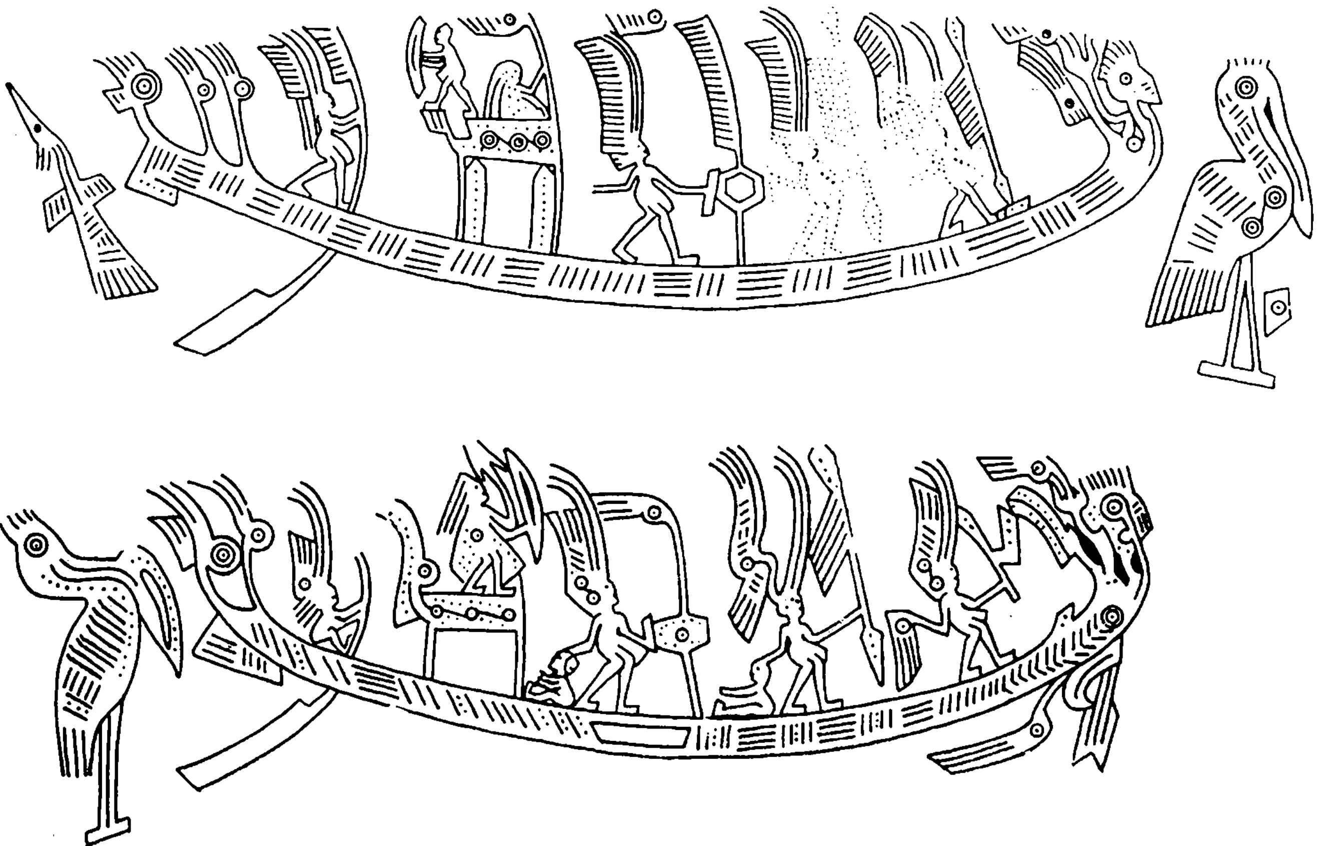




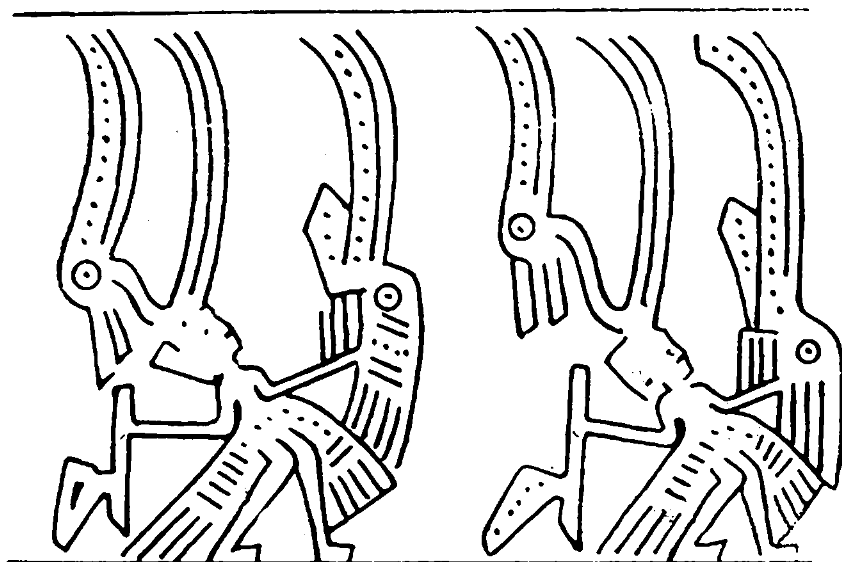
1 — 2 Hình thuyền Tỉ lệ 1/2



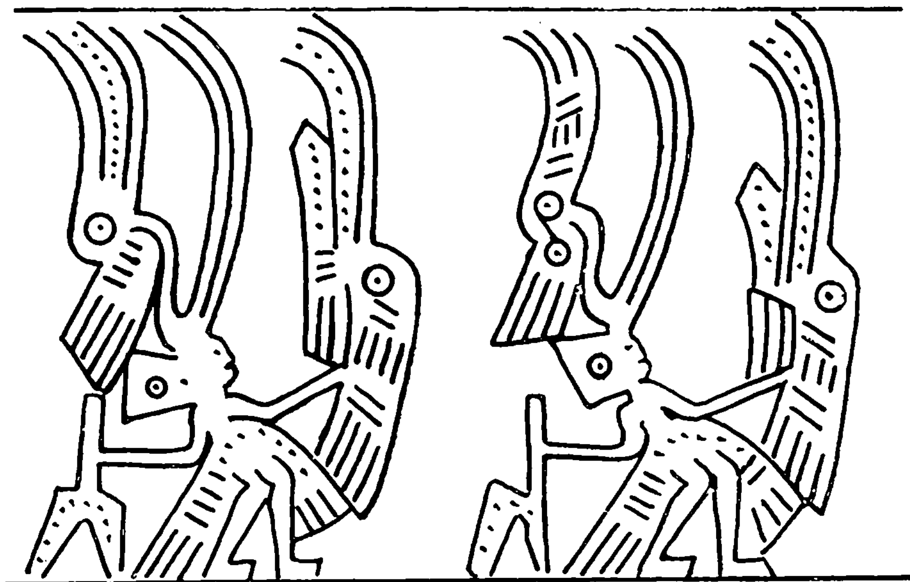
3 — 4. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2

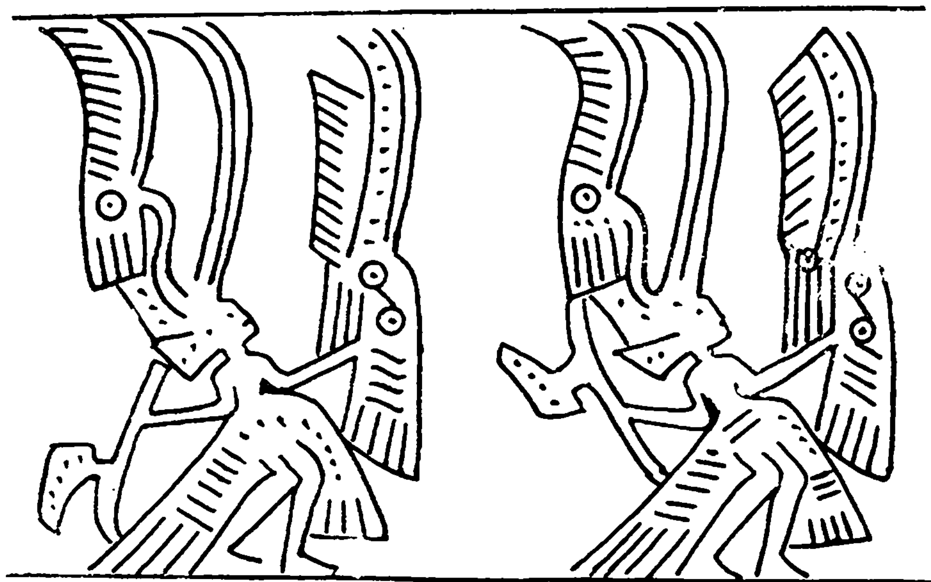


5 — 6. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2



1. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/2
2. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/1





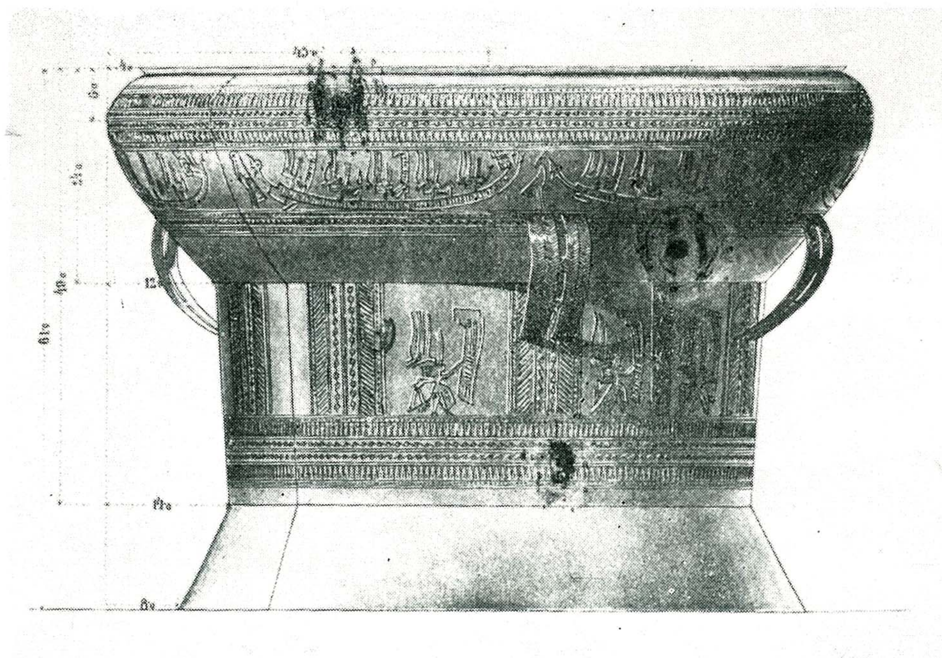
3 — 4. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/1





5 — 6. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/1

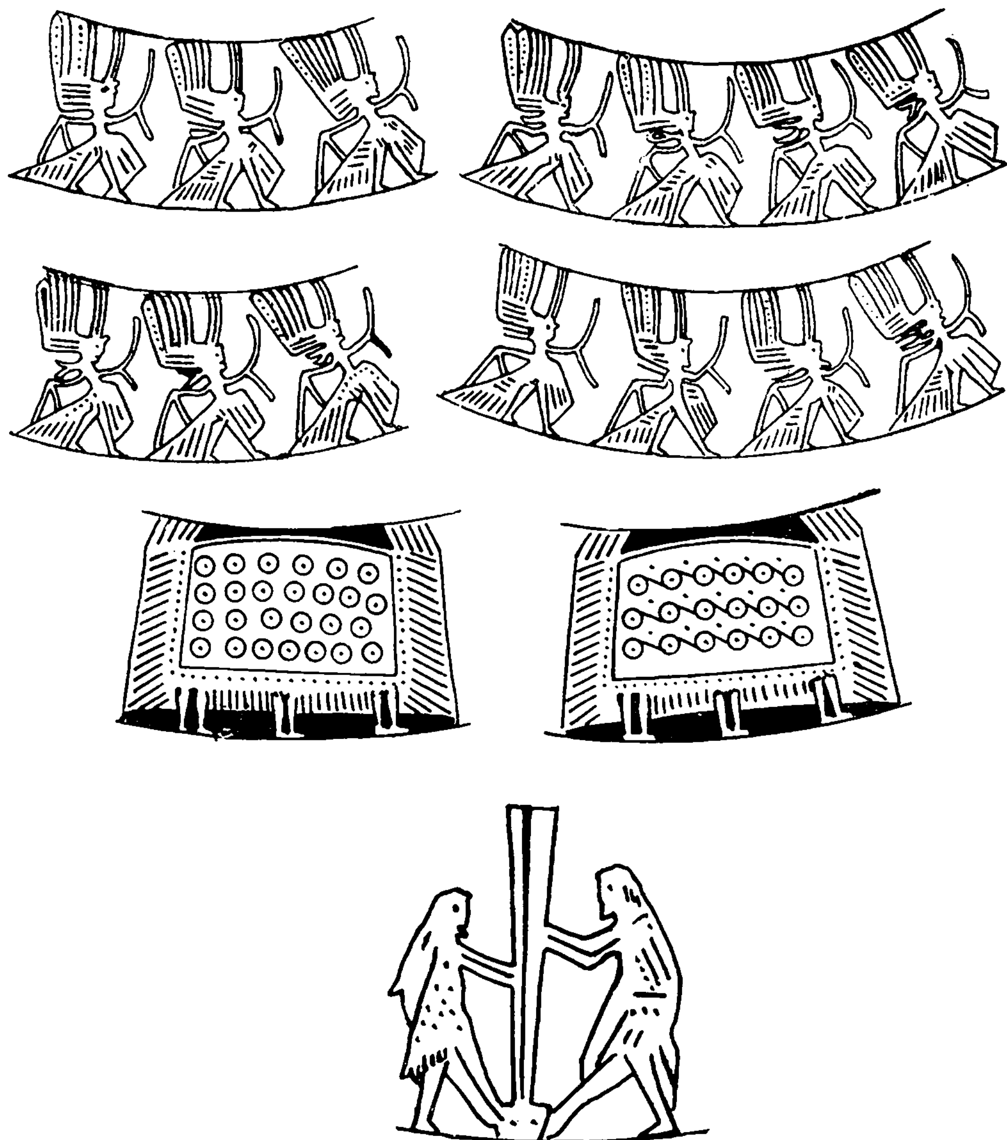
III – TRỐNG SÔNG ĐÀ



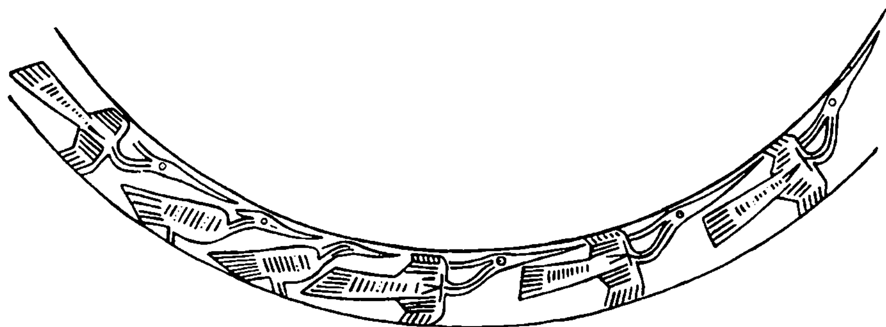
Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/8

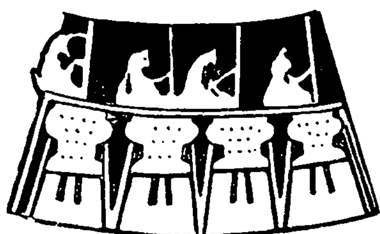


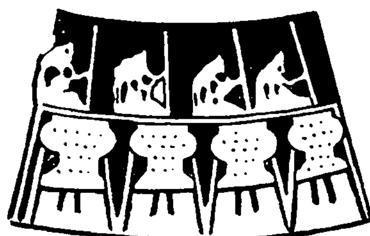
Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/8



1 — 4. Nhóm người múa. Tỉ lệ 1/2
5 — 6. Hình nhà cầu mùa Tỉ lệ 2/3
7. Cảnh giã gạo. Tỉ lệ 1/1



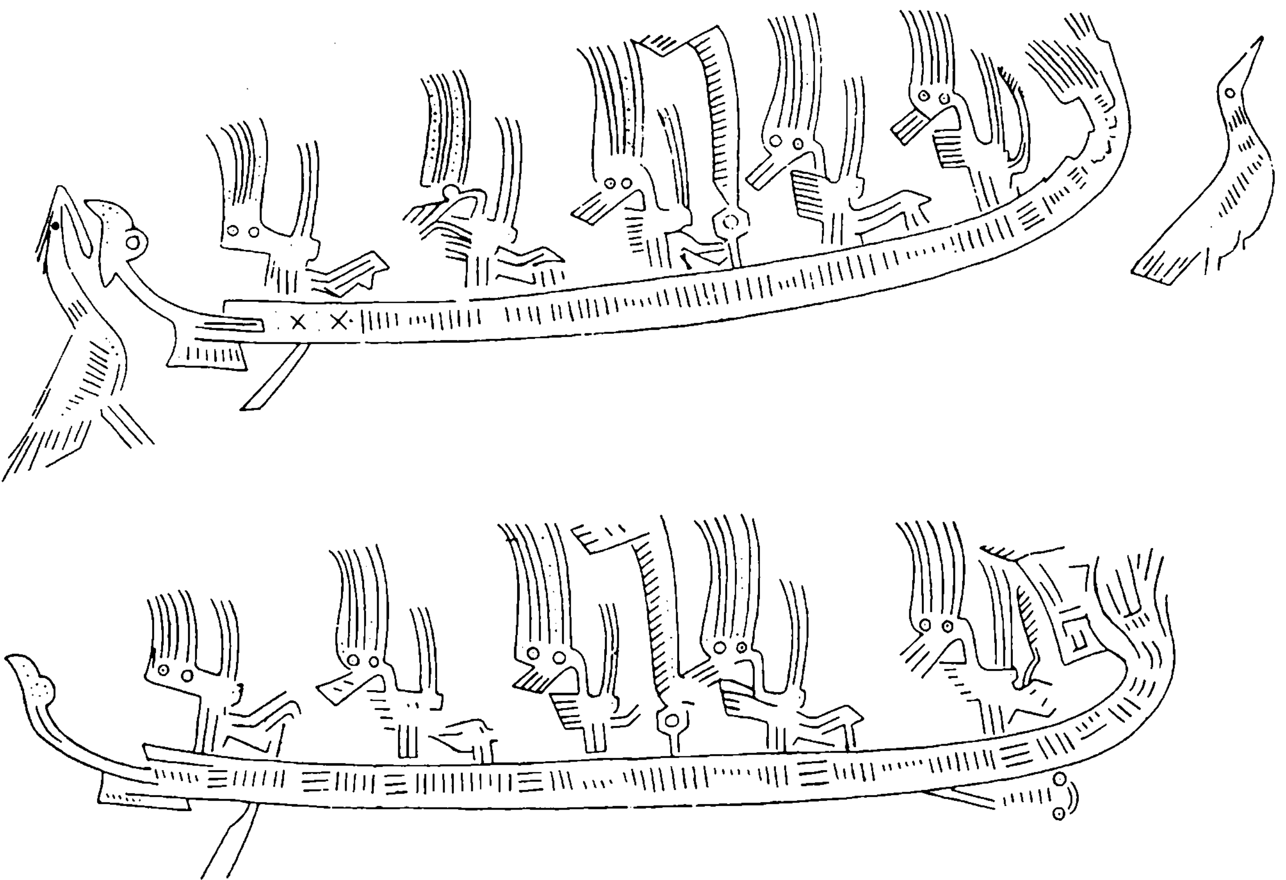




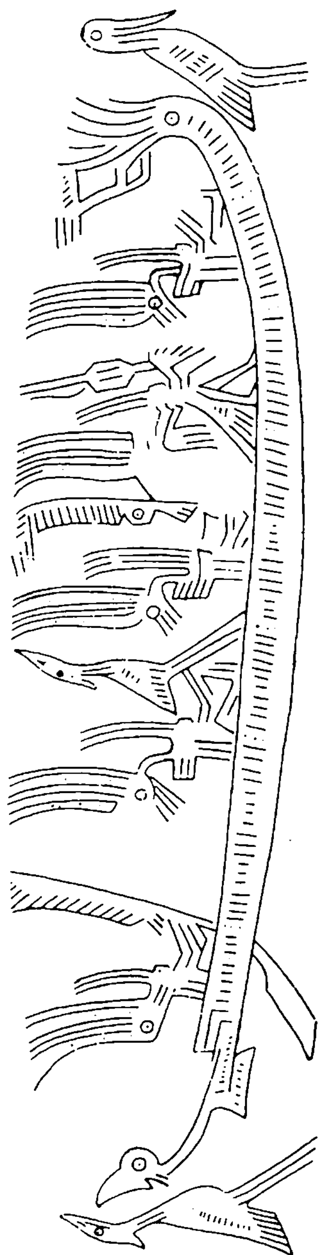


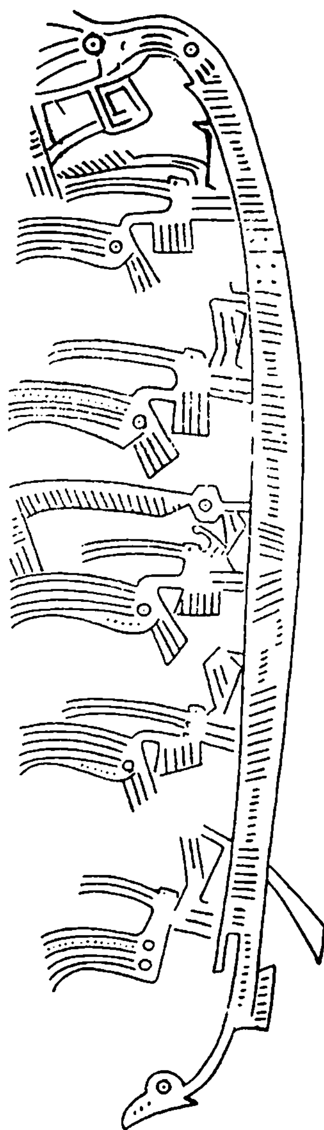


1. Hình chim. Tỉ lệ 1 3
2 — 3. Cảnh đánh trống. Tỉ lệ 2 3
4 — 5. Hình nhà sàn Tỉ lệ 1 1

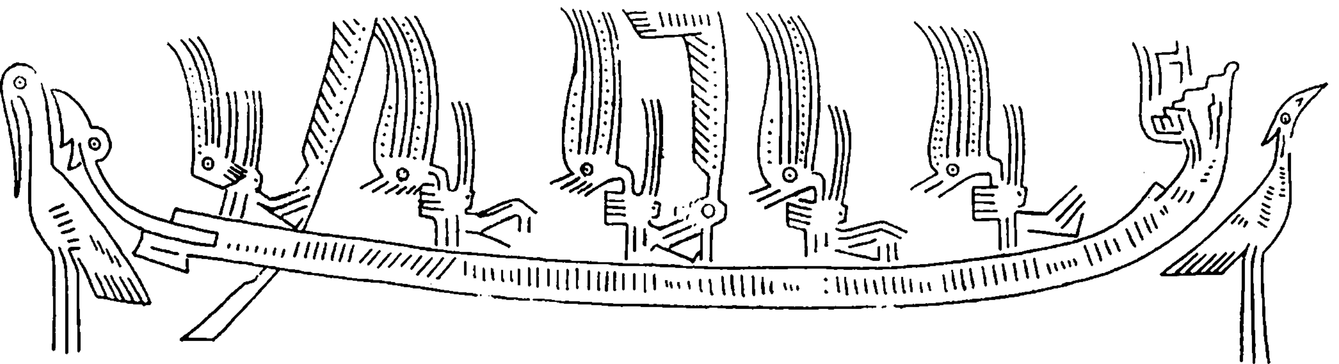


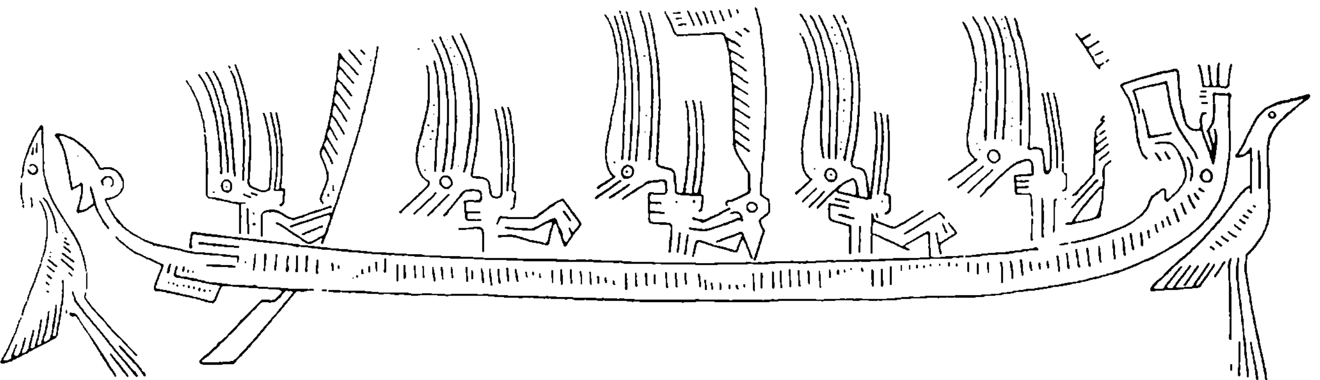
1 — 2. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2





3— 4. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2



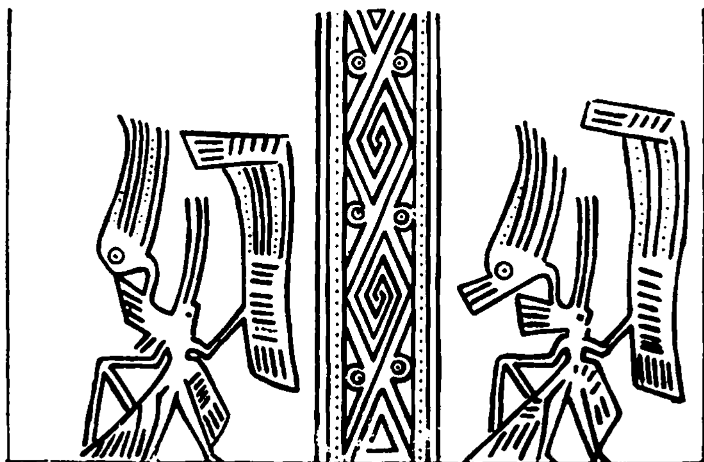


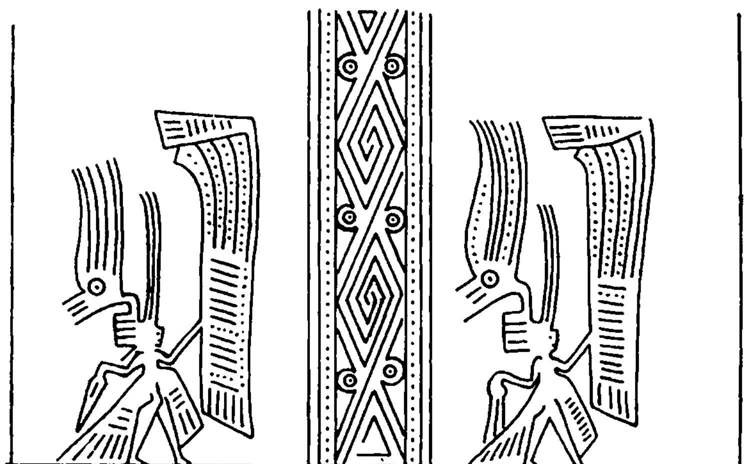
5 – 6. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2





1 — 4. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/2



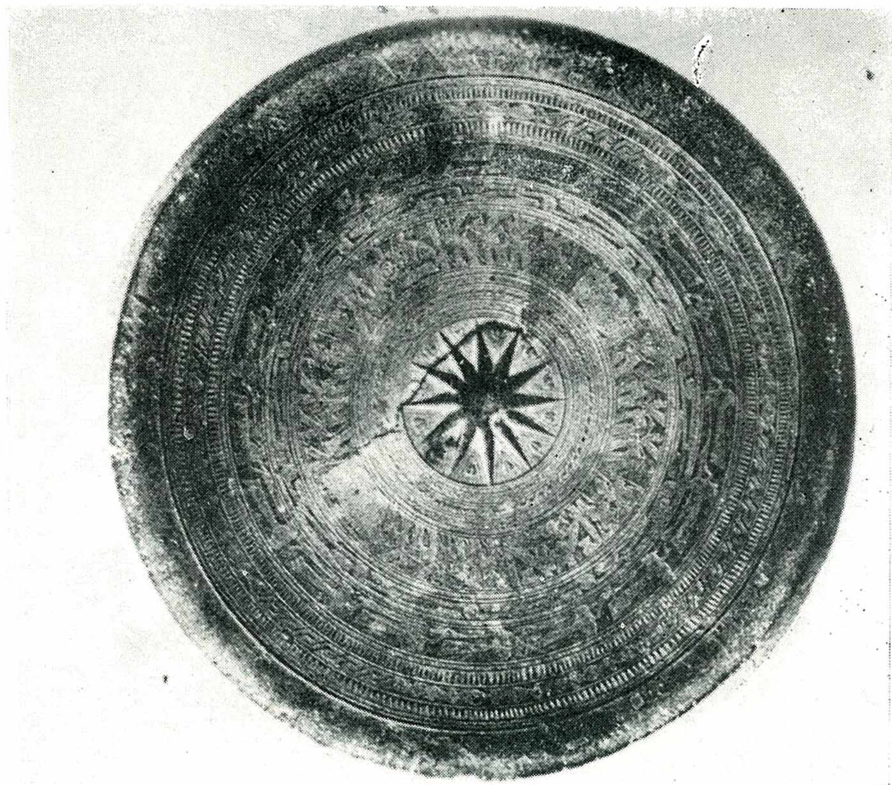


1 — 4. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/2

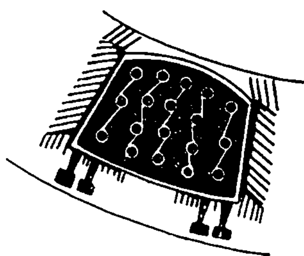
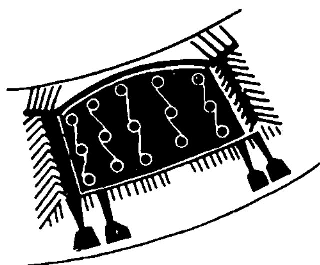
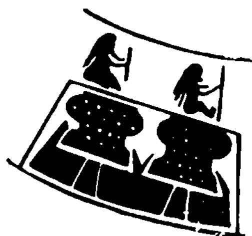
IV — TRỐNG KHAI HÓA



Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/6



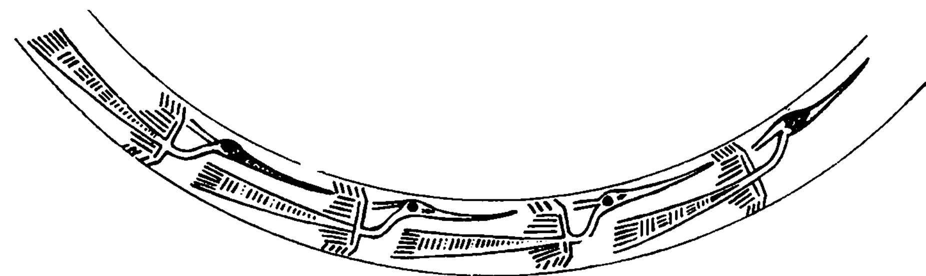
Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/6

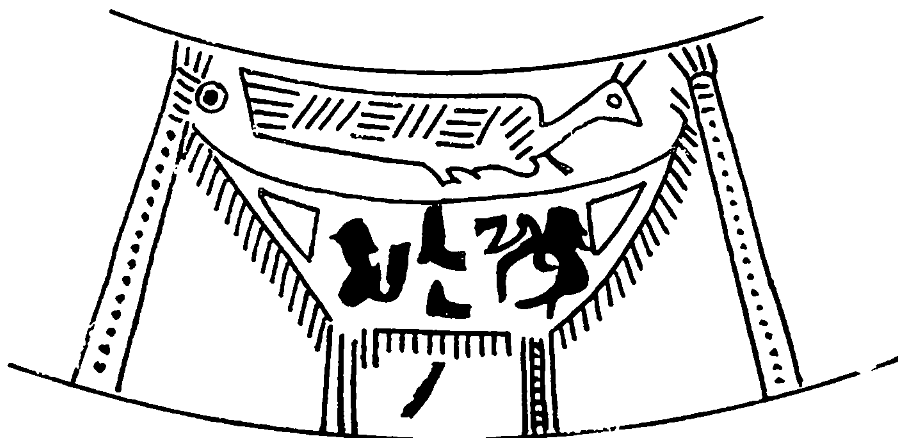









1 — 2. Hình nhà cầu mùa. Tỉ lệ 1 2
3 — 4. Cảnh đánh trống. Tỉ lệ 1/2
5 — 8. Nhóm người múa. Tỉ lệ 1 2

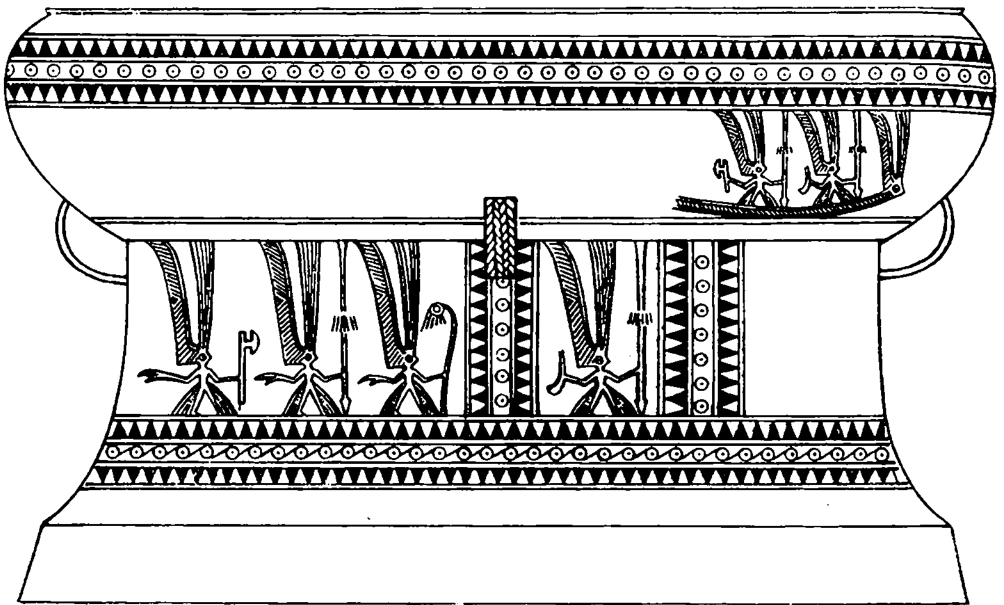




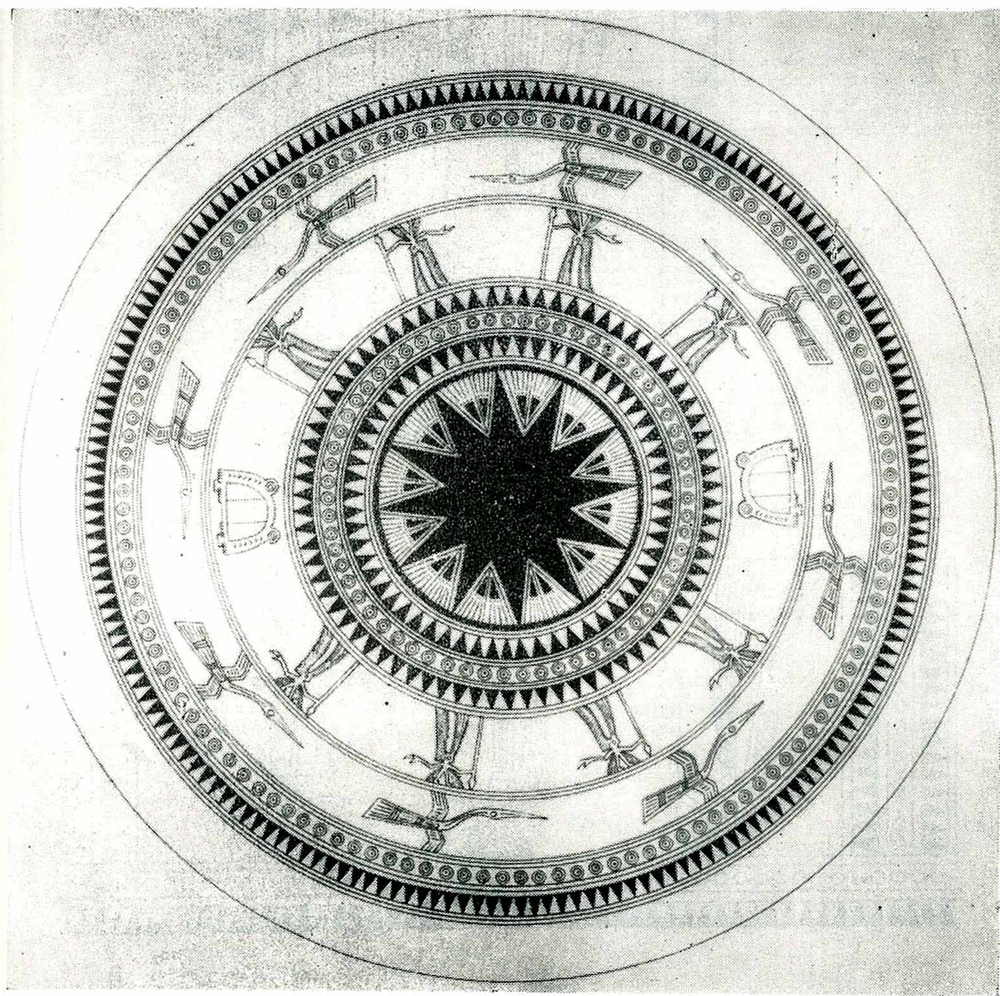


1. Hình chim. Tỉ lệ 1/3
2 — 3. Hình nhà sàn. Tỉ lệ 1/1

V — TRỐNG BẢN THÒM

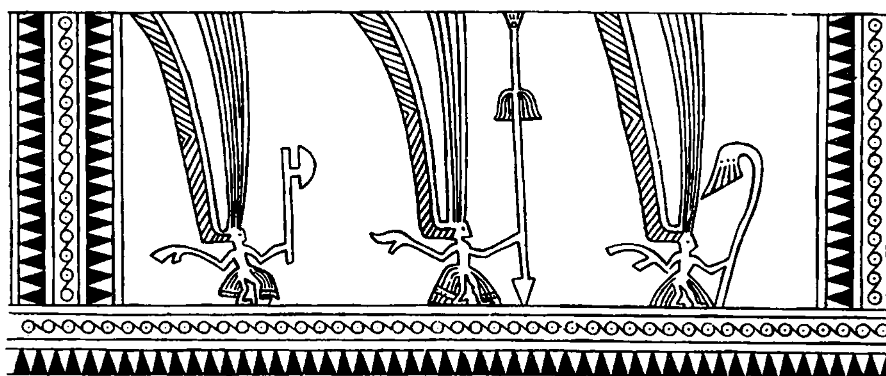


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4



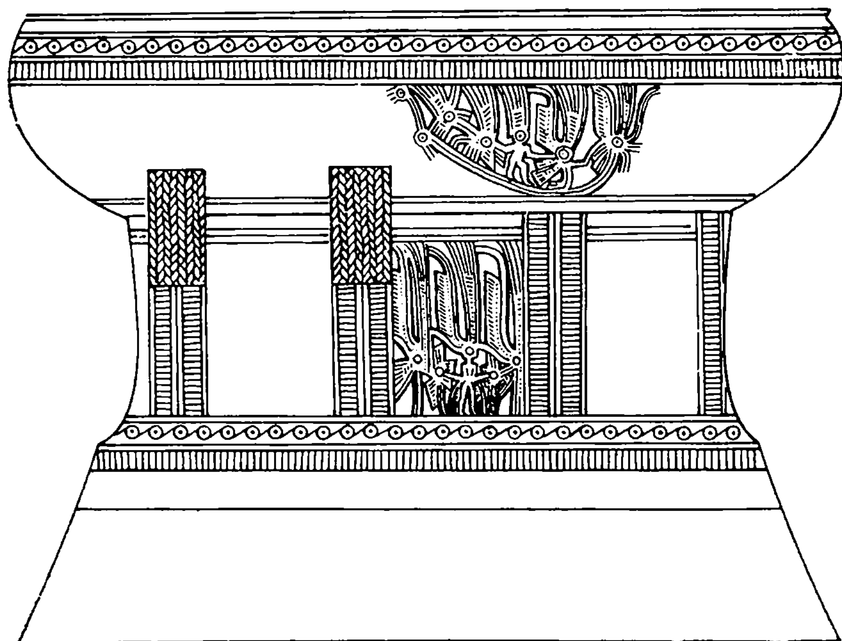
Hình mặt trống. Tỷ lệ 1/1





1. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/2
2. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/3

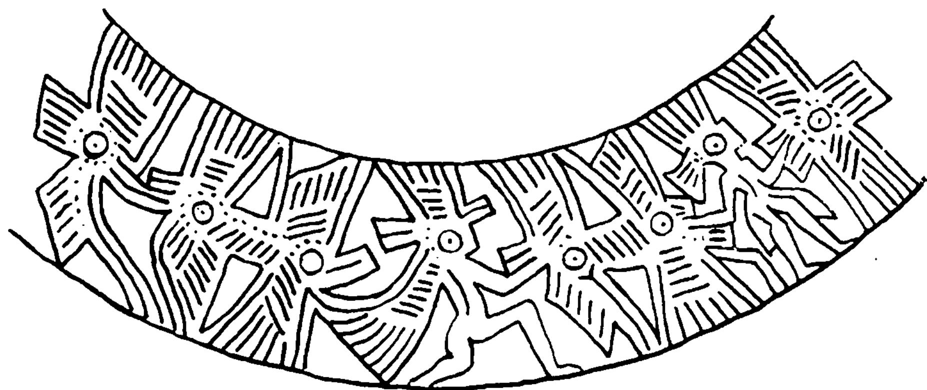
VI – TRỐNG QUẢNG XƯƠNG

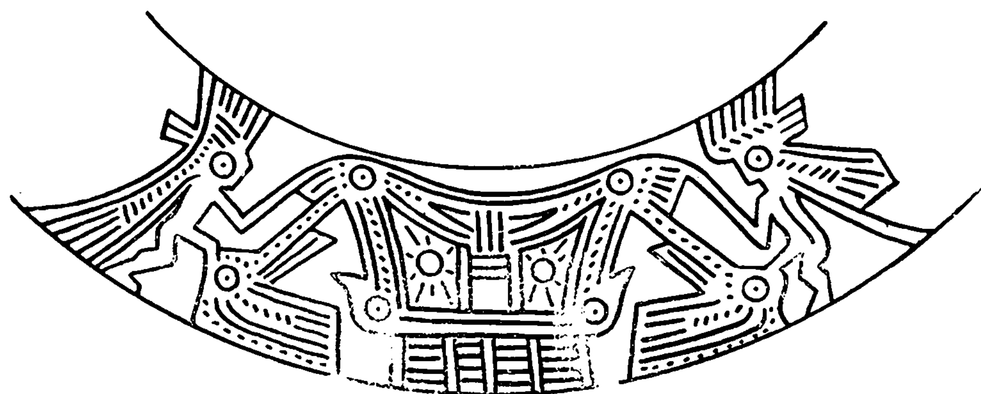


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/3

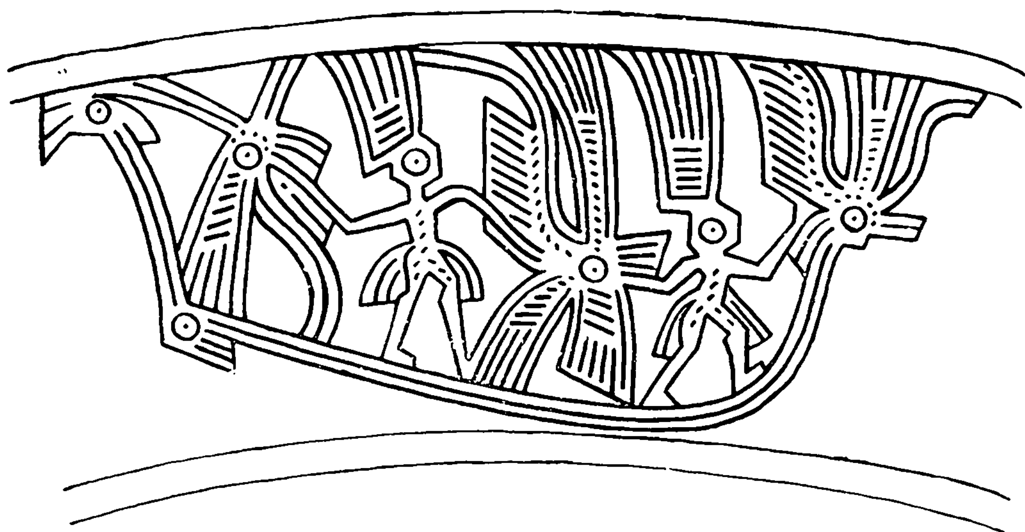


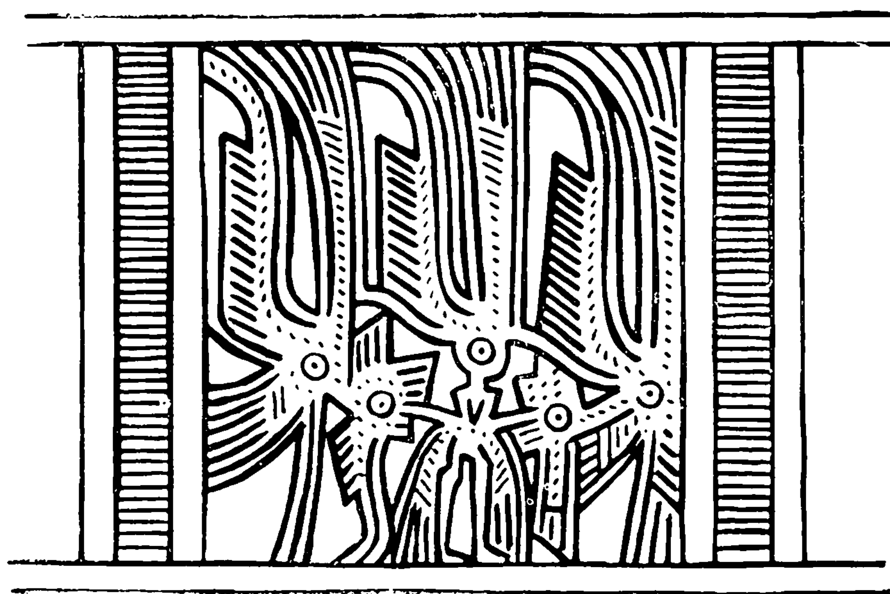
Hình mặt trống Tỉ lệ 1/3





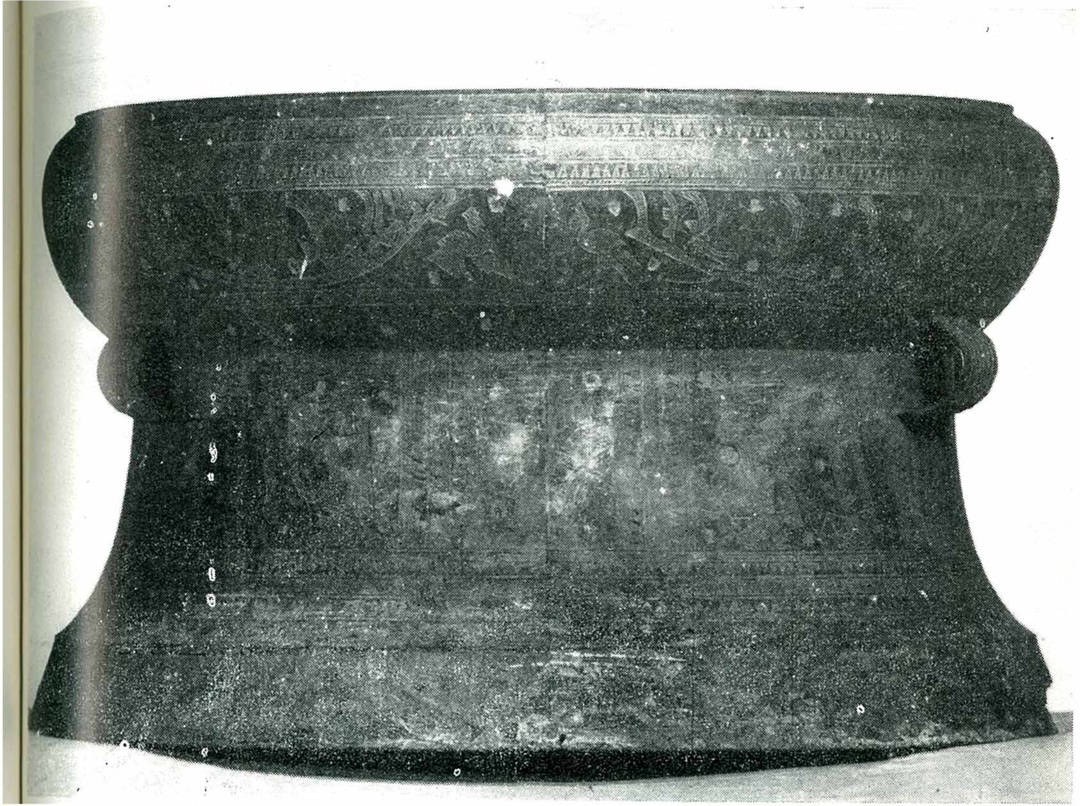
1. Nhóm người múa. Tỉ lệ 1/1
2. Hình nhà sàn. Tỉ lệ 1/1



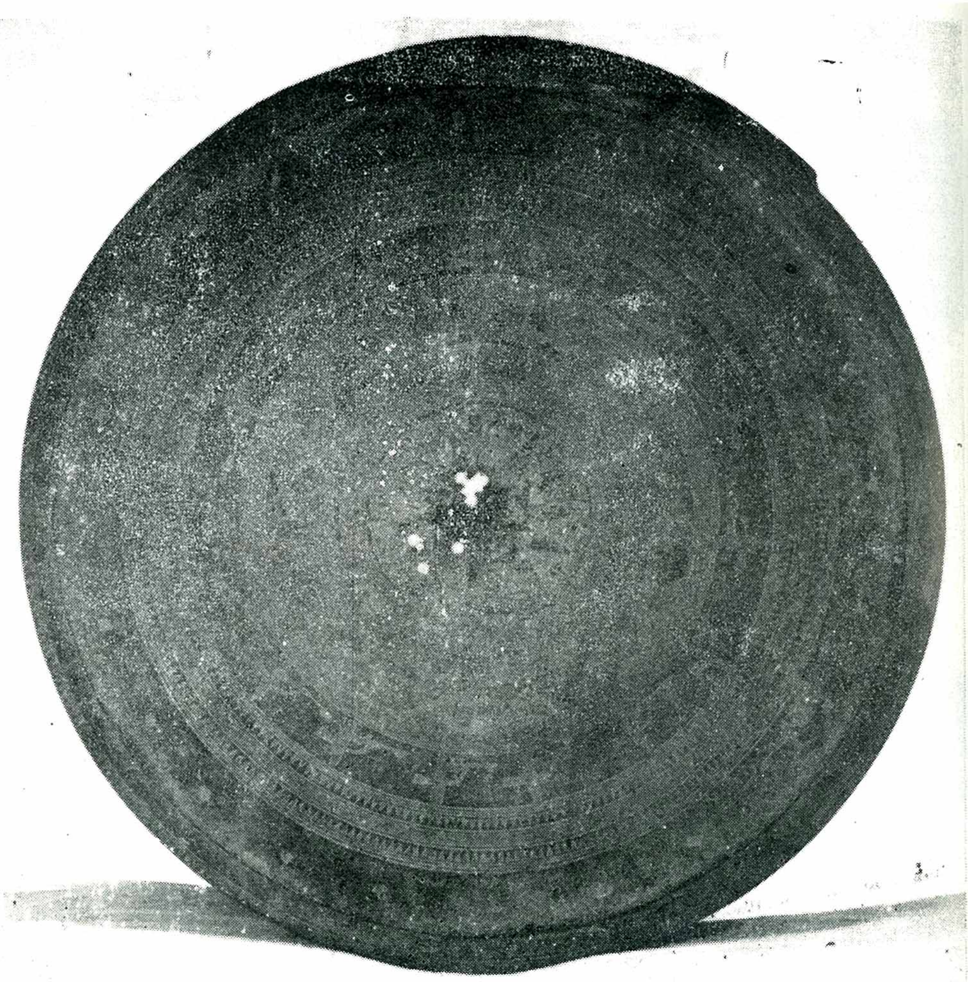


1. Hình thuyền. Tỉ lệ 1:1
2. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1:1

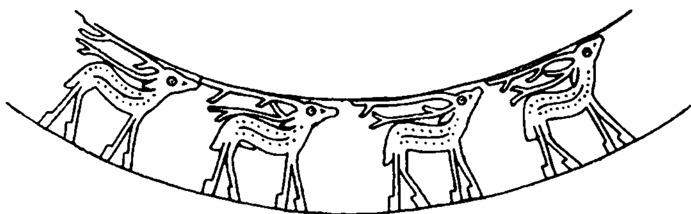
VII — TRỐNG MIẾU MÔN

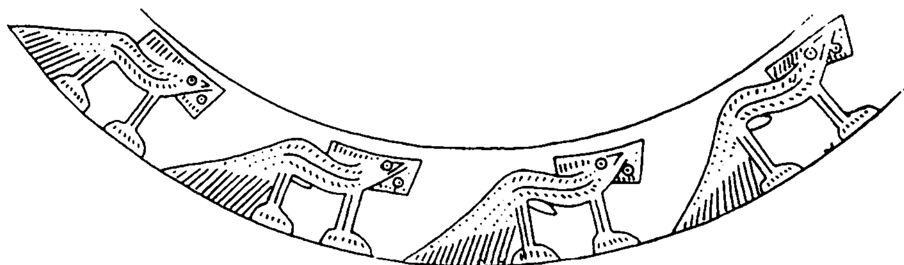


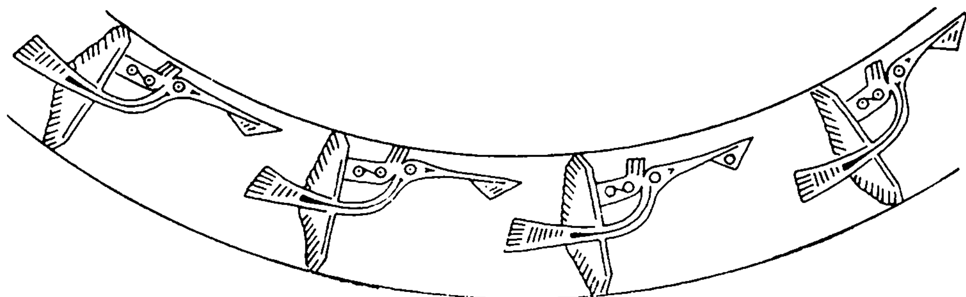
Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/5

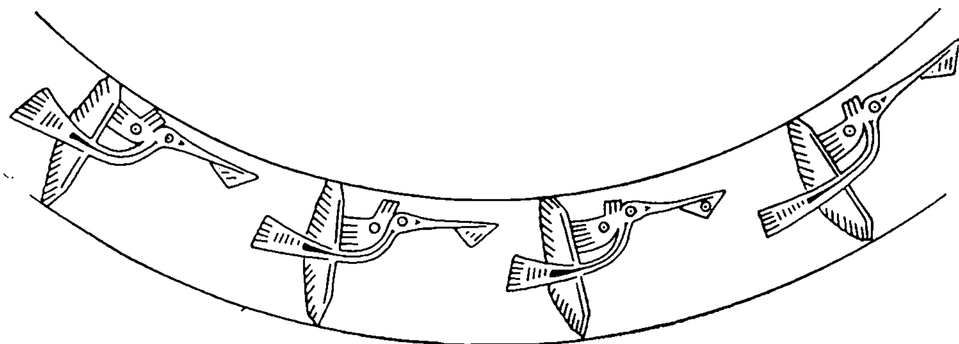


Hình mặt trống Tỉ lệ 1/5

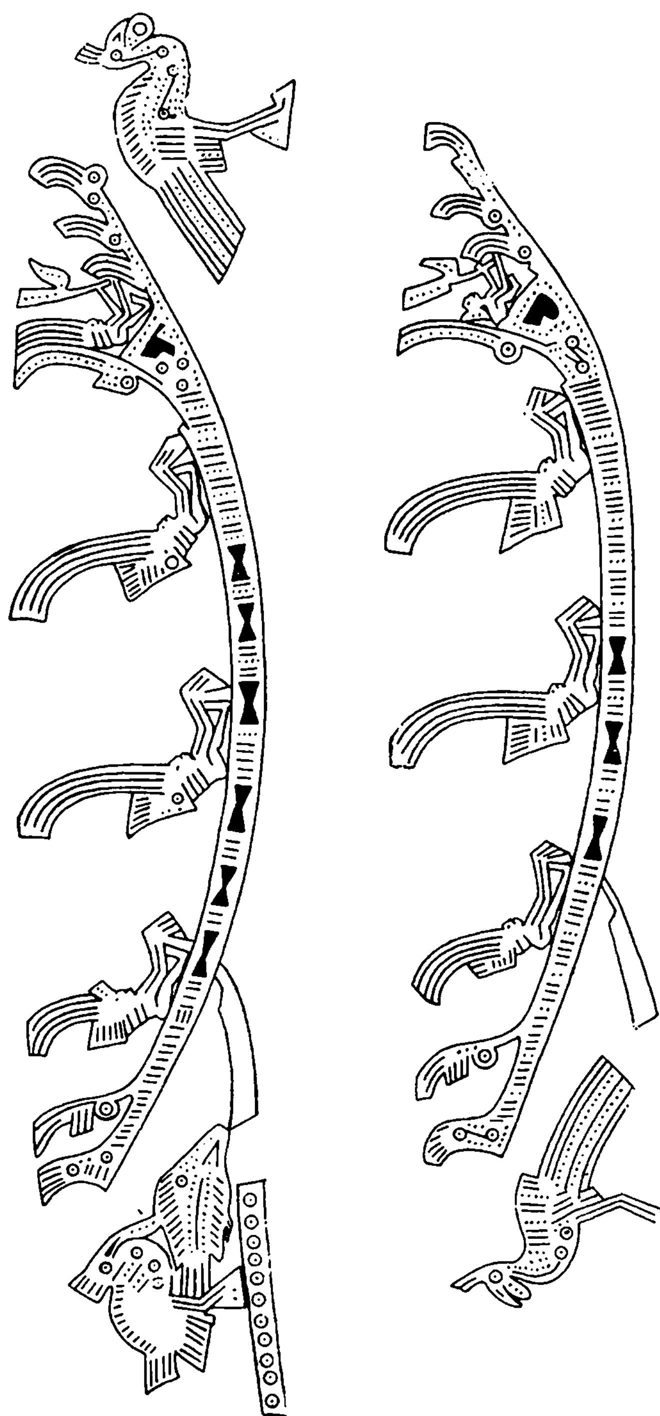




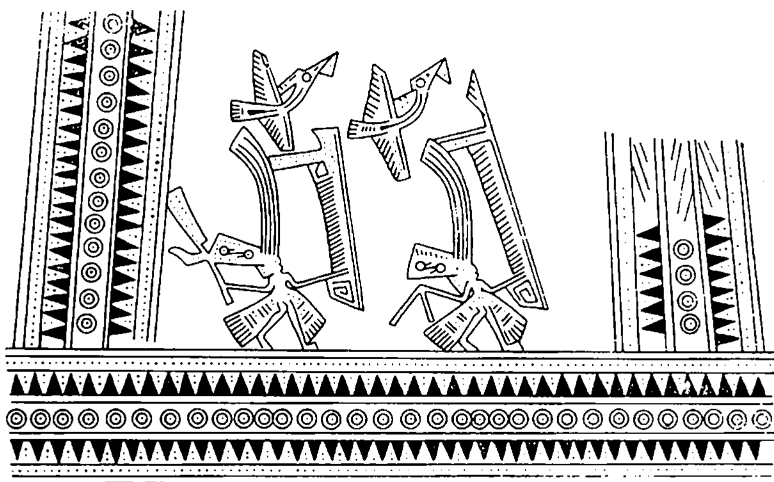


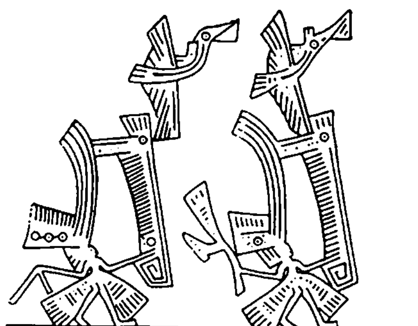


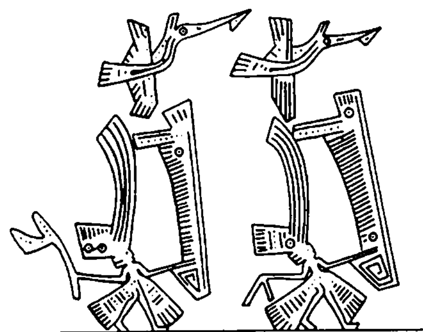
1. Hình nươu. Tỉ lệ 1/2
2. Hình thú kỳ dị. Tỉ lệ 1/3
3 — 4 Hình chim. Tỉ lệ 1/2

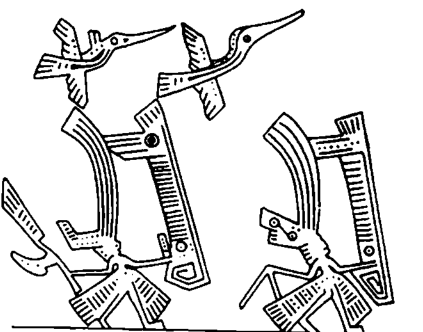


1—2. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2

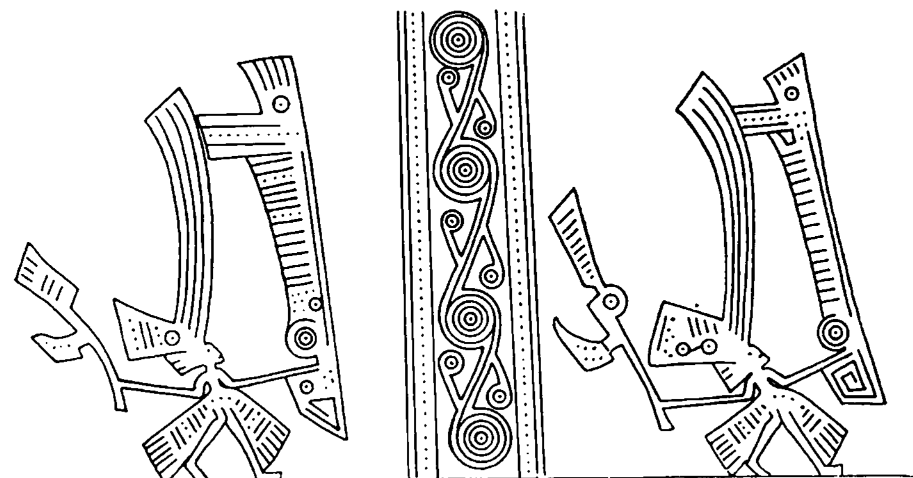


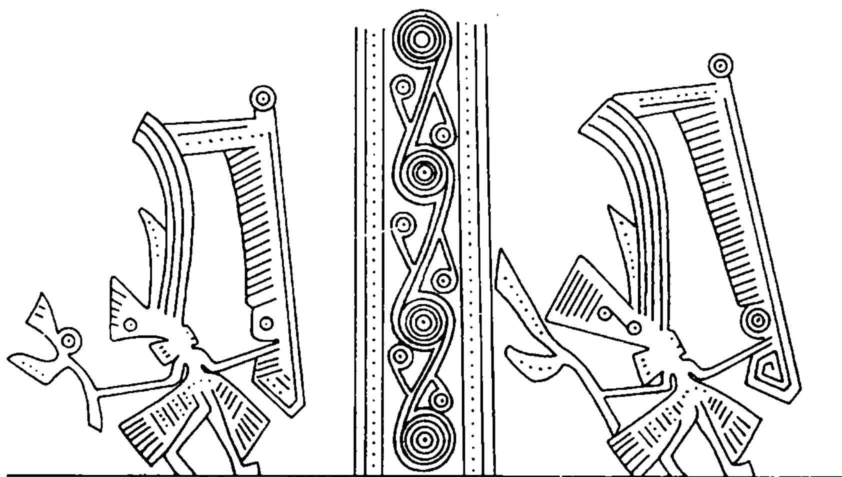






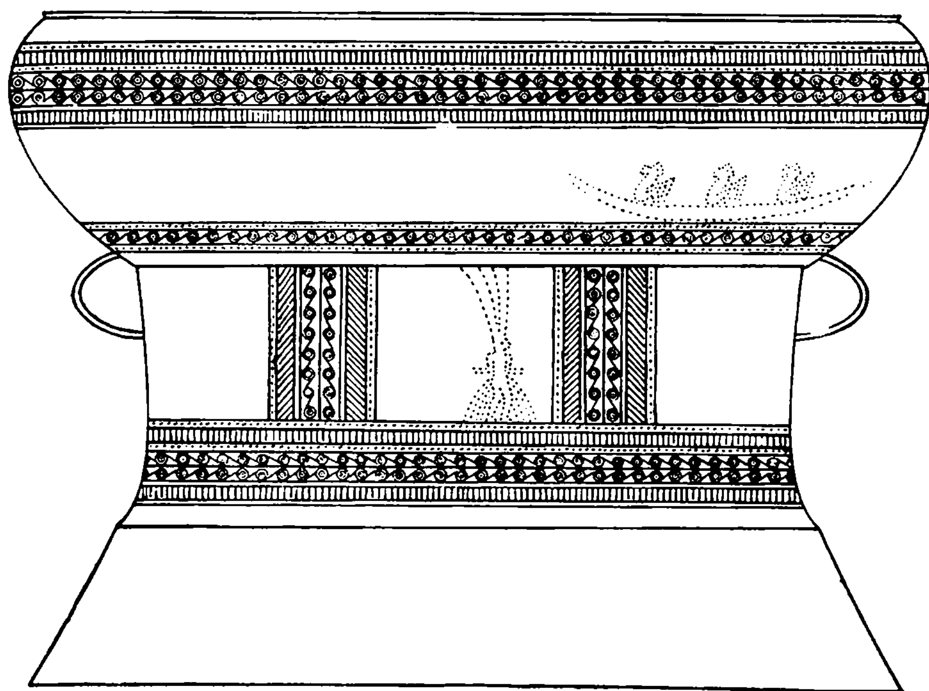
1 — 4. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/3



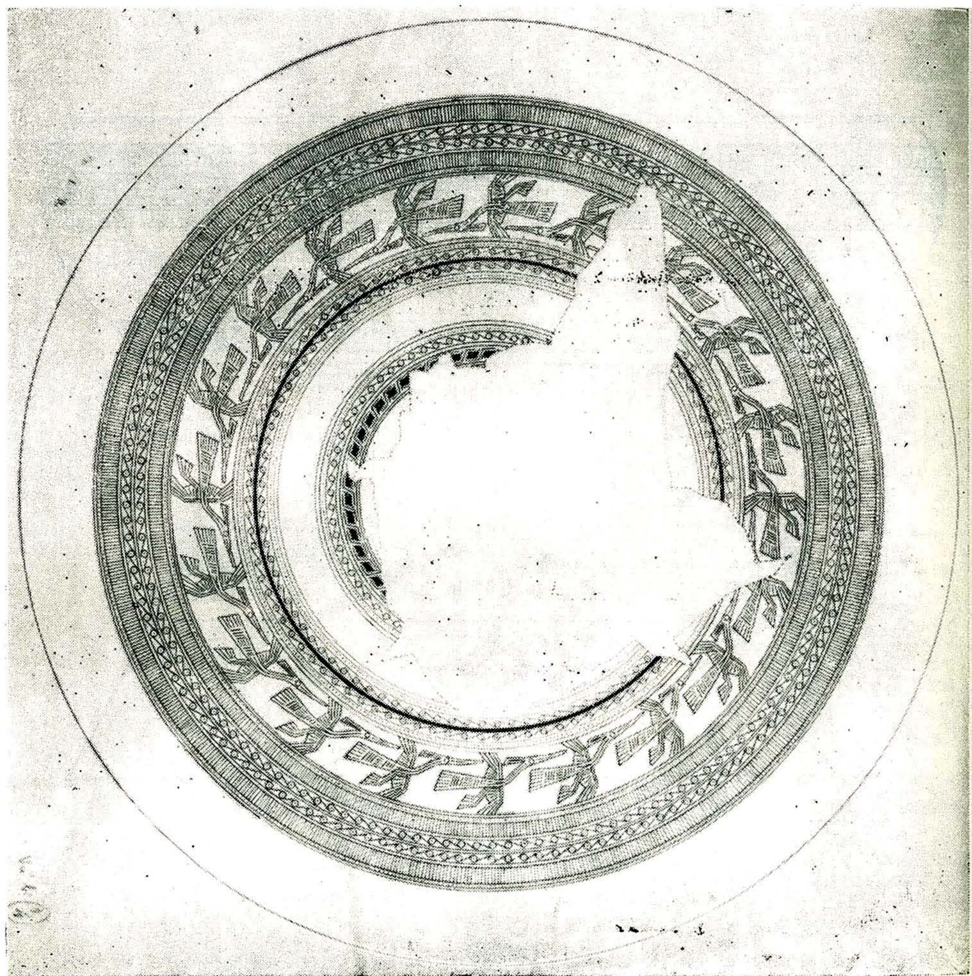


1 — 4. Hình vũ sĩ. Tỉ lệ 1/2

VIII — TRỐNG VŨ BỊ

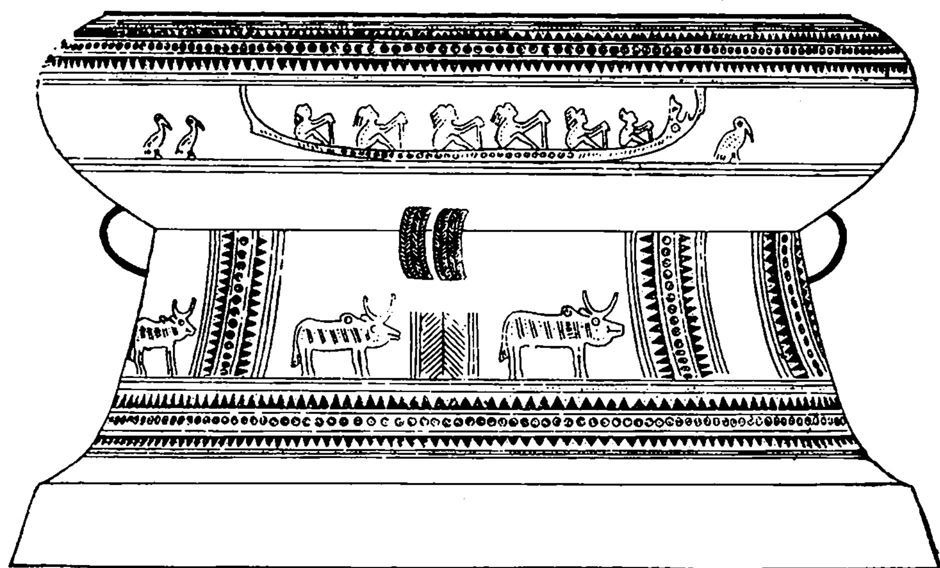


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/6

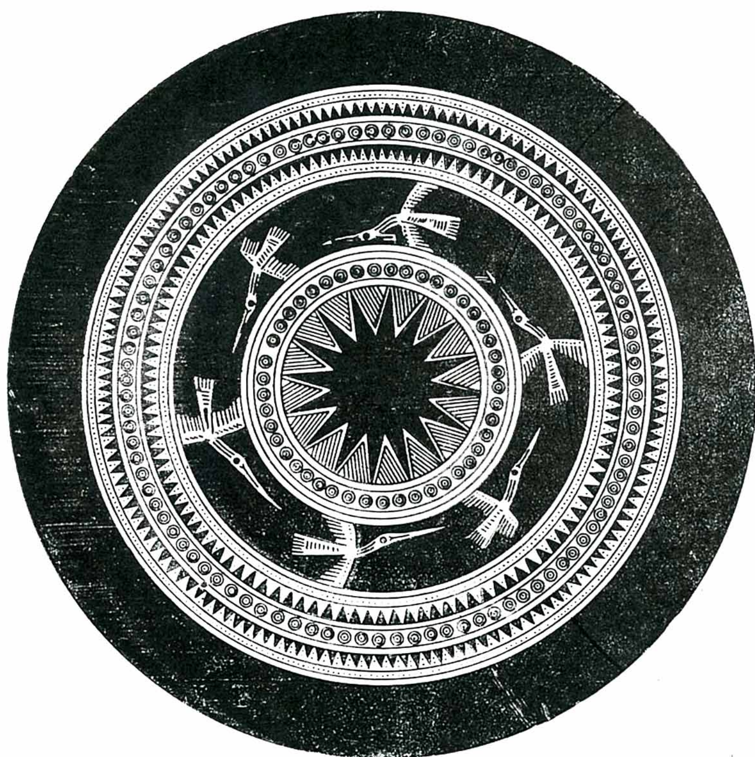


Hình mặt trống.   Tỉ lệ 1/5

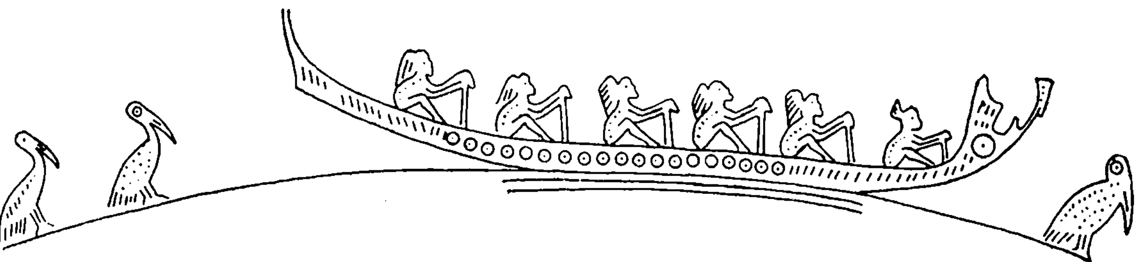
IX — TRỐNG ĐỒI RO

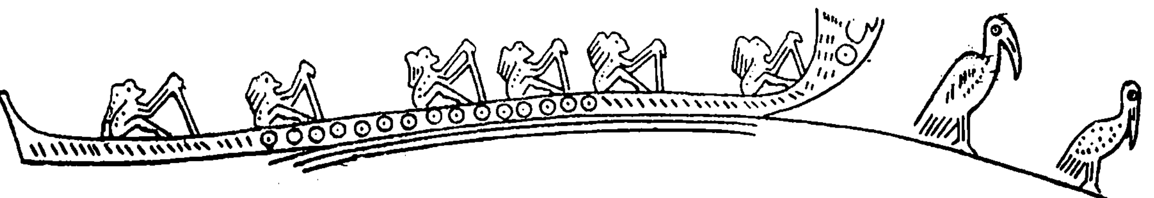


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4

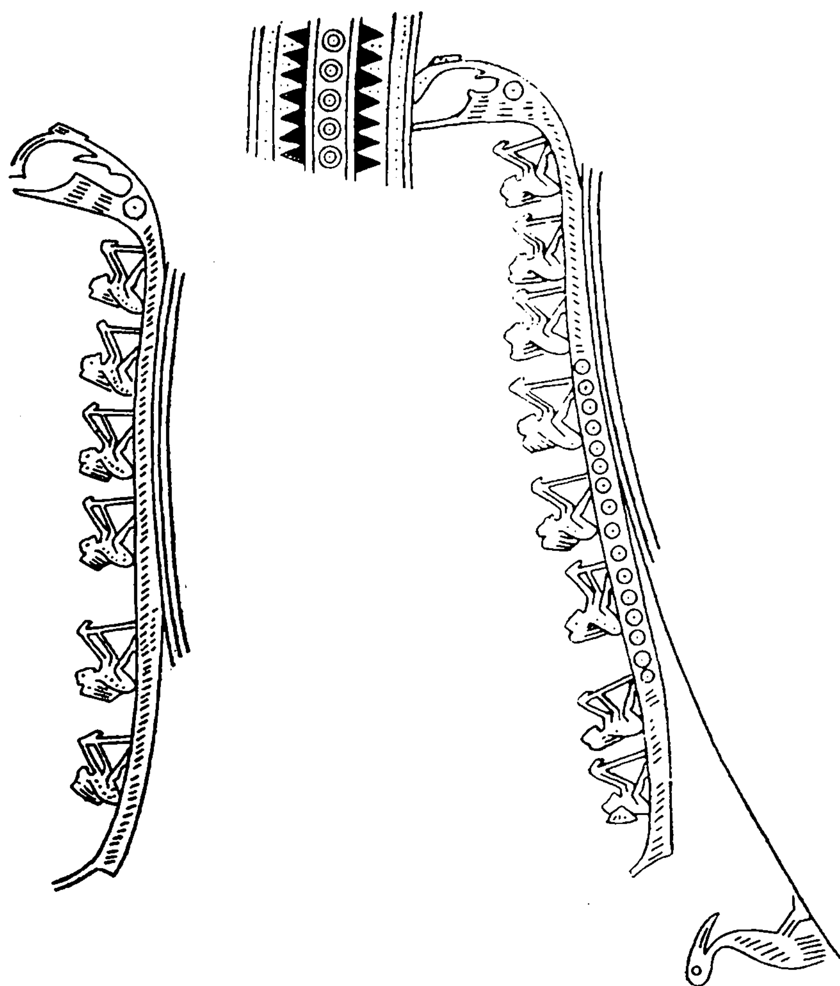


Hình mặt trống.   Tỉ lệ 1/2

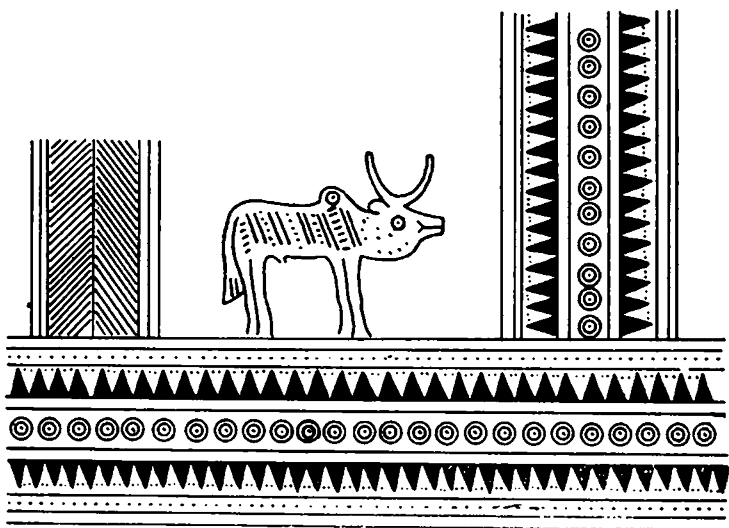


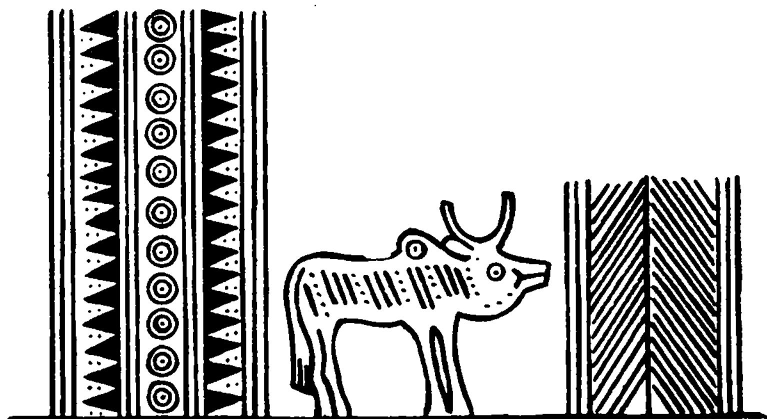


1 — 2. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2

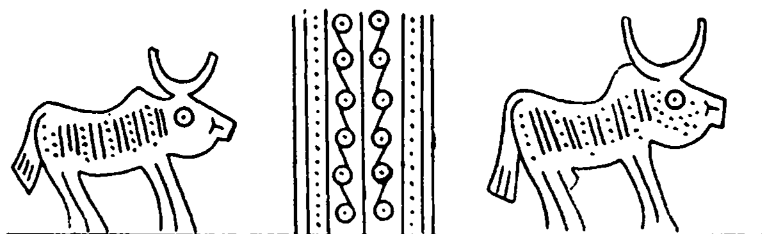


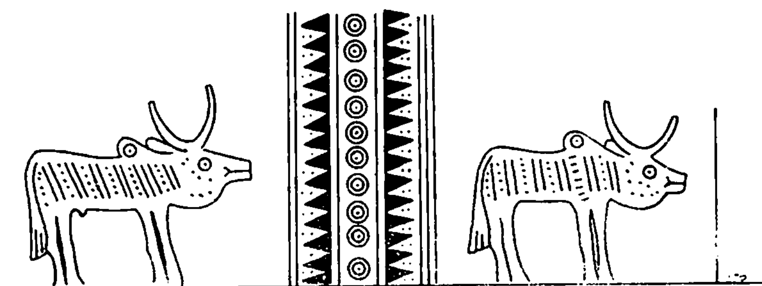
3 — 4. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/2

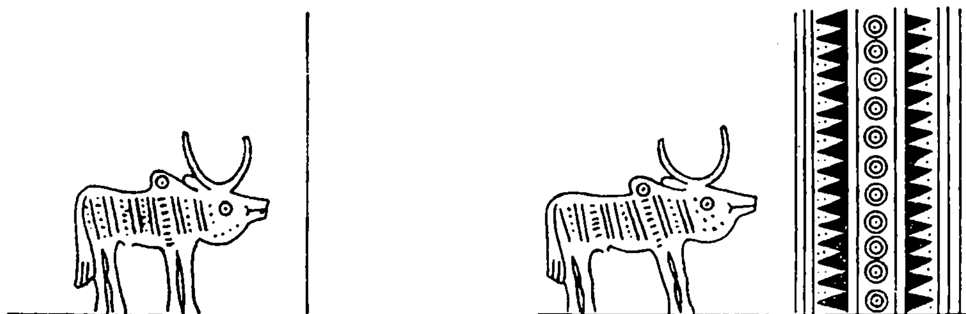




1 — 2. Hình bò. Tỉ lệ 1/2

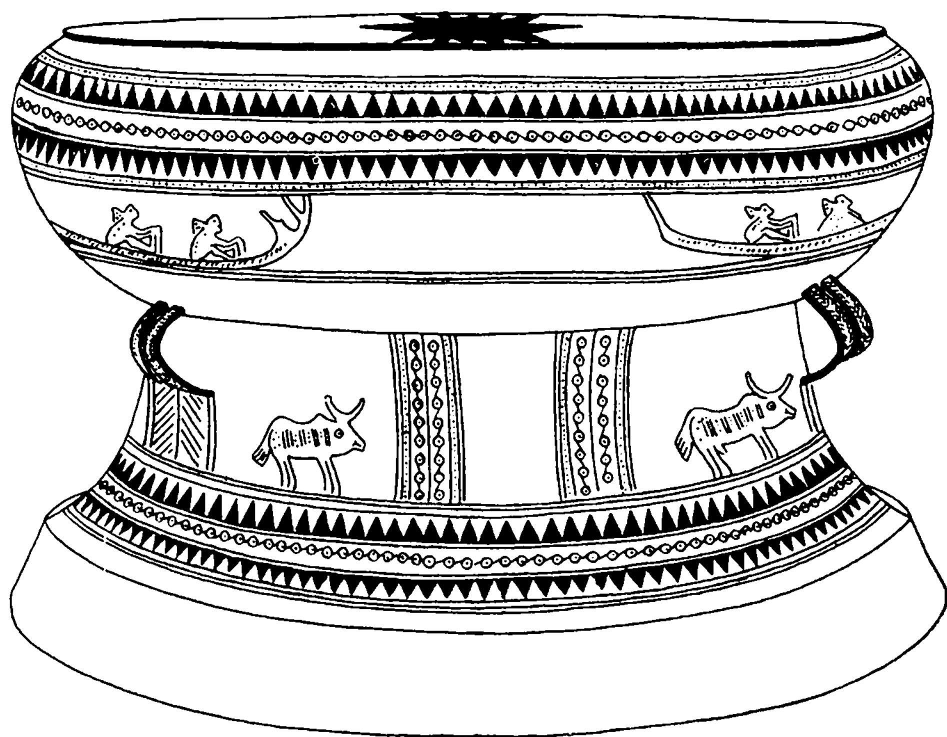




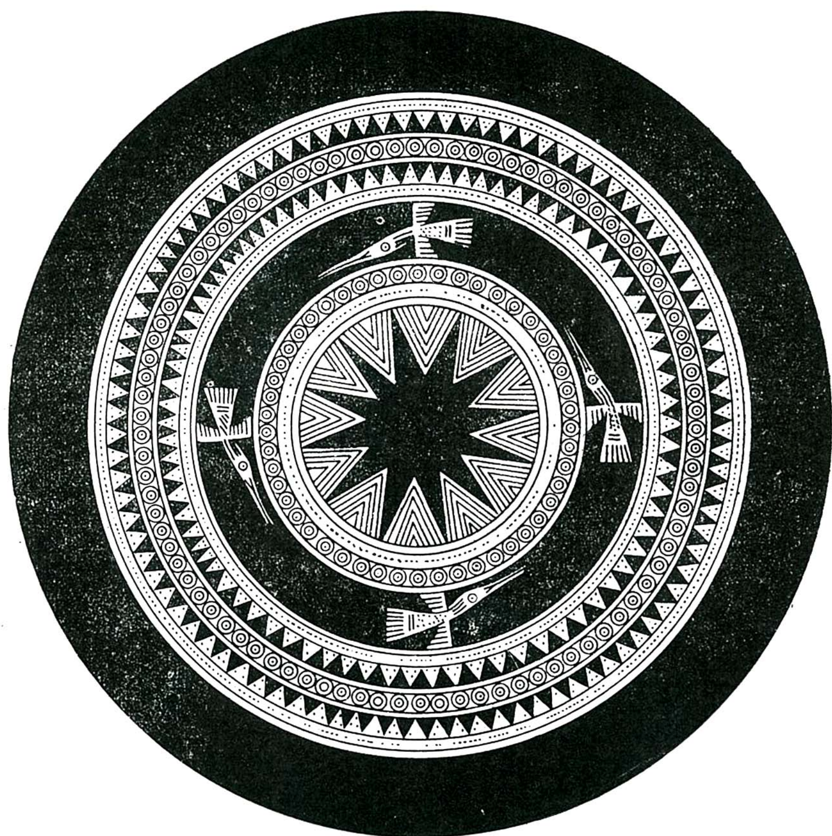


1 — 6. Hình bò. Tỉ lệ 1/2

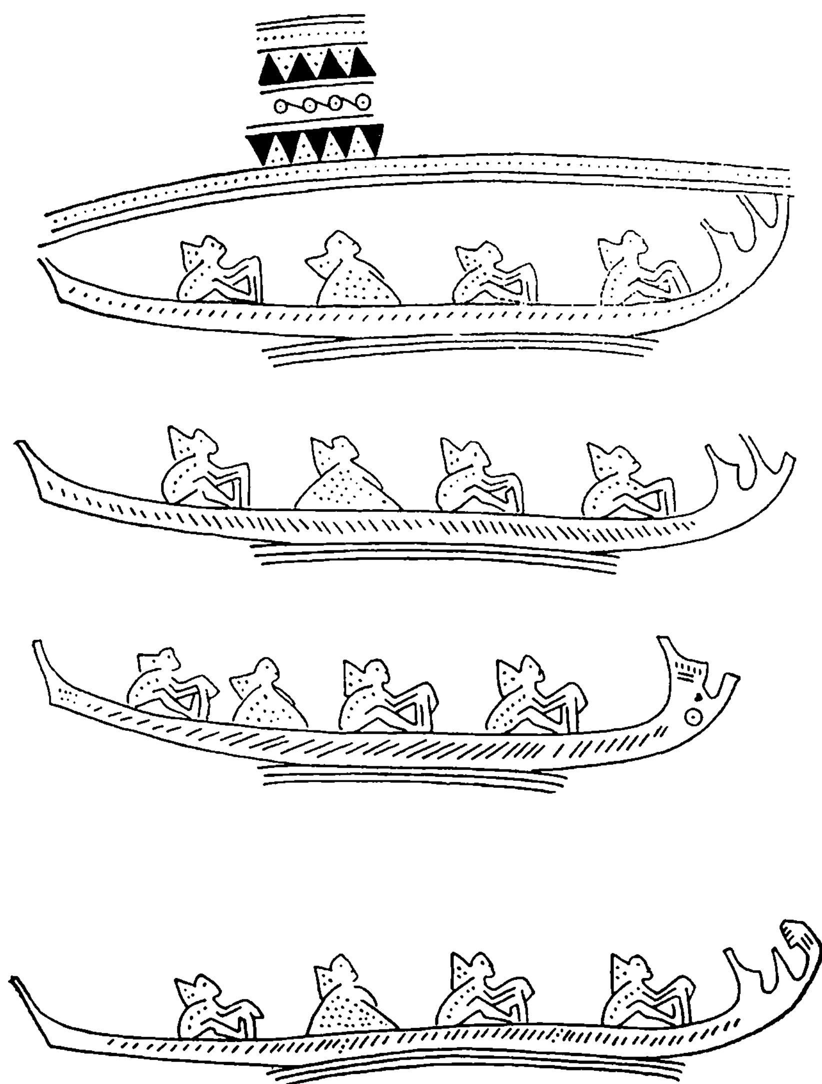
X – TRỐNG LÀNG VẠC I



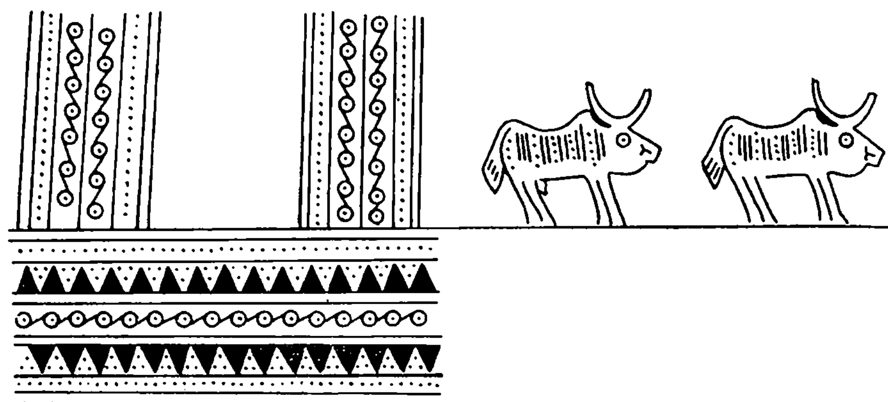
Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/3

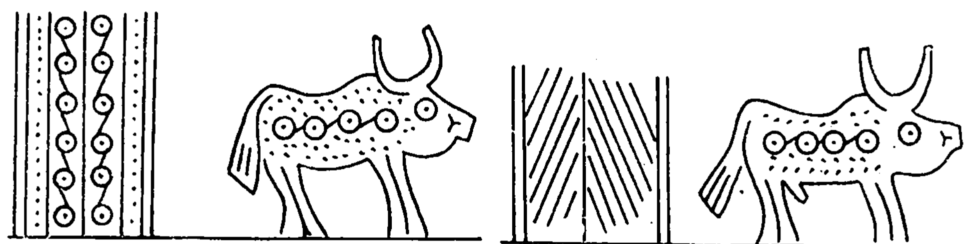


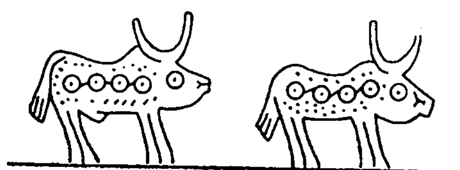
Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/3

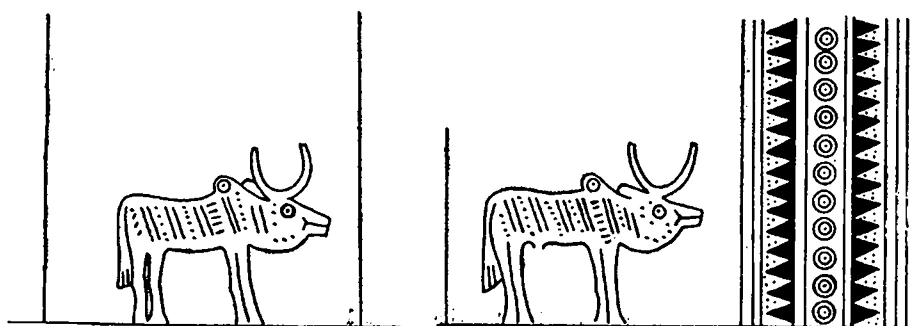


1 — 4. Hình thuyền.   Tỉ lệ 1/2



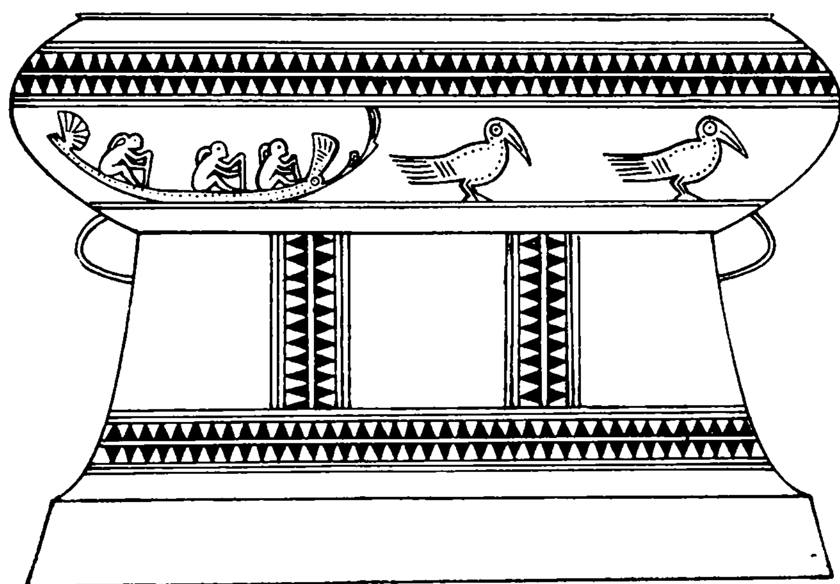


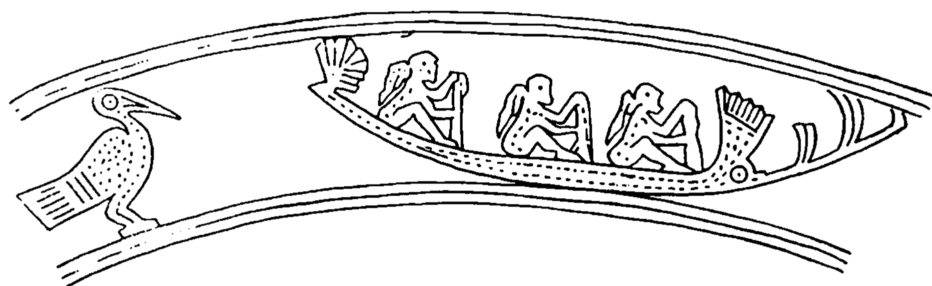




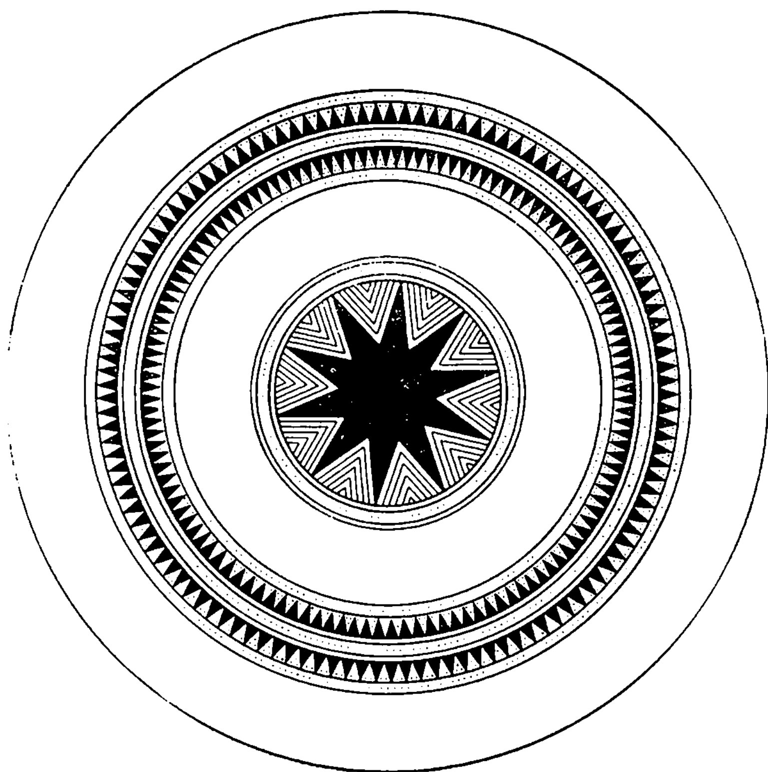
1 — 8. Hình bò. Tỉ lệ 1/2

XI — TRỐNG LÀNG VẠC II



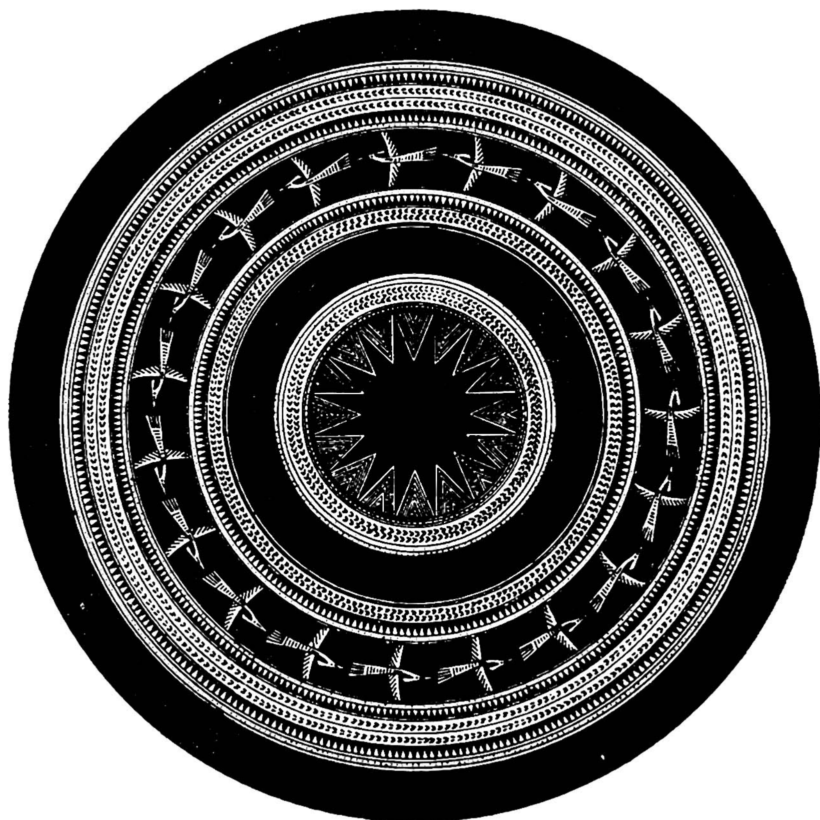


1. Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/3
2. Hình người chèo thuyền. Tỉ lệ 1/2



Hình mặt trống. Tỷ lệ 1/3

XII — TRỐNG PHA LONG



Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/6

XIII — TRỐNG PHÚ XUYÊN

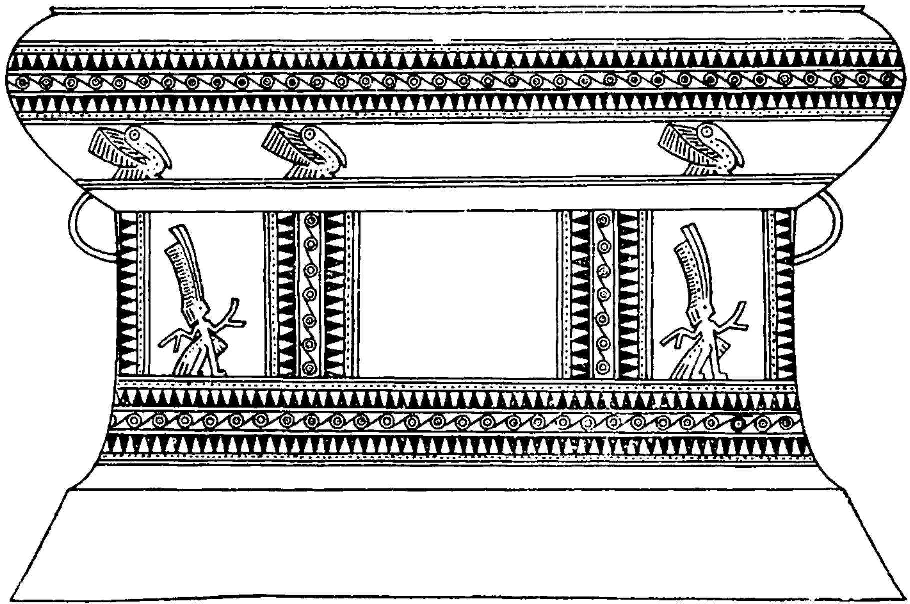


1. Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4
2. Hình thuyền. Tỉ lệ 1/4

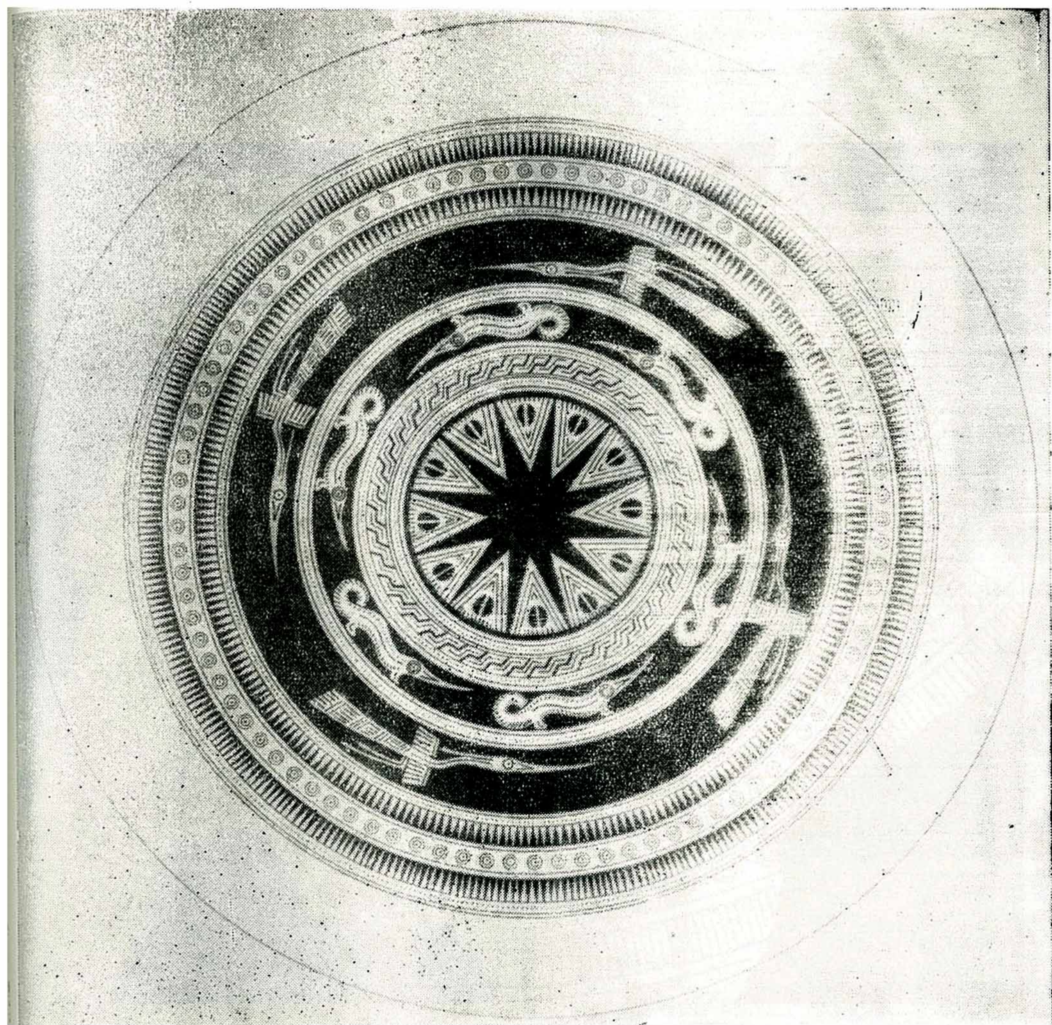


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/3

XIV — TRỐNG HÒA BÌNH

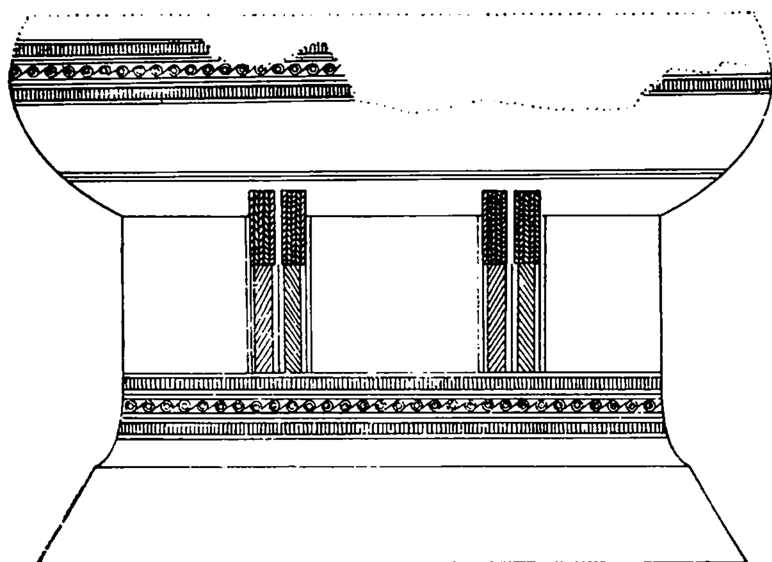


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4

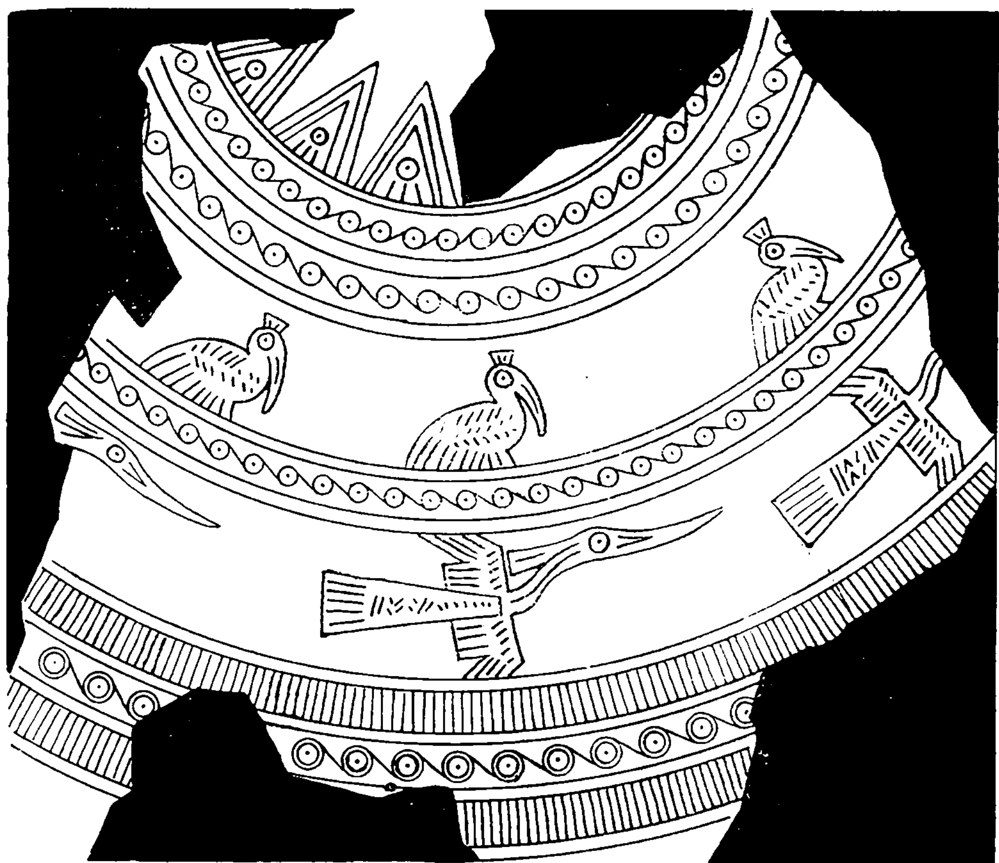


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/3

XV — TRỐNG DUY TIÊN

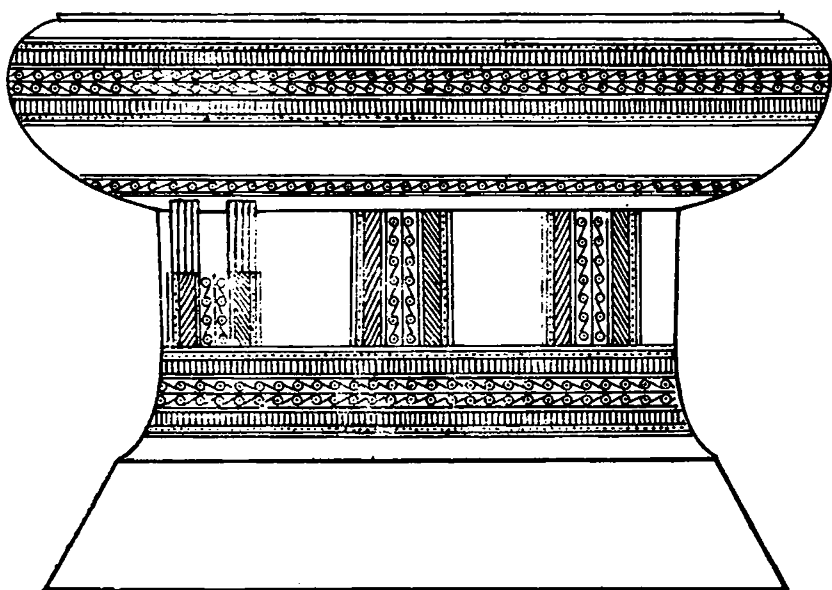


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/5

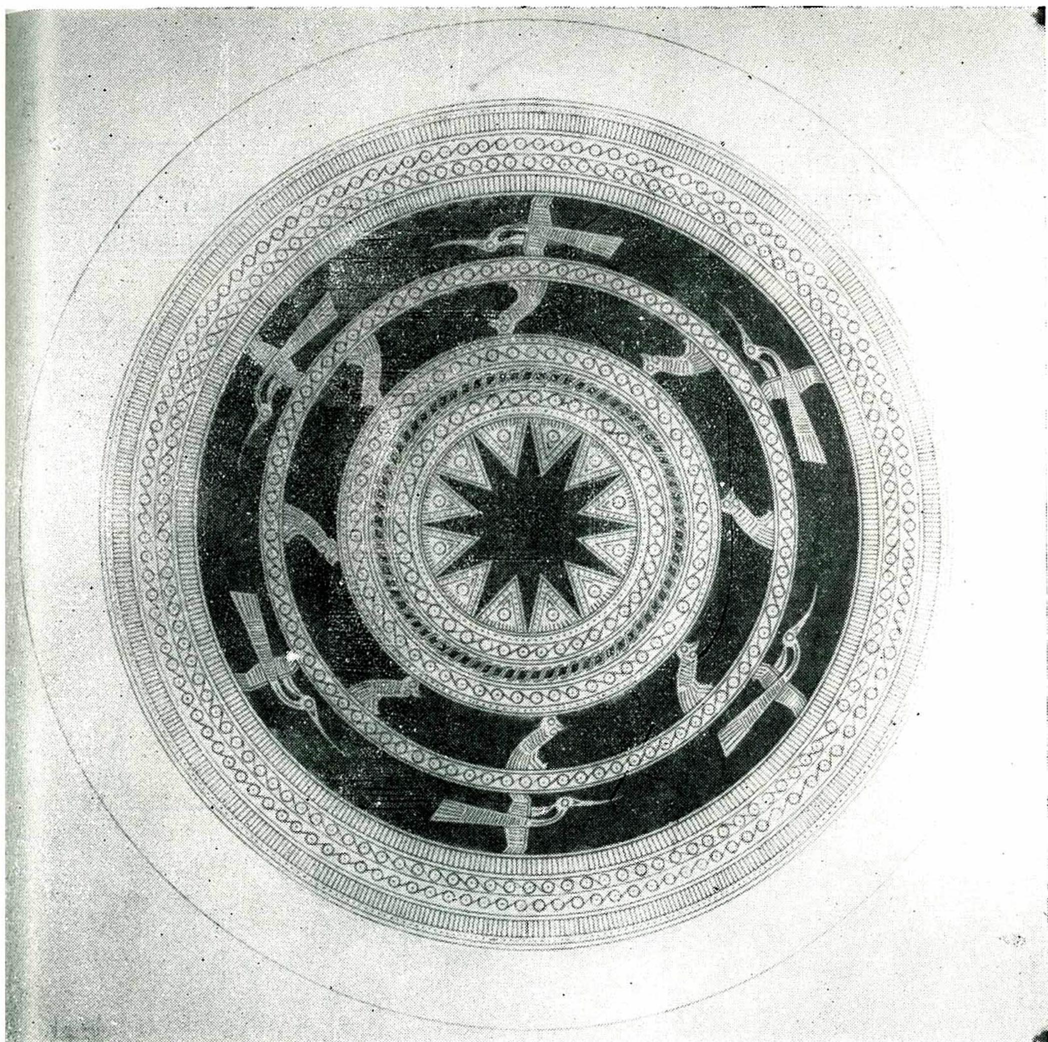


Hình một phần mặt trống. Tỉ lệ 1/2

XVI — TRỐNG YÊN TẬP

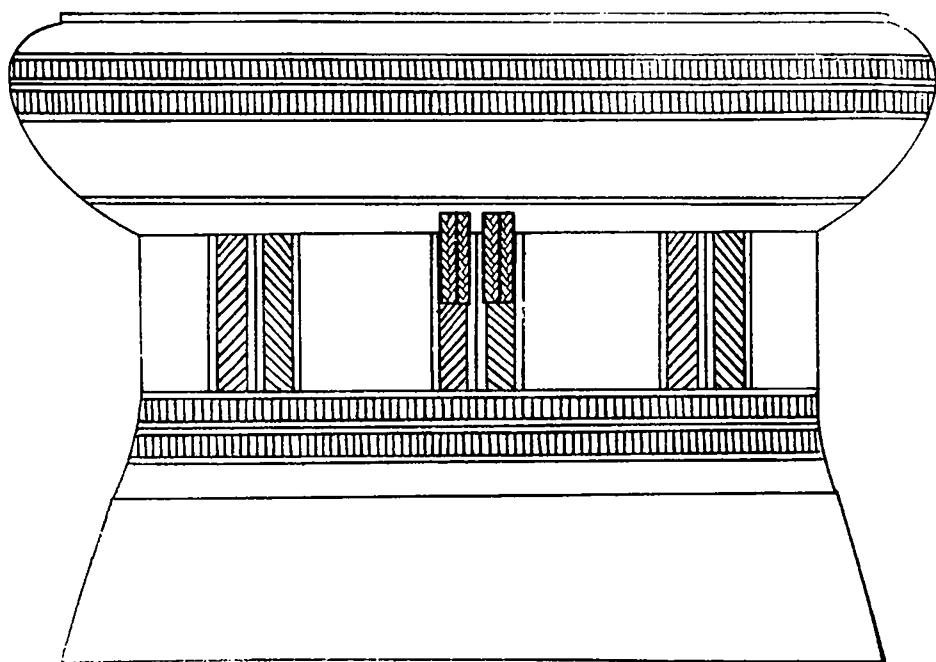


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/6

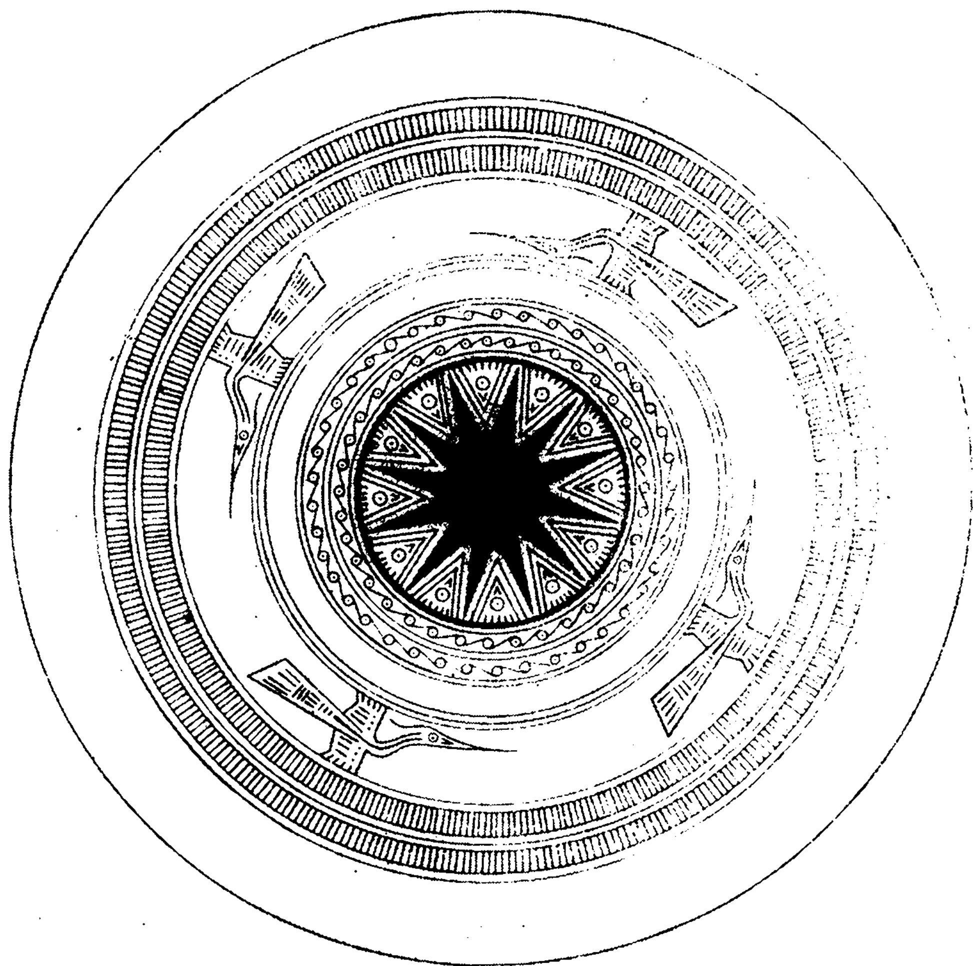


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

XVII – TRỐNG NGỌC LŨ II

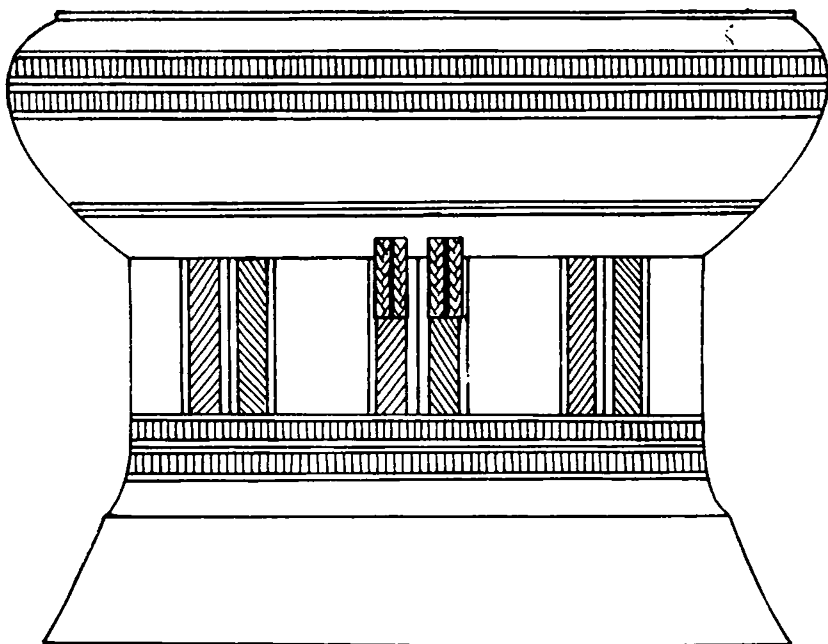


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4

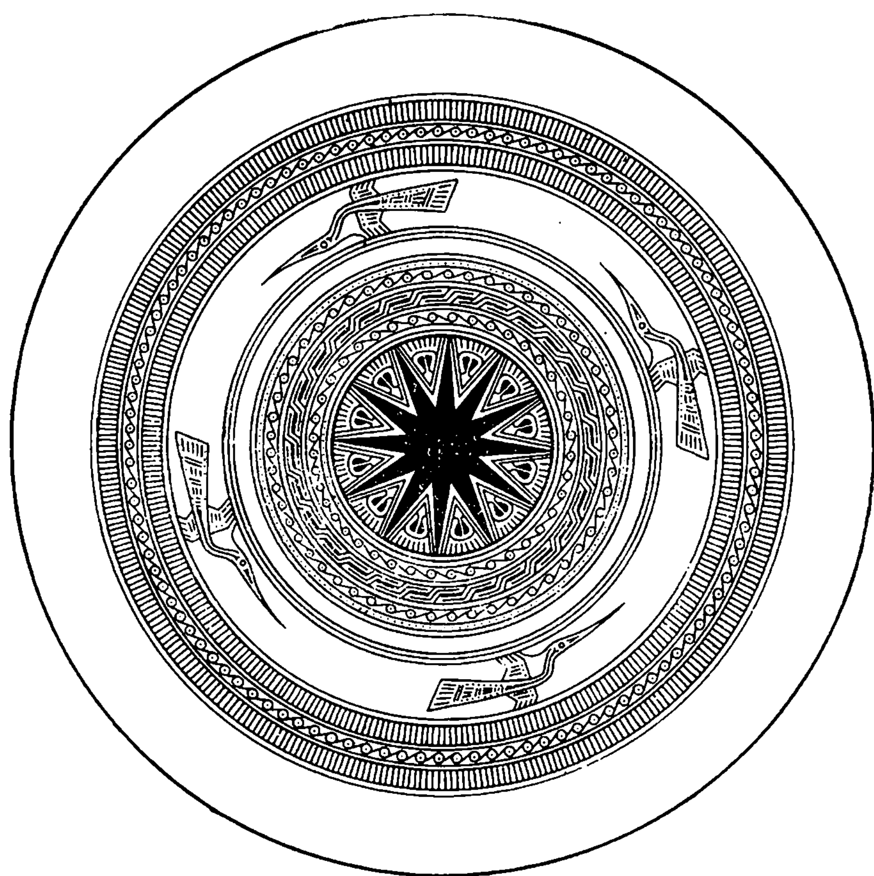


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/3

XVIII – TRỐNG PHÚ DUY

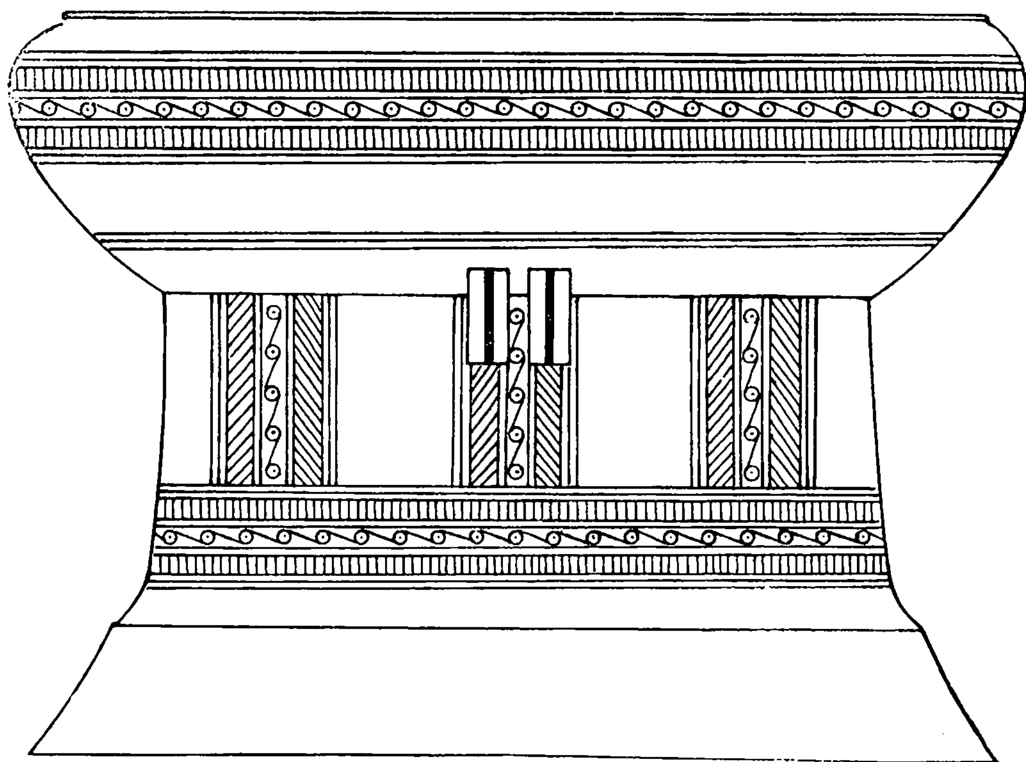


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4

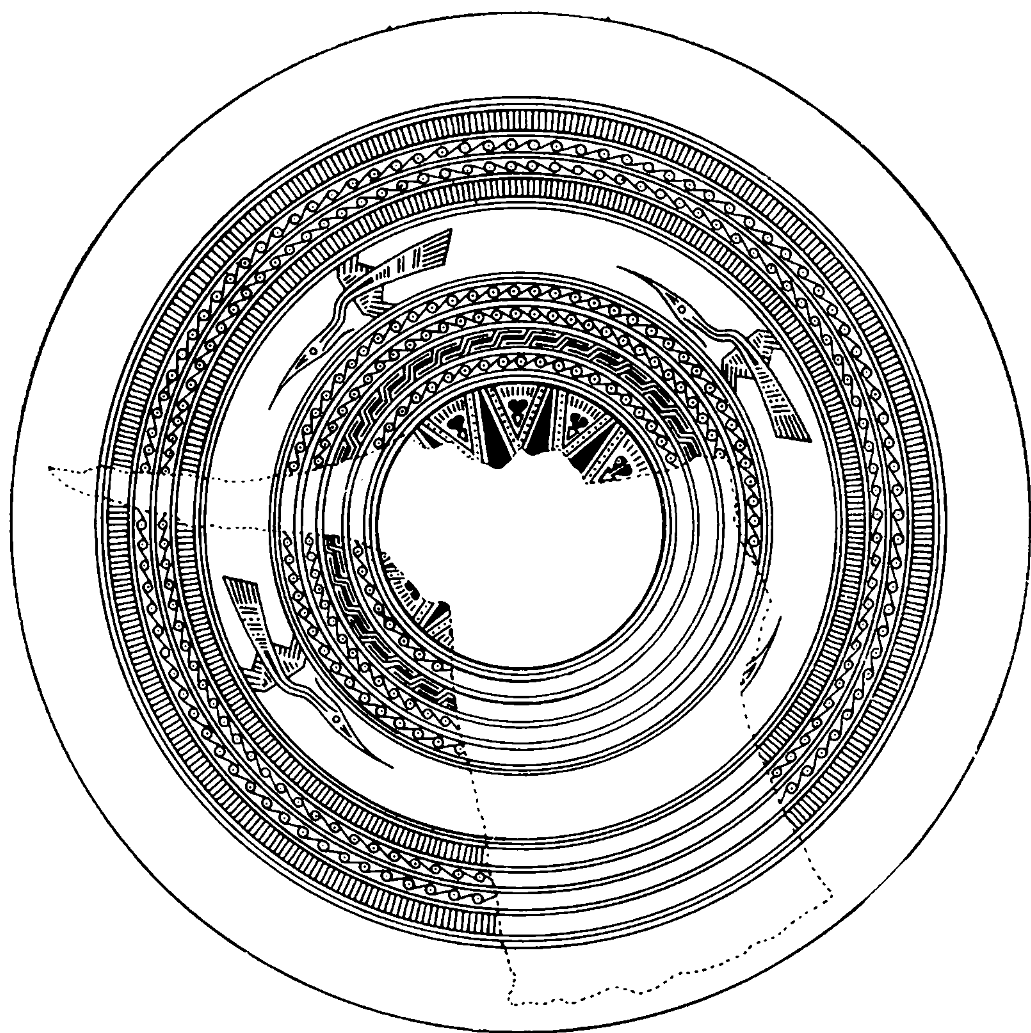


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

XIX — TRỐNG NÚI GÔI

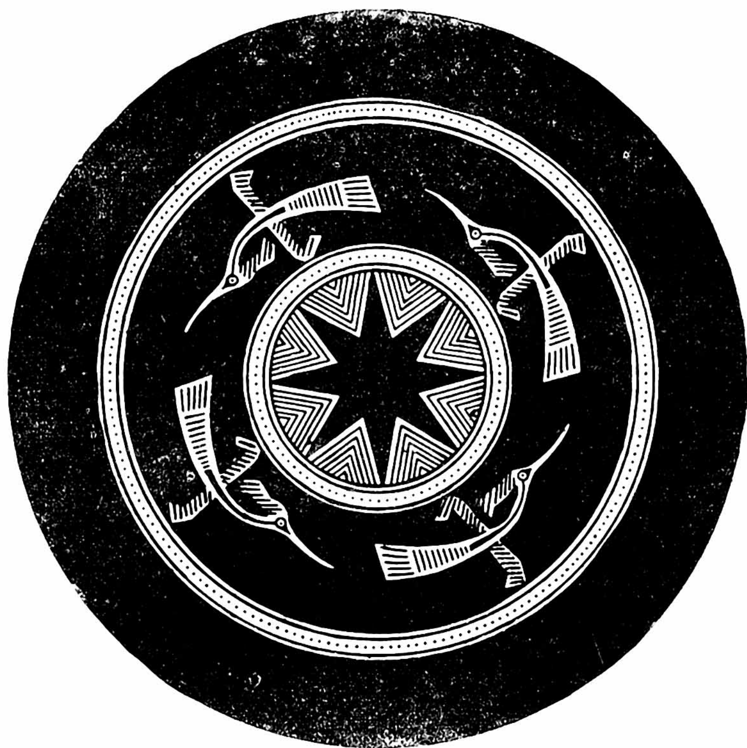


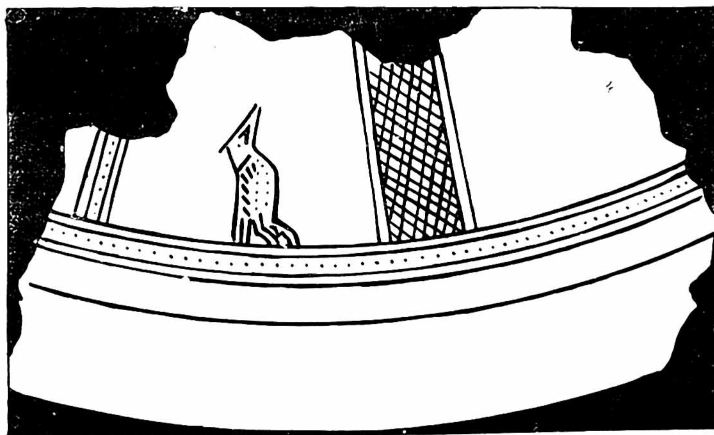
Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/5



Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

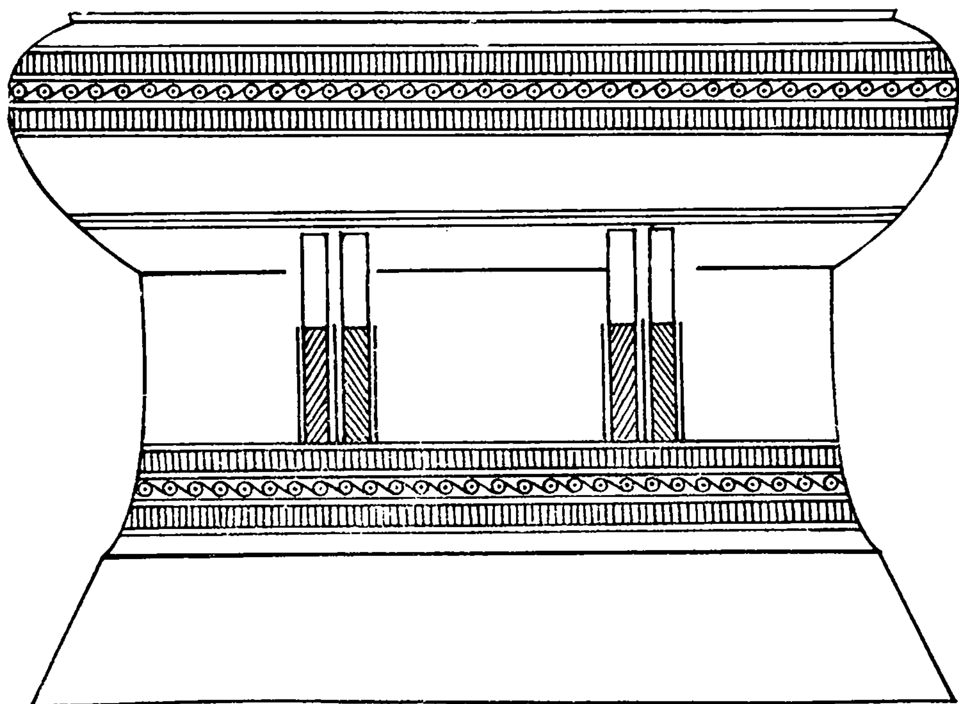
XX — TRỐNG VIỆT KHE



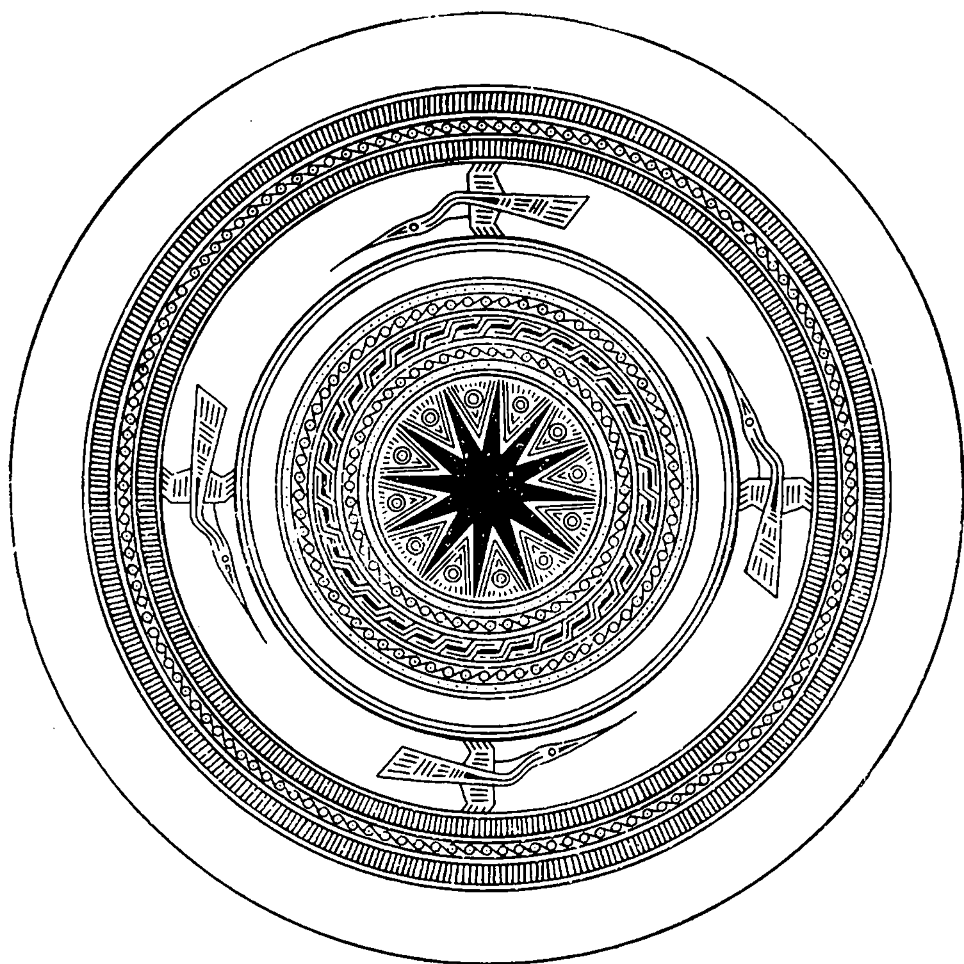


1 — Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/2
2 — Hình một phần thân trống. Tỉ lệ 1/2

XXI — TRỐNG LÀNG VẠC III



Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/5

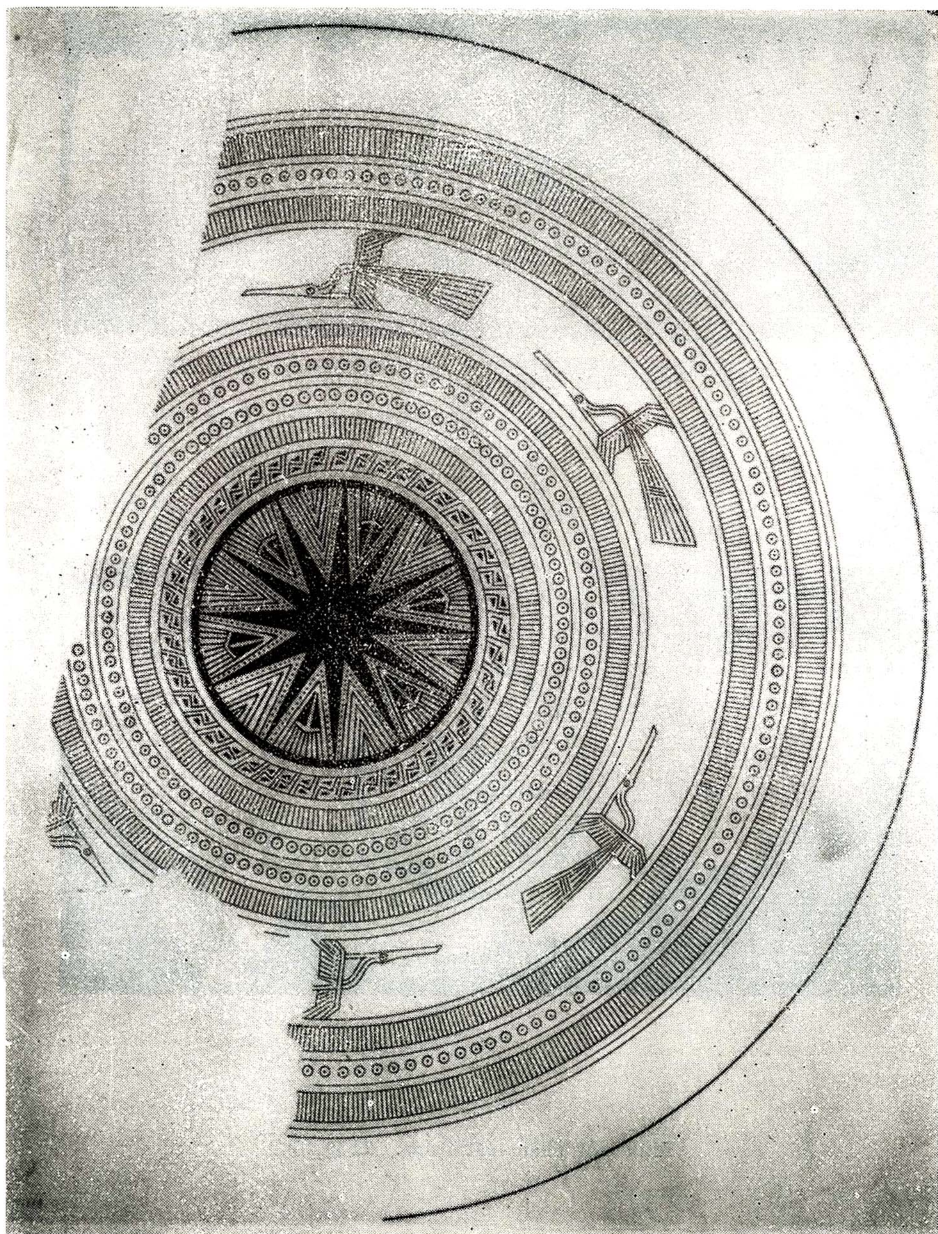


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

XXII — TRỐNG LÀNG VẠC IV

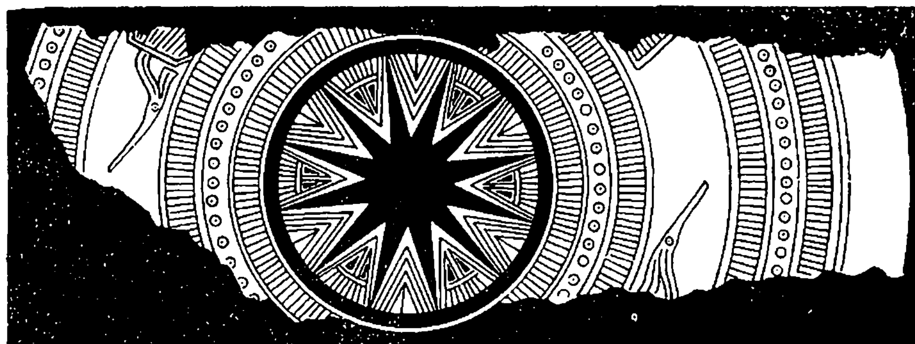
(chưa có hình)

XXIII — TRỐNG ĐỊNH CÔNG I



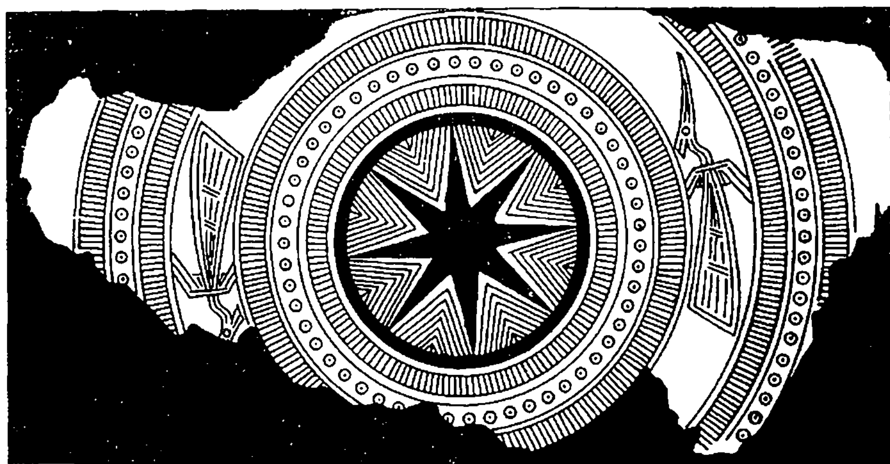
Hình một phần mặt trống. Tỉ lệ 1/3

XXIV – TRỐNG ĐỊNH CÔNG II



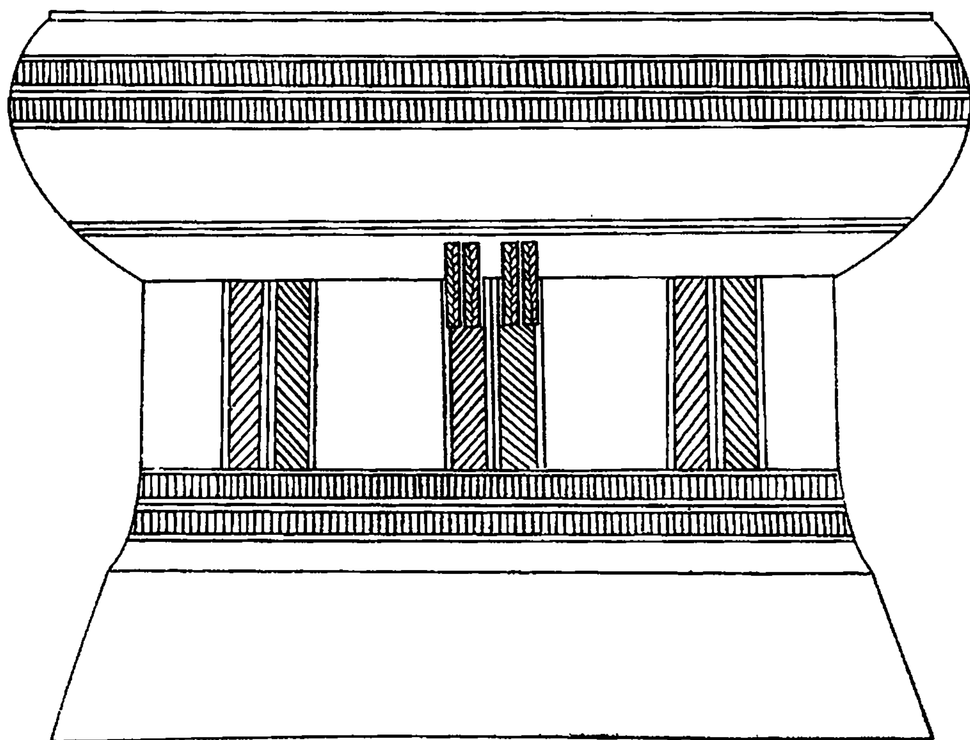
Hình một phần mặt trống. Tỉ lệ 1/3

XXV – TRỐNG ĐỊNH CÔNG III

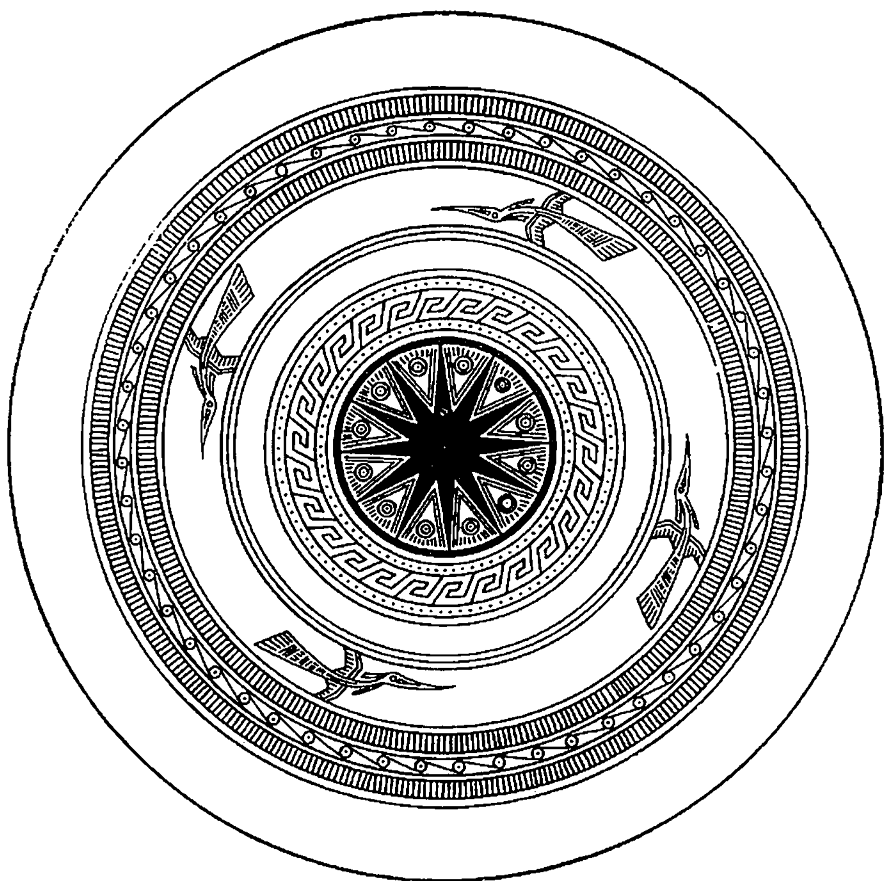


Hình một phần mặt trống. Tỉ lệ 1/3

XXVI — TRỐNG CỬU CAO



Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4

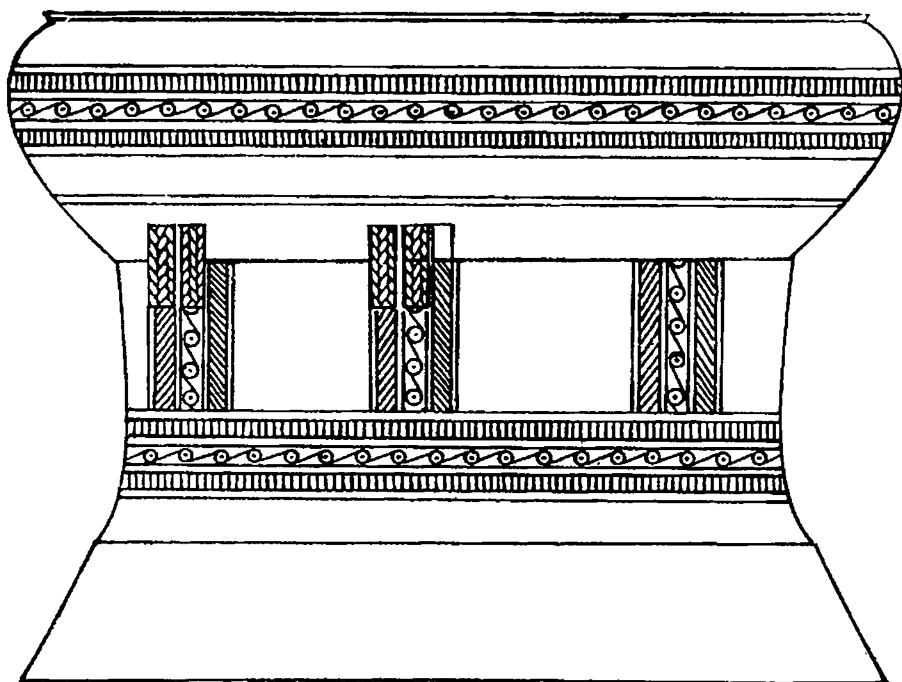


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

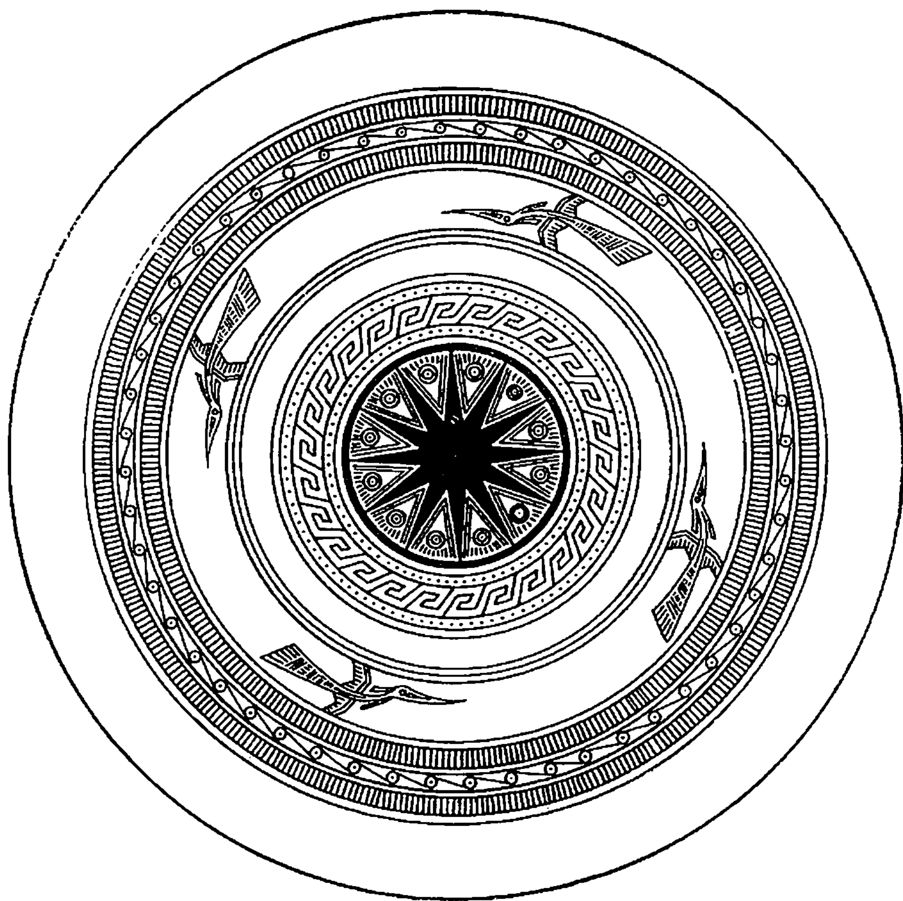
XXVII — TRỐNG MẬT SƠN

(không có hình).

XXVIII — TRỐNG THIẾT CƯƠNG



Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/5

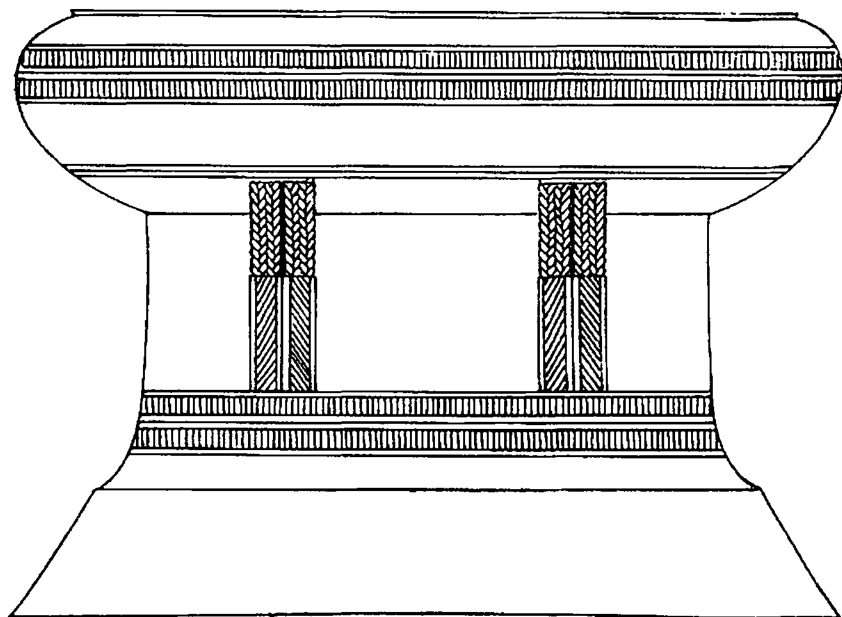


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

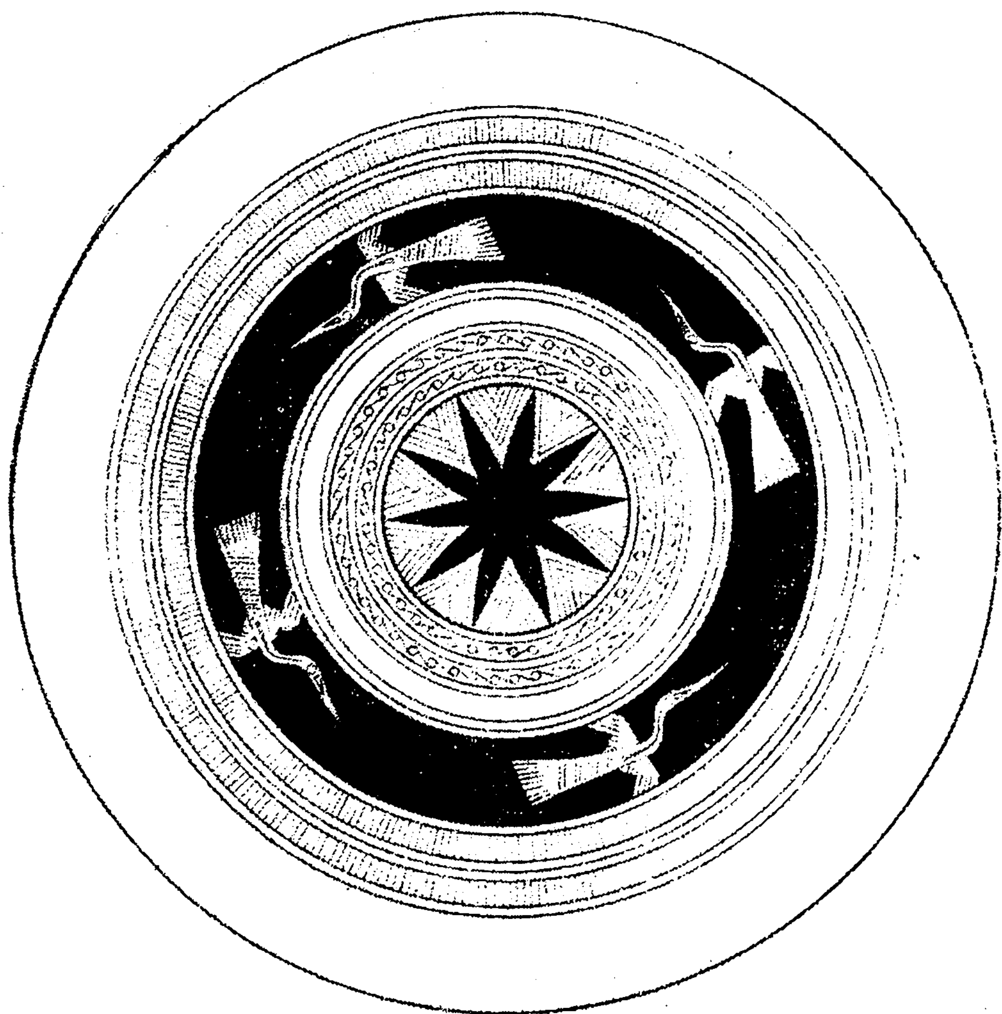
XXVII — TRỐNG MẶT SƠN

(không có hình).

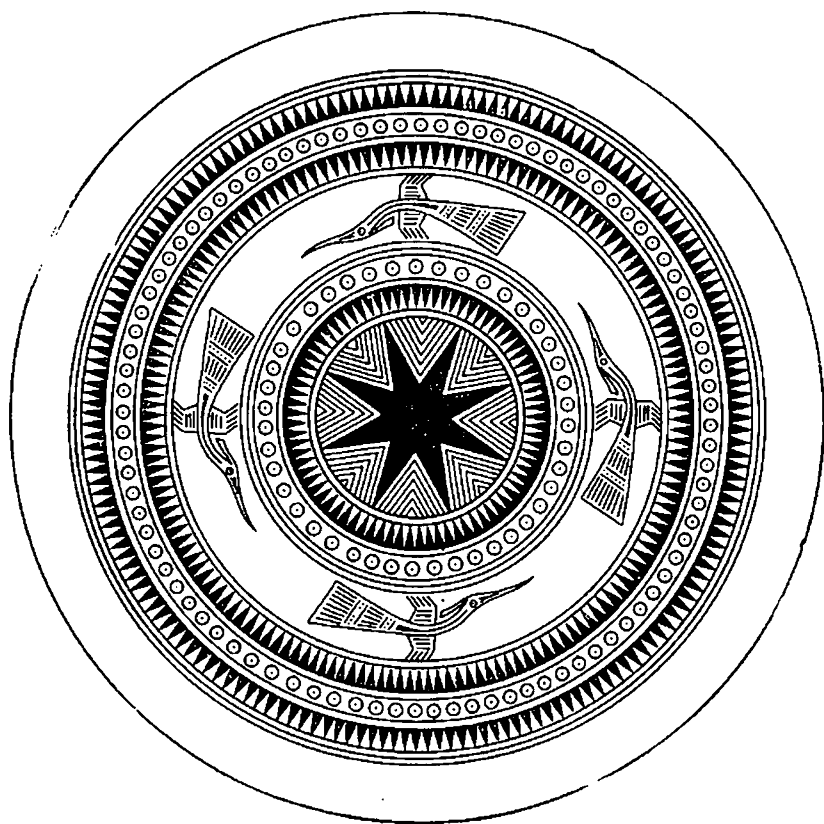
XXIX — TRỐNG PHƯƠNG TÚ



Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4

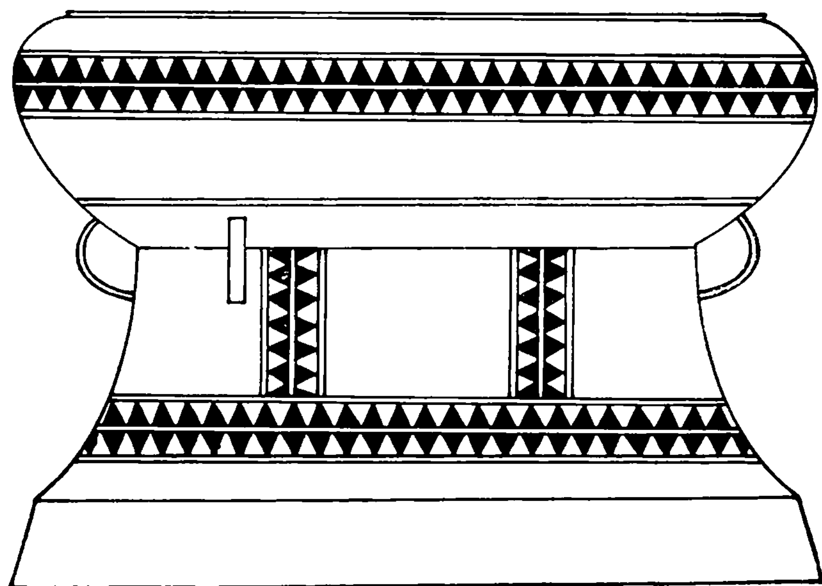


Hình tặm trống. Tỉ lệ 1/3

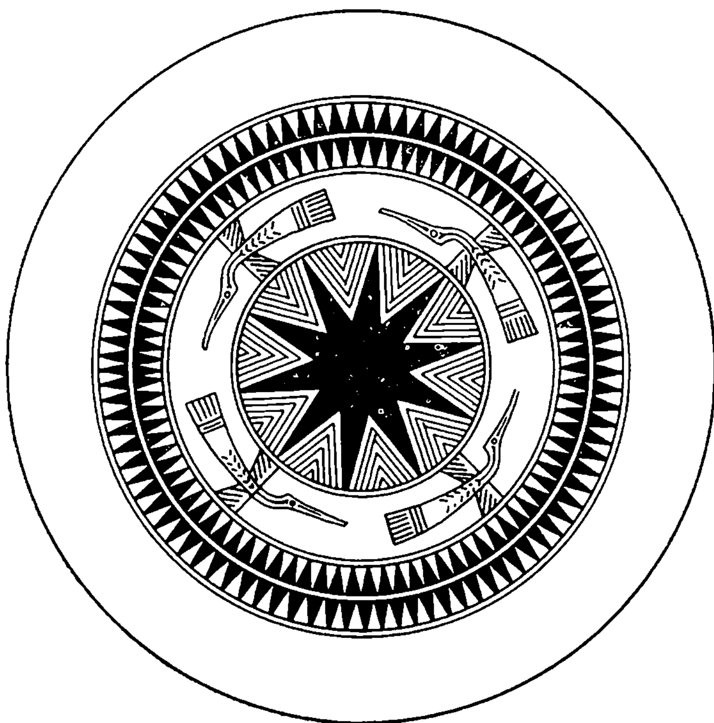


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/3

XXXI — TRỐNG GIẢO TẤT

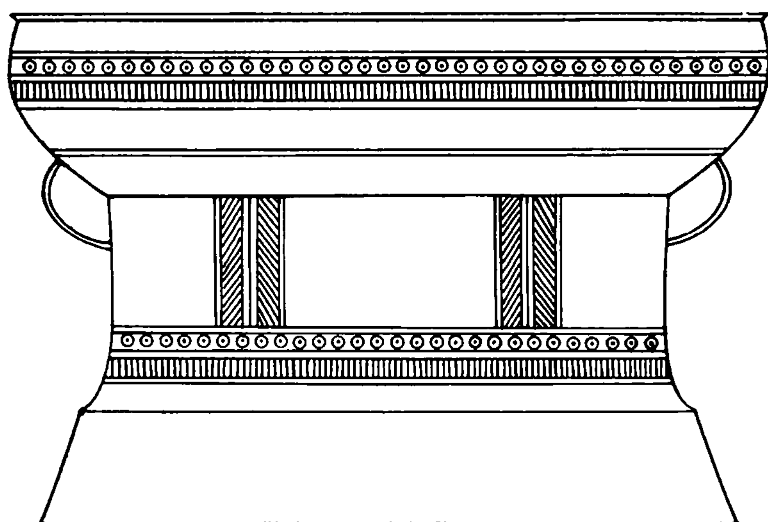


Hình dáng trống. Tỉ lệ 3/5

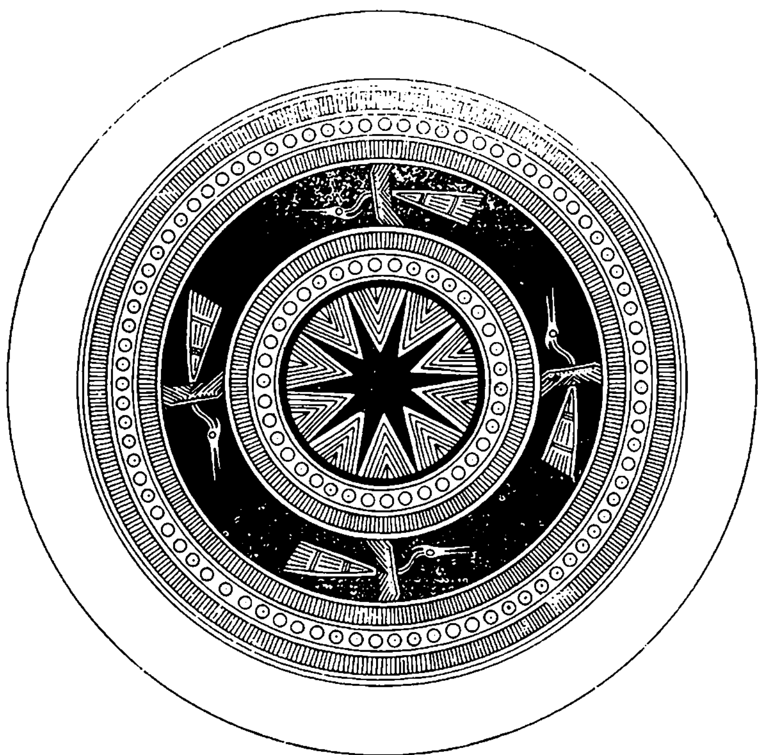


Hình mặt trống. Tỉ lệ 3/5

XXXII – TRỐNG BÌNH P HỦ

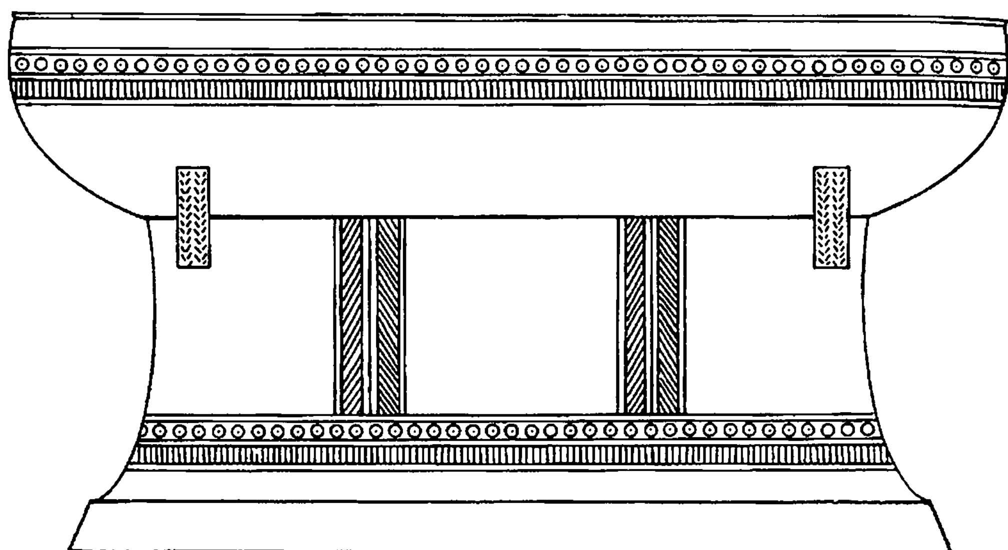


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4

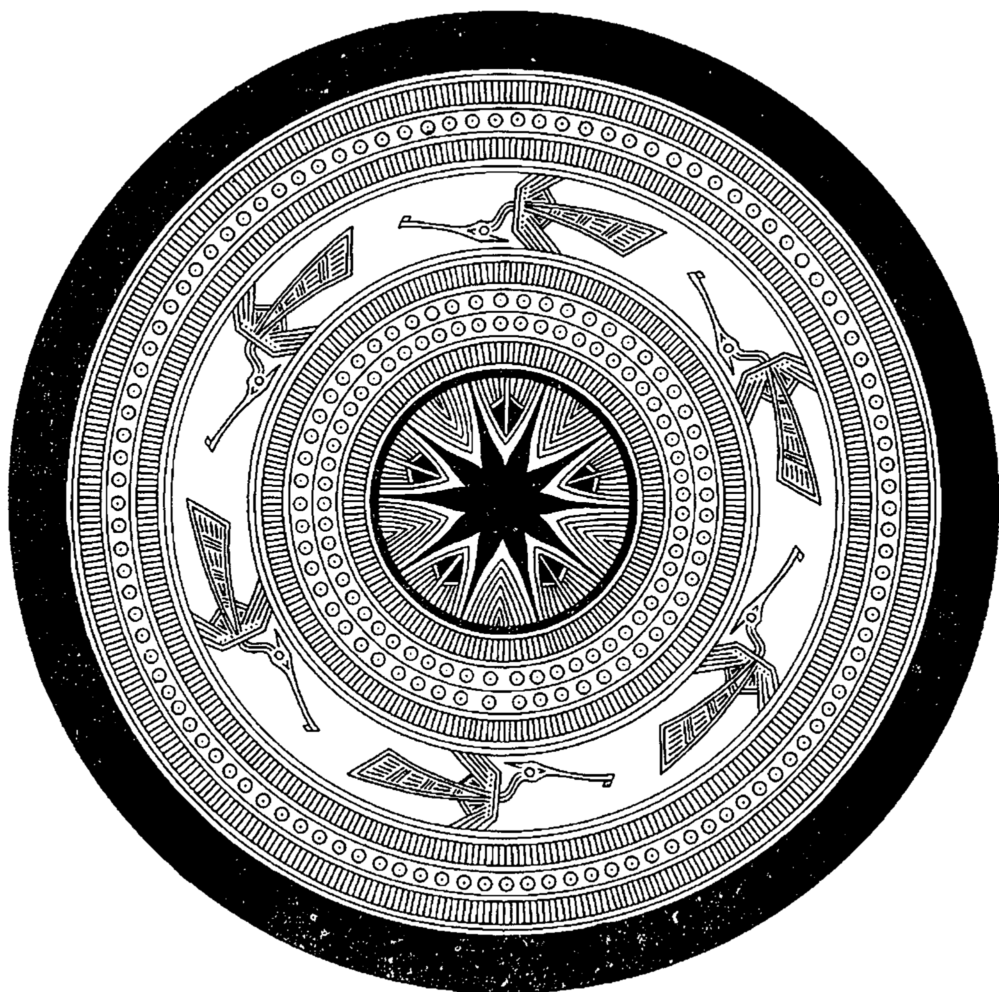


Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

XXXIII — TRỐNG HÀ NỘI

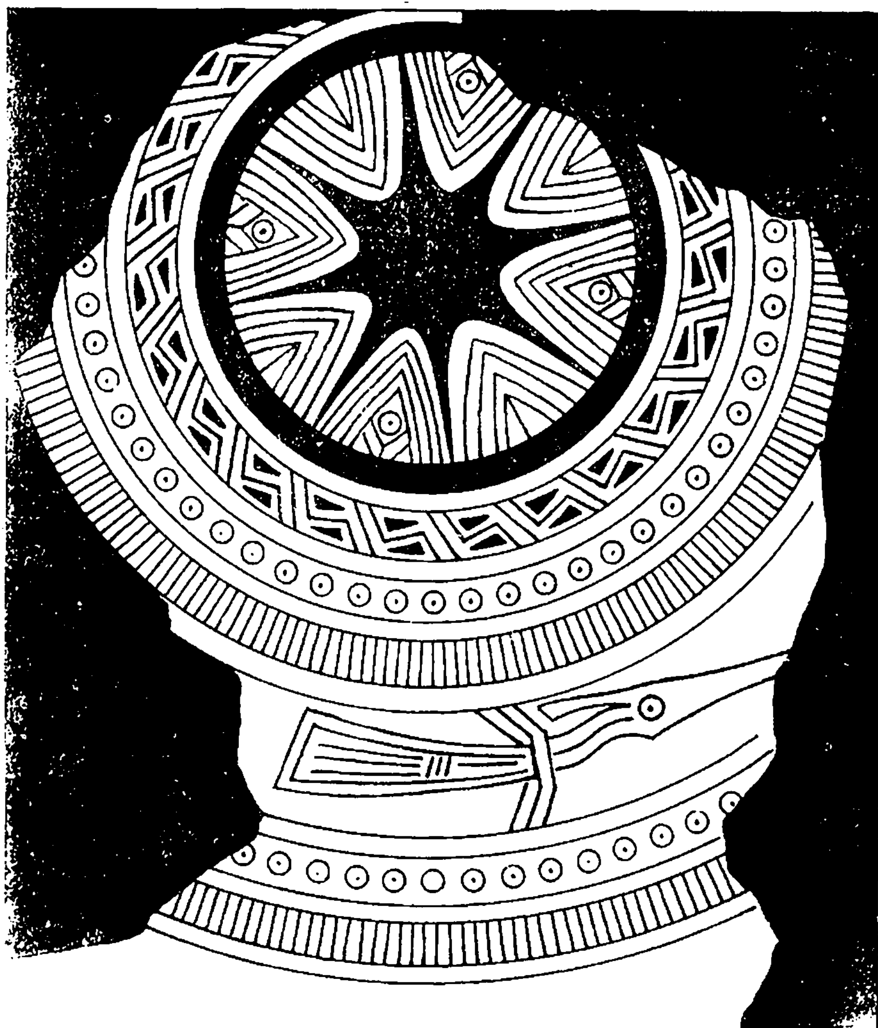


Hình dáng trống. Tỉ lệ 1/4



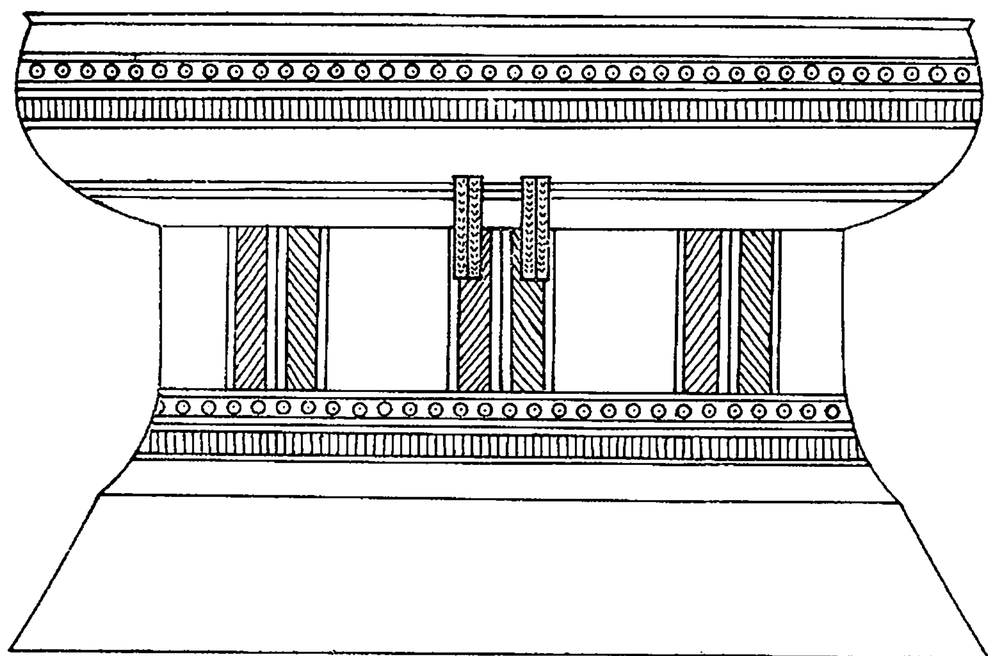
Hình mặt trống. Tỉ lệ 1/4

XXXIV — TRỐNG HOẰNG VINH

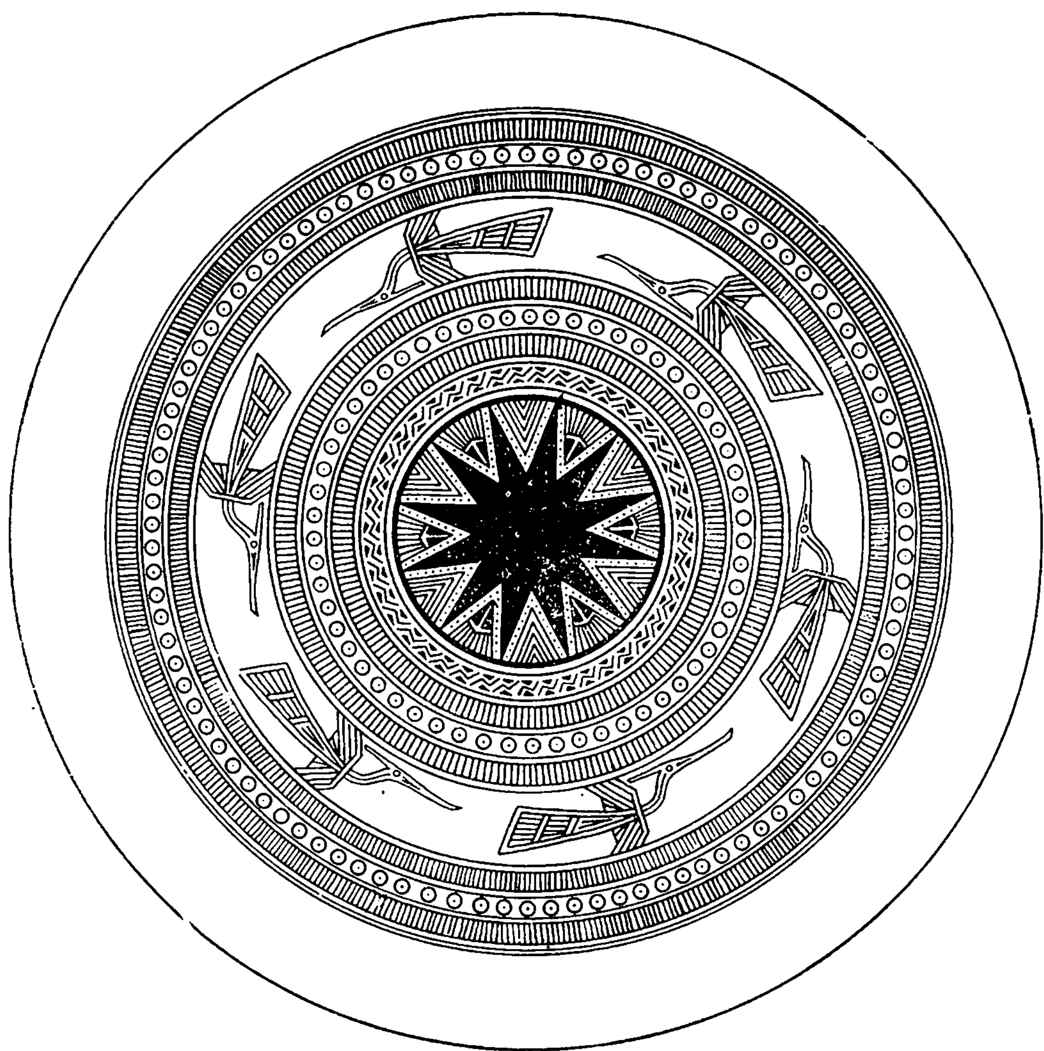


Hình một phần mặt trống. Tỉ lệ 2/3

XXXV – TRỐNG VĨNH NINH

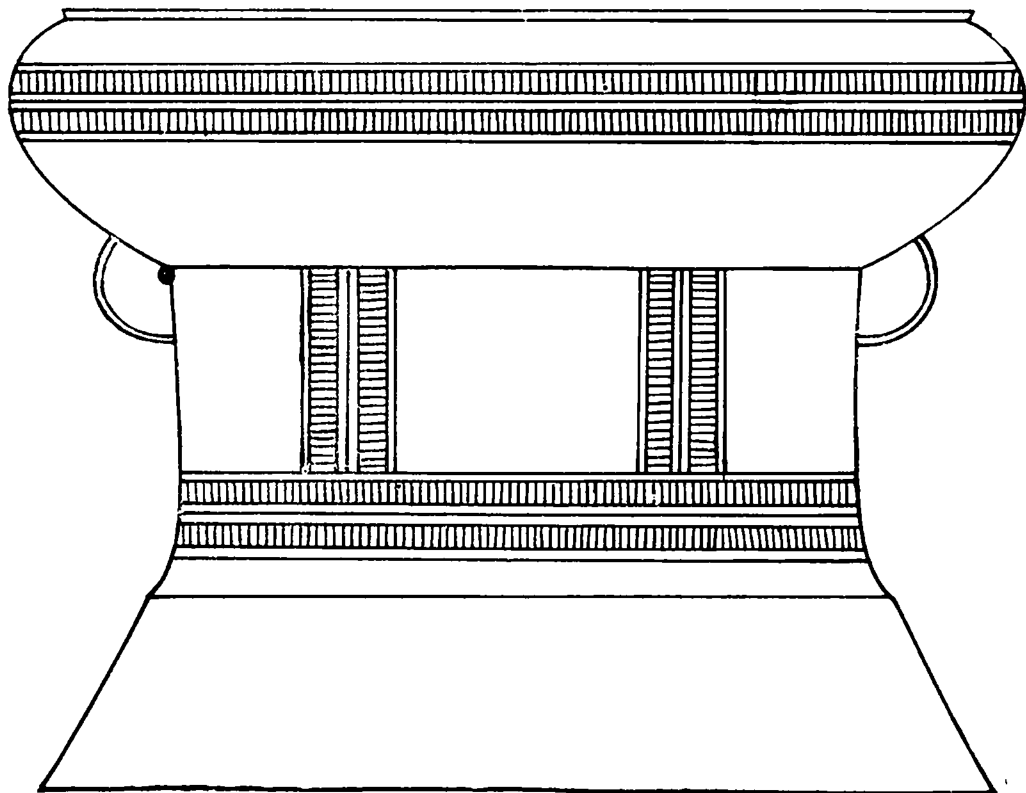


Hình dáng trống. Tỉ lệ: 1/5

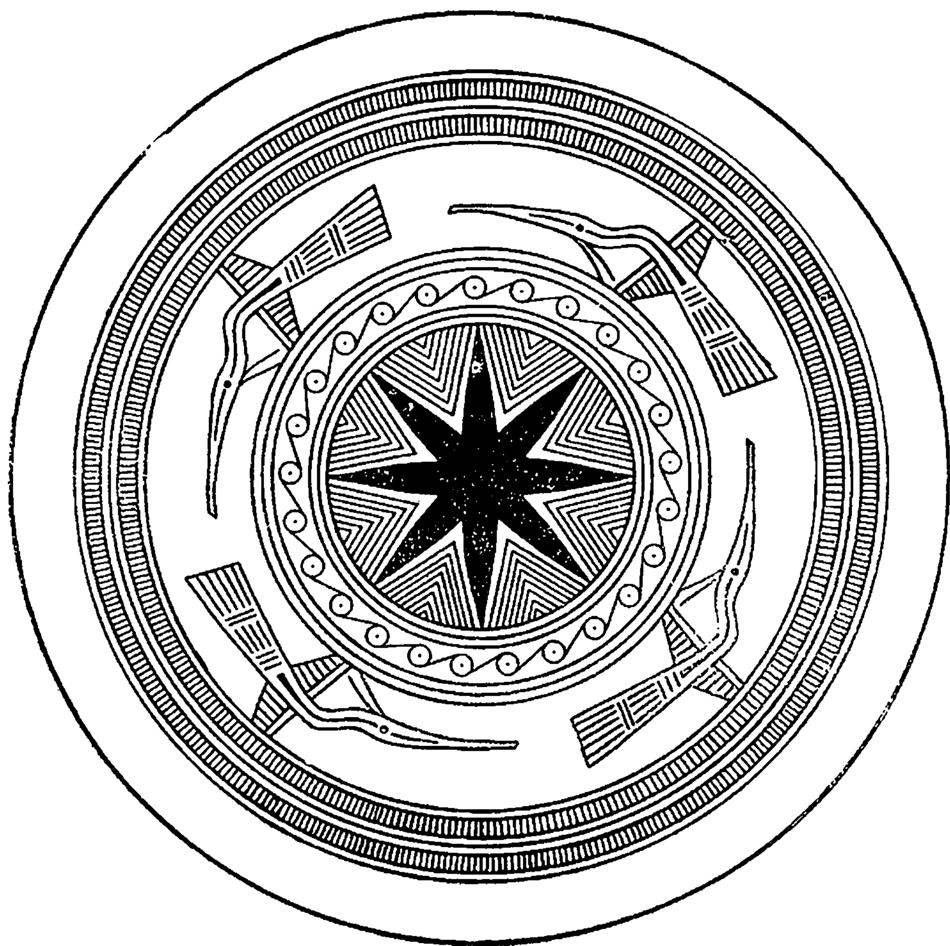


Hình mặt trống. Tỉ lệ : 1/4

XXXVI — TRỐNG ĐÔNG SƠN I

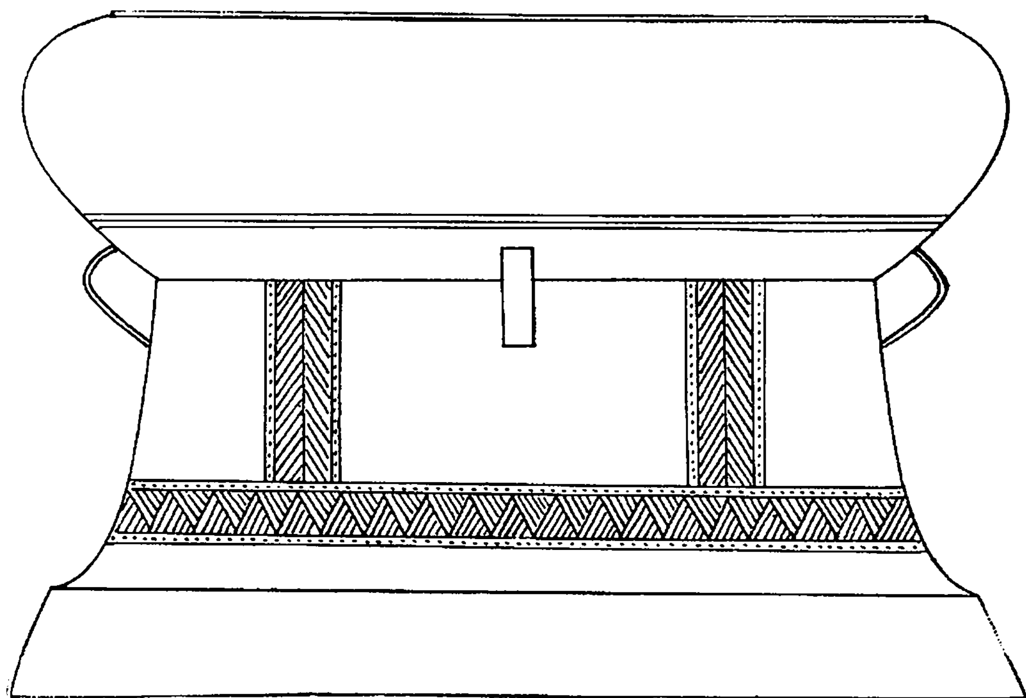


Hình dáng trống. Tỉ lệ : 1/2



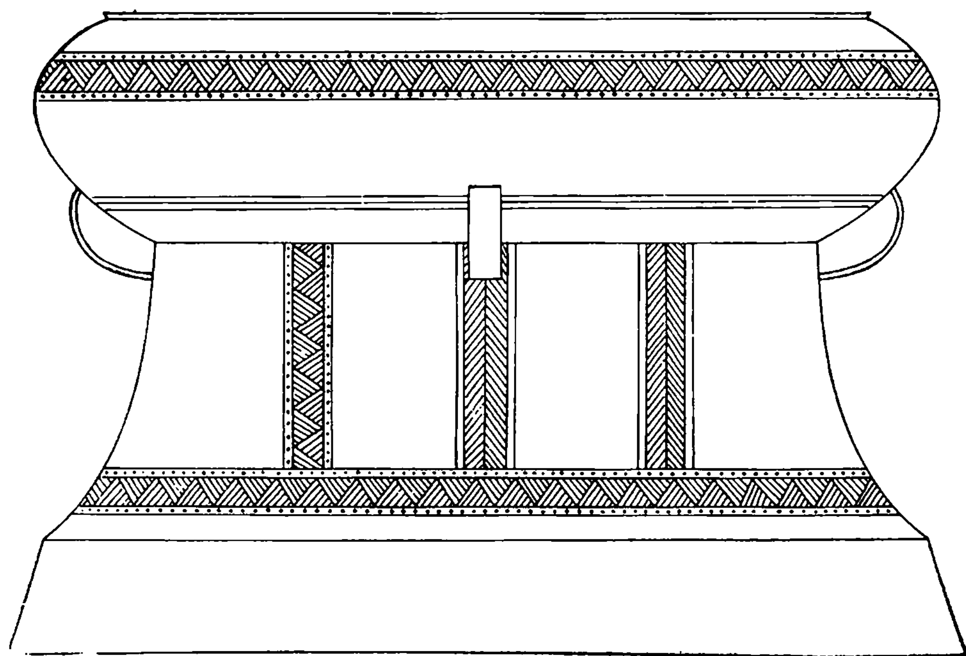
Hình mặt trống. Tỉ lệ : 1/2

XXXVII — TRỐNG ĐÔNG SƠN II

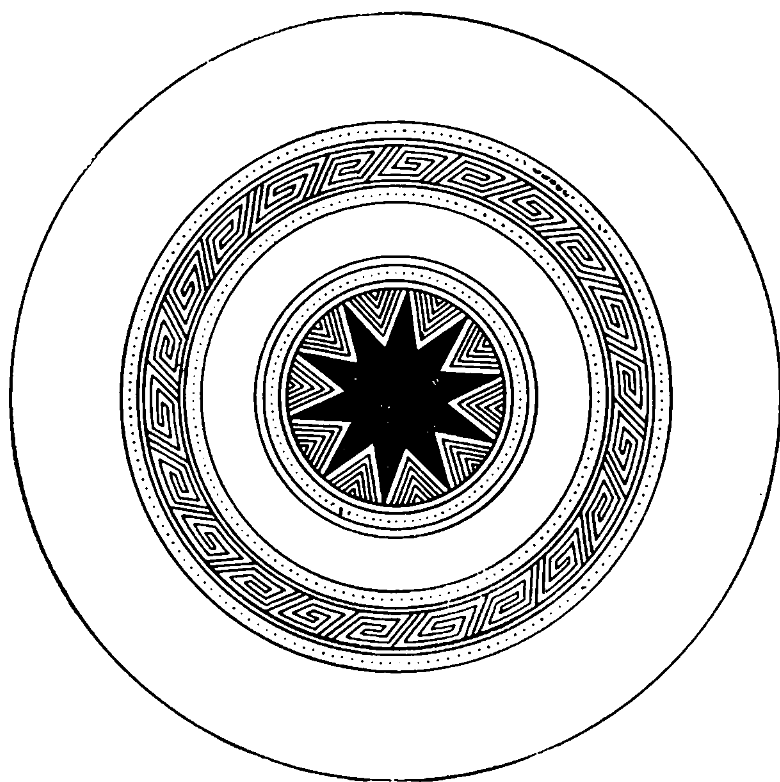


Hình dáng trống. Tỉ lệ : 1/2

XXXVIII — TRỐNG ĐÔNG SƠN III

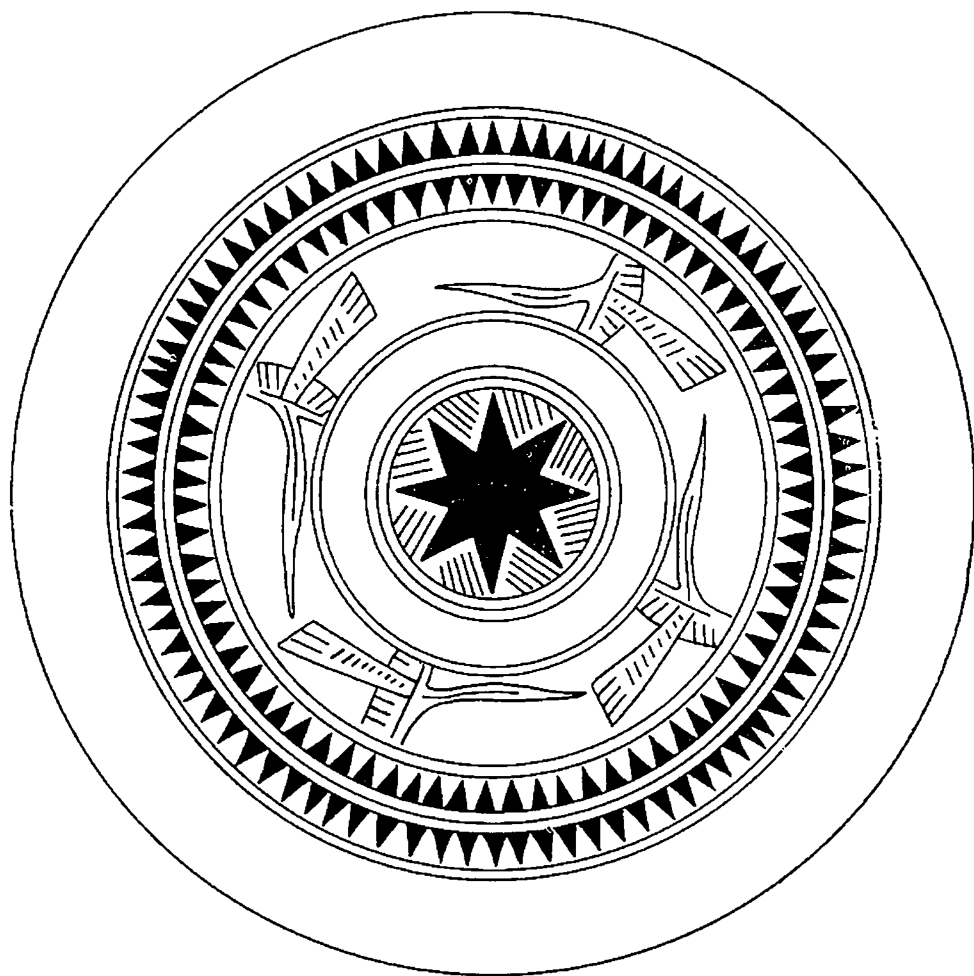


Hình dáng trống. Tỉ lệ : 1/2



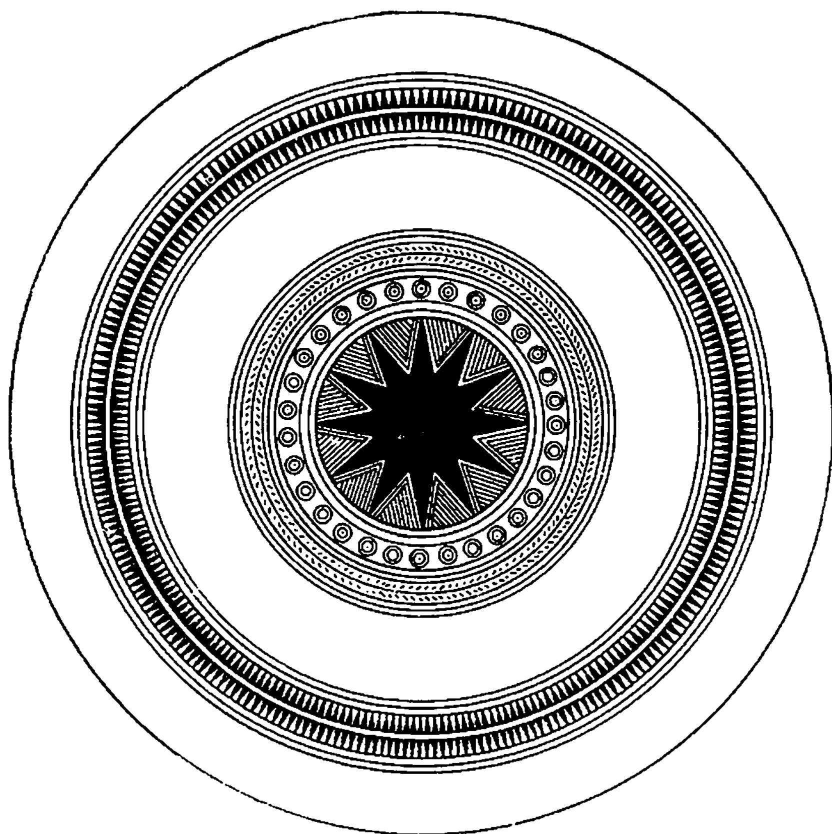
Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/2

XXXIX — TRỐNG ĐÔNG SƠN IV



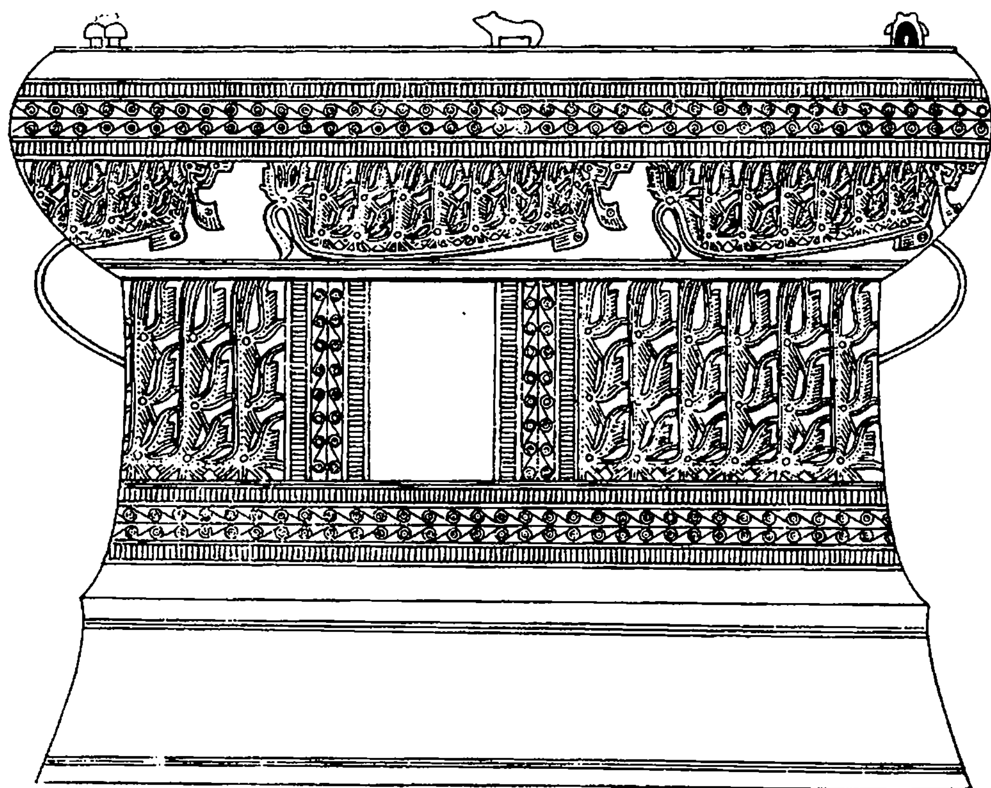
Hình mặt trống. Tỉ lệ : 1/2

XL — TRỐNG ĐÀO THỊNH

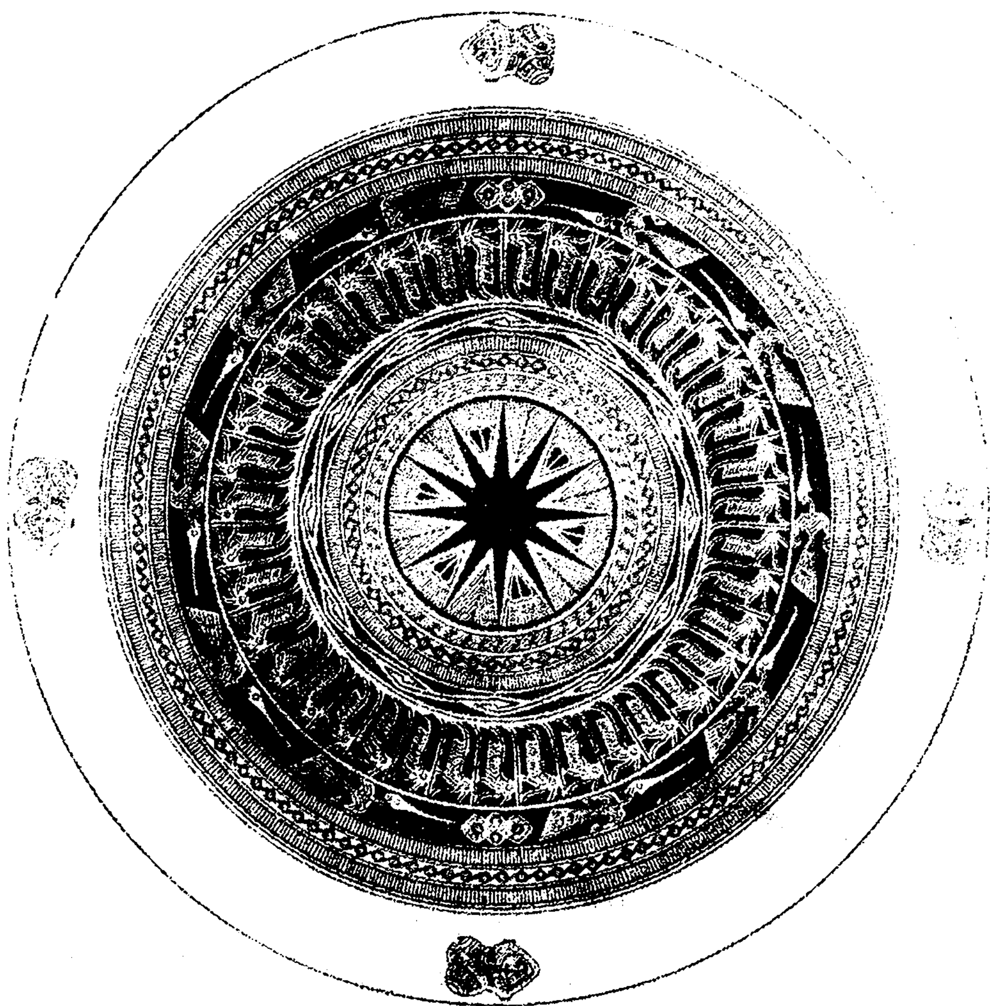


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/4

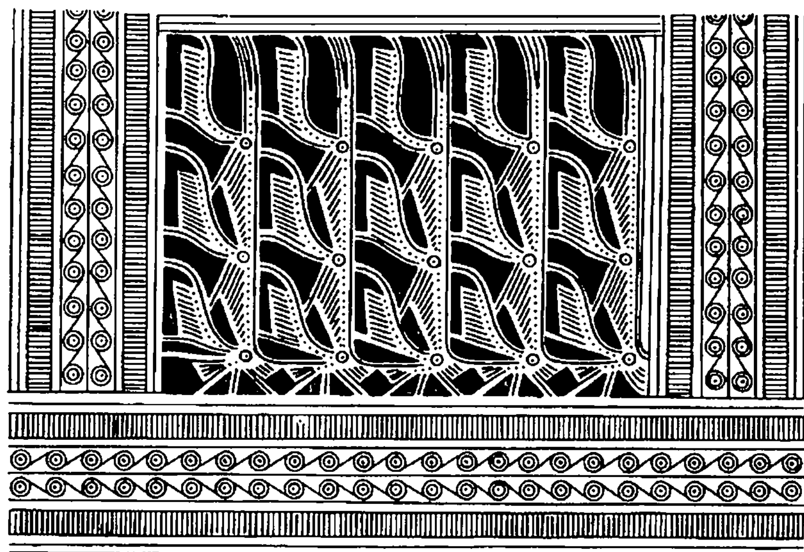
XLI — TRỐNG HỮU CHUNG

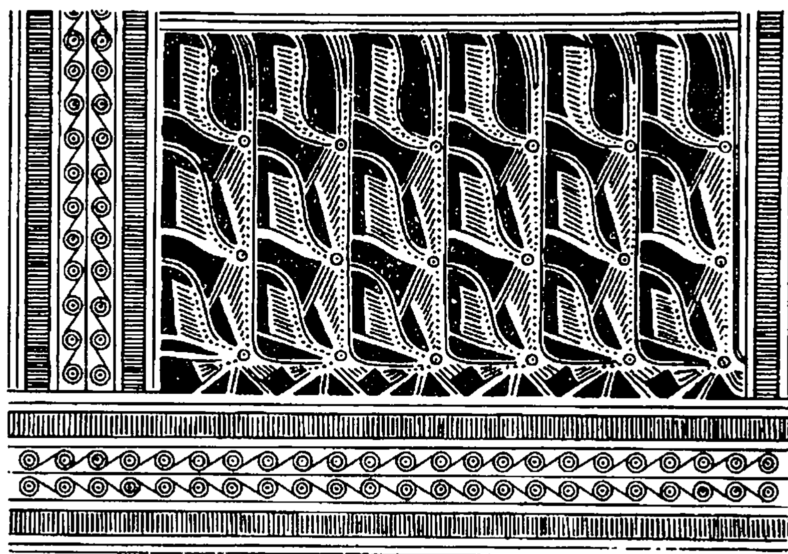


Hình dáng trống. Tỉ lệ: 1/6

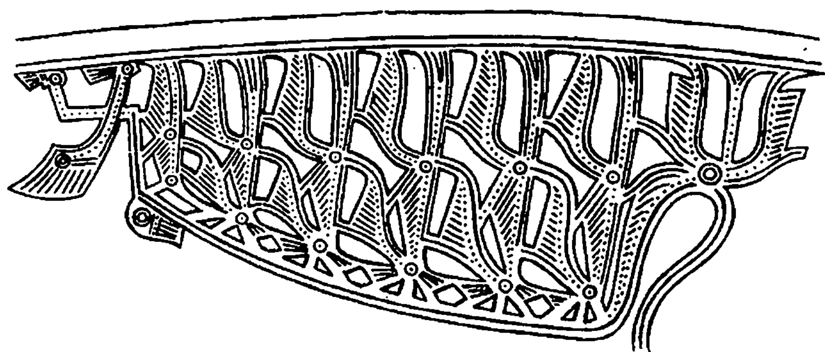


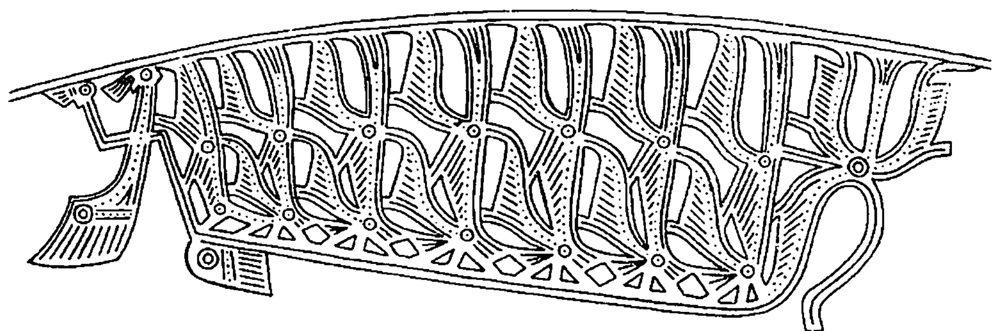
Hình mặt trống. Tỉ lệ : 1/6

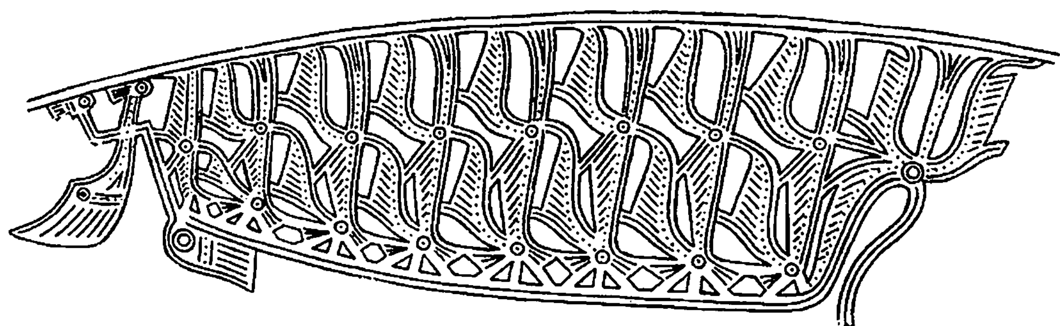




1 — 2 Hình chim cách điệu. Tỉ lệ : 1/3

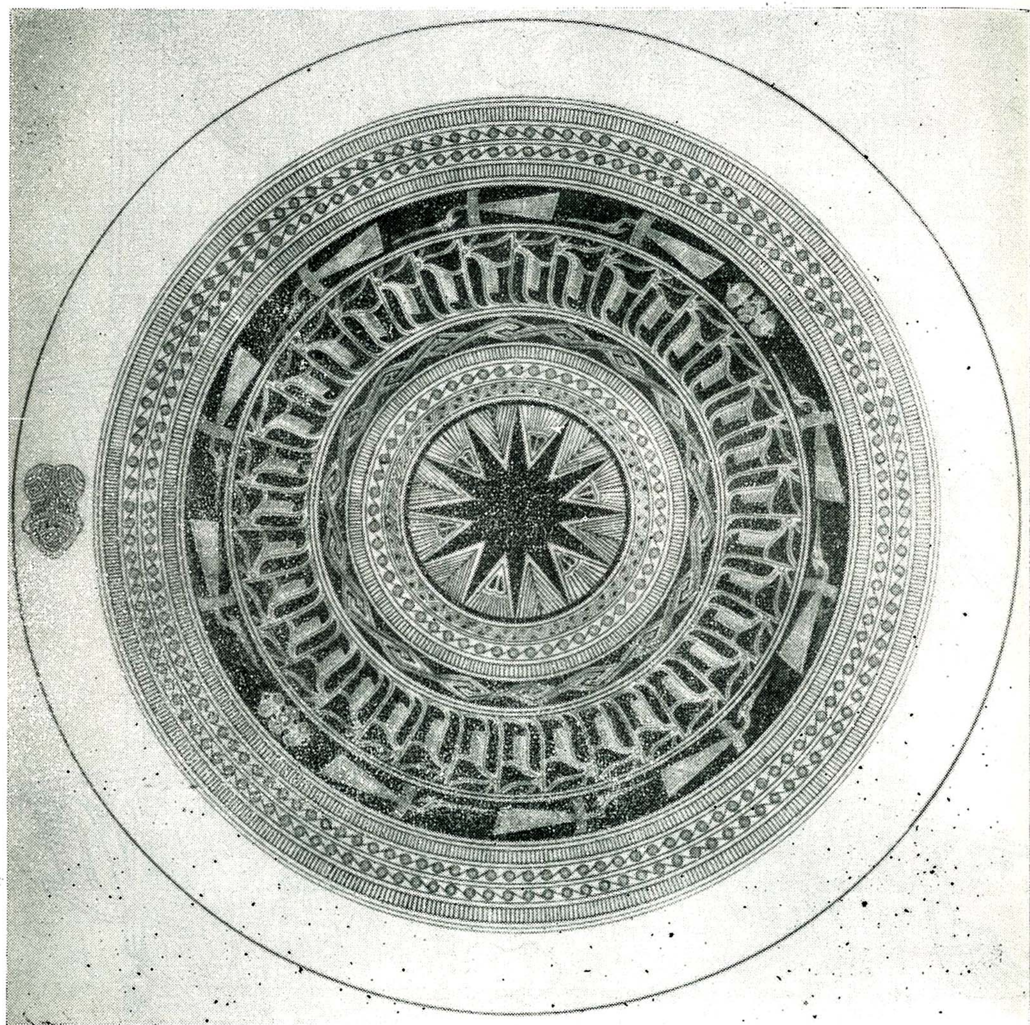






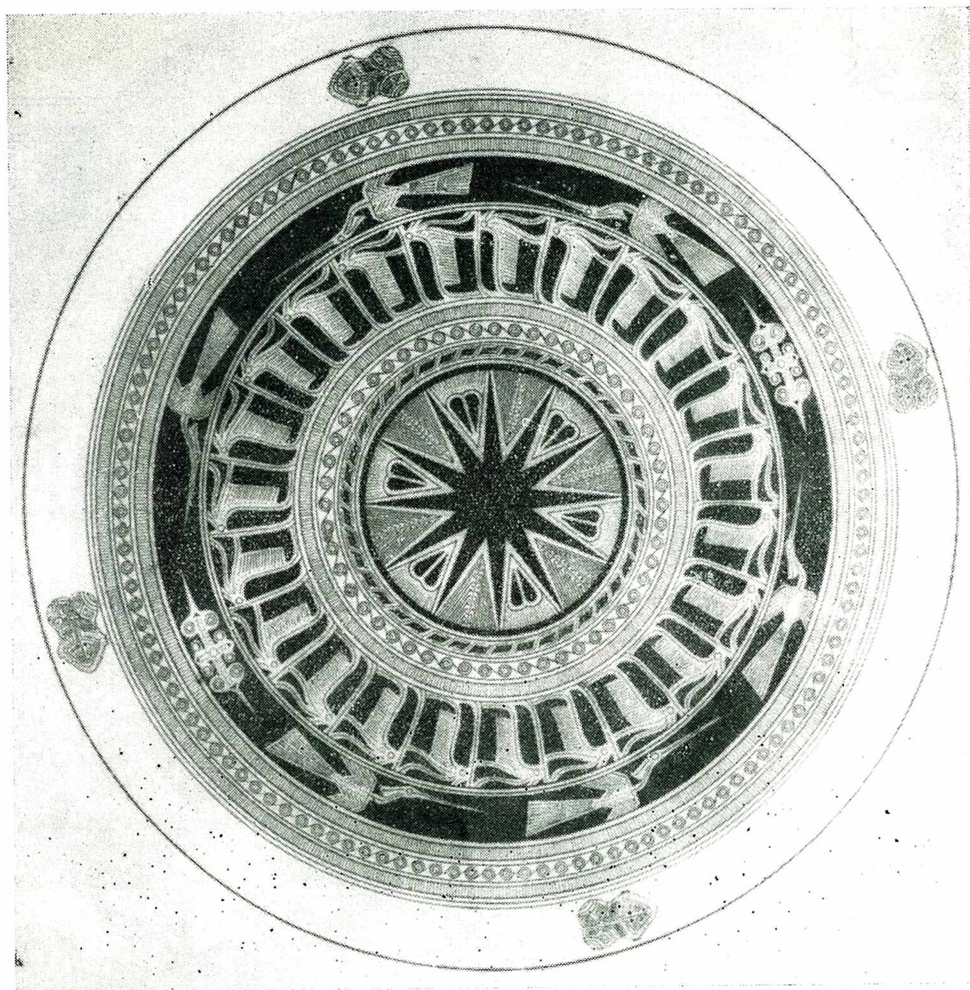
1 — 3 Hình thuyền. Tỉ lệ: 1/3

XLII — TRỐNG ĐỒNG HIẾU



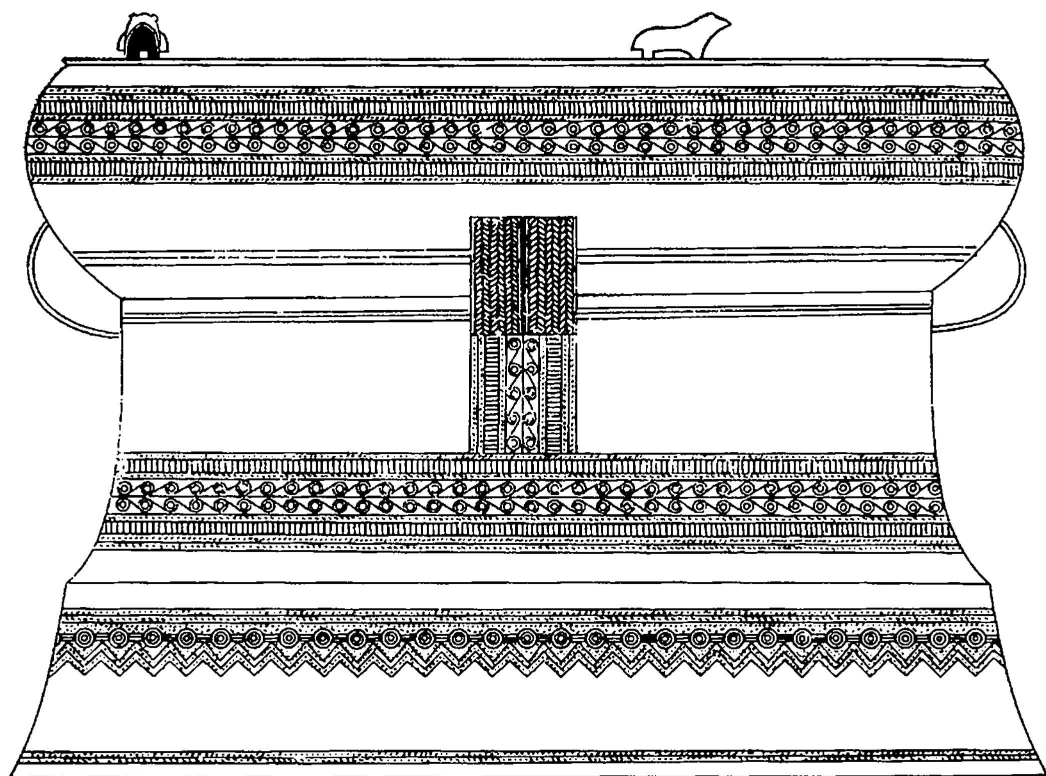
Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/6

XLIII – TRỐNG ĐA BÚT

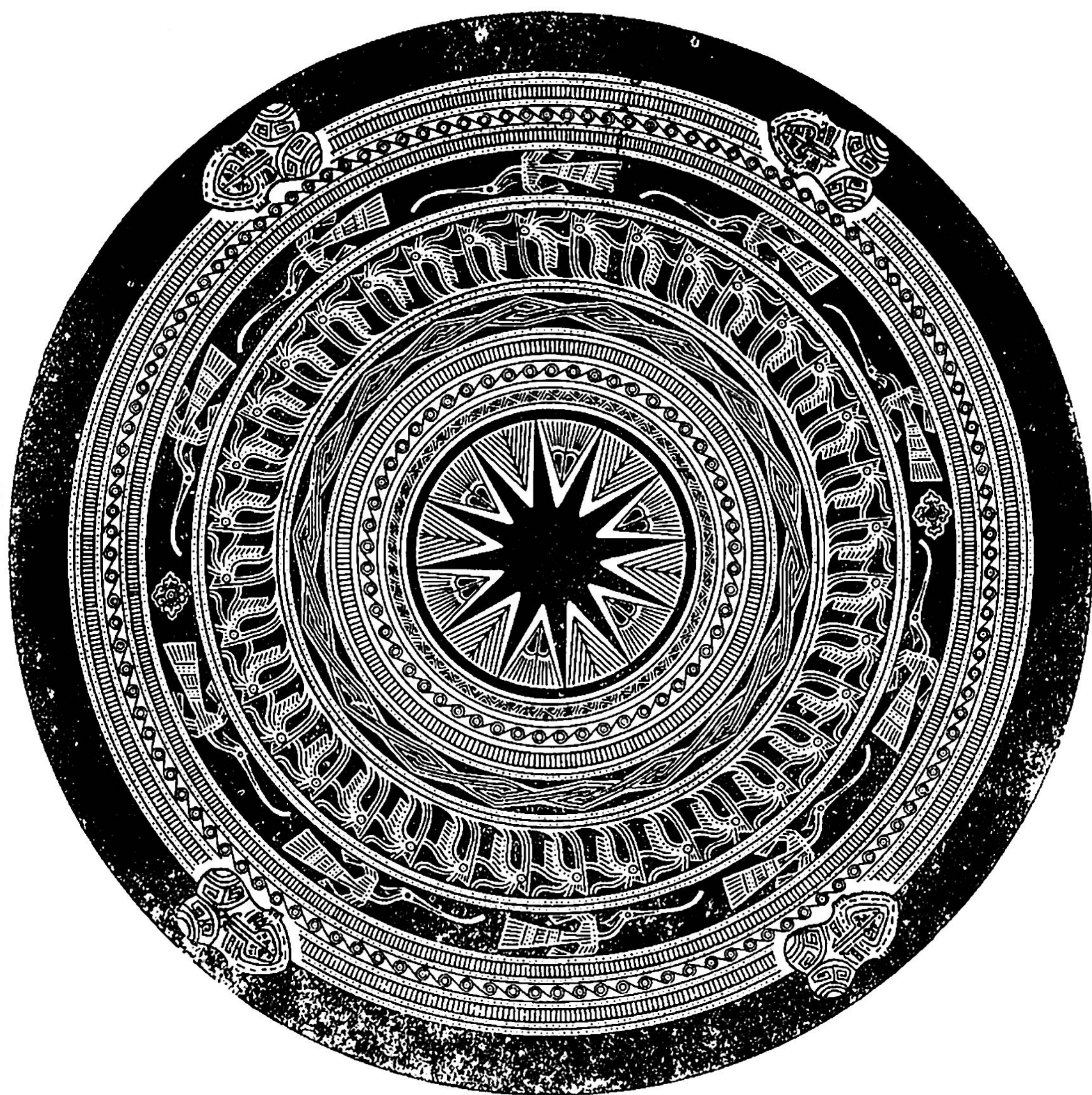


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/3

XLIV — TRỐNG PHÚ PHƯƠNG I

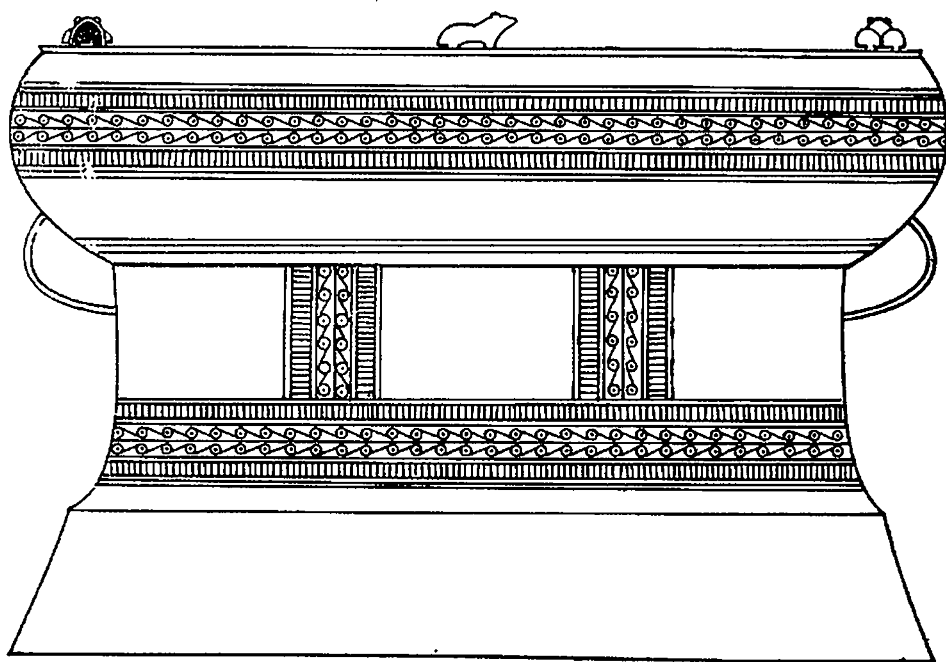


Hình dáng trống. Tỉ lệ : 1/4



Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/4

XLV — TRỐNG PHÚ PHƯƠNG II

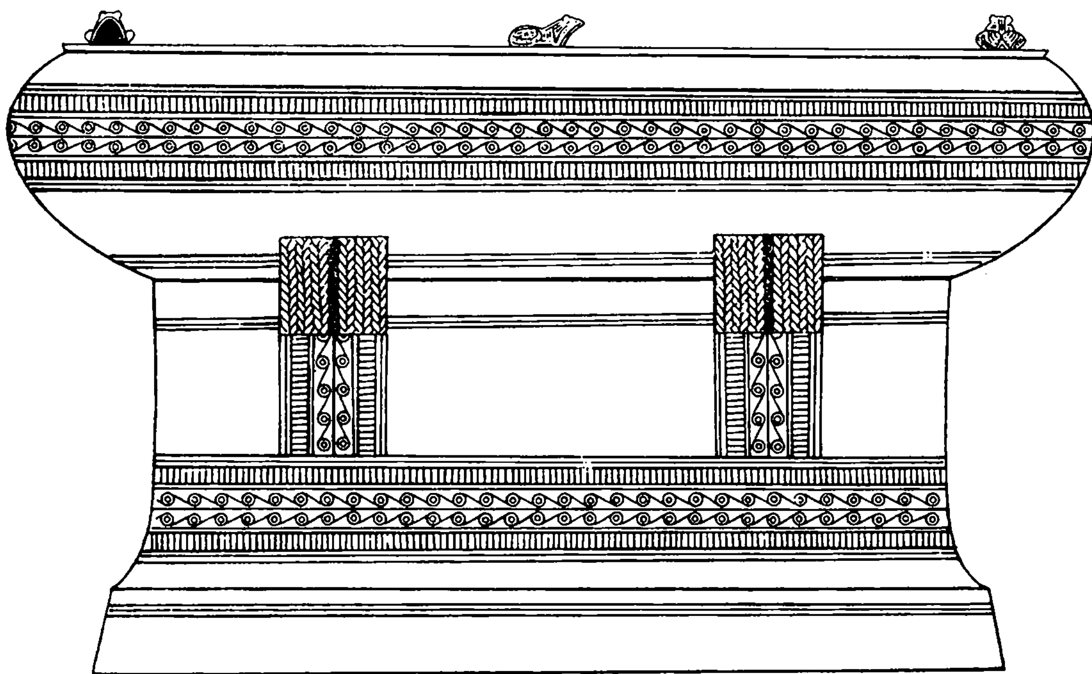


Hình dáng trống. Tỉ lệ: 1/6

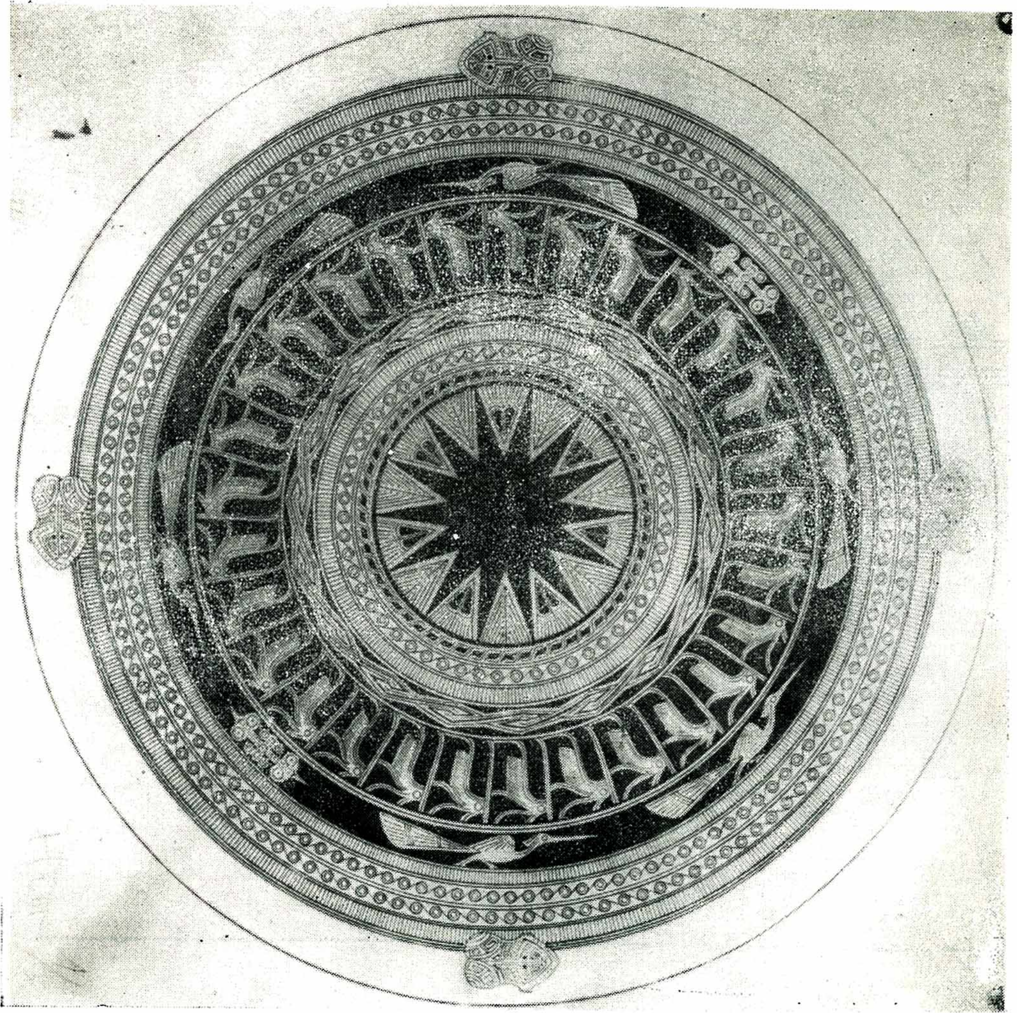


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/6

XLVI — TRỐNG NÔNG CỐNG

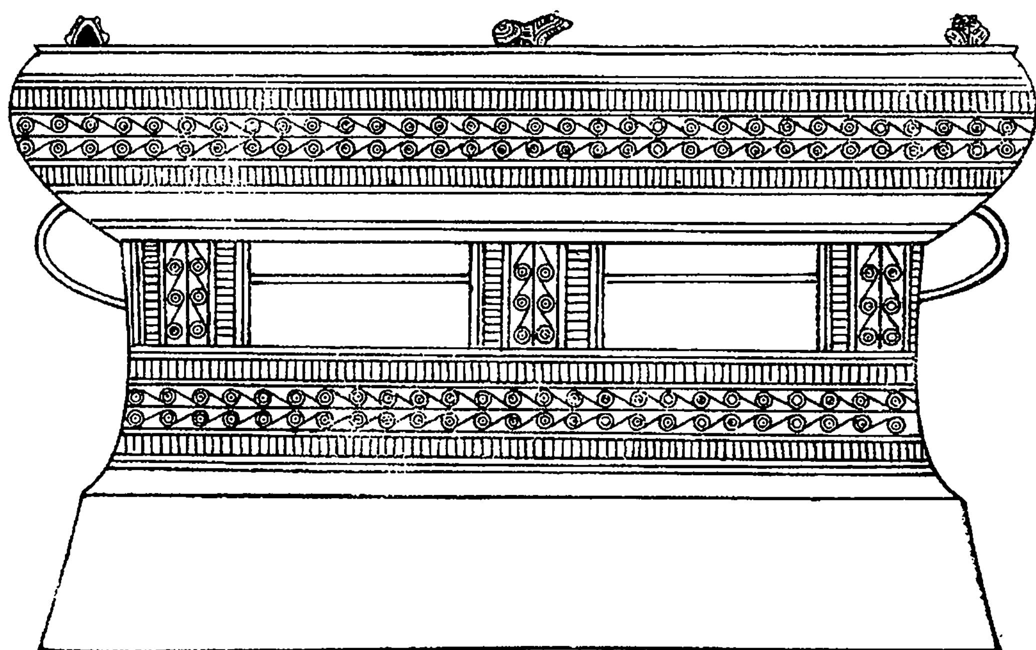


Hình dáng trống. Tỉ lệ: 1/4

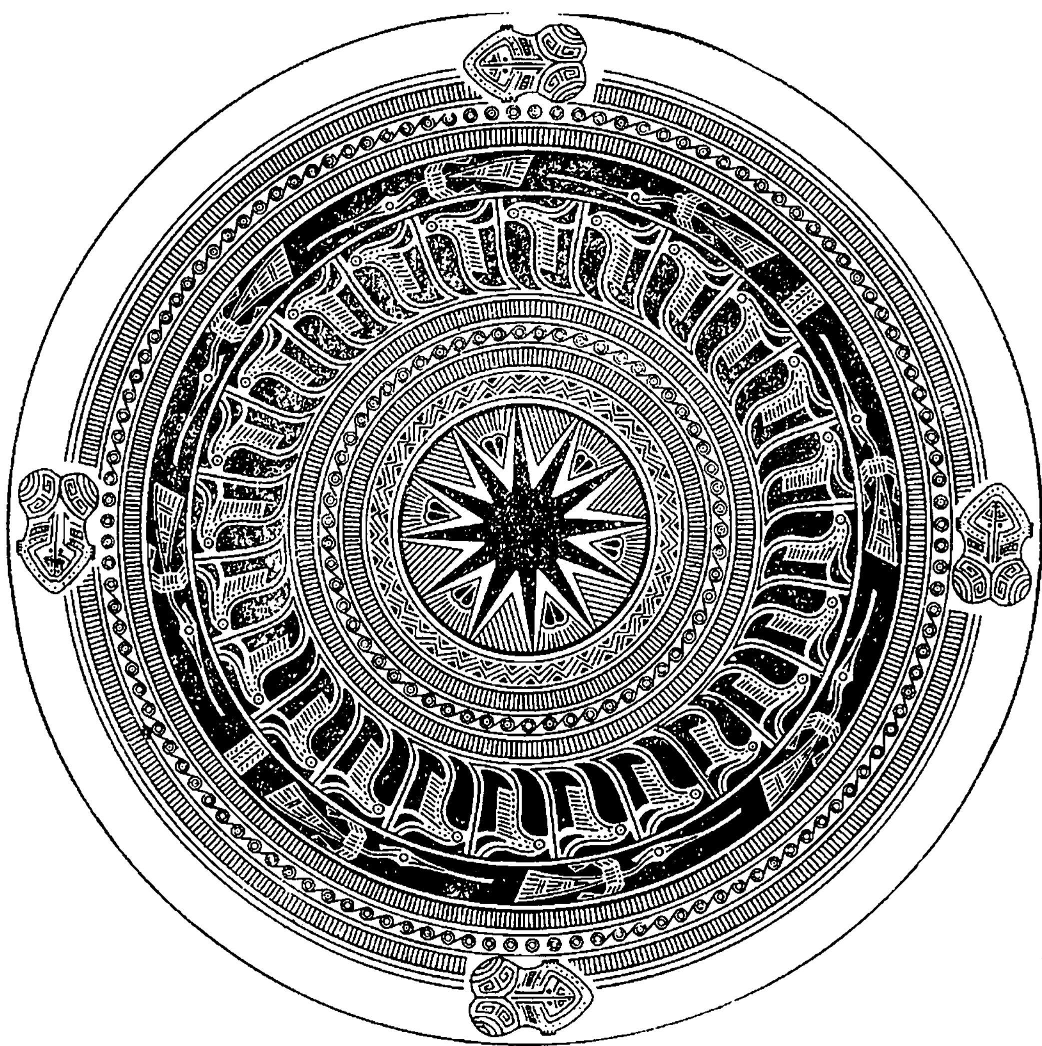


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/4

XLVII — TRỐNG THÒN BÙI

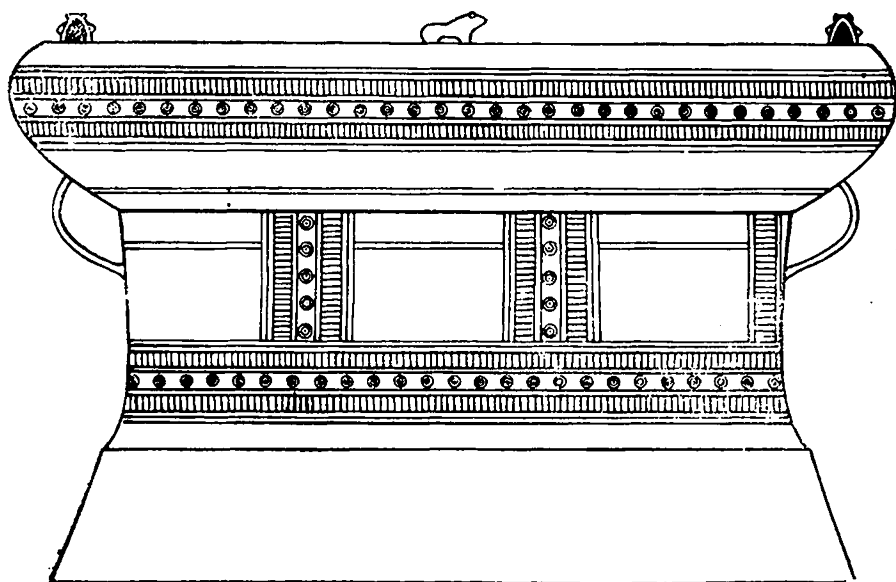


Hình dáng trống. Tỉ lệ : 1/5

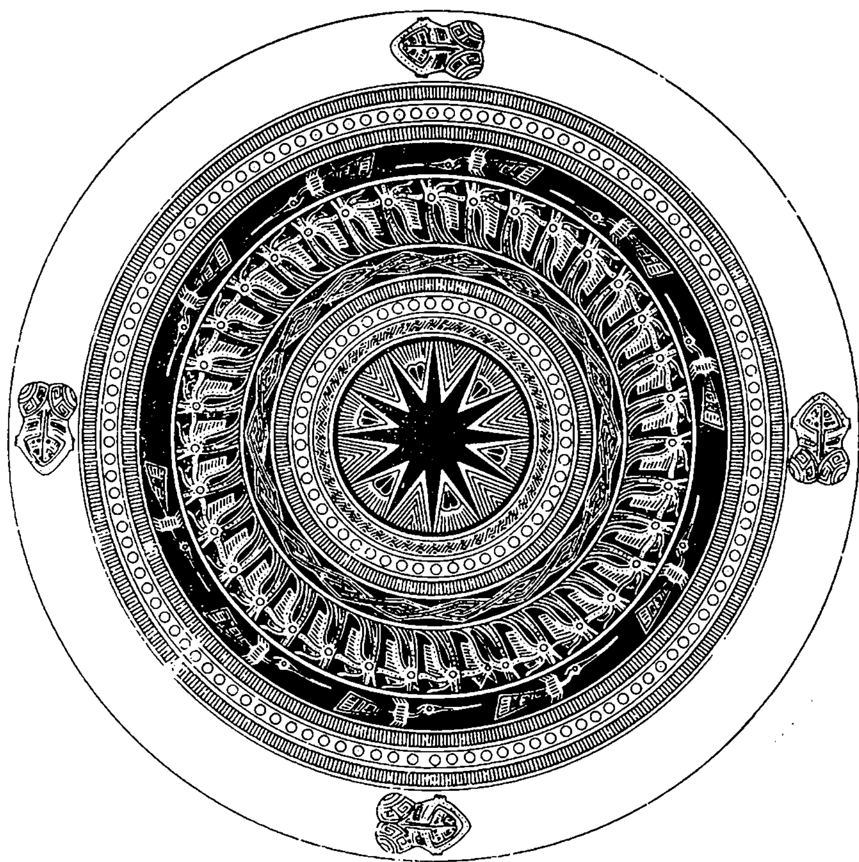


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/4

XLVIII — TRONG CHỢ BỜ

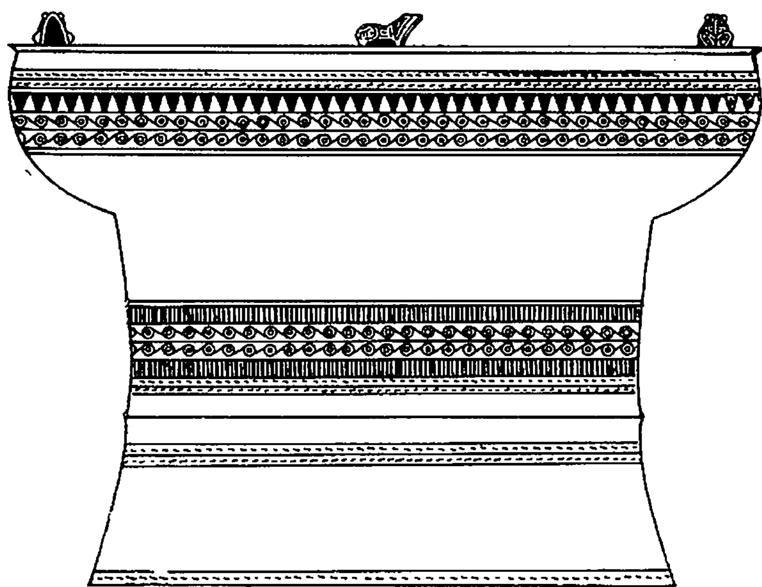


Hình dáng trống. Tỉ lệ: 1/6

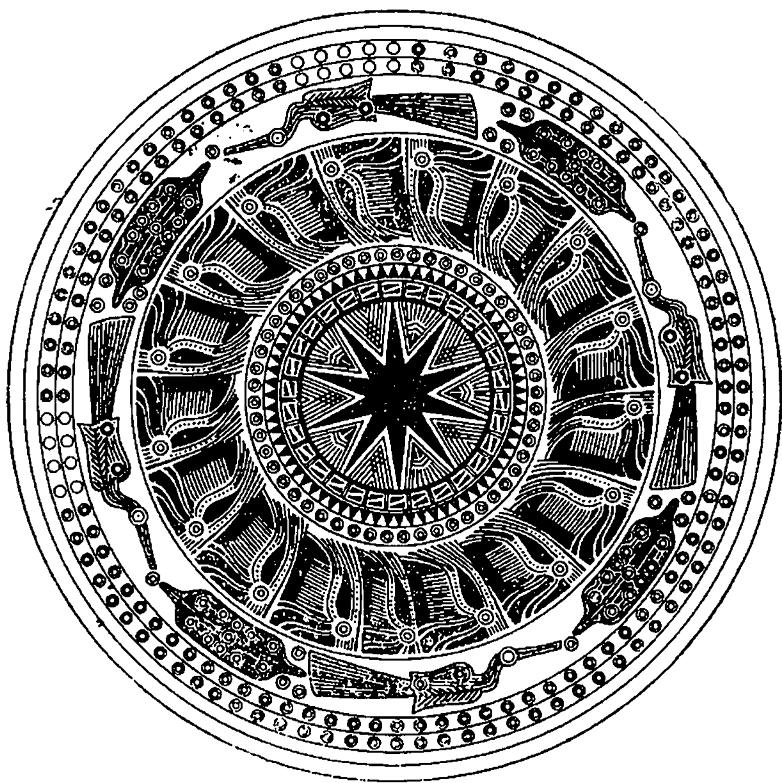


Hình mặt trống. Tỉ lệ : 1/6

XLIX — TRỐNG ĐẮC-GLAO

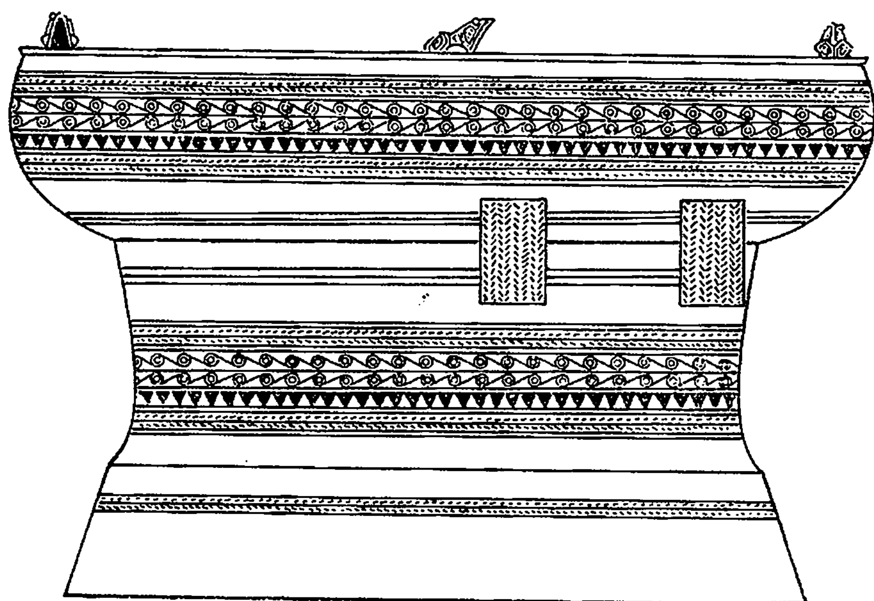


Hình dáng trống. Tỉ lệ: 1/3

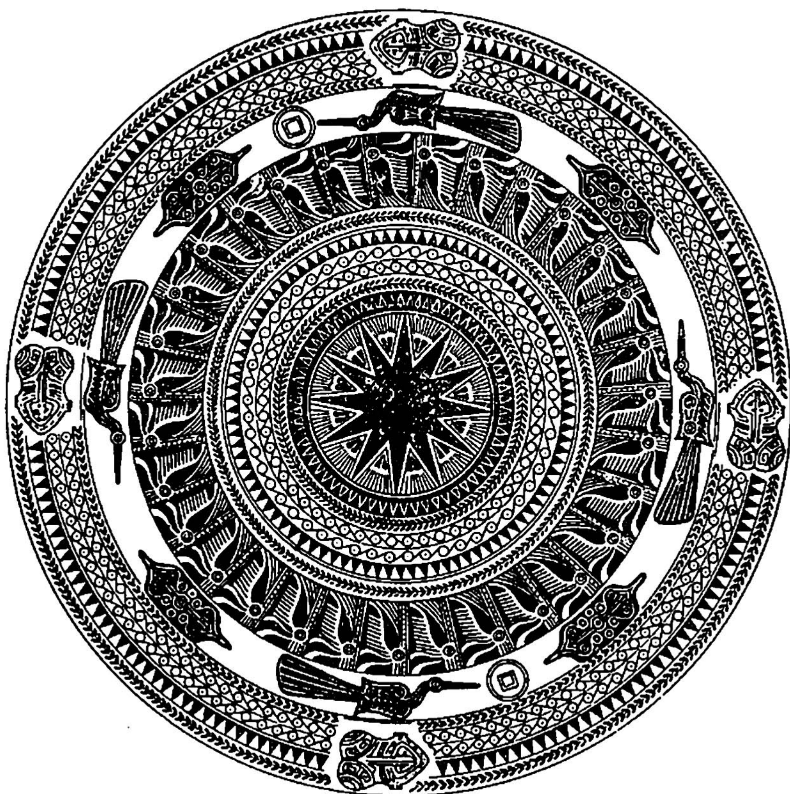


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/3

L — TRỐNG THÔN MỐNG



Hình dáng trống. Tỉ lệ : 1/4



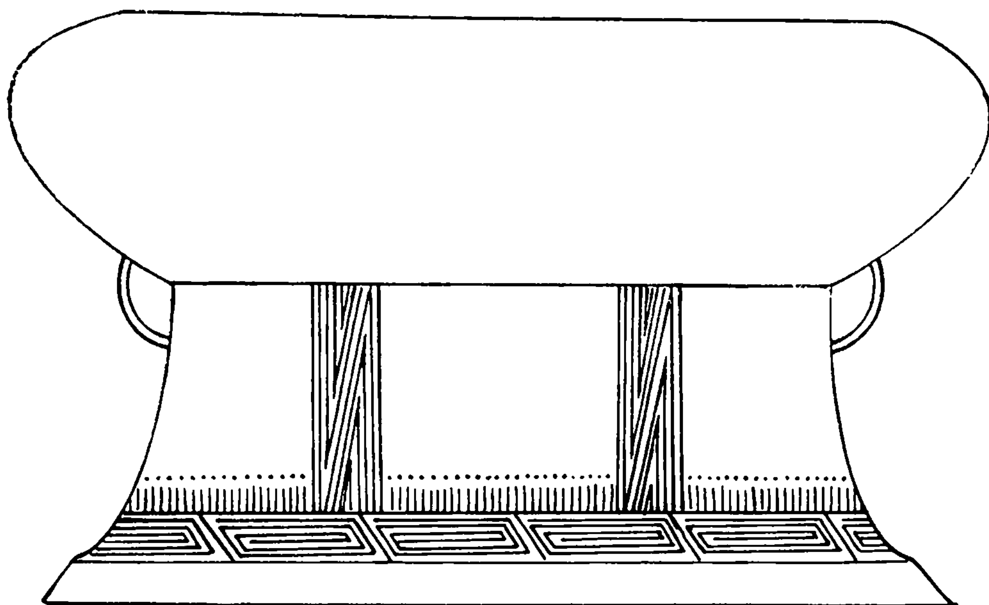
Hình mặt trống. Tỉ lệ : 1/4

LI — TRỐNG HÀNG BÚN

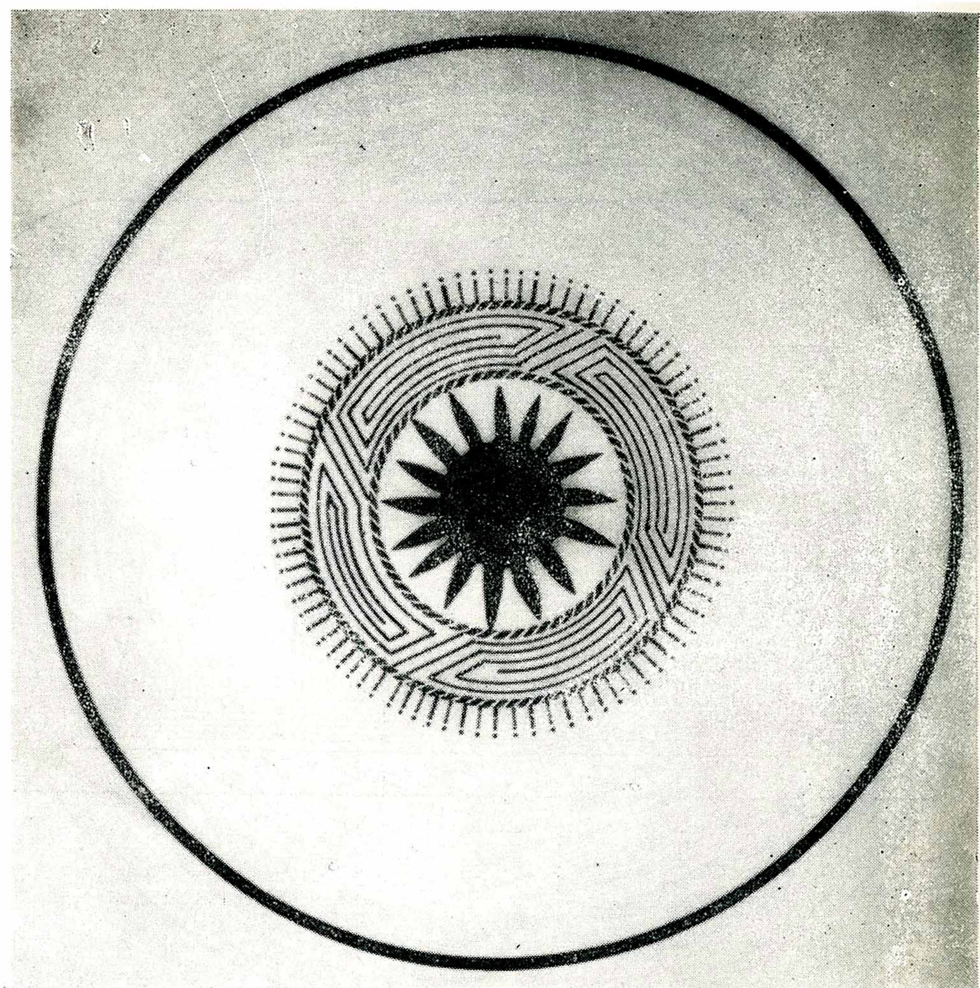


Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/2

LII — TRỐNG TÙNG LÂM

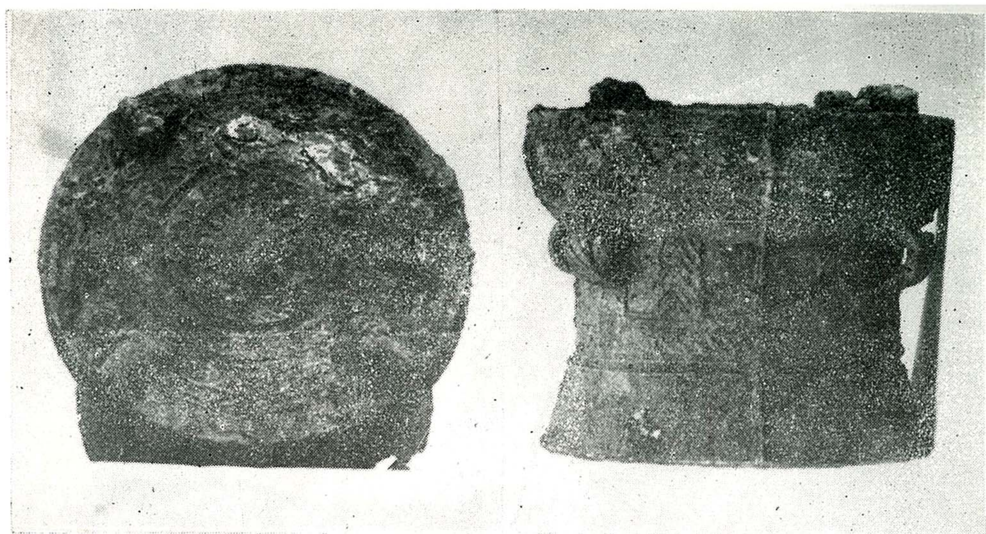


Hình dáng trống. Tỉ lệ : 1/4

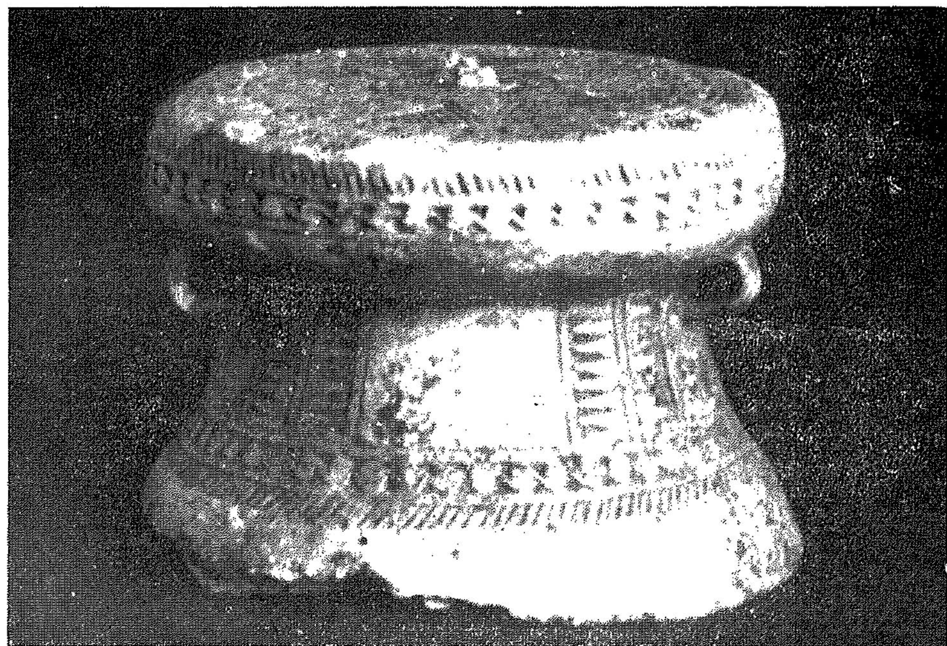


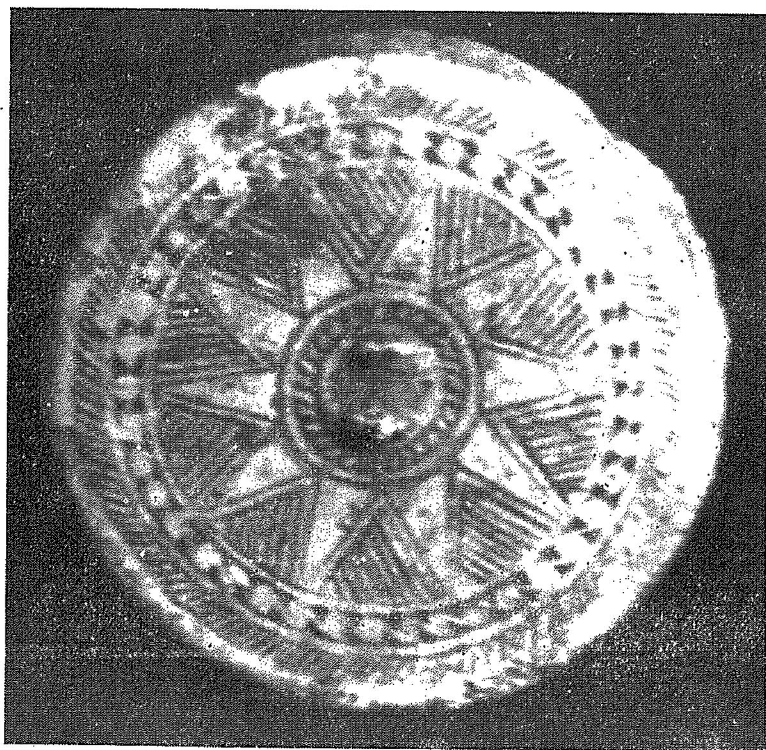
Hình mặt trống. Tỉ lệ: 1/3

CÁC TRỐNG MINH KHÍ



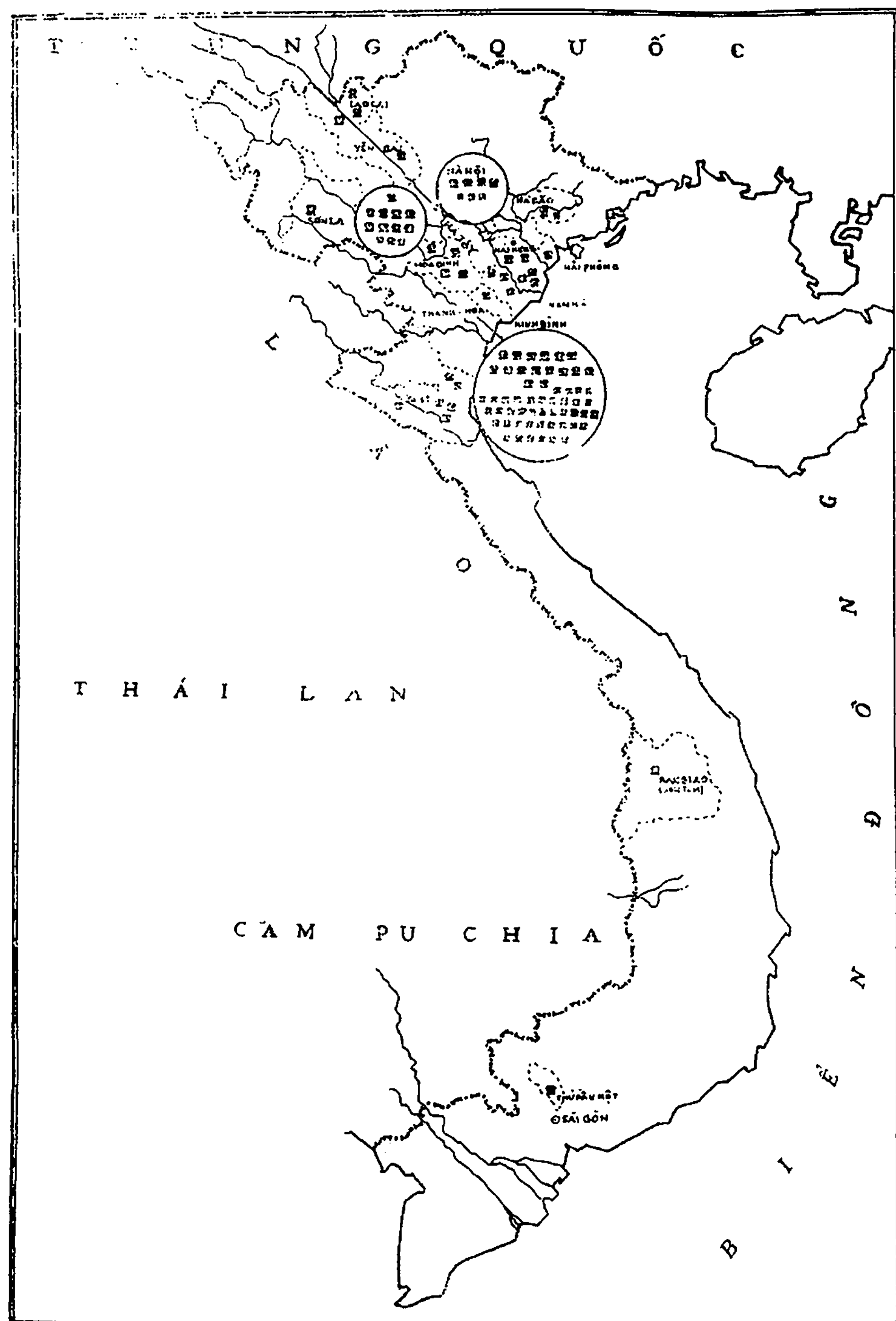
Một số trống minh khí tìm được khu mộ táng Đông Sơn Thanh Hóa





Trống minh khí tìm được ở di chỉ làng Vạc Nghệ-an

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN Ở VIỆT NAM
Tỉ lệ 14.5cm



BẢNG THỐNG KÊ NHỮNG HÌNH KHẮC VÀ HOA VĂN TRÊN CÁC TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN Ở VIỆT NAM

Số thứ tự	Tên trống	Kích thước			Số cánh sao	Họa tiết trang trí giữa các cánh sao				Nhóm hoa văn vòng tròn				Nhóm hoa văn đường gấp khúc						Các loại hoa văn khác				Những hình khắc trên trống đồng											Chú thích
		Đường kính mặt trống	Chiều cao thân trống	Tỷ số giữa ĐK và chiều cao		Hình lông công	Hình lông công đơn giản	Hình chữ V ngược lồng nhau	Hình chữ V ngược và hình lông công xen kẽ	Hình vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến	Hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến	Hình xoắn ốc và vòng tròn đồng tâm	Hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa không tiếp tuyến	Hình hồi văn	Hình quả trám xoắn ốc và vòng tròn chấm giữa	Hình chữ S gẫy khúc nối tiếp	Hình ô trám	Hình chữ M lồng nhau	Hình răng cưa	Họa tiết vạch thẳng song song	Họa tiết hình bông lúa	Họa tiết hình trâm	Họa tiết hình chim cánh điệu	Hình nhà sàn	Hình nhà cầu mùa	Số hình thuyền trên tang trống	Cảnh đánh trống	Cảnh giã gạo	Hình người trên mặt và thân trống	Số hình thú kỳ dị	Số hình bò trên thân trống	Số hình hươu trên mặt trống	Số hình cóc trên mặt trống	Số hình chim trên mặt và thân trống	
1	Ngọc Lũ I	79	63	1,3	14	+				+						+			+					+	+	6	+	+	+			20		50	
2	Hoàng Hạ	79	61,5	1,3	16	+				+		+				+			+					+	+	6	+	+	+					34	
3	Sông Đà	78	61	1.2	14	+				+				+	+	+			+					+	+	8	+	+	+					24	
4	Khai Hóa	65	53	1.2	12	+				+				+	+	+			+					+	+	6	+		+					24?	
5	Bản Thôm	57	37,5	1.5	12	+							+						+						+	6			+					8	
6	Quảng Xương	36.5	29	1.3	8			+		+										+				+		6			+					6	
7	Miếu Môn	72	48	1.5	14	+				+		+				+			+							6			+	8		8		32	
8	Vũ Bị	72.5	60	1.2	14?					+						+				+						6			+					22	
9	Đồi Ro	43	33	1,3	16			+					+						+							4			+		8			12	
10	Làng Vạc I	37.7	27,3	1,3	12			+		+	+		+						+							4			+		8			4	
11	Làng Vạc II	34.5	25,6	1.3	10			+											+							4			+					6	
12	Pha Long	73			16			+		+									+							2			+					19	
13	Phù Xuyên	53	42	1,3	14			+											+		+					2			+	4				12?	
14	Hòa Bình	49,5	36	1,3	12	+					+		+			+			+										+	4				16	
15	Duy Tiên	56	?		12		+			+	+									+														18	
16	Yên Tập	65	53	1,2	12		+			+						+				+														14	
17	Ngọc Lũ II	49,5	39	1,3	12		+			+										+														4	
18	Phú Duy	51	43	1,2	12	+				+						+				+														4	
19	Núi Gôi	62,8	51	1,2	12	+				+						+				+														4	
20	Việt Khê	23			8			+																										5?	
21	Làng Vạc III	56	48,5	1,1	12		+			+						+				+														4	
22	Làng Vạc IV	27.8	23,2	1,1	8														+															4	
23	Định Công I	60			12				+	+						+				+														6	
24	Định Công II	44			12				+	+										+														4	
25	Định Công III	39			8			+		+										+														4	
26	Cửu Cao	53,7	44,4	1,2	12		+			+				+						+														4	
27	Mật Sơn	80			12	+					+					+				+														7	
28	Thiết Cương	57,5	45	1.2	12				+	+						+				+														6	
29	Phương Tú	44,3	37,5	1,2	10			+		+										+														4	
30	Pắc Tà	35.5			8			+		+									+															4	
31	Giáo Tất	21 3	17,5	1.2	10			+											+															4	
32	Bình Phủ	46	31	1.5	10			+		+										+														4	
33	Hà Nội	59,3	32	1.8	10				+	+										+														6	
34	Hoàng Vinh	40			8				+	+						+				+														4	
35	Vĩnh Ninh	62	41,5	1.5	12				+	+						+				+														6	
36	Đông Sơn I	31,5	28	1.1	8			+		+										+														4	
37	Đông Sơn II	29	24,5	1.1	7.																													?	
38	Đông Sơn III	23	21	1.1	10			+						+																				0	
39	Đông Sơn IV	29	24	1,2	8			+											+															4	
40	Đào Thịnh	49			12			+					+						+	+	+													0	
41	Hữu Chung	82	67	1.2	12				+		+						+	+		+		+	+			6							4	10	
42	Đông Hiếu	90			12				+		+						+	+		+		+	+										4	10	
43	Đa Bút	50			12				+		+					+				+		+	+										4	6	
44	Phú Phương I	67,6	41,5	1.7	12				+		+						+	+		+		+	+										4	10	
45	Phú Phương II	78.9	53,5	1.4	12				+								+			+		+	+										4	8	
46	Nông Cống	60	38	1.6	14				+		+					+	+			+		+	+										4	6	
47	Thôn Bùi	68	43	1.6	12				+		+							+		+		+	+										4	8	
48	Chợ Bờ	76	48	1.5	12				+		+					+	+			+		+	+										4	10	
49	Đắc-glao	34	24	1.4	10				+		+					+			+			+	+										4	4	
50	Thôn Mống	50	29	1.7	12	+					+								+		+	+	+										4	4	
51	Hàng Bùn	32			12				+	+							+	+		+		+												8	
52	Tùng Lâm	52	38	1,3	16																													0	

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	5
PHẦN THỨ NHẤT	
Mở đầu.	9
PHẦN THỨ HAI	
Khảo tả những trống đồng Đông Sơn đã phát hiện trên đất Việt Nam.	21
PHẦN THỨ BA	
Trống đồng Đông Sơn và những hình thái sinh hoạt của người Lạc Việt.	109
KẾT LUẬN	133
PHỤ LỤC	
— Tài liệu tham khảo.	137
— Bảng chữ viết tắt.	145
— Các bản thống kê.	146
— Ảnh và các bản vẽ.	166
— Bản đồ phân bố trống đồng Đông Sơn ở Việt Nam.	291

SOMMAIRE

	Page
Préface	5
PREMIÈRE PARTIE	
Introduction	9
DEUXIÈME PARTIE	
Descriptions des tambours de bronze « Đông sơn » trouvés sur le territoire du Việt Nam.	21
TROISIÈME PARTIE	
Les tambours de bronze « Đông sơn » et les différents aspects de vie des Lạc Việt.	109
CONCLUSIONS	133
APPENDICE	
— Références.	137
— Abréviations.	145
— Tableaux statistiques.	146
— Photographies et desstns	166
— Carte indiquant la répartition des tambours de bronze « Đông sơn » sur le territoire du Việt Nam	291

Ảnh: NGUYỄN VĂN TUẤT

Bản vẽ: TRỌNG TUẤN

TRỊNH CĂN — THÀNH TÔ

Bìa: THÀNH TÔ

In 4.000 cuốn tại Nhà máy in Tiến bộ — Hà nội. Khổ 18.5 × 26. Số in 158.
Số XB:... Xong ngày 15 tháng 12 năm 1975. Gửi lưu chiểu tháng 12-1975.